

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
CÔNG TY CỔ PHẦN**

**Mã số doanh nghiệp: 0400101556**

*Đăng ký lần đầu: ngày 30 tháng 01 năm 2007*

*Đăng ký thay đổi lần thứ: 24, ngày 19 tháng 06 năm 2023*

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: TÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY HÒA THỌ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HOA THO TEXTILE - GARMENT JOINT STOCK CORPORATION

Tên công ty viết tắt: HOA THO CORPORATION

**2. Địa chỉ trụ sở chính**

36 Ông ích Đường, Phường Hoà Thọ Đông, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Điện thoại: 0236.3846290-3670295

Fax: 0236.3846216

Email: office@hoatho.com.vn

Website:

**3. Vốn điều lệ**

Vốn điều lệ: 360.027.080.000 đồng.

*Bằng chữ: Ba trăm sáu mươi tỷ không trăm hai mươi bảy triệu không trăm tám mươi nghìn đồng*

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 36.002.708

Ngày 19-06-2023

**4. Người đại diện theo pháp luật của công ty**

\* Họ và tên: NGUYỄN VĂN HẢI **PHÓ TRƯỞNG PHÒNG** Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 12/12/1965

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 035065005943

Ngày cấp: 28/06/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Tổ 41, Phường Hoà Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 03 Dương Bá Trạc, Phường Hoà Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam



**ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG  
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN  
DỆT MAY HOÀ THỌ**

THÁNG 6 NĂM 2023



**MỤC LỤC**

**CHƯƠNG I :**

**ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ**

Điều 1: Định nghĩa..... 5.

**CHƯƠNG II :**

**TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN  
VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY**

Điều 2 : Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Tổng Công ty ..... 7

**CHƯƠNG III :**

**MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG, QUYỀN  
VÀ NGHĨA VỤ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY**

Điều 3 : Mục tiêu hoạt động của Tổng Công ty ..... 8.

Điều 4 : Phạm vi kinh doanh và hoạt động..... 9.

Điều 5 : Quyền và nghĩa vụ của Tổng Công ty ..... 9.

**CHƯƠNG IV :**

**VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CHỨNG CHỈ CỔ PHIẾU VÀ CHỨNG KHOÁN,  
SỐ ĐĂNG KÝ CỔ ĐÔNG**

Điều 6 : Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập ..... 11

Điều 7 : Chứng nhận cổ phần ..... 12

Điều 8 : Chứng chỉ chứng khoán khác ..... 14

Điều 9 : Chuyển nhượng cổ phần ..... 14

Điều 10: Thu hồi cổ phần ..... 14

Điều 11: Phát hành trái phiếu ..... 15

Điều 12: Mua lại cổ phần..... 15

**CHƯƠNG V :**

**CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT**

Điều 13 : Cơ cấu tổ chức quản lý ..... 17

**CHƯƠNG VI :**

**CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG**

Điều 14 : Quyền của Cổ đông..... 19

Điều 15 : Nghĩa vụ của Cổ đông..... 22

Điều 16 : Đại hội đồng cổ đông.....	23
Điều 17 : Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	25
Điều 18 : Các đại diện được uỷ quyền.....	26
Điều 19 : Thay đổi các quyền.....	27
Điều 20 : Triệu tập ĐHĐCĐ, chương trình họp và thông báo họp ĐHĐCĐ.....	27
Điều 21 : Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	29
Điều 22 : Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.....	29
Điều 23 : Điều kiện để Nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua.....	31
Điều 24 : Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	32
Điều 25 : Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	34
Điều 26 : Yêu cầu huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	35

### **CHƯƠNG VII :**

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Điều 27 : Thành phần và nhiệm kỳ HĐQT.....	35
Điều 28 : Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT.....	37
Điều 29 : Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐQT.....	39
Điều 30 : Các cuộc họp HĐQT.....	40
Điều 31: Thường trực Hội đồng quản trị và các tiểu ban của HĐQT.....	44

### **CHƯƠNG VIII :**

#### **TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH,**

#### **CÁN BỘ ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ THƯ KÝ TỔNG CÔNG TY**

Điều 32 : Tổ chức bộ máy quản lý.....	47
Điều 33 : Cán bộ điều hành.....	47
Điều 34 : Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc.....	47
Điều 35 : Người phụ trách quản trị Công ty.....	50

### **CHƯƠNG IX :**

#### **BAN KIỂM SOÁT**

Điều 36 : Thành viên Ban Kiểm soát.....	51
Điều 37 : Trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát.....	52
Điều 38 : Cuộc họp của Ban Kiểm soát.....	54
Điều 39 : Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên của BKS.....	55

**CHƯƠNG X :**

**NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,  
CÁN BỘ ĐIỀU HÀNH KHÁC CỦA TỔNG CÔNG TY**

Điều 40 : Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi .....	55
Điều 41 : Công khai các lợi ích liên quan.....	56
Điều 42 : Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường .....	57

**CHƯƠNG XXI :**

**QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TỔNG CÔNG TY**

Điều 43 : Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	58
--	----

**CHƯƠNG XII :**

**CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN TỔNG CÔNG TY**

Điều 44 : Công nhân viên và công đoàn.....	59
--	----

**CHƯƠNG XIII :**

**PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

Điều 45 : Phân phối lợi nhuận .....	59
-------------------------------------	----

**CHƯƠNG XIV :**

**TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ,  
NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN**

Điều 46 : Tài khoản ngân hàng .....	60
Điều 47 : Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ .....	60
Điều 48 : Năm tài chính.....	60
Điều 49 : Chế độ kế toán .....	60

**CHƯƠNG XV :**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN,  
THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG**

Điều 50 : Báo cáo năm, bán niên và quý .....	61
Điều 51 : Báo cáo thường niên .....	61

**CHƯƠNG XVI :**

**KIỂM TOÁN CÔNG TY**

Điều 52 : Kiểm toán.....	61
--------------------------	----

**CHƯƠNG XVII :**

**CON DẤU**

Điều 53 : Con dấu .....	62
-------------------------	----

**CHƯƠNG XVIII :**

**CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ**

Điều 54 : Chấm dứt hoạt động.....	62
Điều 55 : Trường hợp bế tắc giữa các thành viên HĐQT và cổ đông.....	62
Điều 56 : Thanh lý .....	63

**CHƯƠNG XIX :**

**GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

Điều 57 : Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	64
---	----

**CHƯƠNG XX :**

**BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ**

Điều 58 : Bổ sung và sửa đổi điều lệ.....	64
---	----

**CHƯƠNG XXI :**

**NGÀY HIỆU LỰC**

Điều 59 : Ngày hiệu lực.....	65
------------------------------	----

## **PHẦN MỞ ĐẦU**

Điều lệ này của Tổng Công ty cổ phần Dệt May Hoà Thọ (dưới đây gọi tắt là “**Tổng Công ty**” hoặc “**Công Ty**”) là cơ sở pháp lý cho toàn bộ hoạt động của Tổng Công ty, được sửa đổi, bổ sung theo Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/06/2020 và Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019. Điều lệ, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị nếu đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với luật pháp liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

Điều lệ sửa đổi, bổ sung lần này nhằm phù hợp với thông lệ quản trị hiện đại theo Điều lệ mẫu đã được Bộ tài chính ban hành (theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán).

Điều lệ sửa đổi bổ sung này đã được thông qua theo Nghị quyết số 19/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ được tổ chức vào ngày 15 tháng 4 năm 2023 bao gồm 21 chương và 59 điều.

## **CHƯƠNG I**

### **ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ**

#### **Điều 1: Định nghĩa**

- 1.1 Trong Điều lệ này, trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những thuật ngữ sẽ có ý nghĩa như quy định dưới đây:
- a. “Vốn điều lệ” là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
  - b. “Cổ phần có quyền biểu quyết” là cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - c. “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;
  - d. “Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
  - e. “Ngày thành lập” có nghĩa là ngày mà Tổng Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu.
  - f. “Người quản lý doanh nghiệp” là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác được quy định trong Điều lệ này;

- g. “Người quản lý khác” của Tổng Công ty bao gồm Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc điều hành, Kế toán trưởng;
- h. “Cán bộ điều hành” là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc điều hành, Kế toán trưởng và các vị trí điều hành khác trong Tổng Công ty được Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm và phê chuẩn từ chức danh Trưởng các phòng ban Tổng Công ty và Giám đốc các đơn vị thành viên, đại diện quản lý phần vốn của Tổng Công ty tại các công ty con, công ty liên kết trở lên;
- i. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Điều 4.46 Luật chứng khoán;
- j. “Thời hạn hoạt động” là thời hạn hoạt động của Tổng Công ty được quy định tại Điều 2.5 của Điều lệ này và thời hạn gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty thông qua bằng nghị quyết.
- k. “Hội đồng quản trị” có nghĩa là Hội đồng quản trị của Tổng Công ty và được viết tắt là “HDQT”;
- l. “Đại Hội đồng cổ đông” có nghĩa là Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty và được viết tắt là “ĐHĐCD”;
- m. “Địa bàn kinh doanh” có nghĩa là lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài;
- n. “Chuyển nhượng cổ phần” là việc cổ đông thực hiện chuyển một phần hoặc toàn bộ cổ phần thuộc sở hữu của mình cho người khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.
- o. “Pháp luật” là hệ thống những văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Điều 4, Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 22/6/2015 và được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 63/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật được Quốc hội ban hành ngày 18/6/2020;
- p. “Cổ đông” có nghĩa là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Tổng công ty;
- q. “Cổ đông lớn” là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Tổng Công ty;
- r. “Tổng Công ty” có nghĩa là Tổng Công ty cổ phần Dệt may Hoà Thọ.
- s. “Công ty mẹ” có nghĩa là Tổng Công ty cổ phần Dệt May Hoà Thọ.
- t. “Giá thị trường của cổ phần” có nghĩa là giá cổ phần của Tổng Công ty giao dịch trên thị trường chứng khoán hoặc do một tổ chức định giá chuyên nghiệp xác định.
- u. “VND” hoặc “Việt Nam Đồng” là đồng tiền hợp pháp của Việt Nam;
- v. “Việt Nam” là nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- w. Các trường hợp được coi là vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty: Các trường hợp vi phạm Điều 39 Điều lệ này;



hoặc Tổng Công ty có dấu hiệu thua lỗ đến 50% vốn điều lệ của Tổng Công ty.

- 1.2 Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới bất kỳ điều khoản hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế của chúng.
- 1.3 Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung, tiện theo dõi và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.
- 1.4 Khi được sử dụng trong Điều lệ này, tùy từng ngữ cảnh, từ “người” được hiểu là cá nhân hoặc tổ chức.

## **CHƯƠNG II**

### **TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY**

**Điều 2: Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động và người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty**

2.1 Tên Tổng Công ty:

- \* Tên tiếng Việt: **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY HOÀ THỌ**
- \* Tên tiếng Anh: **HOA THO TEXTILE – GARMENT JOINT STOCK CORPORATION**
- \* Tên viết tắt : **HOA THO CORP**

2.2 Tổng Công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với luật pháp hiện hành của Việt Nam.

2.3 Trụ sở đăng ký của Tổng Công ty là:

- \* Địa chỉ trụ sở chính: 36 Ông Ích Đường, Phường Hoà Thọ Đông, Quận Cẩm Lệ, Thành Phố Đà Nẵng.
- \* Điện thoại : (0236) 3846290 - 3670295 – 3673770
- \* Fax : (0236) 3846216 - 3670423
- \* E-mail : office@hoatho.com.vn
- \* Website : www.hoatho.com.vn

2.4 Tổng Công ty có thể thành lập các công ty con, chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Tổng Công ty phù hợp với quyết định của HĐQT và trong phạm vi luật pháp cho phép.

2.5 Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại Điều 54.1 và Điều 54.2 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập .

2.6 Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty

- a. Tổng giám đốc là Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty;

- b. Trừ khi được ĐHĐCĐ quyết định khác tùy từng thời điểm và trên cơ sở từng trường hợp cụ thể, người đại diện theo pháp luật có các quyền và nghĩa vụ như sau:
- (i) có toàn quyền và chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng con dấu Tổng Công Ty và toàn bộ bản gốc các giấy tờ hồ sơ của Tổng Công Ty;
  - (ii) thay mặt và đại diện Tổng Công Ty, ký tất cả các tài liệu có liên quan đến các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật với tư cách là Tổng Giám đốc được quy định tại Điều lệ Tổng Công ty này;
  - (iii) đại diện Tổng Công Ty với tư cách là nguyên đơn, bị đơn hoặc người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong tố tụng trọng tài hoặc Tòa án;
  - (iv) đại diện cho Tổng Công Ty trước bất kỳ bên thứ ba nào bao gồm cả các cơ quan Chính phủ tại Việt Nam; và
  - (v) các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty này và Luật Doanh Nghiệp.

### **CHƯƠNG III**

## **MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY**

### **Điều 3: Mục tiêu hoạt động của Tổng Công ty**

- 3.1. Lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty là: Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng may mặc, vải, sợi, chỉ khâu, các loại thiết bị, nguyên phụ liệu, phụ tùng ngành dệt may; sản xuất sợi. Kinh doanh nhà hàng. Kinh doanh vận tải hàng. Kinh doanh khách sạn. Xây dựng công nghiệp và dân dụng. Kinh doanh siêu thị. Kinh doanh bất động sản. Khai thác nước sạch phục vụ sản xuất công nghiệp và sinh hoạt. Kinh doanh giấy các loại. Kinh doanh dịch vụ khám chữa bệnh bảo hiểm y tế ban đầu tại Trạm y tế. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính.
- 3.2. Mục tiêu hoạt động của Tổng Công ty là:
- a. Tổng Công ty được thành lập để huy động và sử dụng nguồn vốn trong việc sản xuất kinh doanh các sản phẩm theo ngành nghề ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và phù hợp với quy định của pháp luật.
  - b. Xây dựng, phát triển Tổng Công ty thành một doanh nghiệp sản xuất kinh doanh đa ngành, có tiềm lực tài chính và trình độ kỹ thuật - công nghệ tiên tiến đáp ứng yêu cầu phát triển ngành dệt may hiện đại.
  - c. Nâng cao hiệu quả kinh doanh nhằm tối đa hoá lợi nhuận có được của Tổng Công ty cho các cổ đông, nâng cao giá trị Tổng Công ty và không

ngừng cải thiện đời sống, điều kiện làm việc, thu nhập cho người lao động và làm tròn nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước.

- d. Từng bước đưa “HOA THO CORP” trở thành một thương hiệu dệt may hàng đầu Việt Nam của Tập đoàn Dệt may Việt Nam.
- e. Nếu bất kỳ mục tiêu nào trong số các mục tiêu nêu tại điểm 4.1 Điều này cần phải có sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền thì Tổng Công ty chỉ thực hiện mục tiêu đó sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

**Điều 4: Phạm vi kinh doanh và hoạt động**

- 4.1. Tổng Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành các hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- 4.2. Tổng Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được Pháp luật cho phép và được HĐQT phê chuẩn.
- 4.3. ĐHĐCĐ uỷ quyền cho HĐQT quyết định việc bổ sung, thay đổi ngành nghề kinh doanh khác được Pháp luật cho phép để đảm bảo nắm bắt kịp thời các cơ hội kinh doanh.

**Điều 5: Quyền và nghĩa vụ của Tổng Công ty**

5.1. Quyền của Tổng Công ty:

- a. Tự chủ kinh doanh; chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh, đầu tư; chủ động mở rộng quy mô và ngành, nghề kinh doanh; được Nhà nước khuyến khích, ưu đãi và tạo điều kiện thuận lợi tham gia sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.
- b. Tự chủ và chịu trách nhiệm về tài chính; về phân bổ và sử dụng vốn.
- c. Chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng.
- d. Tuyển dụng, thuê và sử dụng lao động theo yêu cầu kinh doanh.
- e. Chủ động ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại để nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh.
- f. Tự chủ quyết định các công việc kinh doanh và quan hệ nội bộ.
- g. Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của Tổng Công ty.
- h. Tự do lựa chọn hình thức huy động vốn như vay, phát hành, chuyển nhượng, các cổ phiếu, trái phiếu theo quy định của Pháp luật.
- i. Xuất nhập khẩu hàng hoá theo quy định của Pháp luật.
- j. Quyết định phân phối lợi nhuận cho các cổ đông sau khi đã làm đủ nghĩa vụ với Nhà nước; lập quỹ và sử dụng các quỹ theo quy định của Nhà nước và Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

- k. Tổ chức bộ máy quản lý, tổ chức sản xuất kinh doanh phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ của Tổng Công ty.
  - l. Từ chối các yêu cầu cung cấp các nguồn lực không được Pháp luật quy định.
  - m. Khiếu nại, tố cáo theo quy định của Pháp luật về khiếu nại, tố cáo và tham gia tố tụng theo quy định của Pháp luật.
  - n. Được quyền bảo hộ về quyền sở hữu công nghiệp và trí tuệ, bao gồm: các sáng chế, giải pháp hữu ích, nhãn hiệu sản phẩm, kiểu dáng công nghiệp, tên gọi xuất xứ của hàng hoá theo quy định của Pháp luật Việt Nam.
  - o. Được hưởng các ưu đãi về thuế của Nhà nước đối với Doanh nghiệp Nhà nước chuyển đổi thành Công ty cổ phần.
  - p. Các quyền khác theo quy định của Pháp luật.
- 5.2. Nghĩa vụ của Tổng Công ty:
- a. Đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh khi kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.
  - b. Sử dụng có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn của Tổng Công ty.
  - c. Xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp với nhu cầu thị trường, khả năng phát triển của Tổng Công ty và tổ chức thực hiện có hiệu quả chiến lược, kế hoạch đề ra.
  - d. Sử dụng hợp lý lao động, tài sản đảm bảo hiệu quả kinh tế.
  - e. Công bố và chịu trách nhiệm về tính sát thực các báo cáo tài chính hàng năm và các thông tin về hoạt động của Tổng Công ty cho các cổ đông theo quy định. Tổ chức công tác kế toán, lập và nộp báo cáo tài chính trung thực, chính xác, đúng thời hạn theo quy định của Pháp luật về kế toán.
  - f. Đăng ký mã số thuế, kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật.
  - g. Bảo đảm quyền, lợi ích của người lao động theo quy định của Pháp luật về lao động; về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm khác cho người lao động; bảo đảm cho người lao động tham gia quản lý Tổng Công ty theo quy định của Pháp luật về lao động và ưu tiên sử dụng lao động trong nước.
  - h. Bảo đảm và chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hoá, dịch vụ theo tiêu chuẩn đã đăng ký hoặc công bố.
  - i. Thực hiện chế độ thống kê và báo cáo định kỳ các thông tin về tình hình tài chính của Tổng Công ty với cơ quan Nhà nước theo quy định; khi phát hiện các thông tin đã kê khai hoặc báo cáo thiếu chính xác, chưa đầy đủ thì phải kịp thời sửa đổi, bổ sung các thông tin đó.

- j. Tuân thủ các quy định về an ninh, quốc phòng, phòng cháy chữa cháy và bảo vệ môi trường, môi sinh, di tích, danh lam thắng cảnh theo quy định của Pháp luật.
- k. Chịu sự thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật.
- l. Thực hiện các nghĩa vụ khác mà Điều lệ này và Pháp luật quy định.

#### **CHƯƠNG IV**

### **VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CHỨNG CHỈ CỔ PHIẾU, CHỨNG KHOẢN VÀ SỔ ĐĂNG KÝ CỔ ĐÔNG**

#### **Điều 6: Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập**

Vốn điều lệ của Tổng Công ty tại thời điểm thành lập là 45.000.000.000 đồng (Bốn mươi lăm tỷ đồng), được chia thành 4.500.000 cổ phần (Bốn triệu năm trăm cổ phần); tại thời điểm 09/06/2023 là 360.027.080.000 đồng (Ba trăm sáu mươi tỷ không trăm hai mươi bảy triệu không trăm tám mươi nghìn đồng). Tổng số vốn điều lệ của Tổng Công ty được chia thành 36.002.708 cổ phần (Ba mươi sáu triệu không trăm lẻ hai nghìn bảy trăm lẻ tám cổ phần) với mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng (Mười nghìn đồng Việt Nam).

Vốn điều lệ của Tổng Công ty có thể thay đổi khi được ĐHĐCĐ thông qua, phù hợp với các quy định của Pháp luật và được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp, thay đổi theo từng thời kỳ và được ghi trong báo cáo tài chính hàng năm của Tổng Công ty.

- 6.1. Tổng Công ty chỉ có thể tăng vốn điều lệ khi được ĐHĐCĐ thông qua phù hợp với quy định của Pháp luật.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty chỉ được sử dụng vào các mục đích như:

- a. Mua sắm tài sản cố định, máy móc trang thiết bị.
  - b. Phát triển kỹ thuật nghiệp vụ.
  - c. Mua cổ phiếu, trái phiếu, góp vốn, liên doanh.
  - d. Các dự trữ cần thiết về động sản, bất động sản phù hợp với quy định của Pháp luật.
  - b. Kinh doanh theo nội dung hoạt động của Tổng Công ty.
- 6.2. Các cổ phần của Tổng Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông, kể cả các cổ phần của Nhà nước. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần được quy định tại Điều 14 và Điều 15 của Điều lệ này.
- 6.3. Tổng Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ và phù hợp với các quy định của Pháp luật.
- 6.4. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại phụ lục I đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.

Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho tất cả cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của họ trong Tổng Công ty, trừ trường hợp ĐHĐCĐ quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do HĐQT của Tổng Công ty quyết định. HĐQT có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp ĐHĐCĐ có chấp thuận khác.

- 6.5. HĐQT quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong tổng số cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp quy định tại điểm sau đây:
  - a. Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập.
  - b. Cổ phần bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần hiện có của họ ở Tổng Công ty.
  - c. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của số cổ đông đại diện cho ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
  - d. Các trường hợp khác và mức chiết khấu trong các trường hợp đó do HĐQT quyết định.
- 6.6. Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ tiền và những thông tin về người mua được ghi đúng, ghi đủ vào Sổ đăng ký cổ đông. Kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần sẽ trở thành cổ đông của Tổng Công ty.
- 6.7. Sau khi cổ phần được bán và đã hoàn tất việc thanh toán tiền mua cổ phần, Tổng Công ty sẽ phát hành và trao cổ phiếu cho người mua. Tổng Công ty có thể bán cổ phần mà không trao cổ phiếu. Trong trường hợp này, các thông tin về cổ đông được ghi vào Sổ đăng ký cổ đông là đủ để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó của Tổng Công ty.
- 6.8. Tổng Công ty có thể mua cổ phần do chính Tổng Công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và Pháp luật hiện hành. Cổ phần do Tổng Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và HĐQT có thể chào bán theo những hình thức được ĐHĐCĐ cho phép và phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn liên quan.
- 6.9. Khi Tổng Công ty phát hành thêm cổ phần để chào bán trên thị trường chứng khoán thì thực hiện theo quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

#### **Điều 7: Chứng nhận cổ phần**

- 7.1. Cổ đông của Tổng Công ty được cấp chứng nhận cổ phần tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

- 7.2. Chứng nhận cổ phần phải có dấu của Tổng Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phần phải bao gồm các nội dung chủ yếu theo quy định của Luật Doanh nghiệp như sau:
- Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Tổng Công ty.
  - Số lượng cổ phần và loại cổ phần.
  - Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu.
  - Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức.
  - Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần. Chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Tổng Công ty.
  - Số đăng ký tại Sở đăng ký cổ đông của Tổng Công ty và ngày phát hành cổ phiếu.
  - Các nội dung khác theo quy định tại các Điều 116, 117 và 118 của Luật Doanh nghiệp đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi.
- 7.3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Tổng công ty hoặc trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Tổng Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng nhận cổ phần. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Tổng Công ty chi phí in chứng nhận cổ phần.
- 7.4. Trường hợp cổ đông chỉ chuyển nhượng một phần cổ phần trong cổ phiếu kể cả cổ phiếu ghi danh hay không ghi danh thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và Tổng Công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.
- 7.5. Nếu trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phần mới theo đề nghị của cổ đông đó, với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Tổng công ty. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây: (i) cam kết cổ phiếu thực sự đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì cam đoan rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả Tổng Công ty để tiêu hủy; (ii) cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới; (và (iii) thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc hủy hoại dưới hình thức khác.
- Đối với cổ phiếu có giá trị danh nghĩa trên 10.000.000 (mười triệu) đồng, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, Tổng Công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác và sau mười lăm (15) ngày, kể từ ngày đăng thông báo Tổng Công ty sẽ xem xét cấp cổ phiếu mới.

- 7.6. Cho dù có quy định tại Điểm 6.8 trên, cổ đông vẫn phải gìn giữ cổ phiếu cẩn thận, không làm rách nát, hư hỏng, nhòe, mờ và có trách nhiệm độc lập về việc bảo quản chứng chỉ và Tổng Công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong mọi trường hợp những chứng chỉ này bị mất cắp hoặc sử dụng với mục đích lừa đảo.
- 7.7. Tại từng thời điểm, Tổng Công ty có thể thay đổi hình thức ghi nhận quyền sở hữu cổ phần của cổ đông phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

**Điều 8: Chứng chỉ chứng khoán khác**

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Tổng Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo Pháp luật của Tổng Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

**Điều 9: Chuyển nhượng cổ phần**

- 9.1. Tất cả các cổ phần đều được tự do chuyển nhượng, trừ khi Điều lệ này và Pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- 9.2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của Pháp luật.

**Điều 10: Thu hồi cổ phần**

- 10.1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, HĐQT thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Tổng Công ty cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do không thanh toán đầy đủ gây ra cho Tổng Công ty.
- 10.2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ nếu không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán sẽ bị thu hồi.
- 10.3. HĐQT có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện. Việc thu hồi này sẽ bao gồm tất cả cổ tức được công bố đối với cổ phần bị thu hồi mà thực tế chưa được chi trả cho đến thời điểm thu hồi.
- 10.4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. HĐQT có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà HĐQT thấy là phù hợp với Điều lệ này và Pháp luật.



- 10.5. Cổ đông nắm giữ các cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm thanh toán các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
- 10.6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần trước khi bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

**Điều 11: Phát hành trái phiếu**

- 11.1 Tổng Công ty có thể phát hành trái phiếu có bảo đảm và không có bảo đảm, có thể phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền đặt mua, cho phép người nắm giữ chứng quyền được mua cổ phần khi được ĐHĐCĐ thông qua và phù hợp với quy định của Pháp luật. HĐQT có quyền quyết định loại trái phiếu, chứng quyền đặt mua, thời điểm phát hành và tổng giá trị trái phiếu và phải báo cáo - giải trình phương án phát hành trái phiếu, chứng quyền với ĐHĐCĐ tại phiên họp gần nhất.
- 11.2 Trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác, Tổng Công ty không được quyền phát hành trái phiếu trong các trường hợp sau đây:
- Không thanh toán đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã phát hành, không thanh toán hoặc thanh toán không đủ các khoản nợ đến hạn trong ba năm liên tiếp trước đó.
  - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế bình quân của ba năm liên tiếp trước đó không cao hơn mức lãi suất dự kiến trả cho trái phiếu định phát hành.
  - Việc phát hành trái phiếu cho các chủ nợ là tổ chức tài chính được lựa chọn không bị hạn chế bởi các quy định tại điểm a và điểm b khoản này.
- 11.3 Tổng Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được ĐHĐCĐ thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

**Điều 12: Mua lại cổ phần**

- 12.1 Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông:
- Cổ đông được quyền yêu cầu Tổng Công ty mua lại cổ phần của mình khi:
    - Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại Tổng Công ty hoặc;
    - Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ này.
  - Thủ tục yêu cầu Tổng Công ty mua lại cổ phần:

- Yêu cầu Tổng Công ty mua lại cổ phần của cổ đông phải được làm bằng văn bản, trong đó nêu rõ: Tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Tổng Công ty mua lại;
- Yêu cầu phải được gửi đến Tổng Công ty trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua quyết định tổ chức lại Tổng Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều 12.1(a) này.
- c. Nghĩa vụ của Tổng Công ty khi nhận được yêu cầu mua lại cổ phần:
  - Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu mua lại cổ phần quy định tại Điều này, Tổng Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông với giá thị trường hoặc giá được xác định theo thoả thuận giữa cổ đông đó và HĐQT;
  - Trường hợp không thoả thuận được về giá thì cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Tổng Công ty giới thiệu ít nhất ba (03) tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

#### 12.2 Mua lại cổ phần theo quyết định của Tổng Công ty.

Tổng Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức theo quy định sau đây:

- a. HĐQT có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần đã phát hành trong thời hạn mười hai (12) tháng. Trong các trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do ĐHĐCĐ quyết định;
- b. HĐQT quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại Điều 12.2(c) dưới đây;
- c. Tổng Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần mà họ có trong Tổng Công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Tổng Công ty phải được thông báo đến tất cả cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có các nội dung sau:
  - Tên, trụ sở của Tổng Công ty;
  - Tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại;
  - Giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại;
  - Thời hạn và thủ tục thanh toán;
  - Thời hạn và thủ tục để cổ đông đăng ký bán cổ phần cho Tổng Công ty. Cổ đông phải gửi đăng ký bán cổ phần của mình đến Tổng Công ty trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thông báo.
- d. Tổng Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp.

## **CHƯƠNG V**

### **CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT**

#### **Điều 13: Cơ cấu tổ chức quản lý**

##### **13.1 Mô hình quản trị Tổng Công ty bao gồm:**

- a. Đại hội đồng Cổ đông.
- b. Hội đồng quản trị.
- c. Ban Kiểm soát
- d. Tổng giám đốc.

##### **13.2 Nguyên tắc tổ chức hoạt động:**

- a. Cơ quan quyết định cao nhất của Tổng Công ty là ĐHĐCĐ.
- b. ĐHĐCĐ bầu HĐQT thay mặt ĐHĐCĐ quản lý Tổng Công ty giữa hai kỳ họp ĐHĐCĐ. HĐQT bổ nhiệm hoặc thuê Tổng giám đốc để điều hành mọi hoạt động của Tổng Công ty.

##### **13.3 Tổng Công ty hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con và các Công ty liên kết trong đó Tổng Công ty đóng vai trò là Công ty mẹ.**

- a. Cơ cấu tổ chức Công ty mẹ bao gồm: Các phòng ban chức năng và các đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty.
- b. Các Công ty con là các Công ty cổ phần, Công ty TNHH mà Tổng Công ty:
  - (i) sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông của công ty đó;
  - (ii) có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên HĐQT, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của công ty đó
  - (iii) có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty đó.
- c. Các Công ty liên kết là các Công ty mà Tổng Công ty có vốn góp nhưng không thỏa mãn các điều kiện như quy định tại Điều 13.3(b) ở trên hoặc các Công ty có liên kết với Tổng Công ty về khai thác thị trường, về thương hiệu và các hình thức liên kết khác.

(Công ty mẹ, các Công ty con và Công ty liên kết sau đây gọi tắt là "Nhóm Công ty").

##### **13.4 Các nguyên tắc và quan hệ giữa các Công ty trong Nhóm Công ty:**

- a. Công ty mẹ, các Công ty con và Công ty liên kết là những pháp nhân độc lập quan hệ với nhau thông qua các thoả thuận trong Hợp đồng, điều lệ các Công ty và các quy chế hoạt động nội bộ.

- b. Công ty con không được đầu tư mua cổ phần, góp vốn vào Công ty mẹ. Các Công ty con của cùng một Công ty mẹ không được đồng thời cùng góp vốn, mua cổ phần để sở hữu chéo lẫn nhau.
- c. Các Công ty con có cùng một Công ty mẹ là doanh nghiệp có sở hữu ít nhất 65% vốn nhà nước không được cùng nhau góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác hoặc để thành lập doanh nghiệp mới theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

**13.5 Quyền và trách nhiệm của Công ty mẹ đối với Công ty con:**

- a. Hợp đồng, giao dịch và quan hệ khác giữa Công ty mẹ và Công ty con đều phải được thiết lập và thực hiện độc lập, bình đẳng theo điều kiện áp dụng đối với các chủ thể pháp lý độc lập.
- b. Trường hợp Công ty mẹ can thiệp ngoài thẩm quyền của chủ sở hữu, thành viên hoặc cổ đông và buộc Công ty con phải thực hiện hoạt động kinh doanh trái với thông lệ kinh doanh bình thường hoặc thực hiện hoạt động không sinh lợi mà không đền bù hợp lý trong năm tài chính liên quan, gây thiệt hại cho Công ty con thì Công ty mẹ phải chịu trách nhiệm về thiệt hại đó.
- c. Người quản lý của Công ty mẹ chịu trách nhiệm về việc can thiệp buộc Công ty con thực hiện hoạt động kinh doanh quy định tại điểm b khoản này phải liên đới cùng Công ty mẹ chịu trách nhiệm về các thiệt hại đó.
- d. Trường hợp Công ty mẹ không đền bù cho Công ty con theo quy định tại điểm b khoản này thì chủ nợ hoặc thành viên, cổ đông có sở hữu ít nhất 1% vốn điều lệ của Công ty con có quyền nhân danh chính mình hoặc nhân danh Công ty con đòi Công ty mẹ đền bù thiệt hại cho Công ty con.
- e. Trường hợp hoạt động kinh doanh như quy định tại điểm b khoản này do Công ty con thực hiện đem lại lợi ích cho Công ty con khác của Công ty mẹ thì Công ty con được hưởng lợi đó phải liên đới cùng Công ty mẹ hoàn trả khoản lợi được hưởng đó cho Công ty con bị thiệt hại.

**13.6 Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Công ty con:**

- a. Vào thời điểm kết thúc năm tài chính, ngoài báo cáo và tài liệu theo quy định của Pháp luật, Công ty mẹ còn phải lập các báo cáo sau đây:
  - Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ - các Công ty con theo quy định.
  - Báo cáo tổng hợp kết quả kinh doanh hằng năm của Công ty mẹ, Công ty con.
  - Báo cáo tổng hợp công tác quản lý, điều hành của Công ty mẹ - Công ty con.
- b. Người chịu trách nhiệm lập báo cáo quy định tại điểm a khoản này chưa được lập và đệ trình các báo cáo đó nếu chưa nhận được đầy đủ báo cáo tài chính của các Công ty con.

- c. Khi có yêu cầu của người đại diện theo pháp luật của Công ty mẹ, người đại diện theo pháp luật của Công ty con phải cung cấp các báo cáo, tài liệu và thông tin cần thiết như quy định để lập báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tổng hợp của Công ty mẹ - Công ty con.
- d. Người chịu trách nhiệm lập báo cáo của Công ty mẹ sử dụng báo cáo quy định tại Điều 13.6(c) này để lập báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tổng hợp của Công ty mẹ và Công ty con nếu không có nghi ngờ về việc báo cáo do Công ty con lập và đệ trình có thông tin sai lệch, không chính xác hoặc giả mạo.
- e. Trường hợp người quản lý Công ty mẹ đã áp dụng các biện pháp cần thiết trong phạm vi thẩm quyền mà vẫn không nhận được báo cáo, tài liệu và thông tin cần thiết như quy định từ Công ty con thì người quản lý Công ty mẹ vẫn lập và trình báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tổng hợp của Công ty mẹ - Công ty con. Báo cáo có thể gồm hoặc không gồm các thông tin từ Công ty con đó, nhưng phải có giải trình cần thiết để tránh hiểu nhầm hoặc hiểu sai lệch.
- f. Các báo cáo, tài liệu quyết toán tài chính hằng năm của Công ty mẹ, các Công ty con và các báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tổng hợp của Công ty mẹ - Công ty con phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty mẹ. Bản sao của các báo cáo, tài liệu quy định tại khoản này phải có ở các chi nhánh của Công ty mẹ trên lãnh thổ Việt Nam.
- g. Đối với các Công ty con, ngoài các báo cáo, tài liệu theo quy định của Pháp luật, còn phải lập và đệ trình báo cáo tổng hợp về mua, bán và các giao dịch khác với Công ty mẹ.

## **CHƯƠNG VI**

### **CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐÔNG CỔ ĐÔNG**

#### **Điều 14: Quyền của cổ đông**

- 14.1 Cổ đông là người chủ sở hữu Tổng Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Tổng Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Tổng Công ty.
- 14.2 Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:
  - a. Tham dự, phát biểu trong các cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại ĐHĐCĐ hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ Tổng Công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.  
  
Cổ đông có quyền cử đại diện theo uỷ quyền (bằng văn bản) đại diện cho mình thực hiện các quyền của cổ đông, tham gia HĐQT, Ban Kiểm soát của Tổng Công ty phù hợp quy định của Điều lệ này và Pháp luật hiện hành.

Trường hợp, cổ đông là tổ chức có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo bằng văn bản đến Tổng Công ty và chỉ có hiệu lực đối với công ty kể từ ngày Tổng công ty nhận được văn bản. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số và ngày quyết định thành lập hoặc đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký doanh nghiệp của cổ đông.
- Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ sở hữu cổ phần, loại cổ phần tương ứng của mỗi người đại diện theo ủy quyền, ngày đăng ký cổ đông tại Tổng Công ty.
- Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của từng người đại diện theo ủy quyền.
- Số cổ phần được ủy quyền đại diện.
- Thời hạn đại diện theo ủy quyền tương ứng của từng người đại diện theo ủy quyền; trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được đại diện.
- Họ, tên, chữ ký có đóng dấu của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và của người đại diện theo ủy quyền.

Tổng Công ty phải gửi thông báo về người đại diện theo ủy quyền quy định tại khoản này đến cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo.

Trường hợp cổ đông là tổ chức mới được hợp nhất từ tổ chức cũ hoặc thừa kế quyền và nghĩa vụ của tổ chức cũ, thì cổ đông mới này phải gửi cho HĐQT các văn bản pháp lý về hợp nhất hoặc thừa kế để xử lý về cổ phần, cổ đông, cổ phiếu và người đại diện theo pháp luật hiện hành.

- b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của ĐHĐCĐ.
- c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ cho người khác trừ trường hợp quy định tại Điều 120.3, Điều 127.1 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của Pháp luật có liên quan.
- d. Được ưu tiên mua cổ phần mới được chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu, trừ trường hợp ĐHĐCĐ quyết định bán cổ phần cho các nhà đầu tư bên ngoài.
- e. Xem xét, tra cứu, và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của mình.
- f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng Công ty, số biên bản họp ĐHĐCĐ và các nghị quyết của ĐHĐCĐ.
- g. Trong trường hợp Tổng Công ty bị giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vào Tổng Công

ty sau khi Tổng Công ty đã thanh toán cho các chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Tổng Công ty theo quy định của pháp luật.

- h. Yêu cầu Tổng Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định của Điều 132 Luật doanh nghiệp.
  - i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Tổng Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được ĐHĐCĐ thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông.
  - j. Ủy quyền bằng văn bản cho người khác tham dự các cuộc họp ĐHĐCĐ và việc ủy quyền này chỉ có giá trị cho một lần họp ĐHĐCĐ.
  - k. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Tổng Công ty công bố theo quy định của Pháp luật;
  - l. Được thông tin về tình hình hoạt động của Tổng Công ty, được yêu cầu HĐQT cung cấp thông tin về kết quả kinh doanh (hàng năm) có liên quan đến quyền lợi của cổ đông, trừ những bí mật về hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm các bí mật công nghệ sản xuất, chiến lược, chiến dịch marketing, lựa chọn đối tác, khách hàng, phương pháp tác nghiệp kinh doanh...
  - m. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
  - n. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật.
- 14.3 Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ 5% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông, có các quyền sau:
- a. Đề cử các ứng viên HĐQT và Ban Kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Điều 27.2 và Điều 36.4 Điều lệ này.
  - b. Yêu cầu HĐQT thực hiện việc triệu tập ĐHĐCĐ theo các quy định tại Điều 115.3 và 140 Luật Doanh nghiệp.
  - c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn đối với danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại ĐHĐCĐ sau mỗi cuộc họp ĐHĐCĐ;
  - d. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và các nghị quyết, quyết định của HĐQT, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm của Tổng Công ty và các báo cáo của Ban Kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua HĐQT và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tổng Công ty;
  - e. Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây:

họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký doanh nghiệp đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.

- f. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Tổng Công ty chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp
- g. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật có liên quan.

#### **Điều 15: Nghĩa vụ của cổ đông**

Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

- 15.1 Tuân thủ Điều lệ Tổng Công ty và các quy chế của Tổng Công ty; chấp hành các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT.
- 15.2 Tham dự các cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
  - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
  - b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên HĐQT làm đại diện cho mình tại ĐHĐCĐ.
  - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; và
  - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
- 15.3 Thanh toán đủ và đúng hạn số cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.
- 15.4 Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần hoặc khi có thay đổi địa chỉ so với lần đăng ký trước cho Tổng Công ty.
- 15.5 Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật hiện hành.
- 15.6 Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Tổng Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
  - a. Vi phạm Pháp luật.
  - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
  - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Tổng Công ty



- 15.7 Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tổng Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Tổng Công ty.
- 15.8 Bảo vệ lợi ích, tài sản, bí mật kinh doanh của Tổng Công ty, tham gia các công việc chung của Tổng Công ty khi được phân công.
- 15.9 Bảo mật các thông tin được Tổng công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và Pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Tổng công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác
- 15.10 Không được rút vốn cổ phần dưới bất kỳ hình thức nào, trừ trường hợp được Tổng Công ty hoặc người khác mua lại theo quy định tại Điều lệ này hoặc trường hợp Tổng Công ty bị giải thể hoặc phá sản. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Tổng công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tổng công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

**Điều 16: Đại hội đồng cổ đông**

- 16.1 ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Tổng Công ty. ĐHĐCĐ họp thường niên mỗi năm một lần, trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính; hoặc HĐQT có thể quyết định gia hạn nhưng không quá (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, ĐHĐCĐ có thể họp bất thường. Địa điểm họp ĐHĐCĐ được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
- 16.2 HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. ĐHĐCĐ thường niên quyết định những vấn đề theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hằng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Tổng Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng Công ty dự họp cuộc họp thường niên của ĐHĐCĐ và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự cuộc họp thường niên của ĐHĐCĐ của Tổng Công ty
- 16.3 HĐQT phải triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau:
  - a. HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng Công ty.
  - b. Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn Điều lệ đã bị mất một nửa (1/2) so với đầu kỳ.
  - c. Số thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Pháp luật.
  - d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 14.3 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập ĐHĐCĐ bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập ĐHĐCĐ phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên

quan hoặc văn bản yêu cầu có thể lập thành nhiều bản để trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan.

- e. Ban Kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban Kiểm soát có lý do tin tưởng rằng thành viên HĐQT hoặc Cán bộ điều hành cấp cao của Tổng Công ty vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp hoặc HĐQT hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.
- f. Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.

16.4 Trách nhiệm triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường:

- a. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại Điều 16.3(c) hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điều 16.3(d) và Điều 16.3(e) ở trên. Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ như quy định thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm trước Pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Tổng Công ty.
- b. Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 16.4(a) nêu trên, Ban Kiểm soát phải thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 140.3 Luật doanh nghiệp và Điều lệ này trong vòng 30 (ba mươi) ngày tiếp theo. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định thì Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước Pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh cho Tổng Công ty.
- c. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 16.4(b) ở trên thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điều 16.3(d) ở trên có quyền thay thế HĐQT và Ban Kiểm soát triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 140.4 của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của ĐHĐCĐ.

- d. Người triệu tập phải thực hiện các công việc sau đây để tổ chức họp ĐHĐCĐ: lập danh sách cổ đông có quyền dự họp; cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông; lập chương trình và nội dung cuộc họp; chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp; dự thảo nghị quyết của ĐHĐCĐ theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, Kiểm soát viên; xác định thời gian và địa điểm họp; gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật doanh nghiệp này; các công việc khác phục vụ cuộc họp. Tất cả các chi phí triệu tập và tiến hành một cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ do Tổng Công ty trả. Những chi phí này sẽ không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự ĐHĐCĐ, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

**Điều 17: Quyền và nhiệm vụ của ĐHĐCĐ**

17.1 ĐHĐCĐ, trong cuộc họp thường niên, có quyền thảo luận và thông qua:

- a. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán;
- b. Báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT;
- c. Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Tổng Công ty, về kết quả hoạt động của HĐQT, Tổng giám đốc;
- d. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát; và
- e. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Tổng Công ty.

17.2 ĐHĐCĐ, trong các cuộc họp thường niên và bất thường, thông qua quyết định về các vấn đề sau:

- a. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà HĐQT đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại ĐHĐCĐ;
- c. Số lượng thành viên của HĐQT, Ban Kiểm soát;
- d. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát ;
- f. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với HĐQT, Ban Kiểm soát;
- g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Tổng Công ty.
- h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần
- i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Tổng Công ty.
- j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Tổng Công ty và chỉ định người thanh lý;
- k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của HĐQT hoặc Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Tổng Công ty và các cổ đông của Tổng Công ty;
- l. Quyết định đầu tư, hoặc giao dịch bán tài sản Tổng Công ty hoặc các Công ty con, hoặc giao dịch mua có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Tổng công ty hoặc các Công ty con được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;

- m. Tổng Công ty mua lại hơn 10% tổng số cổ phần đã phát hành của mỗi loại;
  - n. Tổng Công ty hoặc các Công ty con của Tổng Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 167.1 của Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Tổng Công ty hoặc các Công ty con được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;  
Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
  - o. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho HĐQT, Ban Kiểm soát;
  - p. Quyết định số lượng người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty;
  - q. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động HĐQT, Ban Kiểm soát;
  - r. Các vấn đề khác theo quy định tại Điều lệ này, các quy chế khác của Tổng Công ty và quy định của Pháp luật.
- 17.3 Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu cho bất kỳ một nghị quyết nào để thông qua:
- a. Các hợp đồng, giao dịch quy định tại Điều 17.2 ở trên nếu cổ đông đó hoặc Người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng, giao dịch; hoặc
  - b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó và/hoặc của Người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.
- 17.4 Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

**Điều 18: Các đại diện được ủy quyền**

- 18.1 Các cổ đông có quyền tham dự ĐHĐCĐ theo quy định của Pháp luật, hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự thay.
- 18.2 Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm

văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Tổng Công ty).

- 18.3 Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:
- Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
  - Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;
  - Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền;

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Tổng Công ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp của ĐHĐCĐ hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

#### **Điều 19: Thay đổi các quyền**

- 19.1 Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết ĐHĐCĐ về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
- 19.2 Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền như trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của các cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
- 19.3 Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 21, Điều 22 và Điều 23 Điều lệ này.
- 19.4 Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Tổng Công ty không bị thay đổi khi Tổng Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

#### **Điều 20: Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp ĐHĐCĐ**

- 20.1 HĐQT triệu tập cuộc họp thường niên hoặc bất thường của ĐHĐCĐ. Hội đồng quản trị triệu tập họp bất thường của ĐHĐCĐ theo các trường hợp quy định tại Điều 16.3 Điều lệ này.
- 20.2 Người triệu tập ĐHĐCĐ phải thực hiện các công việc sau đây:
- a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông có đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp ĐHĐCĐ. Tổng Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng
  - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp;
  - c. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
  - d. Dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
  - e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức cuộc họp;
  - f. Thông báo và gửi thông báo họp ĐHĐCĐ cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
  - g. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.
- 20.3 Thông báo mời họp ĐHĐCĐ được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty (website) và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Tổng Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp ĐHĐCĐ, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại cuộc họp được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty. Nếu chỉ đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và Công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu.
- 20.4 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 14.3 của Điều lệ này có quyền đề xuất vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và được gửi cho Tổng Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc ĐHĐCĐ. Đề xuất phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần của cổ đông, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.
- 20.5 Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Điều 20.4 trong các trường hợp sau đây:
- a. Đề xuất được gửi đến không đúng quy định tại Điều 20.4 ở trên.
  - b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề xuất không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Điều 14.3 của Điều lệ này.

- c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ.
  - d. Các trường hợp khác.
- 20.6 Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải chấp nhận và đưa đề xuất quy định tại Điều 20.4 ở trên vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Điều 20.5 ở trên; đề xuất được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được ĐHĐCĐ chấp thuận

**Điều 21: Các điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ**

- 21.1 Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- 21.2 Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 21.1 ở trên thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên. .
- 21.3 Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 21.2 ở trên thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.
- 21.4 Theo đề nghị Chủ tọa, ĐHĐCĐ có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 20.3 của Điều lệ này.

**Điều 22: Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ**

- 22.1 Trước khi khai mạc cuộc họp, Tổng Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:
  - a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Tổng Công ty sẽ cấp cho mỗi cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Cuộc họp, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Cuộc họp sẽ bầu trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa và nếu cuộc họp không chọn thì chủ tọa sẽ chọn những người đó.
  - b. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến tham dự sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay, và sau đó có quyền tham gia biểu quyết ngay tại

cuộc họp ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dùng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự họp sẽ không bị ảnh hưởng.

22.2 Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

- a. Chủ tịch HĐQT hoặc ủy quyền cho thành viên HĐQT khác làm chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ do HĐQT triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban Kiểm soát điều hành để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
- b. Trừ trường hợp quy định tại Điều 22.2(a) ở trên, người ký tên triệu tập họp ĐHĐCĐ điều hành để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. Trường hợp bầu chủ tọa, tên chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho chủ tọa phải được công bố.
- c. Chủ tọa cử không quá hai (02) thư ký cuộc họp để lập biên bản họp ĐHĐCĐ.
- d. ĐHĐCĐ bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp. Số thành viên của Ban kiểm phiếu không quá 03 (ba) người. Để hỗ trợ Ban kiểm phiếu thực hiện nhiệm vụ, chủ tọa cuộc họp có thể xin ý kiến cuộc họp cử một số cổ đông có mặt tại cuộc họp hoặc một số nhân viên khác của Tổng Công ty giúp việc cho Ban kiểm phiếu trong việc kiểm phiếu.

22.3 Chương trình và nội dung cuộc họp phải được ĐHĐCĐ thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp

22.4 Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của ĐHĐCĐ sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

22.5 Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp ĐHĐCĐ một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp ĐHĐCĐ;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm họp.
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) cuộc họp. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

22.6 ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán



thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp

- 22.7 Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ có quyền sau đây:
- Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
  - Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp ĐHĐCĐ.
- 22.8 Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp ĐHĐCĐ đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:
- Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
  - Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
  - Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
- Thời gian hoãn tối đa không quá ba (03) ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.
- 22.9 Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng ĐHĐCĐ trái với quy định tại Điều 22.8 ở trên, ĐHĐCĐ bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
- 22.10 Trường hợp Tổng Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức ĐHĐCĐ thông qua họp trực tuyến kết hợp hoặc không kết hợp đồng thời với họp trực tiếp, Tổng Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và Điều 273.3 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

**Điều 23: Điều kiện để Nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua**

- 23.1 Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các Điều 148.3, Điều 148.4 và Điều 148.6 Luật Doanh nghiệp.
- Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại.
  - Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh.
  - Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
  - Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công ty;

- e. Tổ chức lại, giải thể Công ty;
  - e. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này.
- 23.2 Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ các trường hợp quy định tại Điều 23.1 ở trên và các Điều 148.3, Điều 148.4 và Điều 148.6 Luật Doanh nghiệp
- 23.3 Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu được quy định cụ thể trong Quy chế quản trị nội bộ Tổng Công ty.
- Nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông báo trên website của Tổng Công ty trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày Nghị quyết được thông qua.
- 23.4 Các nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

**Điều 24: Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ**

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định sau đây:

- 24.1 HĐQT có thể lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ khi nào xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng Công ty, trừ trường hợp quy định tại Điều 147.2 Luật doanh nghiệp;
- HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của ĐHĐCĐ, và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông. HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.
- 24.2 Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Tổng Công ty.
  - b. Mục đích lấy ý kiến.
  - c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông.

- d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định.
  - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành, không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến.
  - f. Thời hạn phải gửi về Tổng Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời.
  - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty.
- 24.3 Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Tổng Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
- a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
  - b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
  - c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
- 24.4 HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Tổng Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh.
  - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết.
  - c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết.
  - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến đối với từng vấn đề.
  - e. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng.
  - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty, người kiểm phiếu và của người giám sát kiểm phiếu.
- Các thành viên HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
- 24.5 Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản

kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử (website) của Tổng Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

- 24.6 Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng Công ty.
- 24.7 Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

**Điều 25: Nghị quyết, Biên bản họp ĐHĐCĐ**

- 25.1 Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;
  - b. Thời gian và địa điểm họp ĐHĐCĐ.
  - c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp.
  - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký.
  - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp ĐHĐCĐ về từng vấn đề trong chương trình họp;
  - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
  - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
  - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
  - i. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
- 25.2 Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được làm xong và thông báo trước khi bế mạc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
- 25.3 Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng

Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

- 25.4 Nghị quyết, Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định Pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

**Điều 26: Yêu cầu hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ**

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được Biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc Biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Điều 14.3 của Điều lệ này có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:

- 26.1 Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của ĐHĐCĐ không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty. Trường hợp quy định tại Điều 23.4 của Điều lệ này
- 26.2 Nội dung nghị quyết vi phạm Pháp luật hoặc Điều lệ Tổng Công ty.

Trường hợp nghị quyết của ĐHĐCĐ bị hủy bỏ theo Quyết định của Toà án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại ĐHĐCĐ trong vòng bốn mươi (40) ngày kể từ ngày nghị quyết của ĐHĐCĐ bị hủy bỏ theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

**CHƯƠNG VII**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Điều 27: Thành phần và nhiệm kỳ HĐQT**

- 27.1 Số lượng thành viên HĐQT từ năm (05) đến mười một (11) người. Nhiệm kỳ của HĐQT là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT trùng với nhiệm kỳ của HĐQT; thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- 27.2 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ tối thiểu 5% số cổ phần có quyền biểu quyết tại thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị.
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một ứng cử viên;
  - Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai ứng cử viên;
  - Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba ứng cử viên;
  - Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn ứng cử viên;

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm ứng cử viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa sáu ứng cử viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bảy ứng cử viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa tám ứng cử viên;

Trình tự, thủ tục bầu cử HĐQT được thực hiện theo quy chế bầu cử của Tổng Công ty.

Trường hợp số lượng ứng cử viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công ty. Việc HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên HĐQT theo quy định của Pháp luật

27.3 Trường hợp đã xác định được ứng cử viên HĐQT, Tổng Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử (website) của Tổng Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng Công ty nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng cử viên HĐQT được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;
- d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh HĐQT của công ty khác);
- e. Lợi ích có liên quan tới Tổng Công ty và các bên có liên quan của Tổng Công ty;
- f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty;
- g. Tổng Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Tổng Công ty của ứng cử viên HĐQT (nếu có).

27.4 Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây

- a. Không thuộc đối tượng quy định tại Điều 17.2 của Luật doanh nghiệp;

- b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng Công ty;
  - c. Không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng Công ty;
  - d. Chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác.
- 27.5 Thành viên HĐQT sẽ không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp bị ĐHĐCĐ miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật doanh nghiệp.
- 27.6 Cơ cấu HĐQT phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên HĐQT là thành viên không điều hành. Tổng Công ty hạn chế tối đa thành viên HĐQT kiêm nhiệm chức danh điều hành của Tổng Công ty để đảm bảo tính độc lập của HĐQT.
- 27.7 Việc bổ nhiệm các thành viên HĐQT phải được công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

**Điều 28: Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT**

- 28.1 HĐQT là cơ quan quản lý Tổng Công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tổng Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
- 28.2 Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Tổng Công ty và ĐHĐCĐ quy định. Cụ thể, HĐQT có các quyền hạn và nhiệm vụ sau:
- a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn, kế hoạch kinh doanh hằng năm và ngân sách hàng năm của Tổng Công ty;
  - b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở mục tiêu chiến lược được ĐHĐCĐ thông qua.
  - c. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của Pháp luật;
  - d. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
  - e. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp.
  - f. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc hay bất kỳ Cán bộ điều hành cấp cao của Tổng Công ty (Phó Tổng giám đốc, Giám đốc điều hành, Kế toán trưởng Tổng Công ty...); quyết định mức lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó;

- cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Hội đồng quản trị ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- g. Thông qua việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức đối với các Giám đốc các đơn vị thành viên phụ thuộc và Trưởng phó phòng ban của Tổng Công ty theo đề xuất của Tổng giám đốc;
  - h. Quyết định cơ cấu tổ chức; quy chế quản lý nội bộ Tổng Công ty. quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
  - i. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và Cán bộ điều hành khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng Công ty;
  - j. Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các loại chứng quyền cho phép người sở hữu cổ phiếu theo mức giá định trước phù hợp với Điều lệ này và Pháp luật.
  - k. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi khi được ĐHĐCĐ ủy quyền.
  - l. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
  - m. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
  - n. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Điều 12.2 của Điều lệ này;
  - o. Đề xuất mức cổ tức hàng năm, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
  - p. Đề xuất tái cơ cấu lại, giải thể Tổng Công ty; yêu cầu phá sản Tổng Công ty.
  - q. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán lên ĐHĐCĐ;
  - r. Trình ĐHĐCĐ báo cáo hoạt động của mình, báo cáo giám sát hoạt động điều hành của Tổng giám đốc và những Cán bộ điều hành khác, báo cáo về việc quản lý phân vốn góp của Tổng Công ty tại các doanh nghiệp khác trong năm tài chính.
  - s. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ ĐHĐCĐ, triệu tập ĐHĐCĐ hoặc thực hiện các thủ tục lấy ý kiến cổ đông để ĐHĐCĐ thông qua quyết định.
  - t. Đề xuất sửa đổi bổ sung Điều lệ khi cần thiết.
  - u. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động HĐQT, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được ĐHĐCĐ thông qua;
  - v. Các quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật.



- 28.3 HĐQT phải báo cáo cho ĐHĐCĐ về hoạt động của mình theo quy định tại Điều 280 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán. Trường hợp HĐQT không trình báo cáo cho ĐHĐCĐ, báo cáo tài chính hằng năm của Tổng Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được HĐQT thông qua.
- 28.4 Trừ khi Pháp luật và Điều lệ quy định khác, HĐQT có thể ủy quyền nhân viên cấp dưới và các Cán bộ điều hành đại diện xử lý công việc thay mặt cho Tổng Công ty.
- 28.5 Tổng Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên HĐQT theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Các thành viên HĐQT được nhận thù lao công việc của mình và tiền thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên HĐQT và mức thù lao mỗi ngày. HĐQT dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định tại cuộc họp thường niên.
- Thù lao của từng thành viên HĐQT được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng Công ty phù hợp với quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng Công ty và phải báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên.
- Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên HĐQT (và số thù lao cho từng thành viên) bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Tổng Công ty, công ty con, công ty liên kết của Tổng Công ty và các công ty khác mà thành viên HĐQT là đại diện phần vốn góp phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Tổng Công ty.
- 28.6 Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các tiểu ban của HĐQT hoặc thực hiện những công việc khác mà theo HĐQT là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.
- 28.7 Các thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT hoặc các tiểu ban của HĐQT.
- 28.8 Thành viên HĐQT có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm Pháp luật và Điều lệ công ty.

**Điều 29: Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐQT**

- 29.1 Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên HĐQT và có thể bầu một người làm Phó Chủ tịch HĐQT. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc.

29.2 Quyền hạn và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT:

- a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT;
  - b. Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ và các cuộc họp của HĐQT;
  - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của HĐQT;
  - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
  - e. Thay mặt HĐQT ký các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT; Thay mặt HĐQT ký các văn bản, quy định, các hợp đồng, thỏa thuận thuộc thẩm quyền của HĐQT và đã được HĐQT thông qua.
  - f. Theo dõi, kiểm tra quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT.
  - g. Chủ tịch HĐQT phải có trách nhiệm đảm bảo việc HĐQT gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Tổng Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của HĐQT cho các cổ đông tại ĐHĐCĐ; Kiến nghị với HĐQT về việc bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc. Thay mặt HĐQT ký kết hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc.
  - h. Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch HĐQT có thể tạm đình chỉ những quyết định của Tổng Giám đốc để hạn chế tổn thất và sau đó phải báo cáo bằng văn bản đến HĐQT để có quyết định chính thức về việc đình chỉ hoặc hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ đó trong vòng 12 (mười hai) ngày kể từ ngày ra quyết định tạm đình chỉ đó.
  - i. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và Pháp luật.
- 29.3 Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt vì các lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao và đã thông báo đến HĐQT về những sự kiện này, thì Phó Chủ tịch HĐQT được thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT;
- 29.4 Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch đồng thời đều vắng mặt hoặc không có khả năng thực hiện nhiệm vụ thì người được Chủ tịch HĐQT ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại chọn một người trong số họ tạm giữ chức Chủ tịch HĐQT để thực hiện nhiệm vụ theo nguyên tắc đa số quá bán cho đến khi có quyết định mới của HĐQT;
- 29.5 Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch HĐQT từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi miễn thì HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày Tổng Công ty nhận được văn bản xin từ chức hoặc kể từ ngày HĐQT thông qua quyết định bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT.

**Điều 30: Các cuộc họp của HĐQT**

- 30.1 Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu một người trong số họ triệu tập họp HĐQT theo nguyên tắc đa số;
- 30.2 Cuộc họp định kỳ: Chủ tịch HĐQT có thể triệu tập họp HĐQT bất kỳ lúc nào khi thấy cần thiết, nhưng ít nhất mỗi quý phải họp một lần. Chủ tịch HĐQT lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp dự kiến.
- 30.3 Cuộc họp bất thường: Chủ tịch HĐQT triệu tập cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi có một trong số các đối tượng sau đây đề nghị bằng một văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:
- Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (5) Cán bộ điều hành khác.
  - Từ hai (02) thành viên HĐQT trở lên.
  - Theo yêu cầu của kiểm toán độc lập để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Tổng Công ty.
  - Ban Kiểm soát.
- 30.4 Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Điều 30.3 ở trên. Trường hợp không triệu tập họp HĐQT theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng Công ty; người đề nghị tổ chức cuộc họp tại Điều 30.3 ở trên có quyền thay thế Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT;
- 30.5 Địa điểm họp: Các cuộc họp HĐQT sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Tổng Công ty hoặc những địa chỉ khác ở tại Việt Nam theo quyết định của Chủ tịch HĐQT và được sự nhất trí của HĐQT.
- 30.6 Thông báo và chương trình họp: Thông báo họp HĐQT phải được lập thành văn bản bằng tiếng Việt. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể về chương trình họp, thời gian, địa điểm họp, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp HĐQT và cả các phiếu biểu quyết cho những thành viên HĐQT không thể dự họp. Thông báo và tài liệu họp phải gửi cho các thành viên ít nhất năm (05) ngày trước ngày khai mạc.
- Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải đảm bảo đến được địa chỉ của từng thành viên HĐQT đã đăng ký tại Tổng Công ty.
- 30.7 Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên HĐQT.

- Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp HĐQT; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
- 30.8 Số thành viên tham dự tối thiểu: Các cuộc họp của HĐQT chỉ được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) tham dự.
- Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp tham gia trực tiếp hoặc thông qua người được ủy quyền.
- 30.9 Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
- Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
  - Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Điều 30.11 dưới đây;
  - Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
  - Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
  - Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ Tổng Công ty.
- 30.10 Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
- 30.11 Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.
- 30.12 Công khai lợi ích: Thành viên HĐQT mà bằng cách này hay cách khác; trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Tổng Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà HĐQT lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của HĐQT được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan. Việc kê khai được thực hiện theo Điều 164 Luật doanh nghiệp.
- 30.13 Biểu quyết đa số: HĐQT thông qua các nghị quyết và quyết định phải được đa số thành viên dự họp chấp thuận (trên 50%); trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang nhau; phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT sẽ là phiếu quyết định.
- 30.14 Việc bỏ phiếu của người vắng mặt: Thành viên HĐQT vắng mặt có thể biểu quyết về nghị quyết và quyết định của HĐQT bằng phương thức bỏ phiếu bằng

văn bản và phải được chuyển tới Chủ tịch HĐQT không muộn hơn một (01) giờ trước thời gian dự kiến họp.

- 30.15 Hợp trên điện thoại hoặc các hình thức khác: Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của HĐQT mà tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
- Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp.
  - Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này, thành viên HĐQT tham gia họp trong cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên HĐQT đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy thì địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện được coi là địa điểm họp.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của các thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này.

- 30.16 Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên HĐQT thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên.

- 30.17 Biên bản cuộc họp: Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm chuyển biên bản họp HĐQT cho các thành viên và những biên bản đó được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó, trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp HĐQT được lập bằng tiếng Việt và phải có đầy đủ chữ ký của các thành viên HĐQT tham dự cuộc họp. Nội dung chủ yếu của Biên bản cuộc họp phải đảm bảo các nội dung chủ yếu như quy định tại Điều 158.1 Luật doanh nghiệp.

- 30.18 Những người được mời tham dự họp: Tổng giám đốc, những Cán bộ điều hành khác và các chuyên gia của một bên thứ ba có thể dự họp HĐQT theo lời mời của HĐQT nhưng không được biểu quyết.

- 30.19 HĐQT có thể thành lập các tiểu ban giúp việc cho HĐQT. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các ban do HĐQT quy định.

- 30.20 Giá trị pháp lý của hành động: Mọi hành động được thực hiện theo quyết định của HĐQT sẽ được coi là có giá trị pháp lý.

**Điều 31: Thường trực HĐQT và các tiểu ban của HĐQT**

**31.1 Thường trực HĐQT**

- a. Thường trực HĐQT là cơ quan thường trực của HĐQT, gồm ít nhất ba (03) thành viên do HĐQT cử ra để thay mặt HĐQT giải quyết và phê duyệt một số vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT phát sinh giữa các kỳ họp chính thức của HĐQT.
- b. Thường trực HĐQT thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn được HĐQT giao hoặc ủy quyền. Thường trực HĐQT có thể thông qua quyết định bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, thư điện tử hoặc fax.

31.2 HĐQT có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do HĐQT quyết định có tối thiểu là ba (03) người bao gồm thành viên của HĐQT và thành viên bên ngoài. Các thành viên HĐQT không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của HĐQT. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của HĐQT. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên HĐQT vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài không nhiều hơn một nửa số thành viên của tiểu ban. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

Việc thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT phải phù hợp với các quy định Pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Tổng Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công ty

**31.3 Tiểu ban chiến lược và đầu tư**

- a. Tiểu ban chiến lược và đầu tư gồm ít nhất 03 thành viên được bổ nhiệm bởi nghị quyết HĐQT tại cuộc họp HĐQT, phù hợp với các quy định của Pháp luật.
- b. Tiểu ban chiến lược và đầu tư có thể bao gồm Giám đốc tài chính, những thành viên HĐQT điều hành khác và những thành viên HĐQT có kinh nghiệm và kiến thức chuyên môn sâu rộng trong ngành về đầu tư tài chính.
- c. Chức năng và nhiệm vụ chính:
  - Xây dựng chiến lược thường niên, chiến lược trung đến dài hạn của Tổng Công ty;
  - Thiết lập các chiến lược kinh doanh trọng yếu;
  - Thiết lập và phát triển mối quan hệ với các đối tác chiến lược;
  - Đề xuất các vấn đề liên quan đến tầm nhìn, sứ mệnh, các sáng kiến chiến lược, các chương trình dịch vụ chủ chốt của Tổng Công ty;

- Thường xuyên đánh giá tầm nhìn, sứ mệnh và chiến lược để đề xuất những thay đổi cần thiết cho HĐQT;
- Xây dựng chỉ tiêu để đánh giá những dự án đầu tư chiến lược tiềm năng;
- Rà soát để kiểm tra tính hợp lý của quy tắc, hướng dẫn đầu tư của Tổng Công ty;
- Giám sát thực hiện đầu tư, đảm bảo tính tuân thủ của quy trình và quy định về đầu tư của Tổng Công ty;
- Kiểm tra và đề xuất lên HĐQT về chính sách và chiến lược đầu tư cho Tổng Công ty;
- Giám sát những rủi ro đầu tư liên quan, bao gồm những rủi ro liên quan tới danh mục đầu tư, chính sách đầu tư... của Tổng Công ty;
- Giám sát chức năng đầu tư và đảm bảo phân bổ đủ nguồn lực để thực hiện chức năng đầu tư.

#### 31.4. Tiểu ban lương thưởng, tiền cử và bổ nhiệm

- a. Tiểu ban lương thưởng, tiền cử và bổ nhiệm được thiết lập với mục đích nhằm đảm bảo hiệu quả trong quá trình lựa chọn thành viên mới của HĐQT cũng như hiệu quả trong quá trình đánh giá HĐQT, các tiểu ban trực thuộc HĐQT, các thành viên Ban điều hành và các Quản lý cấp cao khác.
- b. Tiểu ban lương thưởng, tiền cử và bổ nhiệm nên được bổ nhiệm bởi HĐQT và bao gồm ít nhất ba (03) thành viên là các thành viên không điều hành của HĐQT. Một trong số họ sẽ được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban.
- c. Chức năng và nhiệm vụ chính:
  - Đề xuất chính sách thù lao (lương thưởng và các lợi ích khác) đối với các thành viên HĐQT, bộ máy quản lý đề trình HĐQT hoặc góp ý đối với bản đề xuất về chính sách lương thưởng do HĐQT đưa ra và soát xét sự phù hợp với từng thời kỳ;
  - Đề cử ứng viên tiềm năng cho các vị trí trong HĐQT;
  - Soạn thảo bản đề xuất về định mức lương thưởng và lợi ích khác của từng thành viên HĐQT và Bộ máy quản lý và đưa ra khuyến nghị liên quan tới những thay đổi cần thiết để trình lên ĐHĐCĐ trong kỳ cuộc họp tiếp theo;

#### 31.5. Tiểu ban rủi ro và kiểm toán

- a. Các thành viên HĐQT không điều hành sẽ được HĐQT cân nhắc chiếm đa số trong Tiểu ban rủi ro và kiểm toán. Một trong số họ sẽ được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban. HĐQT sẽ quyết định có ít nhất một thành viên trong Tiểu ban rủi ro và kiểm toán là chuyên gia về kế toán tài

- chính và không làm việc cho bộ phận kế toán hoặc tài chính của Tổng Công ty;
- b. Đánh giá tính độc lập của kiểm toán độc lập; Giám sát chức năng kiểm toán độc lập; Rà soát những điều kiện có thể dẫn đến việc miễn nhiệm kiểm toán độc lập và đề xuất ý kiến trong những trường hợp tương tự;
  - c. Giám sát việc áp dụng các tiêu chuẩn kế toán trong việc chuẩn bị các báo cáo tài chính. Xem xét các vấn đề trọng yếu và các đánh giá trong việc báo cáo tài chính để đảm bảo tính đầy đủ của các báo cáo tài chính và các công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của Tổng Công ty. Xem xét phạm vi và kết quả của kiểm toán và tính hiệu quả về mặt chi phí;
  - d. Giám sát công tác quản trị rủi ro của Tổng Công ty; xem xét tính hiệu quả của hoạt động kiểm toán nội bộ;
  - e. Giám sát tính liêm chính của các báo cáo tài chính của Tổng Công ty, sự tuân thủ các quy định Pháp luật của Tổng Công ty, năng lực và tính độc lập của kiểm toán độc lập, năng lực và tính hiệu quả của kiểm toán nội bộ;
  - f. Phân tích và đưa ra các đề xuất cho HĐQT về rủi ro liên quan đến các giao dịch và hoạt động của Tổng Công ty;
- 31.6 Tiểu ban nghiên cứu và phát triển
- a. Số lượng thành viên của Tiểu ban do HĐQT quyết định nhưng phải đảm bảo tối thiểu 03 thành viên có kinh nghiệm trong lĩnh vực hoạt động của Tổng Công ty;
  - b. Hỗ trợ HĐQT trong việc rà soát các chương trình và sáng kiến nghiên cứu và phát triển hiện tại và trên kế hoạch của Tổng Công ty trên quan điểm khoa học, đưa ra các phân hồi/nhận xét về công tác quản lý các sáng kiến và các chương trình nghiên cứu và phát triển. Liên tục đưa ra các nhận xét và khuyến nghị chiến lược lên HĐQT;
  - c. Phát hiện và thảo luận với HĐQT về các vấn đề, các xu hướng liên quan tới khoa học cũng như so sánh các chương trình, hoạt động nghiên cứu và phát triển của Tổng Công ty so với các đối thủ cạnh tranh;
- 31.7 HĐQT có thể thành lập các tiểu ban đặc biệt khác sau khi có nghị quyết chấp thuận của ĐHCĐ.
- 31.8 HĐQT có thể ủy quyền cho các tiểu ban quy định tại Điều 31.3, Điều 31.4, Điều 31.5 và Điều 31.6 ở trên được quyền hành động và ra quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.
- 31.9 HĐQT quy định chi tiết về việc thành lập, trách nhiệm của các tiểu ban và trách nhiệm của từng thành viên. Chức năng cụ thể của thường trực HĐQT và các tiểu ban có thể được điều chỉnh và sẽ được xác định trong quyết định thành lập của HĐQT tại từng thời điểm;



- 31.10 HĐQT có trách nhiệm soạn thảo và ban hành Cẩm nang hoạt động của HĐQT để quy định chi tiết chức năng và nhiệm vụ của HĐQT, thường trực HĐQT và các tiểu ban của HĐQT.

## **CHƯƠNG VIII**

### **TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH,**

### **CÁN BỘ ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY**

#### **Điều 32: Tổ chức bộ máy quản lý**

- 32.1 Hệ thống quản lý của Tổng Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước HĐQT và chịu sự giám sát, chỉ đạo của HĐQT trong công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng Công ty.
- 32.2 Tổng Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc; Giám đốc điều hành và Kế toán trưởng do HĐQT bổ nhiệm. Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc, Giám đốc điều hành và Kế toán trưởng có thể đồng thời là thành viên HĐQT và được HĐQT trị bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm bằng nghị quyết, quyết định của HĐQT được thông qua một cách hợp thức.

#### **Điều 33: Cán bộ điều hành**

- 33.1 Theo đề nghị của Tổng giám đốc và sự chấp thuận của HĐQT, Tổng Công ty được tuyển dụng Cán bộ điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do HĐQT quy định. Cán bộ điều hành phải có năng lực, tâm huyết, trung thực và trách nhiệm để hỗ trợ các hoạt động và tổ chức của Tổng Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.
- 33.2 Mức lương, thưởng, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do HĐQT quyết định. Mức lương và lợi ích khác của những Cán bộ điều hành thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của HĐQT sẽ do HĐQT quyết định sau khi tham khảo ý kiến hoặc đề xuất của Tổng giám đốc. Mức lương và lợi ích khác của các Cán bộ điều hành khác không do HĐQT bổ nhiệm do Tổng giám đốc quyết định.
- 33.3 Tiền lương của Cán bộ điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng Công ty và phải báo cáo ĐHCĐ tại cuộc họp thường niên

#### **Điều 34: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc**

- 34.1 Bổ nhiệm: HĐQT bổ nhiệm một thành viên trong HĐQT hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng (nếu có). Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng Công ty; chịu sự giám sát của HĐQT; chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước Pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao

34.2 Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại Hợp đồng lao động.

Tổng giám đốc phải có những tiêu chuẩn sau:

- a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Điều 162.5 Luật doanh nghiệp.
- b. Có sức khoẻ đủ để thực hiện nhiệm vụ, trung thực, liêm khiết, đạo đức tốt;
- c. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế ít nhất ba (03) năm trong quản trị doanh nghiệp kinh doanh các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Tổng Công ty.
- d. Có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý, hiểu biết Pháp luật và có ý thức chấp hành Pháp luật.

34.3 Quyền hạn và nhiệm vụ: Tổng giám đốc có quyền hạn và nhiệm vụ sau:

- a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng Công ty mà không thuộc thẩm quyền của HĐQT;
- b. Tổ chức thực hiện các Nghị quyết, quyết định của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Tổng Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua.
- c. Quyết định các vấn đề không cần phải có Nghị quyết của HĐQT, bao gồm việc thay mặt Tổng Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại phục vụ hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty theo thẩm quyền đã ủy quyền hoặc phân cấp và quy định của Pháp luật. Tổ chức và điều hành tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh hằng ngày của Tổng Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất.
- d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công ty.
- e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh thuộc Cán bộ điều hành trong Tổng Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của HĐQT.
- f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Tổng Công ty, kể cả Cán bộ điều hành thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc.
- g. Tham khảo ý kiến của HĐQT để quyết định số lượng lao động, ký kết hợp đồng lao động, mức lương, thù lao, các lợi ích, việc bổ nhiệm và miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động.
- h. Vào ngày 31 tháng 10 hằng năm, Tổng giám đốc phải trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ

- sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp và kế hoạch tài chính năm (05) năm.
- i. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
  - j. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Tổng Công ty.
  - k. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hằng năm và hàng tháng của Tổng Công ty phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hằng năm và hàng tháng của Tổng Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hằng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình HĐQT thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Tổng Công ty.
  - l. Có quyền từ chối thực hiện những quyết định của Chủ tịch HĐQT, các thành viên HĐQT nếu thấy trái Pháp luật, trái Điều lệ và trái Nghị quyết của ĐHCĐ, đồng thời phải có trách nhiệm thông báo ngay cho Ban kiểm soát biết và chịu trách nhiệm về các quyết định của mình.
  - m. Đề xuất việc cử cán bộ đi công tác, đào tạo, du lịch tại nước ngoài theo các quy định của Pháp luật và theo phân cấp của HĐQT.
  - n. Báo cáo tình hình tài chính và tình hình hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty tại các cuộc họp HĐQT; đề nghị HĐQT giải quyết các vấn đề phát sinh vượt quá quyền hạn của mình.
  - o. Thay mặt HĐQT quản lý toàn bộ tài sản và chịu trách nhiệm về các hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty theo quy định của Pháp luật và phân cấp của HĐQT.
  - p. Xây dựng các quy chế thuộc thẩm quyền HĐQT quy định tại Điều lệ này và Quy chế sử dụng các quỹ từ lợi nhuận sau thuế trình HĐQT phê duyệt. Xây dựng, phê duyệt và ban hành các quy chế quản lý nội bộ Tổng Công ty, trừ những quy chế thuộc thẩm quyền của HĐQT và Ban kiểm soát.
  - q. Chịu trách nhiệm cá nhân về những tổn thất do hành vi vi phạm quy trình quản lý điều hành Tổng Công ty do mình gây ra.
  - r. Đại diện cho Tổng Công ty khởi kiện, bảo vệ quyền lợi hoặc đề nghị khởi tố trong các vụ án liên quan đến quyền lợi tài sản của Tổng Công ty theo Nghị quyết của HĐQT.
  - s. Được quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong những trường hợp khẩn cấp như thiên tai, địch họa, hoả hoạn, sự cố... và chịu trách nhiệm về các quyết định này, đồng thời báo cáo ngay cho HĐQT biết.
  - t. Trường hợp Tổng giám đốc không phải là thành viên HĐQT thì vẫn được tham dự các phiên họp HĐQT nhưng không được biểu quyết và bỏ phiếu.

- u. Tổng giám đốc có thể uỷ quyền cho Phó Tổng giám đốc; Giám đốc điều hành Tổng Công ty hoặc người khác thay mặt mình giải quyết một số công việc của Tổng Công ty và chịu trách nhiệm pháp lý đối với uỷ quyền, uỷ nhiệm của mình. Người được Tổng giám đốc uỷ quyền, uỷ nhiệm phải chịu trách nhiệm pháp lý trước Tổng giám đốc và Pháp luật về những công việc của mình làm. Mọi sự uỷ quyền, uỷ nhiệm có liên quan tới con dấu của Tổng Công ty đều phải thể hiện bằng văn bản.
  - v. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ này và Luật doanh nghiệp.
- 34.4 Báo cáo lên HĐQT và các cổ đông: Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo cho những cơ quan này khi được yêu cầu.
- 34.5 Bãi nhiệm: HĐQT có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật, khi có quá nửa số thành viên HĐQT biểu quyết tán thành (không kể biểu quyết của Tổng giám đốc trường hợp Tổng giám đốc là thành viên HĐQT) và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế. Tổng giám đốc bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại ĐHĐCĐ gần nhất.
- 34.6 Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền Lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định dựa trên kết quả và hiệu quả kinh doanh, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải được báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

**Điều 35: Người phụ trách quản trị Tổng Công ty**

- 35.1 HĐQT phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người phụ trách quản trị Tổng Công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị Tổng Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Tổng Công ty theo quy định tại Điều 156.5 Luật Doanh nghiệp.
- 35.2 Người phụ trách quản trị Tổng Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng Công ty.
- 35.3 Người phụ trách quản trị Tổng Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
- a. Tư vấn HĐQT trong việc tổ chức họp ĐHĐCĐ theo quy định và các công việc liên quan giữa Tổng Công ty và cổ đông;
  - b. Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT, Ban kiểm soát và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của HĐQT hoặc Ban Kiểm soát;
  - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
  - d. Tham dự các cuộc họp;
  - e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của HĐQT phù hợp với quy định của Pháp luật;
  - f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên HĐQT và thành viên Ban Kiểm soát;

- g. Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của Tổng Công ty;
- h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i. Bảo mật thông tin theo các quy định của Pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty;
- j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật

**35.4. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty:**

Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty trong các trường hợp sau đây:

- a. Người phụ trách quản trị công ty không còn đáp ứng các tiêu chuẩn được quy định tại Khoản 2 điều này;
- b. Người phụ trách quản trị công ty không hoàn thành nghĩa vụ được quy định tại Khoản 3 điều này.
- c. Khi đơn từ nhiệm của người phụ trách quản trị công ty được Hội đồng quản trị chấp thuận.
- d. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty phải được công bố ra công chúng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

## **CHƯƠNG IX**

### **BAN KIỂM SOÁT**

**Điều 36: Thành viên Ban Kiểm soát**

- 36.1 Số lượng thành viên Ban Kiểm soát của Tổng Công ty là ba (03) thành viên. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban Kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp
- 36.2 Các thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:
- a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng Công ty;
  - b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
- 36.3 Trưởng Ban Kiểm soát có các quyền và trách nhiệm, nhiệm vụ sau:
- a. Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát.
  - b. Yêu cầu HĐQT, Tổng giám đốc và các Cán bộ điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty để báo cáo Ban Kiểm soát.

- c. Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT để trình lên ĐHĐCĐ.
- 36.4 Đề cử thành viên Ban kiểm soát: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ tối thiểu 5% số cổ phần có quyền biểu quyết tại thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.
- Trường hợp số thành viên được đề cử còn thiếu so với số lượng thành viên Ban kiểm soát quy định tại Điều lệ này thì Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.
- 36.5 Các thành viên Ban Kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu, nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát trùng với nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát.
- 36.6 Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
- Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 36.2 ở trên;
  - Có đơn từ chức gửi đến trụ sở chính của Tổng Công ty.
- 36.7 Thành viên Ban Kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
- Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
  - Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
  - Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty; và
  - Trường hợp khác theo nghị quyết ĐHĐCĐ.

**Điều 37: Trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát**

- 37.1 Ban Kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 170 của Luật doanh nghiệp và có các quyền, nghĩa vụ sau:
- Đề xuất và kiến nghị ĐHĐCĐ phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

- b. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Tổng Công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp với công việc của Tổng Công ty nếu thấy cần thiết.
- c. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Tổng Công ty
- d. Ban Kiểm soát thực hiện việc giám sát tình hình tài chính của Tổng Công ty, việc tuân thủ Pháp luật trong hoạt động của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, Cán bộ điều hành trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.
- e. Đảm bảo phối hợp hoạt động với HĐQT, Tổng giám đốc và cổ đông.
- f. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm Pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và Cán bộ điều hành khác của Tổng Công ty, Ban Kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho HĐQT trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
- g. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu (06) tháng của Tổng Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên ĐHĐCĐ.
- h. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Tổng Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Tổng Công ty bất cứ khi nào xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của ĐHĐCĐ hoặc theo yêu cầu của cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông.
- i. Thường xuyên thông báo với HĐQT về kết quả hoạt động; tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình các báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ.
- j. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, công tác kế toán và lập báo cáo tài chính.
- k. Báo cáo ĐHĐCĐ về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của việc ghi chép, lưu giữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính, các báo cáo khác của Tổng Công ty, tính trung thực hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty;
- l. Báo cáo tại ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- m. Kiến nghị biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý điều hành hoạt động của Tổng Công ty.

- n. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và trình ĐHĐCĐ thông qua.
  - o. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Tổng Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Tổng Công ty trong giờ làm việc.
  - p. Có quyền yêu cầu HĐQT, thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và Cán bộ điều hành khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.
  - q. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 14.3 của Điều lệ này, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến HĐQT và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát không được cản trở hoạt động bình thường của HĐQT và không gây gián đoạn trong việc điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.
  - r. Ban Kiểm soát, thành viên Ban Kiểm soát không được tiết lộ bí mật sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty;
  - s. Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ về những sai phạm gây thiệt hại cho Tổng Công ty khi thực hiện nhiệm vụ.
  - t. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.
- 37.2 Nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát:
- a. Tuân thủ đúng Pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty, quyết định của ĐHĐCĐ và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
  - b. Thực hiện các quyền - nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Tổng Công ty và cổ đông Tổng Công ty.
  - c. Trung thành với lợi ích của Tổng Công ty và cổ đông Tổng Công ty; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Tổng Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Tổng Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
  - d. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty.
- 37.3 Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điều 37.2 ở trên mà gây thiệt hại cho Tổng Công ty hoặc người khác thì các thành viên Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường nếu có thiệt hại thực tế xảy ra.
- Mọi thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điều 37.2 ở trên đều thuộc sở hữu của Tổng Công ty



Trường hợp phát hiện có thành viên Ban Kiểm soát vi phạm nghĩa vụ trong thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì HĐQT phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

- 37.4 Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và Cán bộ điều hành phải cung cấp các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát. Người phụ trách quản trị Tổng Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho HĐQT và bản sao các biên bản họp HĐQT sẽ phải được cung cấp cho Ban Kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho HĐQT.

**Điều 38: Cuộc họp của Ban Kiểm soát**

- 38.1 Ban Kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban Kiểm soát. Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban Kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban Kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban Kiểm soát.
- 38.2 Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

**Điều 39: Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát**

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

- 39.1 Thành viên Ban Kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của ĐHĐCĐ. ĐHĐCĐ quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát.
- 39.2 Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được ĐHĐCĐ chấp thuận, trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác.
- 39.3 Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng Công ty.

**CHƯƠNG X**

**TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ ĐIỀU HÀNH KHÁC CỦA TỔNG CÔNG TY**

- Điều 40: Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi**

- 40.1 Thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và Cán bộ điều hành phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
- 40.2 Thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và Cán bộ điều hành khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Tổng Công ty.
- 40.3 Thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và Cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho HĐQT, Ban Kiểm soát về các giao dịch giữa Tổng Công ty, Công ty con, công ty khác do Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của Pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do ĐHĐCĐ hoặc HĐQT chấp thuận, Tổng Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
- 40.4 Thành viên HĐQT không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty.
- 40.5 Thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
- 40.6 Giao dịch giữa Tổng Công ty với một hoặc nhiều thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, Cán bộ điều hành và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:
  - a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, Cán bộ điều hành đã được báo cáo HĐQT và được HĐQT thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên HĐQT không có lợi ích liên quan;
  - b. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 20% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, Cán bộ điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được ĐHĐCĐ thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

**Điều 41: Công khai các lợi ích liên quan**

- 41.1 Tổng Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của Tổng Công ty theo quy định tại Điều 4.46 của Luật chứng khoán và các hợp đồng, giao dịch tương ứng của họ với Tổng Công ty
- 41.2 Thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý doanh nghiệp của Tổng Công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với Tổng Công ty, bao gồm:
- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó.
  - b. Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên 10% vốn điều lệ.
- 41.3 Việc kê khai quy định tại Điều 41.2 ở trên phải được thực hiện trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Tổng Công ty trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
- 41.4 Việc lưu giữ, công khai, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:
- a. Tổng Công ty phải thông báo danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên;
  - b. Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng Công ty; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung danh sách nói trên tại các chi nhánh của Tổng Công ty.
  - c. Cổ đông, đại diện theo uỷ quyền của cổ đông, thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và Người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết;
  - d. Tổng Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại Điều 41.4(c) ở trên tiếp cận, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục, sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty
- 41.5 Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh

doanh của Tổng Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước HĐQT, Ban Kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của HĐQT chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của HĐQT thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Tổng Công ty.

**Điều 42: Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường**

- 42.1 Trách nhiệm về thiệt hại: Thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và Cán bộ điều hành vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
- 42.2 Tổng Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Tổng Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, Cán bộ điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Tổng Công Ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Tổng Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Tổng Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.
- 42.3 Những chi phí được bồi thường bao gồm: chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả chi phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ Pháp luật cho phép. Tổng Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

**CHƯƠNG XI**

**QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TỔNG CÔNG TY**

**Điều 43: Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ**

- 43.1 Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
  - a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng Công ty, biên bản họp ĐHĐCĐ và nghị quyết ĐHĐCĐ;
  - b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của HĐQT, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban Kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua HĐQT và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tổng Công ty.
- 43.2 Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

- 43.3 Thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và Cán bộ điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Tổng Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Tổng Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
- 43.4 Tổng Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết ĐHĐCĐ và HĐQT, biên bản họp ĐHĐCĐ và HĐQT, các báo cáo của HĐQT, các báo cáo của Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của Pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
- 43.5 Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty.

## **CHƯƠNG XII**

### **CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN TỔNG CÔNG TY**

#### **Điều 44: Công nhân viên và công đoàn**

- 44.1 Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch đề HĐQT thông qua về các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng lao động, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với Cán bộ điều hành và người lao động
- 44.2 Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch đề HĐQT thông qua về các vấn đề liên quan đến quan hệ của Tổng Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Tổng Công ty và Pháp luật hiện hành.

## **CHƯƠNG XIII**

### **PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

#### **Điều 45: Phân phối lợi nhuận**

- 45.1 ĐHĐCĐ quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Tổng Công ty
- 45.2 Tổng Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
- 45.3 HĐQT có thể kiến nghị ĐHĐCĐ thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và HĐQT là cơ quan thực thi quyết định này.
- 45.4 Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền, Tổng Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Tổng Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền thì Tổng Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Tổng Công ty đã chuyển cho cổ

đồng nàyg. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

- 45.5 Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, HĐQT thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông của Tổng Công ty chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần chi trả cổ tức. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Trừ trường hợp có các quyền đi kèm theo bất kỳ cổ phần nào hoặc các điều khoản phát hành cổ phiếu đó có quy định khác đi, thì mức cổ tức được chi trả theo tỷ lệ tương ứng với số lượng cổ phần cổ đông nắm giữ trong giai đoạn chi trả cổ tức.
- 45.6 Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của công ty. Công ty cổ phần chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi có đủ các điều kiện sau đây:
- Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật;
  - Đã trích lập các quỹ công ty và bù đắp lỗ trước đó theo quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty;
  - Ngay sau khi trả hết số cổ tức, công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn
- 45.7 Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, Tổng Công ty không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại các Điều 123, 124 và 125 của Luật doanh nghiệp. Tổng Công ty phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.
- 45.8 Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận Tổng Công ty thực hiện theo quy định của Pháp luật.

#### **CHƯƠNG XIV**

### **TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN**

#### **Điều 46: Tài khoản ngân hàng**

- 46.1 Tổng Công ty sẽ mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
- 46.2 Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết Tổng Công ty có thể mở tài khoản tại ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của Pháp luật.

46.3 Tổng Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Tổng Công ty mở tài khoản.

**Điều 47: Quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ**

47.1 Hàng năm, Tổng Công ty sẽ phải trích lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào quỹ đầu tư phát triển để bổ sung vốn điều lệ theo quy định của Pháp luật. Khoản trích này không được vượt quá năm phần trăm (5%) lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty và được trích cho đến khi quỹ này bằng mười phần trăm (10%) vốn điều lệ của Tổng Công ty.

47.2 Các quỹ khác do HĐQT trình ĐHĐCĐ quyết định.

47.3 HĐQT có trách nhiệm xây dựng phương án phân phối lợi nhuận và sử dụng các quỹ để trình ĐHĐCĐ quyết định cho từng năm.

**Điều 48: Năm tài chính**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm đó.

**Điều 49: Chế độ kế toán**

49.1 Chế độ kế toán Tổng Công ty sử dụng là chế độ kế toán Việt Nam (VAS) hoặc bất kỳ chế độ kế toán nào khác theo quy định của Bộ Tài chính.

49.2 Tổng Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Tổng Công ty.

49.3 Tổng Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán. Trường hợp Tổng Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước Pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

**CHƯƠNG XV**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN,  
THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG**

**Điều 50: Báo cáo năm, bán niên và quý**

50.1 Tổng Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của Pháp luật. .

50.2 Báo cáo tài chính năm phải bao gồm các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Tổng Công ty.

- 50.3 Tổng Công ty phải lập và công bố các báo cáo bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của Pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

**Điều 51: Báo cáo thường niên**

Tổng Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

**CHƯƠNG XVI**

**KIỂM TOÁN CÔNG TY**

**Điều 52: Kiểm toán**

- 52.1 ĐHĐCĐ thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với HĐQT.
- 52.2 Báo cáo kiểm toán sẽ được gửi đính kèm với báo cáo tài chính hàng năm của Tổng Công ty.
- 52.3 Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng Công ty sẽ được phép tham dự các cuộc họp ĐHĐCĐ và được quyền nhận các thông báo, các thông tin khác liên quan đến cuộc họp ĐHĐCĐ và được phát biểu ý kiến tại ĐHĐCĐ về các vấn đề liên quan đến kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

**CHƯƠNG XVII**

**CON DẤU**

**Điều 53: Con dấu**

- 53.1 Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử
- 53.2 HĐQT quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Tổng Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Tổng Công ty (nếu có);
- 53.3 HĐQT, Tổng giám đốc Tổng Công ty sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của Pháp luật hiện hành.

**CHƯƠNG XVIII**

**CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ**

**Điều 54: Chấm dứt hoạt động**

- 54.1 Tổng Công ty có thể giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trước thời hạn trong những trường hợp sau:
- a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Tổng Công ty;



- b. Theo nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ;
  - c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác
  - d. Toà án tuyên bố Tổng Công ty phá sản theo quy định của Pháp luật hiện hành.
  - e. Các trường hợp khác do Pháp luật quy định.
- 54.2 Việc giải thể Tổng Công ty do ĐHĐCĐ quyết định, HĐQT thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền theo quy định.
- 54.3 Trường hợp Tổng Công ty lâm vào tình trạng phá sản sẽ được xử lý theo quy định của pháp luật về phá sản.

**Điều 55: Trường hợp bế tắc giữa các thành viên HĐQT và cổ đông**

Trừ khi Pháp luật và Điều lệ này có quy định khác, các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên HĐQT có quyền đệ đơn khiếu nại tới Toà để yêu cầu giải thể theo một hay một số căn cứ sau:

- 55.1 Trường hợp các thành viên HĐQT không thống nhất trong quản lý các công việc của Tổng Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để HĐQT có thể hoạt động.
- 55.2 Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên HĐQT.
- 55.3 Có sự bất đồng nội bộ dẫn đến sự chia rẽ trong các cổ đông mà giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông, thì các cổ đông sở hữu trên năm phần trăm (5%) cổ phần phổ thông có quyền đệ đơn ra toà án có thẩm quyền để yêu cầu giải quyết. Việc đệ đơn ra toà này độc lập với quá trình khởi kiện nêu tại Điều 55.2 ở trên.
- 55.4 Trường hợp có tình trạng nêu tại Điều 55.1 ở trên mà tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ không thể giải quyết được, cổ đông/nhóm cổ đông sở hữu trên năm phần trăm (5%) tổng số cổ phần phổ thông có thể nhân danh mình hoặc nhân danh Tổng Công ty khởi kiện thành viên HĐQT theo họ bị coi là có lỗi dẫn đến tình trạng bế tắc nêu trên ra Toà án vì đã vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty theo Điều 165 của Luật doanh nghiệp.

**Điều 56: Thanh lý**

- 56.1 Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Tổng Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Tổng Công ty, HĐQT sẽ phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do ĐHĐCĐ chỉ định và một (01) thành viên do HĐQT chỉ định từ một Công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Tổng Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Tổng Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Tổng Công ty.

- 56.1 Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Tổng Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Tổng Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
- 56.2 Trừ trường hợp Pháp luật có quy định khác đi, tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
- Các chi phí thanh lý.
  - Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc hoặc mất việc (nếu có), bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký.
  - Nợ thuế.
  - Các khoản nợ khác của Tổng Công ty.
  - Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản từ điểm a đến e trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước

## **CHƯƠNG XIX**

### **GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

#### **Điều 57: Giải quyết tranh chấp nội bộ**

- 57.1 Khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Tổng Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ Tổng Công ty, các quy định Pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa, giữa: (i) Cổ đông với Tổng Công ty; hoặc (ii) Cổ đông với HĐQT, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc hay Cán bộ điều hành, thì các bên liên quan sẽ giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải, kể cả thông qua trung gian hoà giải theo nguyên tắc sau:
- Nếu tranh chấp không liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch HĐQT sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh.
  - Nếu tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, các bên sẽ yêu cầu một bên thứ ba độc lập phải là luật sư hoặc tổ chức luật sư được phép hành nghề làm trung gian hoà giải.
- 57.2 Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng sáu (06) tuần kể từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định hòa giải không được các bên chấp thuận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế để giải quyết.
- 57.3 Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Các chi phí của Tòa án sẽ do Tòa phán quyết bên nào phải chịu.

**CHƯƠNG XX**

**BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ**

**Điều 58: Bổ sung và sửa đổi Điều lệ**

- 58.1 Trừ những nội dung về trụ sở chính và ngành nghề kinh doanh và việc điều chỉnh vốn điều lệ do chào bán cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán quy định tại Điều lệ Tổng Công ty đã uỷ quyền cho HĐQT, việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được ĐHĐCĐ xem xét quyết định.
- 58.2 Trong trường hợp có những quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Tổng Công ty.

**CHƯƠNG XXI**

**NGÀY HIỆU LỰC**

**Điều 59: Ngày hiệu lực**

- 59.1 Bản Điều lệ này gồm XXI Chương 59 Điều đã được ĐHĐCĐ Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ thông qua ngày 15 tháng 4 năm 2023 tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ và cùng chấp thuận toàn văn của Điều lệ này.
- 59.2 Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:
- 01 (một) bản đăng ký tại cơ quan Đăng ký kinh doanh theo quy định.
  - 09 (chín) bản lưu trữ tại trụ sở chính Tổng Công ty.
- 59.3 Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Tổng Công ty.

*Đà Nẵng, ngày 9 tháng 6 năm 2023*

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY HÒA THỌ  
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



*Nguyễn Văn Hải*

Số: 498/HT-THPL

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 8 năm 2023

(v/v : Danh sách các văn bản pháp luật  
điều chỉnh hoạt động của Công ty)

**Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh**

Tổng Công ty cổ phần Dệt may Hòa Thọ xin được giới thiệu về văn bản pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty gồm :

- Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/6/2006;
- Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21/11/2007;
- Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ tài chính ban hành ngày 22/12/2014 về hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp;
- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Quyết định số 17/QĐ-HĐTV ngày 31/03/2022 của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam về việc ban hành Quy chế niêm yết và giao dịch chứng khoán niêm yết;
- Quyết định số 85/QĐ-SGDHCM ngày 19/03/2018 của Tổng Giám đốc SGDCK thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành quy chế niêm yết chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh;
- Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 96/2020/TT-BTC của Bộ tài chính ngày 16/11/2020 hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY HÒA THỌ**  
TỔNG GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu văn thư;



*Nguyễn Văn Hải*

TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM  
TỔNG CÔNG TY CP DỆT MAY HOÀ THỌ  
(30 00 20)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC  
(30 00 20)



# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG KIỂM TOÁN NĂM 2020**





**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

**Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2020**

18/12/2020



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận**

**Đăng ký Doanh nghiệp số 0400101556**

**ngày 30 tháng 1 năm 2007**

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0400101556 ngày 30 tháng 7 năm 2020. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Nguyễn Đức Trí Ông Phạm Văn Tân Bà Trần Tường Anh Ông Nguyễn Ngọc Bình Ông Lê Quốc Ấn Ông Nguyễn Văn Hải	Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên (từ ngày 26/6/2020)
<b>Ban Kiểm soát</b>	Bà Nguyễn Thị Kim Khanh Bà Nguyễn Thị Huệ Ông Nguyễn Thanh Sơn Ông Nguyễn Ngọc Cách	Trưởng ban (từ ngày 26/6/2020) Trưởng ban (đến ngày 25/6/2020) Thành viên Thành viên
<b>Ban điều hành</b>	Ông Nguyễn Văn Hải  Ông Nguyễn Đức Trí Bà Hoàng Thùy Oanh Bà Trần Tường Anh Ông Nguyễn Ngọc Bình Bà Trần Thị Hòa Châu  Ông Phạm Ngọc Trung Ông Phan Văn Phước Ông Phan Quang Long Ông Nguyễn Phước Hoàng Ông Nguyễn Văn Cường  Bà Nguyễn Thị Tường Long	Tổng Giám đốc (từ ngày 1/8/2020) Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 31/7/2020) Tổng Giám đốc (đến ngày 31/7/2020) Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1/8/2020) Giám đốc điều hành (đến ngày 31/7/2020) Giám đốc điều hành Giám đốc điều hành Giám đốc điều hành Giám đốc điều hành (từ ngày 1/8/2020) Giám đốc điều hành (từ ngày 1/1/2020) Kế toán trưởng (đến ngày 30/6/2020) Kế toán trưởng (từ ngày 1/7/2020)
<b>Trụ sở đăng ký</b>	36 Phố Ông Ích Đường Phường Hòa Thọ Đông, Quận Cẩm Lệ Thành phố Đà Nẵng Việt Nam	
<b>Công ty kiểm toán</b>	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	



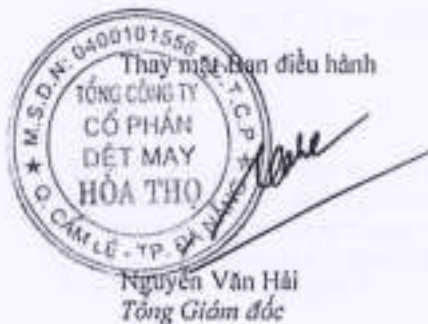
**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Báo cáo của Ban điều hành**

Ban điều hành Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ ("Tổng Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ban điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban điều hành Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 41 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban điều hành Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban điều hành Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.



Chứng thực bản sao đúng với bản chính  
Số: 002401 Quyền số: 01/202...-SCT/BS

Ngày 08-06-2023

**PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 3 năm 2021



**Trần Thị Bảo Khuyên**

00112  
CÔNG  
ĐỊCH NHÉ  
KP  
TỰ LỆ



KPMG Limited  
46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi các Cổ đông  
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ ("Tổng Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban điều hành Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 12 tháng 3 năm 2021, được trình bày từ trang 5 đến trang 41.

### **Trách nhiệm của Ban điều hành**

Ban điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban điều hành Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

11/1/2021



### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam  
Báo cáo kiểm toán số: 20-02-00270-21-1



Đoàn Thanh Toán  
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số: 3073-2019-007-1  
Phó Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2021

Phạm Thị Thủy Linh  
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số: 3065-2019-007-1

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>903.874.975.508</b>	<b>894.705.391.659</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>31.978.925.915</b>	<b>16.093.433.378</b>
Tiền	111		4.769.925.915	16.093.433.378
Các khoản tương đương tiền	112		27.209.000.000	-
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>24.357.800.000</b>	<b>15.283.145.329</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	24.357.800.000	15.283.145.329
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>348.912.806.303</b>	<b>247.466.510.946</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	328.293.580.969	198.776.499.124
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		20.151.453.649	29.719.519.474
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		591.200.000	611.200.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	5.381.647.297	23.599.161.137
Dự phòng phải thu khó đòi	137	8	(5.540.350.289)	(5.239.868.789)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		35.274.677	-
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>465.224.592.977</b>	<b>581.752.111.087</b>
Hàng tồn kho	141		469.854.979.554	582.229.097.240
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.630.386.577)	(476.986.153)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>33.400.850.313</b>	<b>34.110.190.919</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13(a)	6.262.364.210	8.128.995.064
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		27.138.486.103	25.981.195.855

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

Mẫu B 01 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>622.602.219.739</b>	<b>636.701.895.689</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.165.096.000</b>	<b>4.384.390.930</b>
Phải thu về cho vay dài hạn	215		710.200.000	1.010.200.000
Phải thu dài hạn khác	216		454.896.000	3.374.190.930
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>510.979.330.930</b>	<b>492.643.538.690</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	10	509.739.561.698	491.362.742.109
Nguyên giá	222		1.446.173.345.962	1.321.349.755.527
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(936.433.784.264)	(829.987.013.418)
Tài sản cố định vô hình	227	11	1.239.769.232	1.280.796.581
Nguyên giá	228		10.308.304.109	9.485.881.773
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(9.068.534.877)	(8.205.085.192)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>3.708.155.197</b>	<b>34.574.549.250</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	3.708.155.197	34.574.549.250
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>85.882.976.572</b>	<b>85.152.013.769</b>
Đầu tư vào công ty con	251	5(b)	92.748.900.000	92.748.900.000
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	5(b)	10.428.000.000	10.428.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5(b)	7.755.702.000	7.755.702.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5(b)	(25.049.625.428)	(25.780.588.231)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>20.866.661.040</b>	<b>19.947.403.050</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	13(b)	20.866.661.040	19.947.403.050
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>1.526.477.195.247</b>	<b>1.531.407.287.348</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

Mẫu B 01 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>1.084.681.934.024</b>	<b>1.081.121.891.600</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>858.784.280.099</b>	<b>830.326.304.679</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	194.902.149.019	222.237.728.716
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		33.068.610.755	5.873.194.773
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	9.790.972.826	7.575.453.664
Phải trả người lao động	314		230.636.580.011	285.792.259.695
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	4.041.127.905	3.885.294.131
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1.090.909.090	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	19.156.055.225	14.492.651.302
Vay ngắn hạn	320	18(a)	293.574.083.910	220.286.814.127
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	19	72.523.791.358	70.182.908.271
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>225.897.653.925</b>	<b>250.795.586.921</b>
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		10.740.759.952	11.889.559.587
Vay dài hạn	338	18(b)	215.156.893.973	238.906.027.334
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>441.795.261.223</b>	<b>450.285.395.748</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>441.795.261.223</b>	<b>450.285.395.748</b>
Vốn cổ phần	411	21	225.000.000.000	225.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		225.000.000.000	225.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	22	128.382.421.384	110.084.210.730
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		88.412.839.839	115.201.185.018
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		31.193.614.548	-
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		57.219.225.291	115.201.185.018
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.526.477.195.247</b>	<b>1.531.407.287.348</b>

Ngày 12 tháng 3 năm 2021

Người lập:

Đặng Thị Oanh Nữ  
Chuyên viên

Người duyệt:

Nguyễn Thị Tường Long  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hải  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**


**Mẫu B 02 - DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	3.063.261.637.598	4.043.727.518.418
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		949.307.105	919.769.881
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>		<b>3.062.312.330.493</b>	<b>4.042.807.748.537</b>
Giá vốn hàng bán	11		2.841.994.009.616	3.732.282.608.293
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>220.318.320.877</b>	<b>310.525.140.244</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	24.730.696.611	26.892.344.573
Chi phí tài chính	22	27	20.176.891.980	36.918.039.426
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>13.413.767.697</i>	<i>24.815.698.008</i>
Chi phí bán hàng	25	28	67.508.676.261	72.747.925.144
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	92.770.210.634	106.994.590.897
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))</b>	<b>30</b>		<b>64.593.238.613</b>	<b>120.756.929.350</b>
Thu nhập khác	31	30	2.824.063.643	1.763.703.791
Chi phí khác	32	31	2.883.254.527	1.842.318.031
<b>Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(59.190.884)</b>	<b>(78.614.240)</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>64.534.047.729</b>	<b>120.678.315.110</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	7.314.822.438	5.477.130.092
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>		<b>57.219.225.291</b>	<b>115.201.185.018</b>

Ngày 12 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Đặng Thị Oanh Nữ  
Chuyên viên



Nguyễn Thị Tường Long  
Kế toán trưởng




Nguyễn Văn Hải  
Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>64.534.047.729</b>	<b>120.678.315.110</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		122.085.337.050	144.567.123.738
Các khoản dự phòng	03		3.722.919.121	6.800.465.470
Lãi/(lãi) chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		523.512.991	(491.235.300)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(5.128.797.218)	(4.524.542.829)
Chi phí lãi vay	06		13.413.767.697	24.815.698.008
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>199.150.787.370</b>	<b>291.845.824.197</b>
Biến động các khoản phải thu	09		(102.282.646.237)	36.316.186.875
Biến động hàng tồn kho	10		112.374.117.686	135.745.682.227
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(51.299.973.424)	32.772.902.263
Biến động chi phí trả trước	12		2.037.689.687	(4.745.235.716)
			<b>159.979.975.082</b>	<b>491.935.359.846</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(13.417.991.892)	(25.025.196.540)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(6.330.595.574)	(6.108.323.686)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		280.116.099	310.144.999
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(7.398.592.828)	(7.552.905.632)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>133.112.910.887</b>	<b>453.559.078.987</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(105.388.894.373)	(108.726.712.401)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		875.330.727	285.545.454
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(28.305.000.000)	(1.567.465.246)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		19.550.345.329	825.300.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		-	(47.970.000.000)
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27		2.646.694.823	2.465.156.117
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(110.621.523.494)</b>	<b>(154.688.176.076)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		2.416.676.193.087	2.853.912.357.391
Tiền trả nợ gốc vay	34		(2.367.300.443.672)	(3.103.375.011.916)
Tiền trả cổ tức	36		(56.058.350.947)	(56.161.728.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(6.682.601.532)</b>	<b>(305.624.383.025)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>15.808.785.861</b>	<b>(6.753.480.114)</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		16.093.433.378	22.653.298.944
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		76.706.676	193.614.548
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>31.978.925.915</b>	<b>16.093.433.378</b>

Ngày 12 tháng 3 năm 2021

Người lập:

Đặng Thị Oanh Nữ  
Chuyên viên

Người duyệt:

Nguyễn Thị Tường Long  
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Hải  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

## Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

### Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

#### 1. Đơn vị báo cáo

##### (a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

##### (b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng may mặc, vải, sợi chỉ khâu, các loại thiết bị, nguyên phụ liệu, phụ tùng ngành dệt may.

##### (c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

##### (d) Các đặc điểm hoạt động có ảnh hưởng lớn đến báo cáo tài chính

Dại dịch Covid-19 được xác nhận lần đầu tiên tại Việt Nam tại ngày 23 tháng 1 năm 2020. Chính phủ Việt Nam đã thực hiện nhiều biện pháp ngăn chặn, trong đó có việc thực hiện cách ly xã hội từ ngày 1 tháng 4 năm 2020. Từ ngày 23 tháng 4 năm 2020, Việt Nam cơ bản đã dừng cách ly xã hội và các hoạt động kinh tế, xã hội trong nước đã dần quay lại trạng thái bình thường. Tuy nhiên, số ca lây nhiễm trên toàn thế giới vẫn tiếp tục gia tăng trong năm 2020. Ngày 28 tháng 1 năm 2021, dịch Covid-19 đã bùng phát trở lại tại Quảng Ninh và Hải Dương, và lan sang một số tỉnh thành khác. Đại dịch Covid-19 ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh của nhiều doanh nghiệp ở nhiều ngành nghề khác nhau. Mức độ ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty phụ thuộc vào diễn biến của dịch bệnh trong tương lai bao gồm thời gian và mức độ lây lan của dịch bệnh và các thông tin không thể dự đoán chắc chắn được tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này.

##### (e) Cấu trúc Tổng Công ty

Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm Tổng Công ty và các đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty:

Tên	Thông tin chính
• Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ tại Thành phố Hồ Chí Minh	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-001 ngày 27 tháng 12 năm 2013 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty
• Chi nhánh Thành phố Hà Nội - Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-003 ngày 21 tháng 10 năm 2015 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tên	Thông tin chính
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ - Công ty May Hòa Thọ Điện Bàn	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-004 ngày 14 tháng 3 năm 2007 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ - Công ty May Hòa Thọ - Đông Hà	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Trị theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-008 ngày 18 tháng 5 năm 2007 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty.
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ tại Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-009 ngày 31 tháng 8 năm 2016 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty.
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ - Nhà máy May Hòa Thọ - Quảng Ngãi	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ngãi theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-014 ngày 31 tháng 10 năm 2016 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty.
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ - Nhà máy May Quế Sơn - Quảng Nam	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-019 ngày 29 tháng 3 năm 2019 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty.
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ - Nhà máy May Hòa Thọ Triệu Phong	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Trị theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-020 ngày 29 tháng 7 năm 2020 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng Công ty có 5 công ty con và 2 công ty liên kết (1/1/2020: 5 công ty con và 2 công ty liên kết), được liệt kê trong Thuyết minh 5(b).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng Công ty có 8.751 nhân viên (1/1/2020: 9.243 nhân viên).

## 2. Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

### (a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Tổng Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(c) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban điều hành Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

W  
a  
r  
c  
A  
R  
1  
/20

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết**

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Tổng Công ty tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm có cơ sở cho thấy có giá trị suy giảm tại đơn vị nhận đầu tư so với giá trị đầu tư của Tổng Công ty. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Tổng Công ty tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm có cơ sở cho thấy có giá trị suy giảm tại đơn vị nhận đầu tư so với giá trị đầu tư của Tổng Công ty. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

• nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25 năm
• máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
• phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
• thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
• tài sản khác	2 – 5 năm

**(g) Tài sản cố định vô hình**

***Phần mềm máy vi tính***

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

**(h) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(i) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(ii) Chi phí trả trước dài hạn khác**

Chi phí trả trước dài hạn khác ban đầu được thể hiện theo nguyên giá, và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 3 năm.

**(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(k) Vốn cổ phần**

**Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(l) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trước hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp băng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(m) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

**(ii) Doanh thu dịch vụ gia công**

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(iv) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

**(n) Thuê tài sản**

***Các khoản thanh toán tiền thuê***

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

**(o) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

**(p) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(q) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính trước hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty trong năm trước.

**4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tiền mặt	58.097.500	48.483.000
Tiền gửi ngân hàng	4.711.828.415	16.044.950.378
Các khoản tương đương tiền (i)	27.209.000.000	-
	<u>31.978.925.915</u>	<u>16.093.433.378</u>

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng với lãi suất năm từ 3,5% đến 4,0% tại các ngân hàng thương mại.

**5. Các khoản đầu tư tài chính**

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại các ngân hàng với lãi suất năm từ 4,9% đến 6,9% (2019: từ 6,2% đến 7,7%).

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Địa chỉ	31/12/2020				1/1/2020					
		Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Đầu tư góp vốn vào:</b>											
<i>Công ty con</i>											
Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ	Đà Nẵng	266.790	76,88%	76,88%	2.667.900.000	-	266.790	76,88%	76,88%	2.667.900.000	-
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Hội An	Quảng Nam	541.800	54,18%	54,18%	5.418.000.000	(1.406.845.655)	541.800	54,18%	54,18%	5.418.000.000	(2.303.967.220)
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Duy Xuyên	Quảng Nam	817.300	81,73%	81,73%	8.173.000.000	-	817.300	81,73%	81,73%	8.173.000.000	-
Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ - Thăng Bình	Quảng Nam	7.449.000	74,49%	74,49%	74.490.000.000	(13.097.985.065)	7.449.000	74,49%	74,49%	74.490.000.000	(13.183.461.654)
Công ty TNHH MTV Cơ khí Xây dựng Hòa Thọ	Đà Nẵng	-	100%	100%	2.000.000.000	(52.526.485)	-	100%	100%	2.000.000.000	(103.601.930)
					<b>92.748.900.000</b>	<b>(14.557.357.205)</b>				<b>92.748.900.000</b>	<b>(15.591.030.804)</b>
<i>Công ty liên kết</i>											
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam	Quảng Nam	642.800	32,14%	32,14%	6.428.000.000	-	642.800	32,14%	32,14%	6.428.000.000	-
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh	Quảng Nam	400.000	20,00%	20,00%	4.000.000.000	(4.000.000.000)	400.000	20,00%	20,00%	4.000.000.000	(3.790.455.319)
					<b>10.428.000.000</b>	<b>(4.000.000.000)</b>				<b>10.428.000.000</b>	<b>(3.790.455.319)</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Địa chỉ	31/12/2020					1/1/2020				
		Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<i>Đơn vị khác</i>											
Công ty Cổ phần Bông vải Miền Trung	Khánh Hòa	65.000	7,12%	7,12%	855.702.000	(192.268.223)	65.000	7,12%	7,12%	855.702.000	(99.102.108)
Công ty Cổ phần Bao bì Hòa Thọ Quảng Đà	Quảng Nam	60.000	10,91%	10,91%	600.000.000	-	60.000	10,91%	10,91%	600.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dệt May TP. Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	630.000	14,00%	14,00%	6.300.000.000	(6.300.000.000)	630.000	14,00%	14,00%	6.300.000.000	(6.300.000.000)
					7.755.702.000	(6.492.268.223)					
					110.932.602.000	(25.049.625.428)					
					7.755.702.000	(6.399.102.108)					
					110.932.602.000	(25.780.588.231)					

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn**

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Motives International (Hong Kong) Limited	78.078.624.227	-
Supreme International LLC	44.510.862.972	12.314.022.810
Haggar Clothing Co.	41.683.438.845	17.192.915.288
Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ - Thăng Bình	24.438.135.948	11.483.575.394
Haggar Canada Co.	24.148.352.799	10.190.165.438
Kuraray Trading Co., Ltd	13.948.063.314	14.279.004.420
Destination XL Group Inc	13.065.753.409	6.633.439.143
Gamal Ibrahim Ahmed Al Okiya	11.522.746.487	20.603.670.118
Motives (Far East) Limited	-	56.398.152.308
Các khách hàng khác	76.897.602.968	49.681.554.205
	328.293.580.969	198.776.499.124

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, không có khoản phải thu khách hàng nào (1/1/2020: 161.000 triệu VND) được dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty (Thuyết minh 18(a)).

**(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan**

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
<b>Công ty mẹ</b>		
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	83.811.334	182.883.842
<b>Các công ty con</b>		
Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ - Thăng Bình	24.438.135.948	11.483.575.394
Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ	164.715.800	133.128.055
	24.686.663.082	11.799.587.291

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**7. Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kí quỹ, kí cược ngắn hạn	2.954.777.668	20.148.452.031
Tạm ứng	551.970.821	838.622.071
Phải thu khác	1.874.898.808	2.612.087.035
	<hr/>	<hr/>
	5.381.647.297	23.599.161.137

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ  
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Nợ xấu và nợ khó đòi

	31/12/2020			1/1/2020				
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn Công ty TNHH Dịch vụ - Thương mại Duyên Đạt Công ty Cổ phần Đầu tư Phong Phú Sơn Trà Công ty TNHH May Phủ Tường	Trên 3 năm	4.833.744.036	(4.833.744.036)	-	Từ 1 - 3 năm	4.833.744.036	(4.833.744.036)	-
	Trên 3 năm	406.124.753	(406.124.753)	-	Trên 3 năm	406.124.753	(406.124.753)	-
	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	1.001.605.000	(300.481.500)	701.123.500	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	-	-	-
		<u>6.241.473.789</u>	<u>(5.540.350.289)</u>	<u>701.123.500</u>		<u>5.239.868.789</u>	<u>(5.239.868.789)</u>	<u>-</u>
<i>Trong đó:</i>								
Dự phòng phải thu khó đòi			<u>(5.540.350.289)</u>				<u>(5.239.868.789)</u>	

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**9. Hàng tồn kho**

	31/12/2020		1/1/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	46.721.220.081	-	61.917.550.070	-
Nguyên vật liệu	109.744.922.498	-	131.806.812.804	-
Công cụ và dụng cụ	2.267.538.947	-	272.269.923	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	179.244.369.392	-	253.102.387.481	-
Thành phẩm	90.986.785.236	(4.458.136.712)	115.126.808.300	(476.986.153)
Hàng hóa	4.493.090.254	-	3.776.301.534	-
Hàng gửi đi bán	36.397.053.146	(172.249.865)	16.226.967.128	-
	<b>469.854.979.554</b>	<b>(4.630.386.577)</b>	<b>582.229.097.240</b>	<b>(476.986.153)</b>

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có 20.315 triệu VND (1/1/2020: 2.101 triệu VND) hàng thành phẩm và hàng gửi đi bán được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 362.138 triệu VND (1/1/2020: 265.000 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty (Thuyết minh 18(a)).

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**10. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	281.291.392.471	905.639.983.730	37.867.123.965	6.788.550.282	89.762.705.079	1.321.349.755.527
Tăng trong năm	893.294.316	13.097.863.785	1.792.620.038	74.000.000	897.240.148	16.755.018.287
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	73.449.649.745	32.120.018.405	17.842.681.438	676.052.346	69.300.000	124.157.701.934
Thanh lý	-	(14.832.449.390)	(64.277.775)	(80.890.945)	-	(14.977.618.110)
Giảm khác	(1.111.511.676)	-	-	-	-	(1.111.511.676)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>354.522.824.856</b>	<b>936.025.416.530</b>	<b>57.438.147.666</b>	<b>7.457.711.683</b>	<b>90.729.245.227</b>	<b>1.446.173.345.962</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	119.130.159.107	617.112.612.254	27.889.304.565	5.399.228.297	60.455.709.195	829.987.013.418
Khấu hao trong năm	16.343.152.529	90.486.859.114	3.243.143.449	682.373.449	10.466.358.824	121.221.887.365
Thanh lý	-	(14.645.297.967)	(27.732.754)	(80.890.945)	-	(14.753.921.666)
Giảm khác	(21.194.853)	-	-	-	-	(21.194.853)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>135.452.116.783</b>	<b>692.954.173.401</b>	<b>31.104.715.260</b>	<b>6.000.710.801</b>	<b>70.922.068.019</b>	<b>936.433.784.264</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu năm	162.161.233.364	288.527.371.476	9.977.819.400	1.389.321.985	29.306.995.884	491.362.742.109
Số dư cuối năm	219.070.708.073	243.071.243.129	26.333.432.406	1.457.000.882	19.807.177.208	509.739.561.698



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có các tài sản có nguyên giá 565.571 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2020: 457.925 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 274.014 triệu VND (1/1/2020: 300.147 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay ngắn hạn (Thuyết minh 18(a)) và dài hạn (Thuyết minh 18(b)) của Tổng Công ty.

**11. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy vi tính VND
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm	9.485.881.773
Tăng trong năm	822.422.336
	10.308.304.109
<b>Số dư cuối năm</b>	10.308.304.109
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	8.205.085.192
Khấu hao trong năm	863.449.685
	9.068.534.877
<b>Số dư cuối năm</b>	9.068.534.877
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm	1.280.796.581
Số dư cuối năm	1.239.769.232

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 7.494 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (1/1/2020: 3.895 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

**12. Xây dựng cơ bản dở dang**

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	34.574.549.250	700.431.824
Tăng trong năm	93.291.307.881	84.085.846.019
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(124.157.701.934)	(50.211.728.593)
	3.708.155.197	34.574.549.250
<b>Số dư cuối năm</b>	3.708.155.197	34.574.549.250

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Nhà máy May Triệu Phong	2.363.605.351	339.482.363
Máy móc thiết bị sợi	575.750.000	4.442.285.100
Tổ hợp trung tâm may đo thời trang - showroom - văn phòng cho thuê	-	26.342.272.713
Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt Tổng Công ty	-	2.841.983.614
Các công trình khác	768.799.846	608.525.460
	<b>3.708.155.197</b>	<b>34.574.549.250</b>

**13. Chi phí trả trước**

**(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Trả trước phí bảo hiểm	1.212.069.547	1.273.613.628
Công cụ và dụng cụ	2.118.749.562	1.933.789.593
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	742.175.166	588.888.888
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.189.369.935	4.332.702.955
	<b>6.262.364.210</b>	<b>8.128.995.064</b>

**(b) Chi phí trả trước dài hạn**

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí trả trước dài hạn khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	12.406.111.463	7.541.291.587	19.947.403.050
Tăng trong năm	9.349.710.566	3.648.374.422	12.998.084.988
Phân bổ trong năm	(9.148.911.286)	(2.929.915.712)	(12.078.826.998)
Số dư cuối năm	<b>12.606.910.743</b>	<b>8.259.750.297</b>	<b>20.866.661.040</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hoà Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**14. Phải trả người bán ngắn hạn**

**(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	16.754.023.232	34.194.954.604
Công ty Cổ phần May Hoà Thọ - Quảng Nam	12.453.389.509	8.603.204.098
Viterra B.V	12.365.622.756	-
Hultafors Group AB	12.009.223.239	26.352.941.612
Công ty Cổ phần Năng lượng Mặt trời Phương Đông	9.363.864.900	-
Kwong Lung Enterprise Co., Ltd	8.354.163.269	10.607.188.352
Multi-Fiber Handels GmbH	8.302.486.916	-
Devcot S.A	7.459.357.394	8.445.135
Motives International (Hong Kong) Limited	7.140.332.328	-
Fujian Jing Wei New Fiber Science and Technology Co., Ltd.	4.088.507.674	4.427.898.042
Công ty TNHH Thương mại – Sản xuất Bao Bì Hải Vương	4.068.564.372	4.565.485.391
Carreman International Corporation	392.528.610	10.270.057.281
Toyo Cotton (Japan) Co., Ltd	-	16.290.899.039
Các nhà cung cấp khác	92.150.084.820	106.916.655.162
	<b>194.902.149.019</b>	<b>222.237.728.716</b>

**(b) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
<b>Công ty mẹ</b>		
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	16.754.023.232	34.194.954.604
<b>Công ty con</b>		
Công ty TNHH MTV Cơ khí xây dựng Hoà Thọ	298.894.535	530.019.630
<b>Công ty liên kết</b>		
Công ty Cổ phần May Hoà Thọ - Quảng Nam	12.453.389.509	8.603.204.098
<b>Các bên liên quan khác trong Tập đoàn Dệt May Việt Nam</b>		
Công ty TNHH Coats Phong Phú	3.173.676.976	3.334.000.925
Công ty Cổ phần Dệt May Huế	-	103.455.000
	<b>32.679.984.252</b>	<b>46.765.634.257</b>

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2020 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/bù trừ trong năm VND	31/12/2020 VND
Thuế giá trị gia tăng	5.821.671.181	93.179.478.234	(92.052.196.841)	6.948.952.574
Thuế nhập khẩu	16.162.399	635.827.803	(498.034.460)	153.955.742
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.604.344.551	7.314.822.438	(6.330.595.574)	2.588.571.415
Thuế thu nhập cá nhân	133.275.533	3.115.286.308	(3.149.068.746)	99.493.095
Tiền thuê đất	-	3.984.142.711	(3.984.142.711)	-
Các loại thuế khác	-	1.989.633.517	(1.989.633.517)	-
	<u>7.575.453.664</u>	<u>110.219.191.011</u>	<u>(108.003.671.849)</u>	<u>9.790.972.826</u>

**16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Chi phí hoạt động	2.117.493.080	2.110.528.724
Chi phí lãi vay	152.031.851	156.256.046
Các khoản trích trước khác	1.771.602.974	1.618.509.361
	<u>4.041.127.905</u>	<u>3.885.294.131</u>

**17. Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Kinh phí công đoàn	14.738.128.892	11.403.989.363
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	168.706.830	169.689.715
Tiền chi hộ còn thừa phải trả lại	311.000.301	46.573.547
Cổ tức phải trả	985.785.100	794.136.047
Quỹ ái hữu, quỹ tương trợ	763.983.681	755.485.878
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.188.450.421	1.322.776.752
	<u>19.156.055.225</u>	<u>14.492.651.302</u>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**18. Vay**

**(a) Vay ngắn hạn**

	<b>1/1/2020</b> Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	<b>Tăng</b> VND	<b>Giảm</b> VND	<b>Chênh lệch tỷ giá</b> chưa thực hiện VND	<b>31/12/2020</b> Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	186.235.161.933	2.416.676.193.087	(2.333.248.791.711)	419.507.449	270.082.070.758
Vay dài hạn đến hạn trả	34.051.652.194	23.517.323.227	(34.051.651.961)	(25.310.308)	23.492.013.152
	<b>220.286.814.127</b>	<b>2.440.193.516.314</b>	<b>(2.367.300.443.672)</b>	<b>394.197.141</b>	<b>293.574.083.910</b>

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	<b>Loại tiền</b>	<b>Lãi suất năm</b>	<b>31/12/2020</b> VND	<b>1/1/2020</b> VND
Vay ngân hàng 1 (i)	USD	1,7%	110.137.931.723	70.810.873.842
Vay ngân hàng 2 (i)	USD	1,9%	60.270.102.318	71.869.050.029
Vay ngân hàng 3 (i)	USD	3,0%	-	14.267.114.284
Vay ngân hàng 4 (i)	USD	1,75%	18.590.292.990	8.747.291.103
Vay ngân hàng 5 (i)	USD	1,75%	73.124.475.103	20.360.832.675
Vay ngân hàng 6 (ii)	USD	1,6%	7.779.268.624	-
Vay Ban liên lạc lưu trữ (ii)	VND	10%	180.000.000	180.000.000
			<b>270.082.070.758</b>	<b>186.235.161.933</b>

(i) Các khoản vay này được đảm bảo bằng một số hàng tồn kho (Thuyết minh 9) và tài sản cố định của Tổng Công ty (Thuyết minh 10).

(ii) Các khoản vay này không được đảm bảo.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Vay dài hạn**

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Vay dài hạn	238.648.907.125	272.957.679.528
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(23.492.013.152)	(34.051.652.194)
	215.156.893.973	238.906.027.334

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Vay ngân hàng 1 (i)	USD	4,0%	2021	7.265.857.614	21.821.057.092
Vay ngân hàng 2 (i)	USD	3,25% - 3,75%	2020	-	2.548.445.228
Vay ngân hàng 3 (i)	USD	5,0%	2021	629.624.297	1.894.006.713
Vay ngân hàng 4 (i)	USD	5,0%	2021	913.199.685	2.285.470.415
Vay ngân hàng 5 (i)	USD	5,2% - 5,7%	2022	11.633.967.686	17.630.753.393
Kuraray Trading Co., Ltd. (ii)	USD	2,5%	2021	4.640.800.000	9.291.600.000
Tập đoàn Dệt May Việt Nam – Công ty mẹ (iii)	USD	LIBOR + 0,7%	2039	213.565.457.843	217.486.346.687
				238.648.907.125	272.957.679.528

- (i) Các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty (Thuyết minh 10).
- (ii) Khoản vay này không được đảm bảo.
- (iii) Đây là khoản vay được Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho vay lại từ nguồn vốn vay của Ngân hàng Phát triển Châu Á (“ADB”) và có hạn mức là 9.042.587 USD.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	70.182.908.271	53.823.477.760
Trích lập trong năm	9.459.359.816	23.602.191.144
Tăng khác	280.116.099	310.144.999
Sử dụng trong năm	(7.398.592.828)	(7.552.905.632)
Số dư cuối năm	72.523.791.358	70.182.908.271

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**20. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	225.000.000.000	94.980.528.117	94.955.873.757	414.936.401.874
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	115.201.185.018	115.201.185.018
Phân bổ vào các quỹ	-	15.103.682.613	(15.103.682.613)	-
Cổ tức	-	-	(56.250.000.000)	(56.250.000.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(23.602.191.144)	(23.602.191.144)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020</b>	<b>225.000.000.000</b>	<b>110.084.210.730</b>	<b>115.201.185.018</b>	<b>450.285.395.748</b>
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	57.219.225.291	57.219.225.291
Phân bổ vào các quỹ	-	18.298.210.654	(18.298.210.654)	-
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	(56.250.000.000)	(56.250.000.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(9.459.359.816)	(9.459.359.816)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>	<b>225.000.000.000</b>	<b>128.382.421.384</b>	<b>88.412.839.839</b>	<b>441.795.261.223</b>



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**21. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	31/12/2020 và 1/1/2020	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	22.500.000	225.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	22.500.000	225.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	22.500.000	225.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

Vốn cổ phần đã phát hành cho các cổ đông như sau:

	31/12/2020 và 1/1/2020		
	Đã phát hành và đang lưu hành		
	Số cổ phiếu	VND	%
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	14.615.621	146.156.210.000	64,96%
Các cổ đông khác	7.884.379	78.843.790.000	35,04%
	22.500.000	225.000.000.000	100%

**22. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**23. Cổ tức**

Tại cuộc họp ngày 26 tháng 6 năm 2020, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức bằng tiền trị giá 56.250 triệu VND cho năm 2019, tương đương 25% vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (2019: 56.250 triệu VND cho năm 2018, tương đương 25% vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2018).

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Trong vòng một năm	23.123.304.931	22.699.190.756
Trong vòng hai đến năm năm	93.210.006.385	92.392.595.877
Sau năm năm	128.208.179.536	143.821.017.920
	244.541.490.852	258.912.804.553

**(b) Ngoại tệ các loại**

	31/12/2020		1/1/2020	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	121.571	2.798.346.880	44.572	1.029.972.167
EUR	221	6.180.872	233	6.002.634
		2.804.527.752		1.035.974.801

**(c) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán riêng:

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	51.100.000.000	69.860.000.000

**25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**26. Doanh thu hoạt động tài chính**

	2020 VND	2019 VND
Lãi tiền gửi và cho vay	2.454.694.823	2.465.156.117
Cổ tức được chia	1.799.000.000	1.799.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	20.415.884.964	22.069.218.207
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	491.235.300
Chiết khấu thanh toán	61.116.824	67.734.949
	24.730.696.611	26.892.344.573

**27. Chi phí tài chính**

	2020 VND	2019 VND
Chi phí lãi vay	13.413.767.697	24.815.698.008
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.970.574.095	5.778.862.101
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	523.512.991	-
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng tổn thất đầu tư	(730.962.803)	6.323.479.317
	20.176.891.980	36.918.039.426

**28. Chi phí bán hàng**

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nhân viên	3.536.370.016	4.315.390.067
Chi phí vật liệu, bao bì	436.030.623	582.488.009
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	653.970.923	264.826.007
Chi phí dịch vụ mua ngoài	51.323.709.052	54.598.795.347
Chi phí khác	11.558.595.647	12.986.425.714
	67.508.676.261	72.747.925.144

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**29. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nhân viên	45.134.447.518	56.206.378.784
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.891.044.807	2.741.636.917
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.451.539.759	8.640.113.025
Thuế, phí và lệ phí	3.410.920.238	3.148.441.719
Dự phòng phải thu khó đòi	300.481.500	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.910.384.032	16.693.015.696
Chi phí khác	17.671.392.780	19.565.004.756
	92.770.210.634	106.994.590.897

**30. Thu nhập khác**

	2020 VND	2019 VND
Lãi do thanh lý tài sản cố định	875.102.395	260.386.712
Các khoản thu nhập khác	1.948.961.248	1.503.317.079
	2.824.063.643	1.763.703.791

**31. Chi phí khác**

	2020 VND	2019 VND
Tiền phạt hợp đồng, chậm nộp thuế	1.989.714.367	932.635.116
Các khoản chi phí khác	893.540.160	909.682.915
	2.883.254.527	1.842.318.031

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**32. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	1.448.460.235.547	2.162.522.779.554
Chi phí nhân viên	851.054.128.650	1.017.023.796.653
Chi phí khấu hao và phân bổ	122.085.337.050	144.567.123.738
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	455.567.057.438	520.296.033.466

**33. Thuế thu nhập**

**(a) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	2020 VND	2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	64.534.047.729	120.678.315.110
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	6.453.404.773	12.067.831.511
Ưu đãi thuế	-	(5.215.302.607)
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác	615.163.969	421.989.242
Chi phí không được khấu trừ thuế	325.526.410	231.385.545
Thu nhập không bị tính thuế	(179.900.000)	(179.900.000)
Giảm thuế (*)	(180.385.000)	(582.151.000)
Chênh lệch tạm thời không được ghi nhận	281.012.286	(1.266.722.599)
	<b>7.314.822.438</b>	<b>5.477.130.092</b>

(\*) Tổng Công ty được giảm thuế theo quy định tại Điều 21, Thông tư số 78/2014/TT-BTC hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp. Theo đó, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, xây dựng, vận tải sử dụng từ 10 đến 100 lao động nữ, trong đó số lao động nữ chiếm trên 50% tổng số lao động có mặt thường xuyên hoặc sử dụng thường xuyên trên 100 lao động nữ mà số lao động nữ chiếm trên 30% tổng số lao động có mặt thường xuyên của doanh nghiệp được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tương ứng với số tiền thực chi thêm cho lao động nữ.

**(b) Thuế suất áp dụng**

Theo quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm tính từ năm 2007 (2007 - 2021) và mức thuế suất thông thường cho những năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cũng cho phép Tổng Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2007 đến năm 2010) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (2011 - 2019).

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 20%.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm, Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2020 VND	2019 VND
<b>Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam</b>		
Cổ tức công bố và đã trả	36.539.052.500	36.539.052.500
Bán hàng hóa và dịch vụ	5.747.573.455	3.170.982.016
Mua hàng hóa và dịch vụ	20.845.459.612	39.084.103.694
Chi phí quản lý khoản vay và lãi vay	5.217.602.623	8.907.977.164
<b>Các công ty con</b>		
<b>Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	6.354.998.452	5.297.901.058
Mua hàng hóa và dịch vụ	5.182.248.537	3.397.275.983
<b>Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Hội An</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	548.360.269	391.974.761
Mua hàng hóa và dịch vụ	46.051.366.550	50.092.779.510
<b>Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Duy Xuyên</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	752.771.643	911.943.303
Mua hàng hóa và dịch vụ	50.033.090.798	59.032.629.255
<b>Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ - Thăng Bình</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	73.243.601.977	108.270.906.154
Mua hàng hóa và dịch vụ	5.233.458.384	5.290.952.603
<b>Công ty TNHH MTV Cơ Khí Xây Dựng Hòa Thọ</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	37.097.091	54.722.909
Mua hàng hóa và dịch vụ	4.757.748.932	8.334.548.114
<b>Các công ty liên kết</b>		
<b>Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	410.056.036	91.907.845
Mua hàng hóa và dịch vụ	78.314.662.576	83.166.271.692
Cổ tức nhận được thông qua bù trừ công nợ	1.607.000.000	1.607.000.000
<b>Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	1.140.822.987	752.330.599
Mua hàng hóa và dịch vụ	50.604.480.429	70.817.115.352
<b>Các công ty liên quan khác trong Tập đoàn Dệt May Việt Nam</b>		
<b>Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	22.781.193	1.186.842.913
<b>Công ty TNHH Coats Phong Phú</b>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	15.000.965.509	23.544.903.819

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>2020</b>	<b>2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty Cổ phần Dệt May Huế</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	-	108.316.280
Mua hàng hóa và dịch vụ	45.586.000	1.342.000.756
<b>Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài</b>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	-	690.415.488
<b>Tổng Giám đốc</b>		
Tiền lương và thưởng	1.716.733.178	1.616.577.496
<b>Thành viên khác trong Ban điều hành</b>		
Tiền lương và thưởng	7.333.366.860	7.950.903.630
<b>Thành viên Ban kiểm soát</b>		
Lương, thưởng và thù lao	418.068.754	535.082.161
<b>Chủ tịch Hội đồng Quản trị</b>		
Lương và thù lao	595.197.641	133.333.333
<b>Thành viên của Hội đồng Quản trị</b>		
Thù lao	33.333.334	-
<b>Thành viên của Hội đồng Quản trị</b>		
Thù lao	66.666.668	66.666.666
<b>Thành viên của Hội đồng Quản trị</b>		
Thù lao	66.666.668	66.666.666
<b>Thành viên của Hội đồng Quản trị</b>		
Thù lao và thưởng	338.888.886	290.000.000
<b>Thành viên của Hội đồng Quản trị</b>		
Thù lao và thưởng	166.666.668	166.666.666

**35. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính**

	<b>2020</b>	<b>2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Cổ tức nhận được thông qua bù trừ công nợ	1.607.000.000	1.799.000.000

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
(tiếp theo)

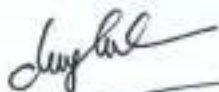
**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**36. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Ngày 12 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Đặng Thị Oanh Nữ  
Chuyên viên

Người duyệt:



Nguyễn Thị Tường Long  
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Hải  
Tổng Giám đốc







TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM  
TỔNG CÔNG TY CP DỆT MAY HOÀ THỌ  
CS 20

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC  
CS 20



# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN NĂM 2020**





**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

**Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2020**

Handwritten red text and a circular stamp on the right margin. The stamp contains the text 'CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY HÒA THỌ' around the perimeter. The handwritten text includes '12/31/20' and '1/1/20'.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận**

**Đăng ký Doanh nghiệp số** 0400101556

ngày 30 tháng 1 năm 2007

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0400101556 ngày 30 tháng 7 năm 2020. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Đức Trí  
Ông Phạm Văn Tân  
Bà Trần Tường Anh  
Ông Nguyễn Ngọc Bình  
Ông Lê Quốc Ân  
Ông Nguyễn Văn Hải

Chủ tịch  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên (từ ngày 26/6/2020)

**Ban Kiểm soát**

Bà Nguyễn Thị Kim Khanh  
Bà Nguyễn Thị Huệ  
Ông Nguyễn Thanh Sơn  
Ông Nguyễn Ngọc Cách

Trưởng ban (từ ngày 26/6/2020)  
Trưởng ban (đến ngày 25/6/2020)  
Thành viên  
Thành viên

**Ban điều hành**

Ông Nguyễn Văn Hải  
  
Ông Nguyễn Đức Trí  
Bà Hoàng Thùy Oanh  
Bà Trần Tường Anh  
Ông Nguyễn Ngọc Bình  
Bà Trần Thị Hòa Châu  
  
Ông Phạm Ngọc Trung  
Ông Phan Văn Phước  
Ông Phan Quang Long  
Ông Nguyễn Phước Hoàng  
Ông Nguyễn Văn Cường  
  
Bà Nguyễn Thị Tường Long

Tổng Giám đốc (từ ngày 1/8/2020)  
Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 31/7/2020)  
Tổng Giám đốc (đến ngày 31/7/2020)  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1/8/2020)  
Giám đốc điều hành (đến ngày 31/7/2020)  
Giám đốc điều hành  
Giám đốc điều hành  
Giám đốc điều hành  
Giám đốc điều hành (từ ngày 1/8/2020)  
Giám đốc điều hành (từ ngày 1/1/2020)  
Kế toán trưởng (đến ngày 30/6/2020)  
Kế toán trưởng (từ ngày 1/7/2020)

**Trụ sở đăng ký**

36 Phố Ông Ích Đường  
Phường Hòa Thọ Đông, Quận Cẩm Lệ  
Thành phố Đà Nẵng  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Báo cáo của Ban điều hành**

Ban điều hành Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ ("Tổng Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ban điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban điều hành Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 52 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban điều hành Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty và các công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban điều hành Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.



Chứng thực bản sao đúng với bản chính

Số: ..... Quyển số: 01/202...-SCT/BS  
002401

Ngày 08-06-2023

**PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 3 năm 2021



**Trần Thị Bảo Khuyên**



KPMG Limited  
46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Phạm Hùng Road, Mễ Trì Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông  
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ ("Tổng Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban điều hành Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 12 tháng 3 năm 2021, được trình bày từ trang 5 đến trang 52.

### Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban điều hành Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.





### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH KPMG**

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 20-02-00270-21-2



Đoàn Thanh Toàn

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 3073-2019-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2021

Phạm Thị Thủy Linh

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 3065-2019-007-1

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020**

**Mẫu B 01 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2020 VND</b>	<b>1/1/2020 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>963.187.373.809</b>	<b>948.102.310.710</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>44.218.004.444</b>	<b>30.303.763.991</b>
Tiền	111		15.009.004.444	27.303.763.991
Các khoản tương đương tiền	112		29.209.000.000	3.000.000.000
<b>Dầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>24.357.800.000</b>	<b>15.283.145.329</b>
Dầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	24.357.800.000	15.283.145.329
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>343.222.650.824</b>	<b>247.340.784.379</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	327.938.419.824	211.013.119.950
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		15.160.599.151	18.131.984.326
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		591.200.000	611.200.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	5.974.469.386	23.768.810.817
Dự phòng phải thu khó đòi	137	9	(6.477.312.214)	(6.184.330.714)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		35.274.677	-
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>514.036.868.557</b>	<b>616.188.431.966</b>
Hàng tồn kho	141		519.167.562.134	616.665.418.119
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(5.130.693.577)	(476.986.153)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>37.352.049.984</b>	<b>38.986.185.045</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14(a)	8.649.177.117	10.470.773.328
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		28.694.650.370	28.487.003.763
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17(a)	8.222.497	28.407.954

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

Mẫu B 01 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>788.049.995.316</b>	<b>824.398.791.588</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.165.096.000</b>	<b>4.384.390.930</b>
Phải thu về cho vay dài hạn	215		710.200.000	1.010.200.000
Phải thu dài hạn khác	216		454.896.000	3.374.190.930
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>737.825.704.383</b>	<b>743.070.261.946</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	11	736.529.984.178	741.595.385.797
Nguyên giá	222		1.796.593.958.831	1.672.676.992.315
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.060.063.974.653)	(931.081.606.518)
Tài sản cố định vô hình	227	12	1.295.720.205	1.474.876.149
Nguyên giá	228		11.224.929.405	10.402.507.069
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(9.929.209.200)	(8.927.630.920)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>4.180.723.801</b>	<b>35.047.117.854</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	4.180.723.801	35.047.117.854
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>14.873.729.511</b>	<b>14.007.853.365</b>
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	6(b)	13.610.295.734	12.651.253.473
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6(b)	7.755.702.000	7.755.702.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	6(b)	(6.492.268.223)	(6.399.102.108)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>30.004.741.621</b>	<b>27.889.167.493</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	14(b)	29.934.698.270	27.679.037.447
Lợi thế thương mại	269	15	70.043.351	210.130.046
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>1.751.237.369.125</b>	<b>1.772.501.102.298</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

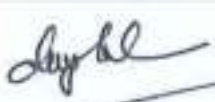
**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

Mẫu B 01 - DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>1.273.247.562.149</b>	<b>1.291.040.687.666</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>946.954.491.262</b>	<b>911.787.999.256</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	216.717.707.406	231.456.590.694
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		34.759.801.430	6.028.276.935
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17(b)	11.277.924.437	8.967.091.774
Phải trả người lao động	314		243.297.137.352	300.612.523.921
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	4.356.215.044	4.752.724.114
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1.090.909.090	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	20.644.188.608	16.723.081.710
Vay ngắn hạn	320	20(a)	342.246.816.537	273.060.607.020
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		40.000.000	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	21	72.523.791.358	70.187.103.088
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>326.293.070.887</b>	<b>379.252.688.410</b>
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		10.740.759.952	11.889.559.587
Vay dài hạn	338	20(b)	315.552.310.935	367.363.128.823
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>477.989.806.976</b>	<b>481.460.414.632</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>22</b>	<b>477.989.806.976</b>	<b>481.460.414.632</b>
Vốn cổ phần	411	23	225.000.000.000	225.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		225.000.000.000	225.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	24	131.581.249.354	113.283.038.700
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		93.703.298.049	116.974.532.760
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		32.966.962.290	622.452.819
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		60.736.335.759	116.352.079.941
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		27.705.259.573	26.202.843.172
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.751.237.369.125</b>	<b>1.772.501.102.298</b>

Ngày 12 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Đặng Thị Oanh Nữ  
 Chuyên viên



Nguyễn Thị Tường Long  
 Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hải  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

**Mẫu B 02 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	3.257.213.652.230	4.254.526.901.893
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		949.307.105	919.769.881
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>		<b>3.256.264.345.125</b>	<b>4.253.607.132.012</b>
Giá vốn hàng bán	11		2.992.286.488.413	3.905.682.938.627
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>263.977.856.712</b>	<b>347.924.193.385</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	23.983.157.688	25.720.083.486
Chi phí tài chính	22	29	29.793.279.117	42.258.329.331
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		21.998.913.372	36.226.973.281
Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24		2.566.042.261	2.927.659.231
Chi phí bán hàng	25	30	81.032.237.120	87.658.706.345
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	109.525.490.949	123.726.790.818
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))</b>	<b>30</b>		<b>70.176.049.475</b>	<b>122.928.109.608</b>
Thu nhập khác	31	32	2.916.587.176	2.071.550.925
Chi phí khác	32	33	2.973.084.236	2.304.250.153
<b>Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(56.497.060)</b>	<b>(232.699.228)</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>70.119.552.415</b>	<b>122.695.410.380</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	35	7.880.800.255	6.042.260.733
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51) (chuyển sang trang sau)</b>	<b>60</b>		<b>62.238.752.160</b>	<b>116.653.149.647</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 02 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51) (trạng trước mang sang)	60		62.238.752.160	116.653.149.647
<b>Phân bổ cho:</b>				
Cổ đông của công ty mẹ	61		60.736.335.759	120.645.608.015
Cổ đông không kiểm soát	62		1.502.416.401	(3.992.458.368)
				<b>Đã điều chỉnh lại</b>
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	36	2.587	4.942

Ngày 12 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Đặng Thị Oanh Nữ  
 Chuyên viên




Nguyễn Thị Tường Long  
 Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hải  
 Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

Mẫu B 03 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01		70.119.552.415	122.695.410.380
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		145.811.183.461	169.157.547.325
Các khoản dự phòng	03		5.079.855.039	739.859.746
Lãi/(lãi) chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		329.676.891	(730.818.875)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(5.679.462.983)	(5.179.245.988)
Chi phí lãi vay	06		21.998.913.372	36.226.973.281
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>237.659.718.195</b>	<b>322.909.725.869</b>
Biến động các khoản phải thu	09		(95.813.054.131)	3.427.125.402
Biến động hàng tồn kho	10		97.497.855.985	179.075.596.536
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(40.538.752.206)	25.629.979.179
Biến động chi phí trả trước	12		568.641.759	(2.563.942.111)
			<b>199.374.409.602</b>	<b>528.478.484.875</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(22.055.570.691)	(36.564.368.059)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(6.821.726.215)	(6.608.323.686)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		280.116.099	310.144.999
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(7.402.787.645)	(7.590.905.632)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>163.374.441.150</b>	<b>478.025.032.497</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(105.306.693.834)	(116.460.287.528)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		917.603.454	302.999.999
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(28.305.000.000)	(1.567.465.246)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		19.550.345.329	825.300.000
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27		2.196.045.600	1.781.745.500
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(110.947.699.451)</b>	<b>(115.117.707.275)</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

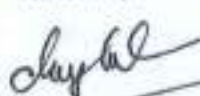
**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		-	30.000.000
Tiền thu từ đi vay	33		2.485.252.609.328	2.948.315.335.828
Tiền trả nợ gốc vay	34		(2.467.822.769.452)	(3.250.276.866.284)
Tiền trả cổ tức	36		(56.058.350.947)	(56.161.728.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(38.628.511.071)</b>	<b>(358.093.258.956)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>13.798.230.628</b>	<b>4.814.066.266</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		30.303.763.991	25.052.150.214
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		116.009.825	437.547.511
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>44.218.004.444</b>	<b>30.303.763.991</b>

Ngày 12 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Đặng Thị Oanh Nữ  
 Chuyên viên



Nguyễn Thị Tường Long  
 Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hải  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm Tổng Công ty và các công ty con và các lợi ích của Tổng Công ty và các công ty con trong các công ty liên kết.

**(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Tổng Công ty và các công ty con là sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng may mặc, vải, sợi chỉ khâu, các loại thiết bị, nguyên phụ liệu, phụ tùng ngành dệt may.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

**(d) Các đặc điểm hoạt động có ảnh hưởng lớn đến báo cáo tài chính**

Đại dịch Covid-19 được xác nhận lần đầu tiên tại Việt Nam tại ngày 23 tháng 1 năm 2020. Chính phủ Việt Nam đã thực hiện nhiều biện pháp ngăn chặn, trong đó có việc thực hiện cách ly xã hội từ ngày 1 tháng 4 năm 2020. Từ ngày 23 tháng 4 năm 2020, Việt Nam cơ bản đã dừng cách ly xã hội và các hoạt động kinh tế, xã hội trong nước đã dần quay lại trạng thái bình thường. Tuy nhiên, số ca lây nhiễm trên toàn thế giới vẫn tiếp tục gia tăng trong năm 2020. Ngày 28 tháng 1 năm 2021, dịch Covid-19 đã bùng phát trở lại tại Quảng Ninh và Hải Dương, và lan sang một số tỉnh thành khác. Đại dịch Covid-19 ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh của nhiều doanh nghiệp ở nhiều ngành nghề khác nhau. Mức độ ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty phụ thuộc vào diễn biến của dịch bệnh trong tương lai bao gồm thời gian và mức độ lây lan của dịch bệnh và các thông tin không thể dự đoán chắc chắn được tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(e) Cấu trúc Tổng Công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng Công ty có các công ty con và công ty liên kết sau:

STT		Tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty		Tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty	
		31/12/2020	1/1/2020	31/12/2020	1/1/2020
	<b>Công ty con</b>				
1	Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ	76,88%	76,88%	76,88%	76,88%
2	Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Hội An	54,18%	54,18%	54,18%	54,18%
3	Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Duy Xuyên	81,73%	81,73%	81,73%	81,73%
4	Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ - Thăng Bình	74,49%	74,49%	74,49%	74,49%
5	Công ty TNHH MTV Cơ khí Xây dựng Hòa Thọ	100%	100%	100%	100%
	<b>Công ty liên kết</b>				
1	Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam	32,14%	32,14%	32,14%	32,14%
2	Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh	20,00%	20,00%	20,00%	20,00%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng Công ty và các công ty con có 9.768 nhân viên (1/1/2020: 10.264 nhân viên).

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty và các công ty con từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

**(a) Cơ sở hợp nhất**

**(i) Công ty con**

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

**(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

**(iii) Mất quyền kiểm soát**

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tổng Công ty dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các câu phần vốn chủ sở hữu khác trong báo cáo tài chính hợp nhất. Lãi hoặc lỗ phát sinh từ sự kiện này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn, phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tổng Công ty vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

Việc thoái vốn của Tổng Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tổng Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu hợp nhất.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(iv) Công ty liên kết**

Công ty liên kết là những công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể trực tiếp hoặc gián tiếp đến, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, gồm cả chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tổng Công ty được hưởng trong lãi hoặc lỗ của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tổng Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với công ty liên kết. Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong đơn vị nhận đầu tư phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của đơn vị nhận đầu tư mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v...).

Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tổng Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tổng Công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tổng Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

**(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các số dư và giao dịch trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tổng Công ty tại các công ty liên kết này.

**(vi) Hợp nhất kinh doanh**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tổng Công ty. Sự kiểm soát tồn tại khi Tổng Công ty có quyền chi phối trực tiếp hoặc gián tiếp các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Giá phí hợp nhất kinh doanh (giá phí mua) gồm tổng của giá trị hợp lý, tại ngày trao đổi, của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận, các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày mua.

Bất kỳ khoản lợi thế thương mại nào phát sinh thể hiện khoản chênh lệch giữa giá phí mua và lợi ích của Tổng Công ty trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua được ghi nhận vào bảng cân đối kế toán hợp nhất, sau đó được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (xem Thuyết minh 3(k)). Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm hiện tại sau khi đã tiến hành soát xét lại nhằm đảm bảo việc xác định giá trị của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được, nợ tiềm tàng và việc xác định giá phí hợp nhất kinh doanh đã phản ánh phù hợp việc cân nhắc tất cả thông tin có tại ngày mua.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**(c) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(d) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban điều hành Tổng Công ty và các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Tổng Công ty hoặc các công ty con tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm có cơ sở cho thấy có giá trị suy giảm tại đơn vị nhận đầu tư so với giá trị đầu tư của Tổng Công ty và các công ty con. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(e) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(f) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phân ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tổng Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(g) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

• nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25 năm
• máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
• phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
• thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
• tài sản khác	2 – 5 năm

**(h) Tài sản cố định vô hình**

**Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

**(i) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(j) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng Công ty và các công ty con đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 50 năm.

**(ii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty và các công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(iii) Chi phí trả trước dài hạn khác**

Chi phí trả trước dài hạn khác ban đầu được thể hiện theo nguyên giá, và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 3 năm.

**(k) Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa giá phí mua và lợi ích của Tổng Công ty trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng không quá 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban điều hành xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

**(l) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(m) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu đồng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

***Chi phí bảo hành***

Khoản dự phòng về chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra và dịch vụ đã cung cấp trong kỳ kế toán năm. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm và dịch vụ tương tự.

**(n) *Vốn cổ phần***

***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(o) *Thuế***

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(p) *Doanh thu và thu nhập khác***

**(i) *Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Doanh thu dịch vụ gia công**

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(iv) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

**(q) Thuê tài sản**

***Các khoản thanh toán tiền thuê***

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

**(r) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

**(s) Lãi trên cổ phiếu**

Tổng Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty sau khi trừ số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm kết thúc cùng ngày, Tổng Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

**(t) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban điều hành cho rằng Tổng Công ty và các công ty con hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là buôn bán và cung cấp các sản phẩm và dịch vụ về dệt may.

Bộ phận chia theo vùng địa lý của Tổng Công ty và các công ty con được xác định căn cứ vào quốc gia phát sinh doanh thu. Ban điều hành Tổng Công ty đánh giá khu vực địa lý phát sinh trên 10% tổng doanh thu là một bộ phận cần được báo cáo.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(u) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**(v) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong năm trước.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Báo cáo bộ phận

Tổng Công ty và các công ty con có các bộ phận chia theo vùng địa lý, dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

- Trung Quốc
- Hoa Kỳ
- Nhật Bản
- Châu Phi
- Việt Nam
- Vương quốc Anh
- Các vùng khác

	Trung Quốc Nghìn VND	Hoa Kỳ Nghìn VND	Nhật Bản Nghìn VND	Châu Phi Nghìn VND	Việt Nam Nghìn VND	Vương quốc Anh Nghìn VND	Các vùng địa lý khác Nghìn VND	Hợp nhất Nghìn VND
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020								
Tổng doanh thu của bộ phận	839.318.656	424.617.148	446.620.667	390.198.760	226.428.715	9.854.846	920.174.860	3.257.213.652
Kết quả kinh doanh của bộ phận	53.328.988	50.204.096	31.596.300	33.591.975	19.774.758	432.940	75.048.800	263.977.857
Thu nhập không phân bổ								26.549.200
Chi phí không phân bổ								220.351.008
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh								70.176.049
Thu nhập khác								2.916.587
Chi phí khác								2.973.084
Thuế thu nhập doanh nghiệp								7.880.800
Lợi nhuận thuần sau thuế								62.238.752



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Trung Quốc Nghìn VND	Hoa Kỳ Nghìn VND	Nhật Bản Nghìn VND	Châu Phi Nghìn VND	Việt Nam Nghìn VND	Vương quốc Anh Nghìn VND	Các vùng địa lý khác Nghìn VND	Hợp nhất Nghìn VND
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>								
Tài sản của bộ phận Tài sản không phân bổ	93.403.000	103.797.000	27.357.000	29.758.000	22.659.420	-	50.964.000	327.938.420 1.423.298.949
<b>Tổng tài sản</b>								<b>1.751.237.369</b>
Nợ phải trả của bộ phận Các khoản nợ không phân bổ	34.521.000	143.000	-	-	9.327.561	-	1.509.000	45.500.561 1.227.747.001
<b>Tổng nợ phải trả</b>								<b>1.273.247.562</b>
<b>Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>								
Chi tiêu vốn								105.306.694
Khấu hao tài sản cố định hữu hình								144.581.908
Khấu hao tài sản cố định vô hình								1.001.578

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Trung Quốc Nghìn VND	Hoa Kỳ Nghìn VND	Nhật Bản Nghìn VND	Châu Phi Nghìn VND	Việt Nam Nghìn VND	Vương quốc Anh Nghìn VND	Các vùng địa lý khác Nghìn VND	Hợp nhất Nghìn VND
<b>Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</b>								
Tổng doanh thu của hộ phận	1.300.534.177	852.565.457	426.805.556	344.891.845	176.874.358	54.785.978	1.098.069.531	4.254.526.902
Kết quả kinh doanh của hộ phận	67.913.864	107.646.527	34.711.092	13.384.054	53.835.450	2.146.857	68.286.349	347.924.193
<hr/>								
Thu nhập không phân bổ								28.647.743
Chi phí không phân bổ								253.643.826
<hr/>								
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh								122.928.110
<hr/>								
Thu nhập khác								2.071.551
Chi phí khác								2.304.250
Thuế thu nhập doanh nghiệp								6.042.261
<hr/>								
Lợi nhuận thuần sau thuế								116.653.150
<hr/>								

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Trung Quốc Nghìn VND	Hoa Kỳ Nghìn VND	Nhật Bản Nghìn VND	Châu Phi Nghìn VND	Việt Nam Nghìn VND	Vương quốc Anh Nghìn VND	Các vùng địa lý khác Nghìn VND	Hợp nhất Nghìn VND
<b>Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020</b>								
Tài sản của bộ phận	64.745.149	41.275.317	19.469.653	35.690.405	15.759.601	-	34.072.995	211.013.120
Tài sản không phân bổ								1.561.487.982
<b>Tổng tài sản</b>								<b>1.772.501.102</b>
Nợ phải trả của bộ phận	13.449.007	-	-	-	2.940.267	-	1.528.563	17.917.837
Các khoản nợ không phân bổ								1.273.122.851
<b>Tổng nợ phải trả</b>								<b>1.291.040.688</b>
<b>Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</b>								
Chi tiêu vốn								116.460.288
Khấu hao tài sản cố định hữu hình								167.673.018
Khấu hao tài sản cố định vô hình								1.256.832

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tiền mặt	135.106.746	89.791.466
Tiền gửi ngân hàng	14.873.897.698	27.213.972.525
Các khoản tương đương tiền	29.209.000.000	3.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	44.218.004.444	30.303.763.991

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng với lãi suất năm từ 3,5% đến 4,0% tại các ngân hàng thương mại (1/1/2020: 5%).

**6. Các khoản đầu tư tài chính**

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2020		1/1/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Tiền gửi có kỳ hạn	24.357.800.000	24.357.800.000	15.283.145.329	15.283.145.329
	<hr/>		<hr/>	

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại các ngân hàng với lãi suất năm từ 4,9% đến 6,9% (2019: từ 6,2% đến 7,7%).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Địa chỉ	31/12/2020				Dự phòng VND	1/1/2020				Dự phòng VND
		Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND		Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	
Đầu tư góp vốn vào:											
<i>Công ty liên kết</i>											
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam	Quảng Nam	642.800	32,14%	32,14%	13.610.295.734	-	642.800	32,14%	32,14%	12.438.128.661	-
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh	Quảng Nam	400.000	20,00%	20,00%	-	-	400.000	20,00%	20,00%	213.124.812	-
					<u>13.610.295.734</u>	<u>-</u>				<u>12.651.253.473</u>	<u>-</u>
<i>Đơn vị khác</i>											
Công ty Cổ phần Bông vải Miền Trung	Khánh Hòa	65.000	7,12%	7,12%	855.702.000	(192.268.223)	65.000	7,12%	7,12%	855.702.000	(99.102.108)
Công ty Cổ phần Bao bì Hòa Thọ Quảng Đà	Quảng Nam	60.000	10,91%	10,91%	600.000.000	-	60.000	10,91%	10,91%	600.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dệt May TP. Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	630.000	14,00%	14,00%	6.300.000.000	(6.300.000.000)	630.000	14,00%	14,00%	6.300.000.000	(6.300.000.000)
					<u>7.755.702.000</u>	<u>(6.492.268.223)</u>				<u>7.755.702.000</u>	<u>(6.399.102.108)</u>
					<u>21.365.997.734</u>	<u>(6.492.268.223)</u>				<u>20.406.955.473</u>	<u>(6.399.102.108)</u>

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất do không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn**

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Motives International (Hong Kong) Limited	78.078.624.227	-
Supreme International LLC	44.510.862.972	12.314.022.810
Haggar Clothing Co.	41.683.438.845	17.192.915.288
Haggar Canada Co.	24.148.352.799	10.190.165.438
Gamal Ibrahim Ahmed Al Okiya	23.171.574.742	34.002.486.819
Kuraray Trading Co., Ltd.	13.948.063.314	14.279.004.420
Destination XL Group Inc	13.065.753.409	6.633.439.143
Motives (Far East) Limited	-	56.398.152.308
Các khách hàng khác	89.331.749.516	60.002.933.724
	327.938.419.824	211.013.119.950

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, các khoản phải thu khách hàng có giá trị ghi sổ là 23.195 triệu VND (1/1/2020: 184.470 triệu VND) được dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty và các công ty con (Thuyết minh 20(a)).

**(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan**

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
<b>Công ty mẹ</b>		
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	85.771.834	182.883.842
<b>Công ty liên kết</b>		
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh	104.079.250	-
	189.851.084	182.883.842

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**8. Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kí quỹ, kí cược ngắn hạn	2.971.547.668	20.270.798.131
Tạm ứng	616.621.254	881.895.839
Phải thu khác	2.386.300.464	2.616.116.847
	<hr/>	<hr/>
	5.974.469.386	23.768.810.817
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Nợ xấu và nợ khó đòi

	Thời gian quá hạn	31/12/2020			Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	1/1/2020		
		Giá gốc VND	Dự phòng VND				Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn									
Công ty TNHH Dịch vụ - Thương mại Duyên Đạt	Trên 3 năm	5.709.989.346	(5.709.989.346)	-	Từ 1 - 3 năm	5.709.989.346	(5.709.989.346)	-	
Công ty Cổ phần Đầu tư Phong Phú Sơn Trà	Trên 3 năm	406.124.753	(406.124.753)	-	Trên 3 năm	406.124.753	(406.124.753)	-	
Công ty TNHH May Phú Tường	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	1.001.605.000	(300.481.500)	701.123.500	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	-	-	-	
Các khách hàng khác	Trên 3 năm	60.716.615	(60.716.615)	-	Trên 3 năm	68.216.615	(68.216.615)	-	
		<u>7.178.435.714</u>	<u>(6.477.312.214)</u>	<u>701.123.500</u>		<u>6.184.330.714</u>	<u>(6.184.330.714)</u>	<u>-</u>	

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi

(6.477.312.214)

(6.184.330.714)

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**10. Hàng tồn kho**

	31/12/2020		1/1/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	65.810.376.595	-	61.917.550.070	-
Nguyên vật liệu	123.585.974.784	-	148.709.503.215	-
Công cụ và dụng cụ	2.273.738.947	-	284.805.348	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	183.730.754.945	-	257.075.276.427	-
Thành phẩm	101.575.566.512	(4.698.180.889)	127.478.095.888	(476.986.153)
Hàng hóa	5.773.108.494	(260.262.823)	4.973.220.043	-
Hàng gửi đi bán	36.418.041.857	(172.249.865)	16.226.967.128	-
	<b>519.167.562.134</b>	<b>(5.130.693.577)</b>	<b>616.665.418.119</b>	<b>(476.986.153)</b>

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có 22.308 triệu VND hàng thành phẩm, hàng hóa và hàng gửi bán (1/1/2020: 2.101 triệu VND hàng thành phẩm) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 399.024 triệu VND (1/1/2020: 283.979 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty và công ty con (Thuyết minh 20(a)).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	350.427.812.000	1.179.973.165.577	42.945.649.508	7.651.375.520	91.678.989.710	1.672.676.992.315
Tăng trong năm	659.593.777	13.210.363.785	1.792.620.038	113.000.000	897.240.148	16.672.817.748
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	73.449.649.745	32.120.018.405	17.842.681.438	676.052.346	69.300.000	124.157.701.934
Thanh lý	-	(15.656.872.770)	(64.277.775)	(80.890.945)	-	(15.802.041.490)
Giảm khác	(1.111.511.676)	-	-	-	-	(1.111.511.676)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>423.425.543.846</b>	<b>1.209.646.674.997</b>	<b>62.516.673.209</b>	<b>8.359.536.921</b>	<b>92.645.529.858</b>	<b>1.796.593.958.831</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	136.810.066.027	695.150.874.177	31.262.125.006	6.215.963.991	61.642.577.317	931.081.606.518
Khấu hao trong năm	19.635.752.163	110.004.989.908	3.563.229.905	782.269.185	10.595.666.873	144.581.908.034
Thanh lý	-	(15.469.721.347)	(27.732.754)	(80.890.945)	-	(15.578.345.046)
Giảm khác	(21.194.853)	-	-	-	-	(21.194.853)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>156.424.623.337</b>	<b>789.686.142.738</b>	<b>34.797.622.157</b>	<b>6.917.342.231</b>	<b>72.238.244.190</b>	<b>1.060.063.974.653</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu năm	213.617.745.973	484.822.291.400	11.683.524.502	1.435.411.529	30.036.412.393	741.595.385.797
Số dư cuối năm	267.000.920.509	419.960.532.259	27.719.051.052	1.442.194.690	20.407.285.668	736.529.984.178

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có các tài sản cố nguyên giá 584.055 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2020: 471.825 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 481.319 triệu VND (1/1/2020: 528.036 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay ngắn hạn (Thuyết minh 20(a)) và dài hạn (Thuyết minh 20(b)) của Tổng Công ty và các công ty con.

## 12. Tài sản cố định vô hình

	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm	10.402.507.069
Tăng trong năm	822.422.336
Số dư cuối năm	<u>11.224.929.405</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	8.927.630.920
Khấu hao trong năm	1.001.578.280
Số dư cuối năm	<u>9.929.209.200</u>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm	1.474.876.149
Số dư cuối năm	<u>1.295.720.205</u>

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 7.674 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (1/1/2020: 3.963 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**13. Xây dựng cơ bản dở dang**

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	35.047.117.854	1.173.000.428
Tăng trong năm	93.291.307.881	84.085.846.019
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(124.157.701.934)	(50.211.728.593)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	4.180.723.801	35.047.117.854

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Nhà máy May Triệu Phong	2.363.605.351	-
Máy móc thiết bị sợi	575.750.000	4.442.285.100
Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt Tổng Công ty	-	2.841.983.614
Tổ hợp trung tâm may đo thời trang - showroom - văn phòng cho thuê	-	26.342.272.713
Các công trình khác	1.241.368.450	1.420.576.427
	<hr/>	<hr/>
	4.180.723.801	35.047.117.854

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**14. Chi phí trả trước**

**(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Trả trước phí bảo hiểm	1.779.206.472	1.852.472.641
Công cụ và dụng cụ	3.441.985.406	3.432.927.233
Chi phí trả trước về thuế hoạt động	742.175.166	588.888.888
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.685.810.073	4.596.484.566
	8.649.177.117	10.470.773.328

**(b) Chi phí trả trước dài hạn**

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí trả trước dài hạn khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	4.103.089.728	14.792.964.019	8.782.983.700	27.679.037.447
Tăng trong năm	-	9.822.658.558	8.109.971.198	17.932.629.756
Phân bổ trong năm	(87.610.452)	(10.921.499.065)	(4.667.859.416)	(15.676.968.933)
Số dư cuối năm	4.015.479.276	13.694.123.512	12.225.095.482	29.934.698.270



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**15. Lợi thế thương mại**

	<b>VND</b>
<b>Giá gốc</b>	
Số dư đầu năm và cuối năm	1.400.866.953
<b>Giá trị phân bổ lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	1.190.736.907
Phân bổ trong năm	140.086.695
Số dư cuối năm	1.330.823.602
<b>Giá trị ghi sổ</b>	
Số dư đầu năm	210.130.046
Số dư cuối năm	70.043.351

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**16. Phải trả người bán ngắn hạn**

**(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Viterra B.V	18.528.983.079	-
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	16.754.023.232	34.194.954.604
Công ty Cổ phần May Hoà Thọ - Quảng Nam	12.453.389.509	8.603.204.098
Hultafors Group AB	12.009.223.239	26.352.941.612
Multi-Fiber Handels GmbH	11.708.726.478	-
Công ty Cổ phần Năng lượng Mặt trời Phương Đông	9.363.864.900	-
Kwong Lung Enterprise Co., Ltd	8.354.163.269	10.607.188.352
Motives International (Hong Kong) Limited	7.140.332.328	-
Carreman International Corporation	392.528.610	10.270.057.281
Toyo Cotton (Japan) Co., Ltd	-	16.290.899.039
Các nhà cung cấp khác	120.012.472.762	125.137.345.708
	216.717.707.406	231.456.590.694

**(b) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
<b>Công ty mẹ</b>		
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	16.754.023.232	34.194.954.604
<b>Công ty liên kết</b>		
Công ty Cổ phần May Hoà Thọ - Quảng Nam	12.453.389.509	8.603.204.098
<b>Các bên liên quan khác trong Tập đoàn Dệt May Việt Nam</b>		
Công ty TNHH Coats Phong Phú	3.720.306.544	3.719.966.837
Công ty Cổ phần Dệt May Huế	36.776.600	103.455.000
	32.964.495.885	46.621.580.539

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**17. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước**

(a) Thuế và các khoản phải thu nhà nước

	1/1/2020 VND	Số phải thu trong năm VND	Số đã nộp/bù trừ trong năm VND	31/12/2020 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.843.386	-	(9.609.885)	5.233.501
Thuế thu nhập cá nhân	13.564.568	-	(10.575.572)	2.988.996
	28.407.954	-	(20.185.457)	8.222.497

(b) Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	1/1/2020 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/bù trừ trong năm VND	31/12/2020 VND
Thuế giá trị gia tăng	7.148.046.200	112.868.906.539	(111.712.056.807)	8.304.895.932
Thuế nhập khẩu	16.162.399	697.936.125	(560.142.782)	153.955.742
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.669.475.192	7.871.190.370	(6.821.726.215)	2.718.939.347
Thuế thu nhập cá nhân	133.275.533	3.225.976.410	(3.259.512.527)	99.739.416
Tiền thuế đất	-	4.609.513.146	(4.609.513.146)	-
Các loại thuế khác	132.450	2.420.634.317	(2.420.372.767)	394.000
	8.967.091.774	131.694.156.907	(129.383.324.244)	11.277.924.437

**18. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Chi phí hoạt động	2.187.848.437	2.703.714.715
Chi phí lãi vay	333.712.719	390.370.038
Các khoản trích trước khác	1.834.653.888	1.658.639.361
	4.356.215.044	4.752.724.114



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2020	Biến động trong năm			31/12/2020
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	212.200.281.473	2.485.252.609.328	(2.404.172.366.426)	375.804.530	293.656.328.905
Vay dài hạn đến hạn trả	60.860.325.547	48.615.797.707	(60.860.325.314)	(25.310.308)	48.590.487.632
	273.060.607.020	2.533.868.407.035	(2.465.032.691.740)	350.494.222	342.246.816.537

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Vay ngân hàng 1 (i)	USD	1,7%	110.137.931.723	70.810.873.842
Vay ngân hàng 2 (i)	USD	1,9%	60.270.102.318	71.869.050.029
Vay ngân hàng 3 (i)	USD	3,0%	-	14.267.114.284
Vay ngân hàng 4 (i)	USD	1,75%	18.590.292.990	8.747.291.103
Vay ngân hàng 5 (i)	USD	3,0% - 3,3%	23.574.258.147	25.965.119.540
Vay ngân hàng 6 (ii)	USD	1,75%	73.124.475.103	20.360.832.675
Vay ngân hàng 7 (i)	USD	1,6%	7.779.268.624	-
Vay Ban liên lạc hữu trí (ii)	VND	10%	180.000.000	180.000.000
			293.656.328.905	212.200.281.473

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Các khoản vay này được đảm bảo bằng một số các khoản phải thu (Thuyết minh 7), hàng tồn kho (Thuyết minh 10) và tài sản cố định của Tổng Công ty và các công ty con (Thuyết minh 11).
- (ii) Các khoản vay này không được đảm bảo.

**(b) Vay dài hạn**

	<b>31/12/2020</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2020</b> <b>VND</b>
Vay dài hạn	364.142.798.567	428.223.454.370
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(48.590.487.632)	(60.860.325.547)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	<u>315.552.310.935</u>	<u>367.363.128.823</u>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Vay ngân hàng 1 (i)	USD	4,0%	2021	7.265.857.614	21.821.057.092
Vay ngân hàng 2 (i)	USD	3,25% - 3,75%	2020	-	2.548.445.228
Vay ngân hàng 3 (i)	USD	5,0%	2021	629.624.297	1.894.006.713
Vay ngân hàng 4 (i)	USD	5,0%	2021	913.199.685	2.285.470.415
Vay ngân hàng 5 (i)	USD	5,2% - 5,7%	2022	11.633.967.686	17.630.753.393
Vay ngân hàng 6 (i)	VND	10,4%	2020	-	600.000.000
Vay ngân hàng 7 (i)	USD	5,4%	2025	125.493.891.442	153.415.774.842
Vay ngân hàng 8 (i)	VND	11%	2021	-	1.250.000.000
Kuraray Trading Co., Ltd. (ii)	USD	2,5%	2021	4.640.800.000	9.291.600.000
Tập đoàn Dệt May Việt Nam – Công ty mẹ (iii)	USD	LIBOR + 0,7%	2039	213.565.457.843	217.486.346.687
				364.142.798.567	428.223.454.370

- (i) Các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty và các công ty con (Thuyết minh 11).
- (ii) Khoản vay này không được đảm bảo.
- (iii) Đây là khoản vay được Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho vay lại từ nguồn vốn vay của Ngân hàng Phát triển Châu Á ("ADB") và có hạn mức là 9.042.587 USD.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty và các công ty con. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	<b>2020</b>	<b>2019</b>	
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	
Số dư đầu năm	70.187.103.088	53.865.672.577	
Trích lập trong năm	9.459.359.816	23.602.191.144	
Tăng khác	280.116.099	310.144.999	
Sử dụng trong năm	(7.402.787.645)	(7.590.905.632)	
Số dư cuối năm	<u>72.523.791.358</u>	<u>70.187.103.088</u>	



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	225.000.000.000	98.179.356.087	95.578.326.576	25.871.773.466	444.629.456.129
Phát hành cổ phiếu	-	-	-	30.000.000	30.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	120.645.608.015	(3.992.458.368)	116.653.149.647
Phân bổ vào các quỹ	-	15.103.682.613	(15.103.682.613)	-	-
Cổ tức	-	-	(56.250.000.000)	-	(56.250.000.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(23.602.191.144)	-	(23.602.191.144)
Biến động do tăng tỷ lệ sở hữu tại một công ty con	-	-	(4.293.528.074)	4.293.528.074	-
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020</b>	<b>225.000.000.000</b>	<b>113.283.038.700</b>	<b>116.974.532.760</b>	<b>26.202.843.172</b>	<b>481.460.414.632</b>
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	60.736.335.759	1.502.416.401	62.238.752.160
Phân bổ vào các quỹ	-	18.298.210.654	(18.298.210.654)	-	-
Cổ tức (Thuyết minh 25)	-	-	(56.250.000.000)	-	(56.250.000.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(9.459.359.816)	-	(9.459.359.816)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>	<b>225.000.000.000</b>	<b>131.581.249.354</b>	<b>93.703.298.049</b>	<b>27.705.259.573</b>	<b>477.989.806.976</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

### 23. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	31/12/2020 và 1/1/2020	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	22.500.000	225.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	22.500.000	225.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	22.500.000	225.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

Vốn cổ phần đã phát hành cho các cổ đông như sau:

	31/12/2020 và 1/1/2020		
	Đã phát hành và đang lưu hành		
	Số cổ phiếu	VND	%
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	14.615.621	146.156.210.000	64,96%
Các cổ đông khác	7.884.379	78.843.790.000	35,04%
	22.500.000	225.000.000.000	100%

### 24. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

### 25. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 26 tháng 6 năm 2020, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức bằng tiền trị giá 56.250 triệu VND cho năm 2019, tương đương 25% vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (2019: 56.250 triệu VND cho năm 2018, tương đương 25% vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2018).

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**26. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Trong vòng một năm	23.123.304.931	22.699.190.756
Trong vòng hai đến năm năm	93.210.006.385	92.392.595.877
Sau năm năm	128.208.179.536	143.821.017.920
	244.541.490.852	258.912.804.553

**(b) Ngoại tệ các loại**

	31/12/2020		1/1/2020	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	255.149	5.870.047.243	386.277	8.925.783.421
EUR	221	6.180.872	233	6.002.634
		5.876.228.115		8.931.786.055

**(c) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	51.100.000.000	69.860.000.000
	51.100.000.000	69.860.000.000

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**27. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

**28. Doanh thu hoạt động tài chính**

	2020 VND	2019 VND
Lãi tiền gửi và cho vay	2.004.045.600	1.781.745.500
Cổ tức được chia	192.000.000	192.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	21.725.995.264	22.947.784.162
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	730.818.875
Doanh thu hoạt động tài chính khác	61.116.824	67.734.949
	23.983.157.688	25.720.083.486

**29. Chi phí tài chính**

	2020 VND	2019 VND
Chi phí lãi vay	21.998.913.372	36.226.973.281
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.371.522.739	6.031.356.050
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	329.676.891	-
Trích lập dự phòng tổn thất đầu tư	93.166.115	-
	29.793.279.117	42.258.329.331

**30. Chi phí bán hàng**

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nhân viên	5.151.533.995	5.593.080.289
Chi phí vật liệu, bao bì	701.855.060	674.947.472
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	653.970.923	264.826.007
Chi phí dịch vụ mua ngoài	62.130.360.645	67.689.618.494
Chi phí khác	12.394.516.497	13.436.234.083
	81.032.237.120	87.658.706.345

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**31. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2020</b>	<b>2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên	55.290.601.365	66.439.063.920
Chi phí đồ dùng văn phòng	3.038.713.840	2.798.245.031
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.600.881.292	9.113.674.407
Thuế, phí và lệ phí	4.046.274.537	3.850.098.444
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	292.981.500	262.873.593
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.673.206.816	19.606.349.201
Chi phí khác	19.582.831.599	21.656.486.222
	<b>109.525.490.949</b>	<b>123.726.790.818</b>

**32. Thu nhập khác**

	<b>2020</b>	<b>2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi do thanh lý tài sản cố định	917.375.122	277.841.257
Các khoản thu nhập khác	1.999.212.054	1.793.709.668
	<b>2.916.587.176</b>	<b>2.071.550.925</b>

**33. Chi phí khác**

	<b>2020</b>	<b>2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền phạt hợp đồng, chậm nộp thuế	1.989.714.367	1.242.889.523
Các khoản chi phí khác	983.369.869	1.061.360.630
	<b>2.973.084.236</b>	<b>2.304.250.153</b>

**34. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2020</b>	<b>2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	1.433.887.870.836	2.167.295.013.927
Chi phí nhân viên	947.429.739.396	1.126.263.191.794
Chi phí khấu hao và phân bổ	145.811.183.461	169.157.547.325
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	511.194.477.433	570.287.377.483

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

### 35. Thuế thu nhập

#### (a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2020 VND	2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	70.119.552.415	122.695.410.380
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	7.011.955.241	12.269.541.038
Ưu đãi thuế	-	(5.215.302.607)
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	547.168.029	(557.045.604)
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác	615.163.969	421.989.242
Chi phí không được khấu trừ thuế	431.456.950	1.888.717.431
Thu nhập không bị tính thuế	(19.200.000)	(19.200.000)
Giảm thuế (*)	(196.814.000)	(664.958.500)
Chênh lệch tạm thời không được ghi nhận thuế hoãn lại	161.235.053	(2.196.157.227)
Lỗ tính thuế được sử dụng ở công ty con	(427.603.066)	(876.918.428)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với lỗ tính thuế của năm hiện tại	-	991.595.388
Giảm thuế theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP ở công ty con	(242.561.921)	-
	7.880.800.255	6.042.260.733

(\*) Tổng Công ty được giảm thuế theo quy định tại Điều 21, Thông tư số 78/2014/TT-BTC hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp. Theo đó, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, xây dựng, vận tải sử dụng từ 10 đến 100 lao động nữ, trong đó số lao động nữ chiếm trên 50% tổng số lao động có mặt thường xuyên hoặc sử dụng thường xuyên trên 100 lao động nữ mà số lao động nữ chiếm trên 30% tổng số lao động có mặt thường xuyên của doanh nghiệp được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tương ứng với số tiền thực chi thêm cho lao động nữ.

#### (b) Thuế suất áp dụng

##### (i) Đối với Tổng Công ty

Theo quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm tính từ năm 2007 (2007 - 2021) và mức thuế suất thông thường cho những năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cũng cho phép Tổng Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2007 đến năm 2010) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (2011 - 2019).

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 20%.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) **Đối với các công ty con**

Theo quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20%.

**36. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

(a) **Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

	2020	2019 Đã điều chỉnh lại
Lợi nhuận thuần trong năm (VND)	60.736.335.759	120.645.608.015
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	(2.539.695.097)	(9.459.359.816)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (VND)	58.196.640.662	111.186.248.199
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ (số cổ phiếu)	22.500.000	22.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.587	4.942

(\*) Số dự kiến phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi dựa trên ước tính của Ban Giám đốc Tổng Công ty, căn cứ trên tình hình hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty cho năm 2020.

(b) **Điều chỉnh lại lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**

Tại cuộc họp ngày 26 tháng 6 năm 2020, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận của năm 2019. Theo đó, Tổng Công ty đã phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế với số tiền 9.459.359.816 VND. Vì vậy, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông của năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 để tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu bị thay đổi.

Bảng so sánh lãi cơ bản trên cổ phiếu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được điều chỉnh lại như sau:

	2019 (điều chỉnh lại)	2019 (theo báo cáo trước đây)
	VND/cổ phiếu	VND/cổ phiếu
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.942	5.164

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**37. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tổng Công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2020 VND	2019 VND
<b>Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam</b>		
Cổ tức công bố và đã trả	36.539.052.500	36.539.052.500
Bán hàng hóa và dịch vụ	5.749.949.819	3.806.481.580
Mua hàng hóa và dịch vụ	20.845.459.612	39.084.103.694
Chi phí quản lý và lãi vay	5.217.602.623	8.907.977.164
<b>Các công ty liên kết</b>		
<b>Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	1.352.764.328	1.292.752.188
Mua hàng hóa và dịch vụ	50.604.480.429	70.830.839.993
<b>Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	451.519.536	91.907.845
Mua hàng hóa và dịch vụ	78.314.662.576	83.166.271.692
Cổ tức nhận được thông qua bù trừ công nợ	1.607.000.000	1.607.000.000
<b>Các công ty liên quan khác trong Tập đoàn Dệt May Việt Nam</b>		
<b>Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	22.781.193	1.186.842.913
<b>Công ty TNHH Coats Phong Phú</b>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	17.114.492.603	26.661.513.770
<b>Công ty Cổ phần Dệt May Huế</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	-	108.316.280
Mua hàng hóa và dịch vụ	268.384.183	1.342.000.756
<b>Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài</b>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	-	690.415.488
<b>Tổng Giám đốc</b>		
Tiền lương và thưởng	1.716.733.178	1.616.577.496
<b>Thành viên khác trong Ban điều hành</b>		
Tiền lương và thưởng	9.230.408.605	10.135.778.130
<b>Thành viên Ban kiểm soát</b>		
Lương, thưởng và thù lao	418.068.754	535.082.161
<b>Chủ tịch Hội đồng Quản trị</b>		
Lương và thù lao	595.197.641	133.333.333



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	2020 VND	2019 VND
Thành viên của Hội đồng Quản trị Thủ lao	33.333.334	-
Thành viên của Hội đồng Quản trị Thủ lao	66.666.668	66.666.666
Thành viên của Hội đồng Quản trị Thủ lao	66.666.668	66.666.666
Thành viên của Hội đồng Quản trị Thủ lao và thưởng	338.888.886	290.000.000
Thành viên của Hội đồng Quản trị Thủ lao và thưởng	166.666.668	166.666.666

**38. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính**

	2020 VND	2019 VND
Cổ tức nhận được thông qua bù trừ công nợ	-	192.000.000

**39. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Ngày 12 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Đặng Thị Oanh Nữ  
Chuyên viên



Nguyễn Thị Tường Long  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hải  
Tổng Giám đốc







TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM  
TỔNG CÔNG TY CP DỆT MAY HOÀ THỌ  
CS 020

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC  
CS 020



# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN NĂM 2021**





**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

**Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2021**



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận**

**Đăng ký Doanh nghiệp số 0400101556**

**ngày 30 tháng 1 năm 2007**

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0400101556 ngày 1 tháng 10 năm 2021. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Nguyễn Đức Trí Ông Phạm Văn Tân Bà Trần Tường Anh Ông Nguyễn Ngọc Bình Ông Lê Quốc Ân Ông Nguyễn Văn Hải	Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên
<b>Ban Kiểm soát</b>	Bà Nguyễn Thị Kim Khanh Ông Nguyễn Thanh Sơn Ông Nguyễn Ngọc Cách	Trưởng ban Thành viên Thành viên
<b>Ban điều hành</b>	Ông Nguyễn Văn Hải Bà Hoàng Thùy Oanh Bà Trần Tường Anh Ông Nguyễn Ngọc Bình Bà Trần Thị Hòa Châu Ông Phạm Ngọc Trung Ông Phan Văn Phước Ông Phan Quang Long Ông Nguyễn Phước Hoàng Ông Nguyễn Văn Cường Bà Nguyễn Thị Tường Long	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Giám đốc điều hành Giám đốc điều hành Giám đốc điều hành Giám đốc điều hành Giám đốc điều hành Kế toán trưởng
<b>Trụ sở đăng ký</b>	36 Phố Ông Ích Đường Phường Hòa Thọ Đông, Quận Cẩm Lệ Thành phố Đà Nẵng Việt Nam	
<b>Công ty kiểm toán</b>	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

TRÁ



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Báo cáo của Ban điều hành**

Ban điều hành Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ ("Tổng Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Ban điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban điều hành Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 55 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban điều hành Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban điều hành Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

  
Thay mặt Ban điều hành  
CỔ PHẦN  
DỆT MAY  
HÒA THỌ  
Nguyễn Văn Hải  
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 11 tháng 3 năm 2022

Chứng thực bản sao đúng với bản chính  
Số: 002403 Quyển số: 01/202 SGT/BS  
Ngày 08-06-2023

**PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



**Trần Thị Bảo Khuê**



KPMG Limited  
46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông  
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ ("Tổng Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban điều hành Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 11 tháng 3 năm 2022, được trình bày từ trang 5 đến trang 55.

### Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban điều hành Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán cho Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH KPMG**  
Việt Nam  
Báo cáo kiểm toán số: 21-02-00159-22-2



Đoàn Thanh Toán  
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số: 3073-2019-007-1  
Phó Tổng Giám đốc  
Hà Nội, 11 tháng 3 năm 2022

Phạm Thị Thủy Linh  
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số: 3065-2019-007-1

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021**

**Mẫu B 01 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2021 VND</b>	<b>1/1/2021 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>1.605.615.707.684</b>	<b>963.187.373.809</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>58.586.417.754</b>	<b>44.218.004.444</b>
Tiền	111		50.563.449.704	15.009.004.444
Các khoản tương đương tiền	112		8.022.968.050	29.209.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>119.955.000.000</b>	<b>24.357.800.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	119.955.000.000	24.357.800.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>528.809.007.805</b>	<b>343.222.650.824</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	485.922.363.886	327.938.419.824
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		43.995.355.569	15.160.599.151
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		488.100.000	591.200.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	5.614.168.036	5.974.469.386
Dự phòng phải thu khó đòi	137	9	(7.210.979.686)	(6.477.312.214)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	35.274.677
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>857.148.182.643</b>	<b>514.036.868.557</b>
Hàng tồn kho	141		858.059.229.755	519.167.562.134
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(911.047.112)	(5.130.693.577)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>41.117.099.482</b>	<b>37.352.049.984</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14(a)	9.655.091.330	8.649.177.117
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		31.462.008.152	28.694.650.370
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17(a)	-	8.222.497

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY HÒA THỌ

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>735.148.924.587</b>	<b>788.049.995.316</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>3.959.430.014</b>	<b>1.165.096.000</b>
Phải thu về cho vay dài hạn	215		994.100.000	710.200.000
Phải thu dài hạn khác	216		2.965.330.014	454.896.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>672.855.117.891</b>	<b>737.825.704.383</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	11	670.989.694.477	736.529.984.178
Nguyên giá	222		1.849.460.034.252	1.796.593.958.831
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.178.470.339.775)	(1.060.063.974.653)
Tài sản cố định vô hình	227	12	1.865.423.414	1.295.720.205
Nguyên giá	228		11.203.228.209	11.224.929.405
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(9.337.804.795)	(9.929.209.200)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>14.352.120.576</b>	<b>4.180.723.801</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	14.352.120.576	4.180.723.801
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>16.438.680.283</b>	<b>14.873.729.511</b>
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	6(b)	15.192.122.289	13.610.295.734
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6(b)	7.755.702.000	7.755.702.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	6(b)	(6.509.144.006)	(6.492.268.223)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>27.543.575.823</b>	<b>30.004.741.621</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	14(b)	27.543.575.823	29.934.698.270
Lợi thế thương mại	269	15	-	70.043.351
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>2.340.764.632.271</b>	<b>1.751.237.369.125</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

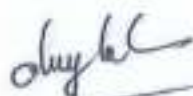
**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 01 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>1.686.965.963.589</b>	<b>1.273.247.562.149</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.374.869.345.296</b>	<b>946.954.491.262</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	334.619.044.523	216.717.707.406
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		41.751.907.473	34.759.801.430
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17(b)	17.503.233.969	11.277.924.437
Phải trả người lao động	314		328.122.204.212	243.297.137.352
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	4.609.214.726	4.356.215.044
Doanh thu chưa thực hiện – ngắn hạn	318		85.280.315	1.090.909.090
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	25.932.598.543	20.644.188.608
Vay ngắn hạn	320	20(a)	553.070.761.077	342.246.816.537
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	40.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	21	69.175.100.458	72.523.791.358
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>312.096.618.293</b>	<b>326.293.070.887</b>
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		10.740.759.952	10.740.759.952
Vay dài hạn	338	20(b)	301.355.858.341	315.552.310.935
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>653.798.668.682</b>	<b>477.989.806.976</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>22</b>	<b>653.798.668.682</b>	<b>477.989.806.976</b>
Vốn cổ phần	411	23	236.250.000.000	225.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		236.250.000.000	225.000.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		1.176.340.000	-
Quỹ đầu tư phát triển	418	24	140.963.518.580	131.581.249.354
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		234.646.810.143	93.703.298.049
- LNST chưa phân phối				
đến cuối năm trước	421a		46.452.467.056	32.966.962.290
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		188.194.343.087	60.736.335.759
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		40.761.999.959	27.705.259.573
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300 + 400)	<b>440</b>		<b>2.340.764.632.271</b>	<b>1.751.237.369.125</b>

Ngày 11 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Đặng Thị Oanh Nữ  
 Chuyên viên

Người duyệt:



Nguyễn Thị Trường Long  
 Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hải  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

Mẫu B 02 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	3.863.898.632.011	3.257.213.652.230
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		389.047.465	949.307.105
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>		<b>3.863.509.584.546</b>	<b>3.256.264.345.125</b>
Giá vốn hàng bán	11		3.419.666.898.562	2.992.286.488.413
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>443.842.685.984</b>	<b>263.977.856.712</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	39.005.529.724	23.983.157.688
Chi phí tài chính	22	29	28.372.540.293	29.793.279.117
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		17.396.599.401	21.998.913.372
Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24		2.867.426.555	2.566.042.261
Chi phí bán hàng	25	30	118.787.387.348	81.032.237.120
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	120.010.174.501	109.525.490.949
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26))</b>	<b>30</b>		<b>218.545.540.121</b>	<b>70.176.049.475</b>
Thu nhập khác	31	32	4.495.492.819	2.916.587.176
Chi phí khác	32	33	1.611.265.593	2.973.084.236
<b>Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>2.884.227.226</b>	<b>(56.497.060)</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>221.429.767.347</b>	<b>70.119.552.415</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	35	19.977.619.246	7.880.800.255
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51) (chuyển sang trang sau)</b>	<b>60</b>		<b>201.452.148.101</b>	<b>62.238.752.160</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51) (trạng trước mang sang)	60		201.452.148.101	62.238.752.160
<b>Phân bổ cho:</b>				
Cổ đông của công ty mẹ	61		188.194.343.087	60.736.335.759
Cổ đông không kiểm soát	62		13.257.805.014	1.502.416.401
				<b>Đã điều chỉnh lại</b>
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	36	7.894	2.569

Ngày 11 tháng 3 năm 2022

Người lập:

  
 Đặng Thị Oanh Nữ  
 Chuyên viên

Người duyệt:

  
 Nguyễn Thị Tường Long  
 Kế toán trưởng

  
  
 Nguyễn Văn Hải  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

(Phương pháp gián tiếp)

**Mẫu B 03 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01		221.429.767.347	70.119.552.415
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		129.702.381.129	145.811.183.461
Các khoản dự phòng	03		(3.102.978.457)	5.079.855.039
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(2.497.398.004)	329.676.891
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(7.966.946.248)	(5.679.462.983)
Chi phí lãi vay	06		17.396.599.401	21.998.913.372
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>354.961.425.168</b>	<b>237.659.718.195</b>
Biến động các khoản phải thu	09		(192.174.032.356)	(95.813.054.131)
Biến động hàng tồn kho	10		(338.891.667.621)	97.497.855.985
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		226.218.147.614	(40.538.752.206)
Biến động chi phí trả trước	12		1.297.597.782	568.641.759
			<b>51.411.470.587</b>	<b>199.374.409.602</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(17.354.200.327)	(22.055.570.691)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(13.611.111.352)	(6.821.726.215)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		437.134.054	280.116.099
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(6.798.901.349)	(7.402.787.645)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>14.084.391.613</b>	<b>163.374.441.150</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(86.131.195.101)	(105.306.693.834)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		300.454.546	917.603.454
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(209.550.000.000)	(28.305.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		113.772.000.000	19.550.345.329
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27		4.792.878.254	2.196.045.600
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(176.815.862.301)</b>	<b>(110.947.699.451)</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

Mẫu B 03 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		11.250.000.000	-
Tiền thu từ đi vay	33		3.249.426.632.623	2.485.252.609.328
Tiền trả nợ gốc vay	34		(3.049.851.195.697)	(2.467.822.769.452)
Tiền trả cổ tức	36		(33.831.798.500)	(56.058.350.947)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>176.993.638.426</b>	<b>(38.628.511.071)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>14.262.167.738</b>	<b>13.798.230.628</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		44.218.004.444	30.303.763.991
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		106.245.572	116.009.825
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>58.586.417.754</b>	<b>44.218.004.444</b>

Ngày 11 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Đặng Thị Oanh Nữ  
Chuyên viên

Người duyệt:



Nguyễn Thị Tường Long  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hải  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

**Mẫu B 09 - DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 bao gồm Tổng Công ty và các công ty con và các lợi ích của Tổng Công ty và các công ty con trong các công ty liên kết.

**(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Tổng Công ty và các công ty con là sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng may mặc, vải, sợi chỉ khâu, các loại thiết bị, nguyên phụ liệu, phụ tùng ngành dệt may.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(d) Cấu trúc Tổng Công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty có các công ty con và công ty liên kết sau:

STT		Tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty		Tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty	
		31/12/2021	1/1/2021	31/12/2021	1/1/2021
<b>Công ty con</b>					
1	Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ	76,88%	76,88%	76,88%	76,88%
2	Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Hội An	54,18%	54,18%	54,18%	54,18%
3	Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Duy Xuyên	81,73%	81,73%	81,73%	81,73%
4	Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ - Thăng Bình	74,49%	74,49%	74,49%	74,49%
5	Công ty TNHH MTV Cơ khí Xây dựng Hòa Thọ	100%	100%	100%	100%
<b>Công ty liên kết</b>					
1	Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam	32,14%	32,14%	32,14%	32,14%
2	Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh	20,00%	20,00%	20,00%	20,00%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty và các công ty con có 9.807 nhân viên (1/1/2021: 9.768 nhân viên).

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty và các công ty con từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Riêng đối với báo cáo bộ phận, Tổng Công ty thực hiện trình bày số liệu làm tròn đến hàng nghìn như Thuyết minh 4.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

**(a) Cơ sở hợp nhất**

**(i) Công ty con**

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

**(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

**(iii) Mất quyền kiểm soát**

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tổng Công ty dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác trong báo cáo tài chính hợp nhất. Lãi hoặc lỗ phát sinh từ sự kiện này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn, phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tổng Công ty vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

Việc thoái vốn của Tổng Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tổng Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu hợp nhất.

**(iv) Công ty liên kết**

Công ty liên kết là những công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể trực tiếp hoặc gián tiếp đến, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, gồm cả chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tổng Công ty được hưởng trong lãi hoặc lỗ của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tổng Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với công ty liên kết. Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong đơn vị nhận đầu tư phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của đơn vị nhận đầu tư mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v...).

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tổng Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tổng Công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tổng Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

**(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các số dư và giao dịch trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tổng Công ty tại các công ty liên kết này.

**(vi) Hợp nhất kinh doanh**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tổng Công ty. Sự kiểm soát tồn tại khi Tổng Công ty có quyền chi phối trực tiếp hoặc gián tiếp các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Giá phí hợp nhất kinh doanh (giá phí mua) gồm tổng của giá trị hợp lý, tại ngày trao đổi, của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận, các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày mua.

Lợi thế thương mại phát sinh thể hiện khoản chênh lệch giữa giá phí mua và lợi ích của Tổng Công ty trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua được ghi nhận vào bảng cân đối kế toán hợp nhất, sau đó được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (xem Thuyết minh 3(k)). Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm hiện tại sau khi đã tiến hành soát xét lại nhằm đảm bảo việc xác định giá trị của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được, nợ tiềm tàng và việc xác định giá phí hợp nhất kinh doanh đã phản ánh phù hợp với việc cân nhắc tất cả thông tin có tại ngày mua.

**(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(d) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban điều hành Tổng Công ty và các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(ii) Đầu tư vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(e) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phân ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(f) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phân ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tổng Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(g) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ tài sản khác	2 – 5 năm

**(h) Tài sản cố định vô hình**

**Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

**(i) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Tổng công ty và các công ty con không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(j) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng Công ty và các công ty con đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 50 năm.



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty và các công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(iii) Chi phí trả trước dài hạn khác**

Chi phí trả trước dài hạn khác chủ yếu bao gồm các chi phí thuê và sửa chữa cải tạo tài sản. Chi phí trả trước dài hạn khác ban đầu được thể hiện theo nguyên giá, và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 3 năm.

**(k) Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa giá phí mua và lợi ích của Tổng Công ty trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng không quá 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban điều hành xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

**(l) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(m) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(n) Vốn cổ phần**

**Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(o) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(p) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

**(ii) Doanh thu dịch vụ gia công**

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(iv) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(q) Thuê tài sản**

**(i) Tài sản thuê**

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê của Tổng Công ty được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bản cân đối kế toán của Tổng Công ty.

**(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

**(r) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

**(s) Lãi trên cổ phiếu**

Tổng Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty sau khi trừ số phần bỏ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Tại ngày báo cáo và cho năm kết thúc cùng ngày, Tổng Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

**(t) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban điều hành cho rằng Tổng Công ty và các công ty con hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là buôn bán và cung cấp các sản phẩm và dịch vụ về dệt may.

Bộ phận chia theo vùng địa lý của Tổng Công ty và các công ty con được xác định căn cứ vào quốc gia phát sinh doanh thu. Ban điều hành Tổng Công ty đánh giá khu vực địa lý phát sinh trên 10% tổng doanh thu là một bộ phận cần được báo cáo.

**(u) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(v) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong năm trước.

12/21 12/21 12/21 12/21 12/21

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**4. Báo cáo bộ phận**

Tổng Công ty và các công ty con có các bộ phận chia theo vùng địa lý, dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

- Trung Quốc
- Hoa Kỳ
- Nhật Bản
- Châu Phi
- Việt Nam
- Thụy Điển
- Vương quốc Anh
- Các vùng địa lý khác

	Trung Quốc Nghìn VND	Hoa Kỳ Nghìn VND	Nhật Bản Nghìn VND	Châu Phi Nghìn VND	Việt Nam Nghìn VND	Thụy Điển Nghìn VND	Vương quốc Anh Nghìn VND	Các vùng địa lý khác Nghìn VND	Hợp nhất Nghìn VND
<b>Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021</b>									
Tổng doanh thu của bộ phận	1.084.625.660	564.999.158	433.361.785	272.058.529	425.305.541	369.810.596	-	713.737.363	3.863.898.632
Kết quả kinh doanh của bộ phận	74.078.466	67.485.515	34.307.693	66.803.115	59.895.680	21.153.984	-	120.118.233	443.842.686
Thu nhập không phân bổ									41.002.579
Chi phí không phân bổ									266.299.725
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh									218.545.540
Thu nhập khác									4.495.493
Chi phí khác									1.611.266
Thuế thu nhập doanh nghiệp									19.977.619
Lợi nhuận thuần sau thuế									201.452.148

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Trung Quốc Nghìn VND	Hoa Kỳ Nghìn VND	Nhật Bản Nghìn VND	Châu Phi Nghìn VND	Việt Nam Nghìn VND	Thụy Điển Nghìn VND	Vương quốc Anh Nghìn VND	Các vùng địa lý khác Nghìn VND	Hợp nhất Nghìn VND
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021</b>									
Thì sản của bộ phận	157.101.000	164.967.000	16.244.000	29.728.000	22.927.364	9.140.000	-	85.815.000	485.922.364
Thì sản không phân bổ									1.854.842.268
<b>Tổng tài sản</b>									<b>2.340.764.632</b>
Nợ phải trả của bộ phận	16.119.000	25.452.000	-	-	8.060.667	-	-	2.861.000	52.492.667
Các khoản nợ không phân bổ									1.634.473.297
<b>Tổng nợ phải trả</b>									<b>1.686.965.964</b>
<b>Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021</b>									
Chi tiêu vốn									86.131.195
Khấu hao tài sản cố định hữu hình									128.802.431
Khấu hao tài sản cố định vô hình									742.296

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Trung Quốc Nghìn VND	Hoa Kỳ Nghìn VND	Nhật Bản Nghìn VND	Châu Phi Nghìn VND	Việt Nam Nghìn VND	Thụy Điển Nghìn VND	Vương quốc Anh Nghìn VND	Các vùng địa lý khác Nghìn VND	Hợp nhất Nghìn VND
<b>Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>									
Tổng doanh thu của bộ phận	839.318.656	424.617.148	446.620.667	390.198.760	226.428.715	320.899.699	9.854.846	599.275.161	3.257.213.652
Kết quả kinh doanh của bộ phận	53.328.988	50.204.096	31.596.300	33.591.975	19.774.758	18.762.598	432.940	56.286.202	263.977.857
Thu nhập không phân bổ									26.549.200
Chi phí không phân bổ									220.351.008
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh									70.176.049
Thu nhập khác									2.916.587
Chi phí khác									2.973.084
Thuế thu nhập doanh nghiệp									7.880.800
Lợi nhuận thuần sau thuế									62.238.752



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Trung Quốc Nghìn VND	Hoa Kỳ Nghìn VND	Nhật Bản Nghìn VND	Châu Phi Nghìn VND	Việt Nam Nghìn VND	Thụy Điển Nghìn VND	Vương quốc Anh Nghìn VND	Các vùng địa lý khác Nghìn VND	Hợp nhất Nghìn VND
<b>Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021</b>									
Tài sản của bộ phận Tài sản không phân bổ	93.403.000	103.797.000	27.357.000	29.758.000	22.659.420	1.628.629	-	49.335.371	327.938.420 1.423.298.949
<b>Tổng tài sản</b>									<b>1.751.237.369</b>
Nợ phải trả của bộ phận Các khoản nợ không phân bổ	34.521.000	143.000	-	-	9.327.561	-	-	1.509.000	45.500.561 1.227.747.001
<b>Tổng nợ phải trả</b>									<b>1.273.247.562</b>
<b>Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>									
Chi tiêu vốn									105.306.694
Khấu hao tài sản cố định hữu hình									144.581.908
Khấu hao tài sản cố định vô hình									1.001.578



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Tiền mặt	117.040.289	135.106.746
Tiền gửi ngân hàng	50.446.409.415	14.873.897.698
Các khoản tương đương tiền	8.022.968.050	29.209.000.000
	58.586.417.754	44.218.004.444

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng với lãi suất năm là 3% tại các ngân hàng thương mại (1/1/2021: từ 3,5% đến 4,0%).

**6. Các khoản đầu tư tài chính**

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2021		1/1/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Tiền gửi có kỳ hạn	119.955.000.000	119.955.000.000	24.357.800.000	24.357.800.000

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại 12 tháng kể từ ngày cuối năm tài chính, với lãi suất năm từ 3,3% đến 5,55% (1/1/2021: từ 4,9% đến 6,9%).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn có giá trị ghi sổ là 30.000 triệu VND (1/1/2021: không có) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay dài hạn (Thuyết minh 20(b)) của Tổng Công ty.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Địa chỉ	31/12/2021				Dự phòng VND	1/1/2021				Dự phòng VND
		Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND		Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	
<b>Đầu tư góp vốn vào:</b>											
<i>Công ty liên kết</i>											
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam	Quảng Nam	642.800	32,14%	32,14%	15.192.122.289	-	642.800	32,14%	32,14%	13.610.295.734	-
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh	Quảng Nam	400.000	20,00%	20,00%	-	-	400.000	20,00%	20,00%	-	-
					<u>15.192.122.289</u>	<u>-</u>				<u>13.610.295.734</u>	<u>-</u>
<i>Đơn vị khác</i>											
Công ty Cổ phần Bông vải Miền Trung	Khánh Hòa	65.000	7,12%	7,12%	855.702.000	(209.144.006)	65.000	7,12%	7,12%	855.702.000	(192.268.223)
Công ty Cổ phần Bao bì Hòa Thọ Quảng Đà	Quảng Nam	60.000	10,91%	10,91%	600.000.000	-	60.000	10,91%	10,91%	600.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dệt May TP. Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	630.000	14,00%	14,00%	6.300.000.000	(6.300.000.000)	630.000	14,00%	14,00%	6.300.000.000	(6.300.000.000)
					<u>7.755.702.000</u>	<u>(6.509.144.006)</u>				<u>7.755.702.000</u>	<u>(6.492.268.223)</u>
					<u>22.947.824.289</u>	<u>(6.509.144.006)</u>				<u>21.365.997.734</u>	<u>(6.492.268.223)</u>

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất do không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn**

	<b>31/12/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Haggar Clothing Co.	126.145.167.202	41.683.438.845
Motives International (Hong Kong) Limited	139.699.775.309	78.078.624.227
Supreme International LLC	21.701.889.272	44.510.862.972
Các khách hàng khác	198.375.532.103	163.665.493.780
	<b>485.922.363.886</b>	<b>327.938.419.824</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, các khoản phải thu khách hàng có giá trị ghi sổ là 24.373 triệu VND (1/1/2021: 23.195 triệu VND) được dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của các công ty con (Thuyết minh 20(a)).

**(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan**

	<b>31/12/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty mẹ</b>		
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	131.545.680	85.771.834
<b>Công ty liên kết</b>		
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ – Phú Ninh	99.706.524	104.079.250
	<b>231.252.204</b>	<b>189.851.084</b>

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Kí quỹ, kí cược ngắn hạn	228.866.300	2.971.547.668
Tạm ứng	1.218.142.241	616.621.254
Thuế nhập khẩu tạm nộp	1.190.743.899	-
Phải thu khác	2.976.415.596	2.386.300.464
	<hr/>	<hr/>
	5.614.168.036	5.974.469.386

VTM \* CT  
AH \* HN.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Nợ xấu và nợ khó đòi

	31/12/2021			Giá trị có thể thu hồi VND	1/1/2021			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND		Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Công ty TNHH Dịch vụ - Thương mại Duyên Đạt	Trên 3 năm	5.709.989.346	(5.709.989.346)	-	Trên 3 năm	5.709.989.346	(5.709.989.346)	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phong Phú Sơn Trà (*)	Trên 3 năm	-	-	-	Trên 3 năm	406.124.753	(406.124.753)	-
Công ty TNHH May Phú Tường	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	2.880.547.450	(1.440.273.725)	1.440.273.725	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	1.001.605.000	(300.481.500)	701.123.500
Các khách hàng khác	Trên 3 năm	60.716.615	(60.716.615)	-	Trên 3 năm	60.716.615	(60.716.615)	-
		<u>8.651.253.411</u>	<u>(7.210.979.686)</u>	<u>1.440.273.725</u>		<u>7.178.435.714</u>	<u>(6.477.312.214)</u>	<u>701.123.500</u>
Trong đó:								
Dự phòng phải thu khó đòi			<u>(7.210.979.686)</u>			<u>(6.477.312.214)</u>		

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, khoản phải thu khó đòi từ Công ty Cổ phần Đầu tư Phong Phú Sơn Trà đã bị xóa sổ do không có khả năng thu hồi theo đánh giá của Ban điều hành

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**10. Hàng tồn kho**

	31/12/2021		1/1/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	143.046.172.229	-	65.810.376.595	-
Nguyên vật liệu	249.105.703.724	-	123.585.974.784	-
Công cụ và dụng cụ	1.045.994.692	-	2.273.738.947	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	373.904.283.135	-	183.730.754.945	-
Thành phẩm	38.848.313.457	(708.667.048)	101.575.566.512	(4.698.180.889)
Hàng hóa	5.264.115.298	(202.380.064)	5.773.108.494	(260.262.823)
Hàng gửi đi bán	46.844.647.220	-	36.418.041.857	(172.249.865)
	<b>858.059.229.755</b>	<b>(911.047.112)</b>	<b>519.167.562.134</b>	<b>(5.130.693.577)</b>

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 có 2.778 triệu VND (1/1/2021: 22.308 triệu VND) hàng thành phẩm, hàng hóa và hàng gửi đi bán được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 642.813 triệu VND (1/1/2021: 399.024 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty và công ty con (Thuyết minh 20(a)).

11/12  
 ÔN  
 108  
 KP  
 1/5/

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	423.425.543.846	1.209.646.674.997	62.516.673.209	8.359.536.921	92.645.529.858	1.796.593.958.831
Tăng trong năm	326.123.567	23.059.552.351	1.172.560.709	560.636.291	866.717.436	25.985.590.354
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	3.525.697.989	23.289.644.644	8.275.067.062	48.556.200	2.244.846.359	37.383.812.254
Thanh lý	(1.313.916.871)	(6.727.228.709)	(1.788.698.321)	(348.967.314)	(324.515.972)	(10.503.327.187)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>425.963.448.531</b>	<b>1.249.268.643.283</b>	<b>70.175.602.659</b>	<b>8.619.762.098</b>	<b>95.432.577.681</b>	<b>1.849.460.034.252</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	156.424.623.337	789.686.142.738	34.797.622.157	6.917.342.231	72.238.244.190	1.060.063.974.653
Khấu hao trong năm	20.063.897.652	93.881.445.043	6.266.910.405	701.107.112	7.889.071.276	128.802.431.488
Thanh lý	(1.306.980.886)	(6.626.903.873)	(1.788.698.321)	(348.967.314)	(324.515.972)	(10.396.066.366)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>175.181.540.103</b>	<b>876.940.683.908</b>	<b>39.275.834.241</b>	<b>7.269.482.029</b>	<b>79.802.799.494</b>	<b>1.178.470.339.775</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu năm	267.000.920.509	419.960.532.259	27.719.051.052	1.442.194.690	20.407.285.668	736.529.984.178
Số dư cuối năm	250.781.908.428	372.327.959.375	30.899.768.418	1.350.280.069	15.629.778.187	670.989.694.477

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 có các tài sản cố nguyên giá 675.332 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2021: 584.055 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 404.751 triệu VND (1/1/2021: 481.319 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay ngắn hạn (Thuyết minh 20(a)) và dài hạn (Thuyết minh 20(b)) của Tổng Công ty và các công ty con.

**12. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm	11.224.929.405
Tăng trong năm	934.687.900
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	377.311.147
Thanh lý	(1.333.700.243)
	<hr/>
Số dư cuối năm	11.203.228.209
	<hr/>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	9.929.209.200
Khấu hao trong năm	742.295.838
Thanh lý	(1.333.700.243)
	<hr/>
Số dư cuối năm	9.337.804.795
	<hr/>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm	1.295.720.205
Số dư cuối năm	1.865.423.414
	<hr/>

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 7.138 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (1/1/2021: 7.674 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**13. Xây dựng cơ bản dở dang**

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	4.180.723.801	35.047.117.854
Tăng trong năm	47.932.520.176	93.291.307.881
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(37.383.812.254)	(124.157.701.934)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(377.311.147)	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>14.352.120.576</b>	<b>4.180.723.801</b>

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Máy móc thiết bị sợi	12.685.845.477	575.750.000
Nhà máy May Triệu Phong	1.333.000	2.363.605.351
Các công trình khác	1.664.942.099	1.241.368.450
<b>Tổng cộng</b>	<b>14.352.120.576</b>	<b>4.180.723.801</b>



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND	
<b>14. Chi phí trả trước</b>			
(a) Chi phí trả trước ngắn hạn			
Trả trước phí bảo hiểm	2.551.628.353	1.779.206.472	
Công cụ và dụng cụ	2.985.481.637	3.441.985.406	
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	592.958.334	742.175.166	
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	3.525.023.006	2.685.810.073	
	<b>9.655.091.330</b>	<b>8.649.177.117</b>	
(b) Chi phí trả trước dài hạn			
Số dư đầu năm	Chi phí đất trả trước VND	Chi phí trả trước dài hạn khác VND	Tổng cộng VND
Tăng trong năm	4.015.479.276	13.694.123.512	29.934.698.270
Phân bổ trong năm	-	6.926.252.405	12.751.805.143
Thanh lý	(87.610.452)	(9.198.947.064)	(15.139.196.405)
	-	(3.731.185)	(3.731.185)
Số dư cuối năm	<b>3.927.868.824</b>	<b>11.417.697.668</b>	<b>27.543.575.823</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**15. Lợi thế thương mại**

	VND
<b>Giá gốc</b>	
Số dư đầu năm và cuối năm	1.400.866.953
<b>Giá trị phân bổ lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	1.330.823.602
Phân bổ trong năm	70.043.351
Số dư cuối năm	1.400.866.953
<b>Giá trị ghi sổ</b>	
Số dư đầu năm	70.043.351
Số dư cuối năm	-

**16. Phải trả người bán ngắn hạn**

**(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Hultafors Group AB	44.776.318.875	12.009.223.239
Kwong Lung Enterprise Co., Ltd	36.430.638.305	8.354.163.269
Các nhà cung cấp khác	253.412.087.343	196.354.320.898
	334.619.044.523	216.717.707.406

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
<b>Công ty mẹ</b>		
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	16.103.745.493	16.754.023.232
<b>Công ty liên kết</b>		
Công ty Cổ phần May Hoà Thọ - Quảng Nam	8.334.074.082	12.453.389.509
Công ty Cổ phần May Hoà Thọ - Phú Ninh	12.025.365	-
<b>Các bên liên quan khác trong Tập đoàn Dệt May Việt Nam</b>		
Công ty TNHH Coats Phong Phú	2.430.308.000	3.720.306.544
Công ty Cổ phần Dệt May Huế	14.783.300	36.776.600
	26.894.936.240	32.964.495.885

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**17. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước**

**(a) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	1/1/2021 VND	Số phải thu trong năm VND	Số bù trừ trong năm VND	31/12/2021 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.233.501	-	(5.233.501)	-
Thuế thu nhập cá nhân	2.988.996	-	(2.988.996)	-
	8.222.497	-	(8.222.497)	-

11/21  
 TỶ  
 SỬI  
 TG  
 11/21

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2021 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/bù trừ trong năm VND	31/12/2021 VND
Thuế giá trị gia tăng	8.304.895.932	137.492.306.860	(137.773.441.896)	8.023.760.896
Thuế nhập khẩu	153.955.742	4.505.654.755	(4.452.280.111)	207.330.386
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.718.939.347	19.977.619.246	(13.616.344.853)	9.080.213.740
Thuế thu nhập cá nhân	99.739.416	3.201.322.499	(3.112.487.665)	188.574.250
Các loại thuế khác	394.000	5.008.795.066	(5.005.834.369)	3.354.697
	11.277.924.437	170.185.698.426	(163.960.388.894)	17.503.233.969

**18. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Chi phí hoạt động	2.418.190.333	2.187.848.437
Chi phí lãi vay	376.111.793	333.712.719
Các khoản trích trước khác	1.814.912.600	1.834.653.888
	4.609.214.726	4.356.215.044

**19. Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Kinh phí công đoàn	17.404.033.529	15.406.513.458
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	14.475.299	35.015.894
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	165.000.000	168.706.830
Các khoản thu chi hộ	2.703.517.178	311.000.301
Cổ tức phải trả	984.196.600	985.785.100
Quỹ ái hữu, quỹ tương trợ	832.771.781	763.983.681
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.828.604.156	2.973.183.344
	25.932.598.543	20.644.188.608

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2021	Biến động trong năm			31/12/2021
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	293.656.328.905	3.213.176.632.623	(3.000.230.708.066)	297.053.552	506.899.307.014
Vay dài hạn đến hạn trả	48.590.487.632	47.322.034.697	(49.620.487.631)	(120.580.635)	46.171.454.063
	342.246.816.537	3.260.498.667.320	(3.049.851.195.697)	176.472.917	553.070.761.077

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Vay ngân hàng 1 (i)	USD	1,30%	205.675.587.086	110.137.931.723
Vay ngân hàng 2 (i)	USD	1,45% – 1,5%	77.942.926.642	60.270.102.318
Vay ngân hàng 3 (i)	VND	1,56%	37.633.249.507	18.590.292.990
Vay ngân hàng 4 (i)	USD	2,7%	18.266.492.510	23.574.258.147
Vay ngân hàng 5 (i)	USD	1,40%	167.132.051.269	73.124.475.103
Vay ngân hàng 6 (ii)	USD	1,49% – 1,53%	-	7.779.268.624
Vay Ban liên lạc lưu trữ (ii)	VND	8,40%	249.000.000	180.000.000
			506.899.307.014	293.656.328.905



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Các khoản vay này được đảm bảo bằng một số các khoản phải thu khách hàng (Thuyết minh 7), hàng tồn kho (Thuyết minh 10) và tài sản cố định của Tổng Công ty và các công ty con (Thuyết minh 11).
- (ii) Các khoản vay này không được đảm bảo.

**(b) Vay dài hạn**

	<b>31/12/2021</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2021</b> <b>VND</b>
Vay dài hạn	347.527.312.404	364.142.798.567
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(46.171.454.063)	(48.590.487.632)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	<u>301.355.858.341</u>	<u>315.552.310.935</u>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Vay ngân hàng 1 (i)	USD	5,0%	2021	-	629.624.297
Vay ngân hàng 2 (i)	USD	5,0%	2021	-	913.199.685
Vay ngân hàng 3 (i)	USD	4,0%	2021	-	7.265.857.614
Vay ngân hàng 4 (i)	USD	5,0%	2022	5.588.879.756	11.633.967.686
Vay ngân hàng 5 (i)	USD	4,8%	2024	30.000.000.000	-
Vay ngân hàng 6 (i)	VND	5,4%	2025	99.659.602.309	125.493.891.442
Quỹ bảo vệ môi trường (ii)	VND	2,6%	2025	5.270.000.000	-
Kuraray Trading Co., Ltd. (ii)	USD	2,5%	2021	-	4.640.800.000
Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ (iii)	USD	LIBOR + 0,7%	2039	207.008.830.339	213.565.457.843
				347.527.312.404	364.142.798.567

- (i) Các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình và hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn của Tổng Công ty và các công ty con (Thuyết minh 11 và thuyết minh 6(a)).
- (ii) Khoản vay này không được đảm bảo.
- (iii) Đây là khoản vay được Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho vay lại từ nguồn vốn vay của Ngân hàng Phát triển Châu Á ("ADB") và có hạn mức là 9.042.587 USD.



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty và các công ty con. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	<b>2021</b> <b>VND</b>	<b>2020</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	72.523.791.358	70.187.103.088
Trích lập trong năm	3.063.076.395	9.459.359.816
Tăng khác	437.134.054	280.116.099
Sử dụng trong năm	(6.848.901.349)	(7.402.787.645)
Số dư cuối năm	<u>69.175.100.458</u>	<u>72.523.791.358</u>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	225.000.000.000	-	113.283.038.700	116.974.532.760	26.202.843.172	481.460.414.632
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	60.736.335.759	1.502.416.401	62.238.752.160
Phân bổ vào các quỹ	-	-	18.298.210.654	(18.298.210.654)	-	-
Cổ tức (Thuyết minh 25)	-	-	-	(56.250.000.000)	-	(56.250.000.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(9.459.359.816)	-	(9.459.359.816)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	225.000.000.000	-	131.581.249.354	93.703.298.049	27.705.259.573	477.989.806.976
Phát hành cổ phiếu (*)	11.250.000.000	-	-	-	-	11.250.000.000
Trả cổ tức bằng cổ phiếu phát hành của công ty con	-	1.176.340.000	-	(1.176.340.000)	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	188.194.343.087	13.257.805.014	201.452.148.101
Phân bổ vào các quỹ	-	-	9.382.269.226	(9.382.269.226)	-	-
Cổ tức (Thuyết minh 25)	-	-	-	(33.750.000.000)	(80.210.000)	(33.830.210.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(2.942.221.767)	(120.854.628)	(3.063.076.395)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	236.250.000.000	1.176.340.000	140.963.518.580	234.646.810.143	40.761.999.959	653.798.668.682

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(\*) Theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên được ghi trong biên bản số 17/BB-DHĐCD ngày 17 tháng 4 năm 2021, trong năm 2021, Tổng Công ty đã phát hành 1.125.000 cổ phiếu cho nhân viên với giá phát hành bằng mệnh giá.

### **23. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	31/12/2021		1/1/2021	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	23.625.000	236.250.000.000	22.500.000	225.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	23.625.000	236.250.000.000	22.500.000	225.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	23.625.000	236.250.000.000	22.500.000	225.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Vốn cổ phần đã phát hành và đang lưu hành của các cổ đông như sau:

	31/12/2021			1/1/2021		
	Đã phát hành và đang lưu hành			Đã phát hành và đang lưu hành		
	Số cổ phiếu	VND	%	Số cổ phiếu	VND	%
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	14.615.621	146.156.210.000	61,87%	14.615.621	146.156.210.000	64,96%
Các cổ đông khác	9.009.379	90.093.790.000	38,13%	7.884.379	78.843.790.000	35,04%
	<b>23.625.000</b>	<b>236.250.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>22.500.000</b>	<b>225.000.000.000</b>	<b>100%</b>

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2021		2020	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	22.500.000	225.000.000.000	22.500.000	225.000.000.000
Cổ phiếu phát hành trong năm	1.125.000	11.250.000.000	-	-
Số dư cuối năm	<b>23.625.000</b>	<b>236.250.000.000</b>	<b>22.500.000</b>	<b>225.000.000.000</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**24. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**25. Cổ tức**

Tại cuộc họp ngày 17 tháng 4 năm 2021, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức bằng tiền trị giá 33.750 triệu VND cho năm 2020, tương đương 15% vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (2020: 56.250 triệu VND cho năm 2019, tương đương 25% vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2019).

**26. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Trong vòng một năm	20.540.730.148	23.123.304.931
Trong vòng hai đến năm năm	77.343.171.463	93.210.006.385
Sau năm năm	96.420.735.773	128.208.179.536
	194.304.637.384	244.541.490.852

**(b) Ngoại tệ các loại**

	31/12/2021		1/1/2021	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	436.015	9.853.729.499	255.149	5.870.047.243
EUR	221	5.616.408	221	6.180.872
		9.859.345.907		5.876.228.115

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(c) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Dã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	31.020.000.000	51.100.000.000

**(d) Nợ khó đòi đã xử lý**

	Nguyên nhân xóa sổ	Năm xóa sổ	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Phong Phú Sơn Trà	Nợ không có khả năng thu hồi	2021	406.124.753	-

**27. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

**28. Doanh thu hoạt động tài chính**

	2021 VND	2020 VND
Lãi tiền gửi và cho vay	4.624.878.254	2.004.045.600
Cổ tức được chia	168.000.000	192.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	31.706.974.093	21.725.995.264
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.497.398.004	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	8.279.373	61.116.824
	<u>39.005.529.724</u>	<u>23.983.157.688</u>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**29. Chi phí tài chính**

	2021 VND	2020 VND
Chi phí lãi vay	17.396.599.401	21.998.913.372
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	10.959.065.109	7.371.522.739
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	329.676.891
Trích lập dự phòng tổn thất đầu tư	16.875.783	93.166.115
	28.372.540.293	29.793.279.117

**30. Chi phí bán hàng**

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nhân viên	5.318.488.165	5.151.533.995
Chi phí vật liệu, bao bì	712.177.753	701.855.060
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.749.325.677	653.970.923
Chi phí dịch vụ mua ngoài	99.293.943.923	62.130.360.645
Chi phí khác	11.713.451.830	12.394.516.497
	118.787.387.348	81.032.237.120

**31. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nhân viên	65.452.749.928	55.290.601.365
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.768.849.645	3.038.713.840
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.988.009.024	10.600.881.292
Thuế, phí và lệ phí	3.875.697.356	4.046.274.537
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	1.139.792.225	292.981.500
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.639.294.230	16.673.206.816
Chi phí khác	21.145.782.093	19.582.831.599
	120.010.174.501	109.525.490.949

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**32. Thu nhập khác**

	<b>2021</b> <b>VND</b>	<b>2020</b> <b>VND</b>
Lãi do thanh lý tài sản cố định	306.641.439	917.375.122
Các khoản thu nhập khác	4.188.851.380	1.999.212.054
	<b>4.495.492.819</b>	<b>2.916.587.176</b>

**33. Chi phí khác**

	<b>2021</b> <b>VND</b>	<b>2020</b> <b>VND</b>
Tiền phạt hợp đồng, chậm nộp thuế	629.154.228	1.989.714.367
Các khoản chi phí khác	982.111.365	983.369.869
	<b>1.611.265.593</b>	<b>2.973.084.236</b>

**34. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2021</b> <b>VND</b>	<b>2020</b> <b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	1.915.354.798.927	1.433.887.870.836
Chi phí nhân viên	1.136.679.987.620	947.429.739.396
Chi phí khấu hao và phân bổ	129.702.381.129	145.811.183.461
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	554.449.185.818	511.194.477.433



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**35. Thuế thu nhập**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	2021 VND	2020 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	19.872.614.961	7.880.800.255
Dự phòng thiếu năm trước	105.004.285	-
	19.977.619.246	7.880.800.255

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	2021 VND	2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	221.429.767.347	70.119.552.415
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	22.142.976.735	7.011.955.241
Ưu đãi thuế	(3.484.886.499)	-
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	76.993.534	547.168.029
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác	419.127.223	615.163.969
Chi phí không được khấu trừ thuế	297.582.634	431.456.950
Thu nhập không bị tính thuế	(16.800.000)	(19.200.000)
Giảm thuế (*)	-	(196.814.000)
Chênh lệch tạm thời không được ghi nhận thuế hoãn lại	1.140.175.715	161.235.053
Lỗi tính thuế được sử dụng ở công ty con	(597.974.756)	(427.603.066)
Giảm thuế theo Nghị định 92/2021/NĐ-CP ở công ty con	(104.579.625)	-
Giảm thuế theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP ở công ty con	-	(242.561.921)
Dự phòng thiếu năm trước	105.004.285	-
	19.977.619.246	7.880.800.255

(\*) Tổng Công ty được giảm thuế theo quy định tại Điều 21, Thông tư số 78/2014/TT-BTC hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp. Theo đó, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, xây dựng, vận tải sử dụng từ 10 đến 100 lao động nữ, trong đó số lao động nữ chiếm trên 50% tổng số lao động có mặt thường xuyên hoặc sử dụng thường xuyên trên 100 lao động nữ mà số lao động nữ chiếm trên 30% tổng số lao động có mặt thường xuyên của doanh nghiệp được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tương ứng với số tiền thực chi thêm cho lao động nữ.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Thuế suất áp dụng**

**(i) Đối với Tổng Công ty**

Theo quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm tính từ năm 2007 (2007 - 2021) và mức thuế suất thông thường cho những năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cũng cho phép Tổng Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2007 đến năm 2010) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (2011 - 2019).

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 20%.

**(ii) Đối với các công ty con**

Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ – Thăng Bình có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20%. Các quy định hiện hành về thuế cho phép công ty con này được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trong 15 năm (từ 2016 đến 2030), miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ 2018 đến 2021) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ 2022 đến 2030).

Các công ty con khác có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20%.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**36. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền tại thời điểm lập báo cáo, chi tiết như sau:

**(a) Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

	2021 (Số cổ phiếu)	2020 (Số cổ phiếu)
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước	22.500.000	22.500.000
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	286.644	-
<b>Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm</b>	<b>22.786.644</b>	<b>22.500.000</b>

**(b) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được dựa trên số lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông, sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

	2021	2020 Đã điều chỉnh lại
Lợi nhuận thuần trong năm (VND)	188.194.343.087	60.736.335.759
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	(8.313.655.798)	(2.942.221.767)
<b>Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (VND)</b>	<b>179.880.687.289</b>	<b>57.794.113.992</b>
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm (số cổ phiếu)	22.786.644	22.500.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>7.894</b>	<b>2.569</b>

(\*) Số dự kiến phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi dựa trên ước tính của Ban Giám đốc Tổng Công ty, căn cứ trên tình hình hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty cho năm 2021.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Điều chỉnh lại lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

Tại cuộc họp ngày 17 tháng 4 năm 2021, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận của năm 2020. Theo đó, Tổng Công ty đã phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế với số tiền 3.063.076.395 VND. Vì vậy, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông của năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 để tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu bị thay đổi.

Bảng so sánh lãi cơ bản trên cổ phiếu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được điều chỉnh lại như sau:

	<b>2020</b> <b>(điều chỉnh lại)</b> <b>VND/cổ phiếu</b>	<b>2020</b> <b>(theo báo cáo</b> <b>trước đây)</b> <b>VND/cổ phiếu</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.569	2.587

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**37. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tổng Công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2021 VND	2020 VND
<b>Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam</b>		
Cổ tức công bố và đã trả	21.923.431.500	36.539.052.500
Bán hàng hóa và dịch vụ	1.756.851.818	5.749.949.819
Mua hàng hóa và dịch vụ	19.359.892.147	20.845.459.612
Chi phí quản lý và lãi vay	3.507.645.104	5.217.602.623
<b>Các công ty liên kết</b>		
<b>Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	1.279.933.903	1.352.764.328
Mua hàng hóa và dịch vụ	57.881.256.557	50.604.480.429
Doanh thu bán tài sản cố định	113.447.714	-
<b>Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	531.135.748	451.519.536
Mua hàng hóa và dịch vụ	74.639.037.251	78.314.662.576
Cổ tức nhận được thông qua bù trừ công nợ	1.285.600.000	1.607.000.000
<b>Các công ty liên quan khác trong Tập đoàn Dệt May Việt Nam</b>		
<b>Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	883.181.123	22.781.193
Mua hàng hóa và dịch vụ	23.452.541	-
<b>Công ty TNHH Coats Phong Phú</b>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	20.098.924.252	17.114.492.603
<b>Công ty Cổ phần Dệt May Huế</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	11.451.354.635	-
Mua hàng hóa và dịch vụ	11.542.612.641	268.384.183
<b>Tổng Giám đốc</b>		
Tiền lương và thưởng	1.314.157.804	1.716.733.178
<b>Thành viên khác trong Ban điều hành</b>		
Tiền lương và thưởng	11.127.071.372	9.230.408.605
<b>Thành viên Ban kiểm soát</b>		
Lương, thưởng và thù lao	463.587.917	418.068.754
<b>Chủ tịch Hội đồng Quản trị</b>		
Lương	1.795.681.779	517.419.864
Thù lao	237.378.222	77.777.777

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	2021 VND	2020 VND
Thành viên 1 của Hội đồng Quản trị Thủ lao và thưởng	133.333.334	166.666.668
Thành viên 2 của Hội đồng Quản trị Thủ lao	66.666.667	66.666.668
Thành viên 3 của Hội đồng Quản trị Thủ lao	66.666.667	66.666.668
Thành viên 4 của Hội đồng Quản trị Thủ lao và thưởng	299.999.997	338.888.886
Thành viên 5 của Hội đồng Quản trị Thủ lao	66.666.667	33.333.334

**38. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính**

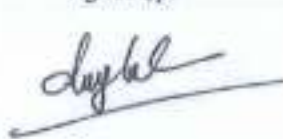
	2021 VND	2020 VND
Chuyển từ quỹ khen thưởng phúc lợi sang vay ngắn hạn	50.000.000	-

**39. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ngày 11 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Đặng Thị Canh Nữ  
Chuyên viên

Người duyệt:



Nguyễn Thị Tường Long  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hải  
Tổng Giám đốc







TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM  
TỔNG CÔNG TY CP DỆT MAY HOÀ THỌ  
☉☉☉

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC  
☉☉☉



# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG KIỂM TOÁN NĂM 2021**





**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

**Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2021**

12/21  
H. H. H. H.  
H. H. H. H.



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận**

**Đăng ký Doanh nghiệp số** 0400101556

ngày 30 tháng 1 năm 2007

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0400101556 ngày 01 tháng 10 năm 2021. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Đức Trí	Chủ tịch
Ông Phạm Văn Tân	Thành viên
Bà Trần Tường Anh	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Bình	Thành viên
Ông Lê Quốc Ân	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Hải	Thành viên

**Ban Kiểm soát**

Bà Nguyễn Thị Kim Khanh	Trưởng ban
Ông Nguyễn Thanh Sơn	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Cách	Thành viên

**Ban điều hành**

Ông Nguyễn Văn Hải	Tổng Giám đốc
Bà Hoàng Thùy Oanh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Tường Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Bình	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Hòa Châu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Ngọc Trung	Giám đốc điều hành
Ông Phan Văn Phước	Giám đốc điều hành
Ông Phan Quang Long	Giám đốc điều hành
Ông Nguyễn Phước Hoàng	Giám đốc điều hành
Ông Nguyễn Văn Cường	Giám đốc điều hành
Bà Nguyễn Thị Tường Long	Kế toán trưởng

**Trụ sở đăng ký**

36 Phố Ông Ích Đường  
Phường Hòa Thọ Đông, Quận Cẩm Lệ  
Thành phố Đà Nẵng  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

001  
CỔ  
ĐÔNG  
K  
14/01

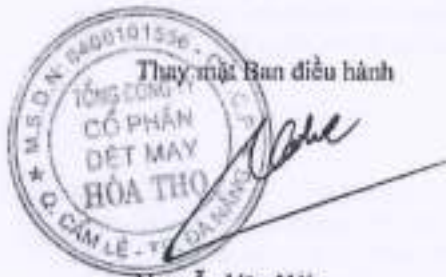
**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Báo cáo của Ban điều hành**

Ban điều hành Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ ("Tổng Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Ban điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban điều hành Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 43 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban điều hành Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban điều hành Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.



Nguyễn Văn Hải  
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 11 tháng 3 năm 2022

Chứng thực bản sao đúng với bản chính

Số: 002400 Quyển số: 01/202...-SCT/BS

Ngày 08-06-2023

**PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



**Trần Thị Bảo Khuyên**

Handwritten red text on the right margin: 'HÒA THỌ' and '08/06/2023'.

Vertical stamp on the right margin: '08/06/2023' and 'PM'.



KPMG Limited  
46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi các Cổ đông  
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ ("Tổng Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban điều hành Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 11 tháng 3 năm 2022, được trình bày từ trang 5 đến trang 43.

### **Trách nhiệm của Ban điều hành**

Ban điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban điều hành Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

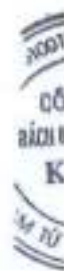




**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2021 VND</b>	<b>1/1/2021 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>1.492.955.787.174</b>	<b>903.874.975.508</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>36.498.496.869</b>	<b>31.978.925.915</b>
Tiền	111		36.498.496.869	4.769.925.915
Các khoản tương đương tiền	112		-	27.209.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>119.955.000.000</b>	<b>24.357.800.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	119.955.000.000	24.357.800.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>528.635.756.071</b>	<b>348.912.806.303</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	481.859.691.659	328.293.580.969
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		47.621.302.862	20.151.453.649
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		488.100.000	591.200.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	4.940.679.311	5.381.647.297
Dự phòng phải thu khó đòi	137	8	(6.274.017.761)	(5.540.350.289)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	35.274.677
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>769.136.326.803</b>	<b>465.224.592.977</b>
Hàng tồn kho	141		769.559.490.915	469.854.979.554
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(423.164.112)	(4.630.386.577)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>38.730.207.431</b>	<b>33.400.850.313</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13(a)	8.237.473.464	6.262.364.210
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		30.492.733.967	27.138.486.103



*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 - DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2021 VND</b>	<b>1/1/2021 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>604.057.522.531</b>	<b>622.602.219.739</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>3.959.430.014</b>	<b>1.165.096.000</b>
Phải thu về cho vay dài hạn	215		994.100.000	710.200.000
Phải thu dài hạn khác	216		2.965.330.014	454.896.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>465.382.921.249</b>	<b>510.979.330.930</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	10	463.509.070.679	509.739.561.698
Nguyên giá	222		1.494.312.101.837	1.446.173.345.962
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.030.803.031.158)	(936.433.784.264)
Tài sản cố định vô hình	227	11	1.873.850.570	1.239.769.232
Nguyên giá	228		10.286.602.913	10.308.304.109
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(8.412.752.343)	(9.068.534.877)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>14.352.120.576</b>	<b>3.708.155.197</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	14.352.120.576	3.708.155.197
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>99.814.551.193</b>	<b>85.882.976.572</b>
Đầu tư vào công ty con	251	5(b)	92.748.900.000	92.748.900.000
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	5(b)	10.428.000.000	10.428.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5(b)	7.755.702.000	7.755.702.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5(b)	(11.118.050.807)	(25.049.625.428)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>20.548.499.499</b>	<b>20.866.661.040</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	13(b)	20.548.499.499	20.866.661.040
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>2.097.013.309.705</b>	<b>1.526.477.195.247</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

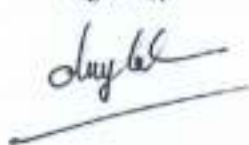
**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 - DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>1.516.269.411.057</b>	<b>1.084.681.934.024</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.278.917.871.473</b>	<b>858.784.280.099</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	305.940.404.464	194.902.149.019
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		39.583.132.300	33.068.610.755
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	15.569.066.247	9.790.972.826
Phải trả người lao động	314		307.210.490.808	230.636.580.011
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	3.003.710.607	4.041.127.905
Doanh thu chưa thực hiện – ngắn hạn	318		85.280.315	1.090.909.090
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	28.883.668.937	19.156.055.225
Vay ngắn hạn	320	18(a)	509.889.744.967	293.574.083.910
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	19	68.752.372.828	72.523.791.358
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>237.351.539.584</b>	<b>225.897.653.925</b>
Người mua trả tiền trước dài hạn	332	20	10.740.759.952	10.740.759.952
Vay dài hạn	338	18(b)	226.610.779.632	215.156.893.973
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>580.743.898.648</b>	<b>441.795.261.223</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>580.743.898.648</b>	<b>441.795.261.223</b>
Vốn có phần	411	22	236.250.000.000	225.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		236.250.000.000	225.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	23	137.428.205.782	128.382.421.384
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		207.065.692.866	88.412.839.839
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		43.076.706.676	31.193.614.548
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		163.988.986.190	57.219.225.291
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>2.097.013.309.705</b>	<b>1.526.477.195.247</b>

Ngày 11 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Đặng Thị Oanh Nữ  
Chuyên viên

Người duyệt:



Nguyễn Thị Tường Long  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hải  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

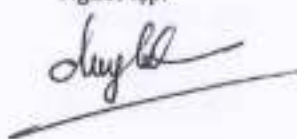
**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

**Mẫu B 02 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	3.516.793.389.801	3.063.261.637.598
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		389.047.465	949.307.105
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>		<b>3.516.404.342.336</b>	<b>3.062.312.330.493</b>
Giá vốn hàng bán	11		3.182.660.217.673	2.841.994.009.616
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>333.744.124.663</b>	<b>220.318.320.877</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	37.162.875.797	24.730.696.611
Chi phí tài chính	22	28	6.187.860.415	20.176.891.980
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>10.313.660.066</i>	<i>13.413.767.697</i>
Chi phí bán hàng	25	29	84.239.742.842	67.508.676.261
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	99.952.758.565	92.770.210.634
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))</b>	<b>30</b>		<b>180.526.638.638</b>	<b>64.593.238.613</b>
Thu nhập khác	31	31	4.024.111.957	2.824.063.643
Chi phí khác	32	32	1.478.384.445	2.883.254.527
<b>Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>2.545.727.512</b>	<b>(59.190.884)</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>183.072.366.150</b>	<b>64.534.047.729</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	19.083.379.960	7.314.822.438
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>		<b>163.988.986.190</b>	<b>57.219.225.291</b>

Ngày 11 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Đặng Thị Oanh Nữ  
 Chuyên viên

Người duyệt:




Nguyễn Thị Tường Long  
 Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Hải  
 Tổng Giám đốc



*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01		183.072.366.150	64.534.047.729
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		107.006.872.701	122.085.337.050
Các khoản dự phòng	03		(16.999.004.861)	3.722.919.121
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(1.586.429.643)	523.512.991
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(6.727.082.714)	(5.128.797.218)
Chi phí lãi vay	06		10.313.660.066	13.413.767.697
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>275.080.381.699</b>	<b>199.150.787.370</b>
Biến động các khoản phải thu	09		(186.750.267.583)	(102.282.646.237)
Biến động hàng tồn kho	10		(299.704.511.361)	112.374.117.686
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		213.339.930.851	(51.299.973.424)
Biến động chi phí trả trước	12		(1.656.947.713)	2.037.689.687
			<b>308.585.893</b>	<b>159.979.975.082</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(10.197.829.399)	(13.417.991.892)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(12.844.514.807)	(6.330.595.574)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		437.134.054	280.116.099
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(6.698.901.349)	(7.398.592.828)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(28.995.525.608)</b>	<b>133.112.910.887</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(83.548.713.757)	(105.388.894.373)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		218.636.364	875.330.727
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(209.550.000.000)	(28.305.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		113.772.000.000	19.550.345.329
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27		5.216.659.457	2.646.694.823
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(173.891.417.936)</b>	<b>(110.621.523.494)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

Mẫu B 03 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		11.250.000.000	-
Tiền thu từ đi vay	33		3.090.873.066.262	2.416.676.193.087
Tiền trả nợ gốc vay	34		(2.860.803.329.412)	(2.367.300.443.672)
Tiền trả cổ tức	36		(33.758.358.500)	(56.058.350.947)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>207.561.378.350</b>	<b>(6.682.601.532)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>4.674.434.806</b>	<b>15.808.785.861</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>31.978.925.915</b>	<b>16.093.433.378</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>61</b>		<b>(154.863.852)</b>	<b>76.706.676</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>36.498.496.869</b>	<b>31.978.925.915</b>

Ngày 11 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Đặng Thị Oanh Nữ  
 Chuyên viên

Người duyệt:




Nguyễn Thị Tường Long  
 Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Hải  
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

TC  
 NG  
 KIẾM  
 PN  
 (CH)

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ ("Tổng Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

**(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng may mặc, vải, sợi chỉ khâu, các loại thiết bị, nguyên phụ liệu, phụ tùng ngành dệt may.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

11.10.2021

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(d) Cấu trúc Tổng Công ty**

Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 bao gồm Tổng Công ty và các đơn vị hạch toán phụ thuộc sau của Tổng Công ty:

<b>Tên</b>	<b>Thông tin chính</b>
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ tại Thành phố Hồ Chí Minh	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-001 ngày 27 tháng 12 năm 2013 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty
▪ Chi nhánh Thành phố Hà Nội - Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-003 ngày 21 tháng 10 năm 2015 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ - Công ty May Hòa Thọ Điện Bàn	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-004 ngày 14 tháng 3 năm 2007 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ - Công ty May Hòa Thọ - Đông Hà	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Trị theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-008 ngày 18 tháng 5 năm 2007 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ tại Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-009 ngày 31 tháng 8 năm 2016 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ - Nhà máy May Hòa Thọ - Quảng Ngãi	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ngãi theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-014 ngày 31 tháng 10 năm 2016 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ - Nhà máy May Quế Sơn - Quảng Nam	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-019 ngày 29 tháng 3 năm 2019 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ - Nhà máy May Hòa Thọ Triệu Phong	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Trị theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-020 ngày 29 tháng 7 năm 2020 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty có 5 công ty con và 2 công ty liên kết (1/1/2021: 5 công ty con và 2 công ty liên kết), được liệt kê trong Thuyết minh 5(b).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty có 8.877 nhân viên (1/1/2021: 8.751 nhân viên).

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Tổng Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### **(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

## **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

### **(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.





**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 - DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(c) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban điều hành Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(ii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết**

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công ty vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ tài sản khác	2 – 5 năm

**(g) Tài sản cố định vô hình**

**Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

**(h) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Tổng Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

112  
ĐHC  
KHÉ  
PH  
112

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(i) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo các quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(ii) Chi phí trả trước dài hạn khác**

Chi phí trả trước dài hạn khác chủ yếu bao gồm các chi phí thuê và sửa chữa cải tạo tài sản. Chi phí trả trước dài hạn khác ban đầu được thể hiện theo nguyên giá, và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 3 năm.

**(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(k) Vốn cổ phần**

**Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(l) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trước hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất cố hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(m) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

**(ii) Doanh thu dịch vụ gia công**

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(iv) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

**(n) Thuê tài sản**

**(i) Tài sản thuê**

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê của Tổng Công ty được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bản cân đối kế toán của Tổng Công ty.

**(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

**(o) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(p) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**(q) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính trước hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty trong năm trước.

**4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Tiền mặt	46.866.000	58.097.500
Tiền gửi ngân hàng	36.451.630.869	4.711.828.415
Các khoản tương đương tiền	-	27.209.000.000
	<hr/> 36.498.496.869	<hr/> 31.978.925.915

**5. Các khoản đầu tư tài chính**

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại 12 tháng kể từ ngày cuối năm tài chính, với lãi suất năm từ 3,3% đến 5,55% (1/1/2021: từ 4,9% đến 6,9%).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn có giá trị ghi sổ là 30.000 triệu VND (1/1/2021: không có) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay dài hạn của Tổng Công ty (Thuyết minh 18(b)).

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Địa chỉ	31/12/2021				Dự phòng VND	1/1/2021				Dự phòng VND
		Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND		Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	
<b>Đầu tư góp vốn vào:</b>											
<i>Công ty con</i>											
Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ	Đà Nẵng	384.424	76,88%	76,88%	2.667.900.000	-	266.790	76,88%	76,88%	2.667.900.000	-
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Hội An	Quảng Nam	541.800	54,18%	54,18%	5.418.000.000	(268.860.364)	541.800	54,18%	54,18%	5.418.000.000	(1.406.845.655)
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Duy Xuyên	Quảng Nam	817.300	81,73%	81,73%	8.173.000.000	-	817.300	81,73%	81,73%	8.173.000.000	-
Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ - Thăng Bình	Quảng Nam	7.449.000	74,49%	74,49%	74.490.000.000	-	7.449.000	74,49%	74,49%	74.490.000.000	(13.097.985.065)
Công ty TNHH MTV Cơ khí Xây dựng Hòa Thọ	Đà Nẵng	-	100%	100%	2.000.000.000	(340.046.437)	-	100%	100%	2.000.000.000	(52.526.485)
					<u>92.748.900.000</u>	<u>(608.906.801)</u>				<u>92.748.900.000</u>	<u>(14.557.357.205)</u>
<i>Công ty liên kết</i>											
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam	Quảng Nam	642.800	32,14%	32,14%	6.428.000.000	-	642.800	32,14%	32,14%	6.428.000.000	-
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh	Quảng Nam	400.000	20,00%	20,00%	4.000.000.000	(4.000.000.000)	400.000	20,00%	20,00%	4.000.000.000	(4.000.000.000)
					<u>10.428.000.000</u>	<u>(4.000.000.000)</u>				<u>10.428.000.000</u>	<u>(4.000.000.000)</u>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Địa chỉ	31/12/2021					1/1/2021				
		Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<i>Đơn vị khác</i>											
Công ty Cổ phần Bông vải Miền Trung	Khánh Hòa	65.000	7,12%	7,12%	855.702.000	(209.144.006)	65.000	7,12%	7,12%	855.702.000	(192.268.223)
Công ty Cổ phần Bao bì Hòa Thọ Quảng Đà	Quảng Nam	60.000	10,91%	10,91%	600.000.000	-	60.000	10,91%	10,91%	600.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dệt May TP. Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	630.000	14,00%	14,00%	6.300.000.000	(6.300.000.000)	630.000	14,00%	14,00%	6.300.000.000	(6.300.000.000)
					<u>7.755.702.000</u>	<u>(6.509.144.006)</u>				<u>7.755.702.000</u>	<u>(6.492.268.223)</u>
					<u>110.932.602.000</u>	<u>(11.118.050.807)</u>				<u>110.932.602.000</u>	<u>(25.049.625.428)</u>

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

11/12/2021

*(Handwritten signature)*

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn**

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Haggar Clothing Co.	126.145.167.202	41.683.438.845
Motives International (Hong Kong) Limited	139.699.775.309	78.078.624.227
Supreme International LLC	21.701.889.272	44.510.862.972
Các khách hàng khác	194.312.859.876	164.020.654.925
	481.859.691.659	328.293.580.969

**(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan**

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
<b>Công ty mẹ</b>		
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	131.545.680	83.811.334
<b>Các công ty con</b>		
Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ - Thăng Bình	20.152.327.807	24.438.135.948
Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ	753.141.799	164.715.800
	21.037.015.286	24.686.663.082

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**7. Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Kí quỹ, kí cược ngắn hạn	227.896.000	2.954.777.668
Tạm ứng nhân viên	1.128.256.220	551.970.821
Thuế nhập khẩu tạm nộp	1.190.743.899	-
Phải thu khác	2.393.783.192	1.874.898.808
	4.940.679.311	5.381.647.297



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 - DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**8. Nợ xấu và nợ khó đòi**

	Thời gian quá hạn	31/12/2021			Thời gian quá hạn	1/1/2021		
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<b>Nợ quá hạn</b>								
Công ty TNHH Dịch vụ - Thương mại Duyên Đạt	Trên 3 năm	4.833.744.036	(4.833.744.036)	-	Trên 3 năm	4.833.744.036	(4.833.744.036)	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phong Phú Sơn Trà (*)	Trên 3 năm	-	-	-	Trên 3 năm	406.124.753	(406.124.753)	-
Công ty TNHH May Phú Tường	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	2.880.547.450	(1.440.273.725)	1.440.273.725	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	1.001.605.000	(300.481.500)	701.123.500
		<u>7.714.291.486</u>	<u>(6.274.017.761)</u>	<u>1.440.273.725</u>		<u>6.241.473.789</u>	<u>(5.540.350.289)</u>	<u>701.123.500</u>

*Trong đó:*

Dự phòng phải thu khó đòi (6.274.017.761) (5.540.350.289)

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, khoản phải thu khó đòi từ Công ty Cổ phần Đầu tư Phong Phú Sơn Trà đã bị xóa sổ do không có khả năng thu hồi theo đánh giá của Ban điều hành

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**9. Hàng tồn kho**

	31/12/2021		1/1/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	118.211.431.983	-	46.721.220.081	-
Nguyên vật liệu	219.271.690.066	-	109.744.922.498	-
Công cụ và dụng cụ	1.041.594.692	-	2.267.538.947	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	367.984.127.880	-	179.244.369.392	-
Thành phẩm	13.223.229.190	(402.545.886)	90.986.785.236	(4.458.136.712)
Hàng hóa	4.323.949.715	(20.618.226)	4.493.090.254	-
Hàng gửi đi bán	45.503.467.389	-	36.397.053.146	(172.249.865)
	<b>769.559.490.915</b>	<b>(423.164.112)</b>	<b>469.854.979.554</b>	<b>(4.630.386.577)</b>

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 có 1.941 triệu VND (1/1/2021: 20.315 triệu VND) hàng thành phẩm và hàng gửi đi bán được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 577.807 triệu VND (1/1/2021: 362.138 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty (Thuyết minh 18(a)).



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 có các tài sản cố nguyên giá 636.749 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2021: 565.571 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 213.900 triệu VND (1/1/2021: 274.014 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay ngắn hạn (Thuyết minh 18(a)) và dài hạn (Thuyết minh 18(b)) của Tổng Công ty.

**11. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm	10.308.304.109
Tăng trong năm	934.687.900
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	377.311.147
Thanh lý	(1.333.700.243)
	<hr/>
Số dư cuối năm	10.286.602.913
	<hr/>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	9.068.534.877
Khấu hao trong năm	677.917.709
Thanh lý	(1.333.700.243)
	<hr/>
Số dư cuối năm	8.412.752.343
	<hr/>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm	1.239.769.232
Số dư cuối năm	1.873.850.570
	<hr/>

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 6.518 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (1/1/2021: 7.494 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY HÒA THỌ

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**12. Xây dựng cơ bản dở dang**

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	3.708.155.197	34.574.549.250
Tăng trong năm	47.236.908.505	93.291.307.881
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(36.215.631.979)	(124.157.701.934)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(377.311.147)	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>14.352.120.576</b>	<b>3.708.155.197</b>

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Nhà máy May Triệu Phong	1.333.000	2.363.605.351
Máy móc thiết bị sợi	12.685.845.477	575.750.000
Các công trình khác	1.664.942.099	768.799.846
<b>Tổng cộng</b>	<b>14.352.120.576</b>	<b>3.708.155.197</b>

**13. Chi phí trả trước**

**(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Trả trước phí bảo hiểm	2.061.385.644	1.212.069.547
Công cụ và dụng cụ	2.360.097.644	2.118.749.562
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	592.958.334	742.175.166
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	3.223.031.842	2.189.369.935
<b>Tổng cộng</b>	<b>8.237.473.464</b>	<b>6.262.364.210</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 - DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Chi phí trả trước dài hạn**

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí trả trước dài hạn khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	12.606.910.743	8.259.750.297	20.866.661.040
Tăng trong năm	6.567.820.026	5.633.403.217	12.201.223.243
Phân bổ trong năm	(8.311.631.212)	(4.204.022.387)	(12.515.653.599)
Thanh lý	(3.731.185)	-	(3.731.185)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>10.859.368.372</b>	<b>9.689.131.127</b>	<b>20.548.499.499</b>

**14. Phải trả người bán ngắn hạn**

**(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ 31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Hultafors Group AB	44.776.318.875	12.009.223.239
Kwong Lung Enterprise Co., Ltd	36.430.638.305	8.354.163.269
Các nhà cung cấp khác	224.733.447.284	174.538.762.511
	<b>305.940.404.464</b>	<b>194.902.149.019</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
<b>Công ty mẹ</b>		
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	16.103.745.493	16.754.023.232
<b>Công ty con</b>		
Công ty TNHH MTV Cơ khí xây dựng Hòa Thọ	230.670.451	298.894.535
Công ty CP May Hòa Thọ Hội An	432.345.338	-
<b>Công ty liên kết</b>		
Công ty Cổ phần May Hoà Thọ - Quảng Nam	8.334.074.082	12.453.389.509
<b>Các bên liên quan khác trong Tập đoàn Dệt May Việt Nam</b>		
Công ty TNHH Coats Phong Phú	2.430.308.000	3.173.676.976
	<u>27.531.143.364</u>	<u>32.679.984.252</u>

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2021 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/bù trừ trong năm VND	31/12/2021 VND
Thuế giá trị gia tăng	6.948.952.574	114.540.974.032	(115.095.591.458)	6.394.335.148
Thuế nhập khẩu	153.955.742	4.117.240.986	(4.063.866.342)	207.330.386
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.588.571.415	19.083.379.960	(12.844.514.807)	8.827.436.568
Thuế thu nhập cá nhân	99.493.095	3.053.687.617	(3.013.216.567)	139.964.145
Tiền thuế đất	-	2.935.921.189	(2.935.921.189)	-
Các loại thuế khác	-	1.441.921.616	(1.441.921.616)	-
	<u>9.790.972.826</u>	<u>145.173.125.400</u>	<u>(139.395.031.979)</u>	<u>15.569.066.247</u>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Chi phí hoạt động	1.388.294.431	2.117.493.080
Chi phí lãi vay	267.862.518	152.031.851
Các khoản trích trước khác	1.347.553.658	1.771.602.974
	<u>3.003.710.607</u>	<u>4.041.127.905</u>

**17. Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Kinh phí công đoàn	16.519.345.858	14.738.128.892
Phải trả nguyên vật liệu	5.663.211.997	1.129.904.088
Cổ tức phải trả	977.426.600	985.785.100
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	165.000.000	168.706.830
Quỹ ái hữu, quỹ tương trợ	832.771.781	763.983.681
Các khoản thu chỉ hộ	2.703.517.178	311.000.301
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.022.395.523	1.058.546.333
	<u>28.883.668.937</u>	<u>19.156.055.225</u>

III  
 0A  
 III  
 CP  
 /  
 UE



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**18. Vay**

**(a) Vay ngắn hạn**

	1/1/2021		Biến động trong năm		31/12/2021
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND	
Vay ngắn hạn	270.082.070.758	3.054.623.066.262	(2.836.281.316.261)	208.993.745	488.632.814.504
Vay dài hạn đến hạn trả	23.492.013.152	22.407.511.097	(24.522.013.151)	(120.580.635)	21.256.930.463
	293.574.083.910	3.077.030.577.359	(2.860.803.329.412)	88.413.110	509.889.744.967

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Vay ngân hàng 1 (i)	USD	1,30%	205.675.587.086	110.137.931.723
Vay ngân hàng 2 (i)	USD	1,45% - 1,5%	77.942.926.642	60.270.102.318
Vay ngân hàng 3 (i)	USD	1,56%	37.633.249.507	18.590.292.990
Vay ngân hàng 4 (i)	USD	1,40%	167.132.051.269	73.124.475.103
Vay ngân hàng 5 (ii)	USD	1,49% - 1,53%	-	7.779.268.624
Vay Ban liên lạc hưu trí (ii)	VND	8,40%	249.000.000	180.000.000
			488.632.814.504	270.082.070.758

(i) Các khoản vay này được đảm bảo bằng một số hàng tồn kho (Thuyết minh 9) và tài sản cố định của Tổng Công ty (Thuyết minh 10).

(ii) Các khoản vay này không được đảm bảo.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Vay dài hạn**

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Vay dài hạn	247.867.710.095	238.648.907.125
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(21.256.930.463)	(23.492.013.152)
<b>Khoản đến hạn trả sau 12 tháng</b>	<b>226.610.779.632</b>	<b>215.156.893.973</b>

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Vay ngân hàng 1 (i)	USD	5,0%	2022	5.588.879.756	11.633.967.686
Vay ngân hàng 2 (i)	USD	5,0%	2021	-	913.199.685
Vay ngân hàng 3 (i)	USD	4,0%	2021	-	7.265.857.614
Vay ngân hàng 4 (i)	USD	5,0%	2021	-	629.624.297
Vay ngân hàng 5 (i)	VND	4,8%	2024	30.000.000.000	-
Quỹ bảo vệ môi trường (ii)	VND	2,6%	2025	5.270.000.000	-
Kuraray Trading Co., Ltd. (ii)	USD	2,5%	2021	-	4.640.800.000
Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ (iii)	USD	LIBOR + 0,7%	2039	207.008.830.339	213.565.457.843
				<b>247.867.710.095</b>	<b>238.648.907.125</b>

- (i) Các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình và hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn của Tổng Công ty (Thuyết minh 10 và Thuyết minh 5(a)).
- (ii) Khoản vay này không được đảm bảo.
- (iii) Đây là khoản vay được Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho vay lại từ nguồn vốn vay của Ngân hàng Phát triển Châu Á ("ADB") và có hạn mức là 9.042.587 USD.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 - DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	<b>2021</b> <b>VND</b>	<b>2020</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	72.523.791.358	70.182.908.271
Trích lập trong năm	2.540.348.765	9.459.359.816
Tặng khác	437.134.054	280.116.099
Sử dụng trong năm	(6.748.901.349)	(7.398.592.828)
Số dư cuối năm	<u>68.752.372.828</u>	<u>72.523.791.358</u>

**20. Người mua trả tiền trước dài hạn**

Khoản người mua trả trước dài hạn từ Motives International (Hong Kong) Limited dùng đầu tư dây chuyền thiết bị mở rộng sản xuất nhằm đáp ứng nhu cầu của Motives. Số tiền ứng trước này đã được khấu trừ dần kể từ năm 2017.



Handwritten signature and stamp on the right margin.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**21. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	225.000.000.000	110.084.210.730	115.201.185.018	450.285.395.748
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	57.219.225.291	57.219.225.291
Phân bổ vào các quỹ	-	18.298.210.654	(18.298.210.654)	-
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	(56.250.000.000)	(56.250.000.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(9.459.359.816)	(9.459.359.816)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021</b>	<b>225.000.000.000</b>	<b>128.382.421.384</b>	<b>88.412.839.839</b>	<b>441.795.261.223</b>
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	163.988.986.190	163.988.986.190
Phát hành cổ phiếu (*)	11.250.000.000	-	-	11.250.000.000
Phân bổ vào các quỹ	-	9.045.784.398	(9.045.784.398)	-
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	(33.750.000.000)	(33.750.000.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(2.540.348.765)	(2.540.348.765)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021</b>	<b>236.250.000.000</b>	<b>137.428.205.782</b>	<b>207.065.692.866</b>	<b>580.743.898.648</b>

(\*) Theo nghị quyết của Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên được ghi trong biên bản số 17/BB-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 4 năm 2021, trong năm 2021, Tổng Công ty đã phát hành 1.125.000 cổ phiếu cho nhân viên với giá phát hành bằng mệnh giá.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**22. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	31/12/2021		1/1/2021	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	23.625.000	236.250.000.000	22.500.000	225.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	23.625.000	236.250.000.000	22.500.000	225.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	23.625.000	236.250.000.000	22.500.000	225.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Vốn cổ phần đã phát hành và đang lưu hành của các cổ đông như sau:

	31/12/2021			1/1/2021		
	Đã phát hành và đang lưu hành			Đã phát hành và đang lưu hành		
	Số cổ phiếu	VND	%	Số cổ phiếu	VND	%
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	14.615.621	146.156.210.000	61,87%	14.615.621	146.156.210.000	64,96%
Các cổ đông khác	9.009.379	90.093.790.000	38,13%	7.884.379	78.843.790.000	35,04%
	<b>23.625.000</b>	<b>236.250.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>22.500.000</b>	<b>225.000.000.000</b>	<b>100%</b>

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2021		2020	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	22.500.000	225.000.000.000	22.500.000	225.000.000.000
Cổ phiếu phát hành trong năm	1.125.000	11.250.000.000	-	-
Số dư cuối năm	<b>23.625.000</b>	<b>236.250.000.000</b>	<b>22.500.000</b>	<b>225.000.000.000</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**23. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**24. Cổ tức**

Tại cuộc họp ngày 17 tháng 4 năm 2021, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức bằng tiền trị giá 33.750 triệu VND cho năm 2020, tương đương 15% vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (2020: 56.250 triệu VND cho năm 2019, tương đương 25% vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2019).

**25. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Trong vòng một năm	20.540.730.148	23.123.304.931
Trong vòng hai đến năm năm	77.343.171.463	93.210.006.385
Sau năm năm	96.420.735.773	128.208.179.536
	194.304.637.384	244.541.490.852

**(b) Ngoại tệ các loại**

	31/12/2021		1/1/2021	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	101.325	2.294.822.989	121.571	2.798.346.880
EUR	221	5.616.408	221	6.180.872
		2.300.439.397		2.804.527.752

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(c) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán riêng:

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	31.020.000.000	51.100.000.000

**(d) Nợ khó đòi đã xử lý**

	Nguyên nhân xóa sổ	Năm xóa sổ	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Công ty Cổ phần Dầu tư Phong Phú Sơn Trà	Nợ không có khả năng thu hồi	2021	406.124.753	-

**26. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

**27. Doanh thu hoạt động tài chính**

	2021 VND	2020 VND
Lãi tiền gửi và cho vay	4.781.869.457	2.454.694.823
Cổ tức được chia	1.720.390.000	1.799.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	29.065.907.324	20.415.884.964
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.586.429.643	-
Chiết khấu thanh toán	8.279.373	61.116.824
	<u>37.162.875.797</u>	<u>24.730.696.611</u>

Hợp lệ 1/2/21



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**28. Chi phí tài chính**

	2021 VND	2020 VND
Chi phí lãi vay	10.313.660.066	13.413.767.697
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	9.805.774.970	6.970.574.095
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	523.512.991
Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư	(13.931.574.621)	(730.962.803)
	6.187.860.415	20.176.891.980

**29. Chi phí bán hàng**

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nhân viên	3.735.145.558	3.536.370.016
Chi phí vật liệu, bao bì	637.898.653	436.030.623
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	186.088.092	653.970.923
Chi phí dịch vụ mua ngoài	68.148.107.585	51.323.709.052
Chi phí khác	11.532.502.954	11.558.595.647
	84.239.742.842	67.508.676.261

**30. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nhân viên	51.951.052.865	45.134.447.518
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.515.300.188	2.891.044.807
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.788.965.039	10.451.539.759
Thuế, phí và lệ phí	3.695.808.306	3.410.920.238
Dự phòng phải thu khó đòi	1.139.792.225	300.481.500
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.187.979.480	12.910.384.032
Chi phí khác	15.673.860.462	17.671.392.780
	99.952.758.565	92.770.210.634



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**31. Thu nhập khác**

	<b>2021</b> <b>VND</b>	<b>2020</b> <b>VND</b>
Lãi do thanh lý tài sản cố định	224.823.257	875.102.395
Các khoản thu nhập khác	3.799.288.700	1.948.961.248
	<u>4.024.111.957</u>	<u>2.824.063.643</u>

**32. Chi phí khác**

	<b>2021</b> <b>VND</b>	<b>2020</b> <b>VND</b>
Tiền phạt hợp đồng, chậm nộp thuế	523.888.337	1.989.714.367
Các khoản chi phí khác	954.496.108	893.540.160
	<u>1.478.384.445</u>	<u>2.883.254.527</u>

**33. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2021</b> <b>VND</b>	<b>2020</b> <b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	1.851.988.814.901	1.448.460.235.547
Chi phí nhân viên	1.026.132.967.374	851.054.128.650
Chi phí khấu hao và phân bổ	107.006.872.701	122.085.337.050
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	467.149.994.148	455.567.057.438
	<u>4.452.278.649.124</u>	<u>3.877.116.758.685</u>

**34. Thuế thu nhập**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng**

	<b>2021</b> <b>VND</b>	<b>2020</b> <b>VND</b>
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	19.081.373.230	7.314.822.438
Dự phòng thiếu năm trước	2.006.730	-
	<u>19.083.379.960</u>	<u>7.314.822.438</u>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	2021 VND	2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	183.072.366.150	64.534.047.729
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	18.307.236.615	6.453.404.773
Dự phòng thiếu năm trước	2.006.730	-
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác	419.127.223	615.163.969
Chi phí không được khấu trừ thuế	236.280.346	325.526.410
Thu nhập không bị tính thuế	(172.039.000)	(179.900.000)
Giảm thuế (*)	-	(180.385.000)
Chênh lệch tạm thời không được ghi nhận	290.768.046	281.012.286
	<u>19.083.379.960</u>	<u>7.314.822.438</u>

(\*) Tổng Công ty được giảm thuế theo quy định tại Điều 21, Thông tư số 78/2014/TT-BTC hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp. Theo đó, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, xây dựng, vận tải sử dụng từ 10 đến 100 lao động nữ, trong đó số lao động nữ chiếm trên 50% tổng số lao động có mặt thường xuyên hoặc sử dụng thường xuyên trên 100 lao động nữ mà số lao động nữ chiếm trên 30% tổng số lao động có mặt thường xuyên của doanh nghiệp được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tương ứng với số tiền thực chi thêm cho lao động nữ.

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm tính từ năm 2007 (2007 - 2021) và mức thuế suất thông thường cho những năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cũng cho phép Tổng Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2007 đến năm 2010) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (2011 - 2019).

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 20%.



TH  
 ỦY  
 M  
 -  
 4  
 =

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**35. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm, Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2021 VND	2020 VND
<b>Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam</b>		
Cổ tức công bố và đã trả	21.923.431.500	36.539.052.500
Bán hàng hóa và dịch vụ	1.751.710.000	5.747.573.455
Mua hàng hóa và dịch vụ	19.359.892.147	20.845.459.612
Chi phí quản lý khoản vay và lãi vay	3.507.645.104	5.217.602.623
<b>Các công ty con</b>		
<b>Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	4.314.704.352	6.354.998.452
Mua hàng hóa và dịch vụ	945.760.000	5.182.248.537
Cổ tức nhận được	266.790.000	-
<b>Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Hội An</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	879.089.008	548.360.269
Mua hàng hóa và dịch vụ	51.015.432.298	46.051.366.550
Bán tài sản cố định	21.167.992	-
<b>Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Duy Xuyên</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	715.430.641	752.771.643
Mua hàng hóa và dịch vụ	43.470.911.981	50.033.090.798
Bán tài sản cố định	87.459.874	-
<b>Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ - Thăng Bình</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	69.220.083.174	73.243.601.977
Mua hàng hóa và dịch vụ	1.985.606.784	5.233.458.384
<b>Công ty TNHH MTV Cơ Khí Xây Dựng Hòa Thọ</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	14.876.562	37.097.091
Mua hàng hóa và dịch vụ	2.817.469.436	4.757.748.932
<b>Các công ty liên kết</b>		
<b>Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	281.544.123	410.056.036
Mua hàng hóa và dịch vụ	74.639.037.251	78.314.662.576
Cổ tức nhận được thông qua bù trừ công nợ	1.285.600.000	1.607.000.000
<b>Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	1.240.096.005	1.140.822.987
Mua hàng hóa và dịch vụ	56.109.803.069	50.604.480.429
Bán tài sản cố định	113.447.714	-
<b>Các công ty liên quan khác trong Tập đoàn Dệt May Việt Nam</b>		
<b>Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	883.181.123	22.781.193
Mua hàng hóa và dịch vụ	23.452.541	-

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	2021 VND	2020 VND
<b>Công ty TNHH Coats Phong Phú</b> Mua hàng hóa và dịch vụ	17.421.150.091	15.000.965.509
<b>Công ty Cổ phần Dệt May Huế</b> Bán hàng hóa và dịch vụ	11.397.722.272	45.586.000
Mua hàng hóa và dịch vụ	11.250.850.800	-
<b>Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi của người quản lý chủ chốt</b> <b>Tổng Giám đốc</b> Tiền lương và thưởng	1.314.157.804	1.716.733.178
<b>Thành viên khác trong Ban điều hành</b> Tiền lương và thưởng	8.532.802.196	7.333.366.860
<b>Thành viên Ban kiểm soát</b> Lương, thưởng và thù lao	463.587.917	418.068.754
<b>Chủ tịch Hội đồng Quản trị</b> Lương và thù lao	2.033.060.001	595.197.641
<b>Thành viên 1 của Hội đồng Quản trị</b> Thù lao và thưởng	133.333.334	166.666.668
<b>Thành viên 2 của Hội đồng Quản trị</b> Thù lao	66.666.667	66.666.668
<b>Thành viên 3 của Hội đồng Quản trị</b> Thù lao	66.666.667	66.666.668
<b>Thành viên 4 của Hội đồng Quản trị</b> Thù lao và thưởng	299.999.997	338.888.886
<b>Thành viên 5 của Hội đồng Quản trị</b> Thù lao	66.666.667	33.333.334

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**36. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính**

	<b>2021</b>	<b>2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Cổ tức nhận được thông qua bù trừ công nợ	1.285.600.000	1.607.000.000
Bán tài sản cố định thông qua bù trừ công nợ	222.075.580	223.468.112
Chuyển từ quỹ khen thưởng phúc lợi sang vay ngắn hạn	50.000.000	-

**37. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ngày 11 tháng 3 năm 2022

Người lập:

Đặng Thị Oanh Nữ  
Chuyên viên

Người duyệt:

Nguyễn Thị Tường Long  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hải  
Tổng Giám đốc







TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM  
TỔNG CÔNG TY CP DỆT MAY HOÀ THỌ  
☪☪☪

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC  
☪☪☪



# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN NĂM 2022**







**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

**Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2022**

CP MUA

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận**

**Đăng ký Doanh nghiệp số** 0400101556

ngày 30 tháng 1 năm 2007

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0400101556 ngày 28 tháng 6 năm 2022. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Nguyễn Đức Trí Bà Trần Tường Anh Ông Nguyễn Ngọc Bình Ông Lê Quốc Ân Ông Nguyễn Văn Hải Ông Phạm Văn Tân	Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên (đến ngày 16 tháng 4 năm 2022)
--------------------------	---	--

<b>Ban Kiểm soát</b>	Bà Nguyễn Thị Kim Khanh Ông Nguyễn Thanh Sơn Ông Vũ Ngọc Tú  Ông Nguyễn Ngọc Cách	Trưởng ban Thành viên Thành viên (từ ngày 17 tháng 4 năm 2022) Thành viên (đến ngày 16 tháng 4 năm 2022)
----------------------	---	---

<b>Ban điều hành</b>	Ông Nguyễn Văn Hải Bà Hoàng Thùy Oanh Bà Trần Tường Anh Ông Nguyễn Ngọc Bình Bà Trần Thị Hòa Châu Ông Phạm Ngọc Trung Ông Phan Văn Phước  Ông Phan Quang Long Ông Nguyễn Phước Hoàng Ông Nguyễn Văn Cường Bà Nguyễn Thị Tường Long	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Giám đốc điều hành Giám đốc điều hành (đến ngày 30 tháng 11 năm 2022) Giám đốc điều hành Giám đốc điều hành Giám đốc điều hành Kế toán trưởng
----------------------	---	--

<b>Trụ sở đăng ký</b>	36 Phố Ông Ích Đường Phường Hòa Thọ Đông, Quận Cẩm Lệ Thành phố Đà Nẵng Việt Nam
-----------------------	---

<b>Công ty kiểm toán</b>	Công ty TNHH KPMG Việt Nam
--------------------------	-------------------------------

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Báo cáo của Ban điều hành**

Ban điều hành Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ ("Tổng Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Ban điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban điều hành Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 55 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban điều hành Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban điều hành Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.



Nguyễn Văn Hải  
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 3 năm 2023

Chứng thực bản sao đúng với bản chính  
Số: 002402 Quyển số: 01/202...-SCT/BS

Ngày 08-06-2023

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Trần Thị Bảo Khuyên



KPMG Limited  
46th Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Street, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi các Cổ đông  
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ ("Tổng Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban điều hành Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 15 tháng 3 năm 2023, được trình bày từ trang 5 đến trang 55.

### **Trách nhiệm của Ban điều hành**

Ban điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban điều hành Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 22-02-00006-23-2



Trương Văn Phúc

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 1901-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2023

Phan Mỹ Linh

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 3064-2019-007-1

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022**

**Mẫu B 01 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2022 VND</b>	<b>1/1/2022 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>1.602.874.533.011</b>	<b>1.605.615.707.684</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>24.500.930.736</b>	<b>58.586.417.754</b>
Tiền	111		17.500.930.736	50.563.449.704
Các khoản tương đương tiền	112		7.000.000.000	8.022.968.050
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>139.255.000.000</b>	<b>119.955.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	139.255.000.000	119.955.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>460.474.879.436</b>	<b>528.809.007.805</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	447.460.848.580	485.922.363.886
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		13.934.866.168	43.995.355.569
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		2.751.260.000	488.100.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	8(a)	4.054.277.249	5.614.168.036
Dự phòng phải thu khó đòi	137	10	(7.726.372.561)	(7.210.979.686)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>11</b>	<b>934.557.972.407</b>	<b>857.148.182.643</b>
Hàng tồn kho	141		987.079.062.487	858.059.229.755
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(52.521.090.080)	(911.047.112)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>44.085.750.432</b>	<b>41.117.099.482</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15(a)	9.128.137.752	9.655.091.330
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		34.953.346.976	31.462.008.152
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		4.265.704	-

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

Mẫu B 01 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>791.788.014.279</b>	<b>735.148.924.587</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>10.651.446.545</b>	<b>3.959.430.014</b>
Phải thu về cho vay dài hạn	215	9	7.614.280.000	994.100.000
Phải thu dài hạn khác	216	8(b)	3.037.166.545	2.965.330.014
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>702.843.197.952</b>	<b>672.855.117.891</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	12	700.375.819.420	670.989.694.477
Nguyên giá	222		1.984.326.610.724	1.849.460.034.252
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.283.950.791.304)	(1.178.470.339.775)
Tài sản cố định vô hình	227	13	2.467.378.532	1.865.423.414
Nguyên giá	228		12.593.614.322	11.203.228.209
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(10.126.235.790)	(9.337.804.795)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>13.816.482.196</b>	<b>14.352.120.576</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	14	13.816.482.196	14.352.120.576
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>6(b)</b>	<b>16.359.634.355</b>	<b>16.438.680.283</b>
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		15.409.611.006	15.192.122.289
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		7.755.702.000	7.755.702.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(6.805.678.651)	(6.509.144.006)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>48.117.253.231</b>	<b>27.543.575.823</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	15(b)	41.043.750.562	27.543.575.823
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	7.073.502.669	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>2.394.662.547.290</b>	<b>2.340.764.632.271</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

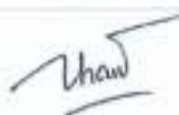
**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

Mẫu B 01 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>1.510.140.242.880</b>	<b>1.686.965.963.589</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.236.578.952.675</b>	<b>1.374.869.345.296</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	247.458.763.604	334.619.044.523
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		13.225.730.141	41.751.907.473
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	34.928.852.934	17.503.233.969
Phải trả người lao động	314		311.860.046.804	328.122.204.212
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	5.896.536.953	4.609.214.726
Doanh thu chưa thực hiện – ngắn hạn	318		-	85.280.315
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	24.333.865.250	25.932.598.543
Vay ngắn hạn	320	21(a)	530.686.157.557	553.070.761.077
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	22	68.188.999.432	69.175.100.458
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>273.561.290.205</b>	<b>312.096.618.293</b>
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		4.882.461.916	10.740.759.952
Vay dài hạn	338	21(b)	268.678.828.289	301.355.858.341
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>884.522.304.410</b>	<b>653.798.668.682</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>23</b>	<b>884.522.304.410</b>	<b>653.798.668.682</b>
Vốn cổ phần	411	24	300.030.750.000	236.250.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		300.030.750.000	236.250.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		1.752.940.000	1.176.340.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	25	178.026.784.321	140.963.518.580
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		362.110.088.453	234.646.810.143
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		98.761.374.269	46.452.467.056
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		263.348.714.184	188.194.343.087
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		42.601.741.636	40.761.999.959
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>2.394.662.547.290</b>	<b>2.340.764.632.271</b>

Ngày 15 tháng 3 năm 2023

Người lập:

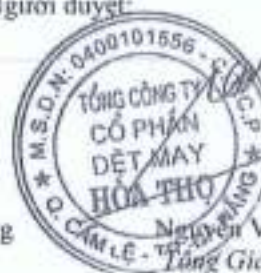


Phạm Anh Thảo  
Chuyên viên

Người duyệt:



Nguyễn Thị Tường Long  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hải  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**

**Mẫu B 02 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	28	5.144.986.273.741	3.863.898.632.011
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	28	456.833.533	389.047.465
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>28</b>	<b>5.144.529.440.208</b>	<b>3.863.509.584.546</b>
Giá vốn hàng bán	11	29	4.542.575.229.048	3.419.666.898.562
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>601.954.211.160</b>	<b>443.842.685.984</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	95.611.671.041	39.005.529.724
Chi phí tài chính	22	31	81.115.346.231	28.372.540.293
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		24.700.898.629	17.396.599.401
Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24		1.503.088.717	2.867.426.555
Chi phí bán hàng	25	32	127.650.296.194	118.787.387.348
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	157.954.927.094	120.010.174.501
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26))</b>	<b>30</b>		<b>332.348.401.399</b>	<b>218.545.540.121</b>
Thu nhập khác	31	34	6.435.880.836	4.495.492.819
Chi phí khác	32	35	1.343.384.668	1.611.265.593
<b>Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>5.092.496.168</b>	<b>2.884.227.226</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>337.440.897.567</b>	<b>221.429.767.347</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	37	76.444.548.146	19.977.619.246
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52		(7.073.502.669)	-
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51) (chuyển sang trang sau)</b>	<b>60</b>		<b>268.069.852.090</b>	<b>201.452.148.101</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*


**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 02 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51) (trung trước mang sang)	60		268.069.852.090	201.452.148.101
<b>Phân bổ cho:</b>				
Cổ đông của công ty mẹ	61		263.348.714.184	188.194.343.087
Cổ đông không kiểm soát	62		4.721.137.906	13.257.805.014
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				<b>Đã điều chỉnh lại</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	38	8.511	6.145

Ngày 15 tháng 3 năm 2023

Người lập:



Phạm Anh Thảo  
 Chuyên viên

Người duyệt:



Nguyễn Thị Tường Long  
 Kế toán trưởng



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2022 VND</b>	<b>2021 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>337.440.897.567</b>	<b>221.429.767.347</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		127.218.158.438	129.702.381.129
Các khoản dự phòng	03		52.421.970.488	(3.102.978.457)
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		10.890.005.636	(2.497.398.004)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(14.840.798.929)	(7.966.946.248)
Chi phí lãi vay	06		24.700.898.629	17.396.599.401
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>537.831.131.829</b>	<b>354.961.425.168</b>
Biến động các khoản phải thu	09		54.614.289.794	(192.174.032.356)
Biến động hàng tồn kho	10		(129.019.832.732)	(338.891.667.621)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(157.795.613.479)	226.218.147.614
Biến động chi phí trả trước	12		(13.060.831.613)	1.297.597.782
			<b>292.569.143.799</b>	<b>51.411.470.587</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(24.653.480.570)	(17.354.200.327)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(55.187.867.925)	(13.611.111.352)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		381.616.911	437.134.054
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(12.480.734.299)	(6.798.901.349)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>200.628.677.916</b>	<b>14.084.391.613</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(136.921.452.716)	(86.131.195.101)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		881.568.619	300.454.546
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(272.382.440.000)	(209.550.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		244.199.100.000	113.772.000.000
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27		12.431.307.590	4.792.878.254
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(151.791.916.507)</b>	<b>(176.815.862.301)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		-	11.250.000.000
Tiền thu từ đi vay	33		3.955.451.541.865	3.249.426.632.623
Tiền trả nợ gốc vay	34		(4.012.643.909.763)	(3.049.851.195.697)
Tiền trả có tức	36		(26.027.744.000)	(33.831.798.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(83.220.111.898)</b>	<b>176.993.638.426</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(34.383.350.489)</b>	<b>14.262.167.738</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		58.586.417.754	44.218.004.444
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		297.863.471	106.245.572
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>24.500.930.736</b>	<b>58.586.417.754</b>

Ngày 15 tháng 3 năm 2023

Người lập:



Phạm Anh Thảo  
Chuyên viên

Người duyệt:



Nguyễn Thị Tường Long  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hải  
Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ ("Tổng Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 bao gồm Tổng Công ty và các công ty con và các lợi ích của Tổng Công ty và các công ty con trong các công ty liên kết.

**(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Tổng Công ty và các công ty con là sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng may mặc, vải, sợi chỉ khâu, các loại thiết bị, nguyên phụ liệu, phụ tùng ngành dệt may.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(d) Cấu trúc Tổng Công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty có các công ty con và công ty liên kết sau:

STT	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Tổng Công ty	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Tổng Công ty	
		31/12/2022	1/1/2022
<b>Công ty con</b>			
1	Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ	76,88%	76,88%
2	Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Hội An	54,18%	54,18%
3	Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Duy Xuyên	81,73%	81,73%
4	Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ - Thăng Bình	74,49%	74,49%
5	Công ty TNHH MTV Cơ khí Xây dựng Hòa Thọ	100%	100%
<b>Công ty liên kết</b>			
1	Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam	32,14%	32,14%
2	Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh	20,00%	20,00%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty và các công ty con có 10.339 nhân viên (1/1/2022: 9.807 nhân viên).

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty và các công ty con từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Riêng đối với báo cáo bộ phận, Tổng Công ty thực hiện trình bày số liệu làm tròn đến hàng nghìn như Thuyết minh 4.



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

**(a) Cơ sở hợp nhất**

**(i) Công ty con**

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

**(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tổng Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tổng Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu hợp nhất.

**(iii) Mất quyền kiểm soát**

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tổng Công ty dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các câu phần vốn chủ sở hữu khác trong báo cáo tài chính hợp nhất. Lãi hoặc lỗ phát sinh từ sự kiện này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn, phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tổng Công ty vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

**(iv) Công ty liên kết**

Công ty liên kết là những công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể trực tiếp hoặc gián tiếp đến, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, gồm cả chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tổng Công ty được hưởng trong lãi hoặc lỗ của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tổng Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với công ty liên kết. Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong đơn vị nhận đầu tư phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của đơn vị nhận đầu tư mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v...).

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tổng Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tổng Công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tổng Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

**(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các sổ dư và giao dịch trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tổng Công ty tại các công ty liên kết này.

**(vi) Hợp nhất kinh doanh**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tổng Công ty. Sự kiểm soát tồn tại khi Tổng Công ty có quyền chỉ phối trực tiếp hoặc gián tiếp các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Giá phí hợp nhất kinh doanh (giá phí mua) gồm tổng của giá trị hợp lý, tại ngày trao đổi, của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận, các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày mua.

**(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**(c) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(d) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban điều hành Tổng Công ty và các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(ii) Đầu tư vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(e) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(f) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tổng Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(g) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ tài sản khác	2 – 5 năm

**(h) Tài sản cố định vô hình**

***Phần mềm máy vi tính***

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

**(i) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Tổng công ty và các công ty con không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

W O R L D  
C O N  
F I  
D E  
N T  
A L

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(j) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng Công ty và các công ty con đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 50 năm.

**(ii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty và các công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(iii) Chi phí trả trước dài hạn khác**

Chi phí trả trước dài hạn khác chủ yếu bao gồm các chi phí thuê và sửa chữa cải tạo tài sản. Chi phí trả trước dài hạn khác ban đầu được thể hiện theo nguyên giá, và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 3 năm.

**(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(l) Dự phòng**

Trừ những khoản dự phòng được định nghĩa ở các thuyết minh khác, một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu đồng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(m) Vốn cổ phần**

**Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(n) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(o) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

**(ii) Doanh thu dịch vụ gia công**

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(iv) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(p) Thuê tài sản**

**(i) Tài sản thuê**

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê của Tổng Công ty, với tư cách là bên thuê, không nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu, được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tổng Công ty.

**(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

**(q) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

**(r) Lãi trên cổ phiếu**

Tổng Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty sau khi trừ số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Tại ngày báo cáo và cho năm kết thúc cùng ngày, Tổng Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

**(s) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban điều hành cho rằng Tổng Công ty và các công ty con hoạt động chủ yếu trong hai lĩnh vực bao gồm may mặc và sản xuất sợi.

Bộ phận chia theo vùng địa lý của Tổng Công ty và các công ty con được xác định căn cứ vào vị trí địa lý của thị trường và khách hàng của Tổng Công ty và các công ty con. Ban điều hành Tổng Công ty đánh giá khu vực địa lý phát sinh trên 10% tổng doanh thu là một bộ phận cần được báo cáo.

100% HHH

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(t) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ này.

**(u) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong năm trước.

S  
/ T  
/ M



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### 4. Báo cáo bộ phận

##### (a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Tổng Công ty gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh như sau:

- May mặc
- Sợi

	May mặc		Sợi		Loại trừ		Hợp nhất	
	2022 Nghìn VND	2021 Nghìn VND	2022 Nghìn VND	2021 Nghìn VND	2022 Nghìn VND	2021 Nghìn VND	2022 Nghìn VND	2021 Nghìn VND
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	3.938.531.710	2.736.630.142	1.206.454.564	1.127.268.490	-	-	5.144.986.274	3.863.898.632
Doanh thu giữa các bộ phận	137.828.007	104.462.494	58.056.128	71.121.477	(195.884.135)	(175.583.971)	-	-
<b>Tổng doanh thu của bộ phận</b>	<b>4.076.359.717</b>	<b>2.841.092.636</b>	<b>1.264.510.692</b>	<b>1.198.389.967</b>	<b>(195.884.135)</b>	<b>(175.583.971)</b>	<b>5.144.986.274</b>	<b>3.863.898.632</b>
<b>Kết quả kinh doanh của bộ phận</b>	<b>496.182.790</b>	<b>240.676.431</b>	<b>105.771.421</b>	<b>203.166.255</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>601.954.211</b>	<b>443.842.686</b>
Doanh thu tài chính							95.611.671	39.005.530
Chi phí tài chính							81.115.347	28.372.540
Phần lãi trong công ty liên kết							1.503.089	2.867.427
Chi phí không phân bổ							285.605.223	238.797.562
Kết quả hoạt động khác không phân bổ							5.092.496	2.884.226
<b>Lợi nhuận trước thuế không phân bổ</b>							<b>337.440.897</b>	<b>221.429.767</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành							76.444.548	19.977.619
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại							(7.073.503)	-
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế</b>							<b>268.069.852</b>	<b>201.452.148</b>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	May mặc		31/12/2022 Nghìn VND	Sợi	31/12/2021 Nghìn VND	Tổng cộng	
	31/12/2022 Nghìn VND	31/12/2021 Nghìn VND				31/12/2022 Nghìn VND	31/12/2021 Nghìn VND
Tài sản của bộ phận	1.623.072.965	1.508.879.801	546.423.217	611.034.374	2.169.496.182	2.119.914.175	
Tài sản không phân bổ					225.166.365	220.850.457	
<b>Tổng tài sản</b>					<b>2.394.662.547</b>	<b>2.340.764.632</b>	
Nợ phải trả của bộ phận	940.381.827	989.442.970	295.337.031	455.544.851	1.235.718.858	1.444.987.821	
Các khoản nợ không phân bổ					274.421.385	241.978.143	
<b>Tổng nợ phải trả</b>					<b>1.510.140.243</b>	<b>1.686.965.964</b>	
Chi tiêu vốn					136.921.453	86.131.195	
Khấu hao tài sản cố định hữu hình					126.342.117	128.802.431	
Khấu hao tài sản cố định vô hình					788.431	742.296	

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý**

Tổng Công ty và các công ty con có các bộ phận chia theo vùng địa lý, dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

- Trung Quốc
- Hoa Kỳ
- Nhật Bản
- Châu Phi
- Việt Nam
- Thụy Điển
- Các vùng địa lý khác

	Trung Quốc Nghìn VND	Hoa Kỳ Nghìn VND	Nhật Bản Nghìn VND	Châu Phi Nghìn VND	Việt Nam Nghìn VND	Thụy Điển Nghìn VND	Các vùng địa lý khác Nghìn VND	Hợp nhất Nghìn VND
<b>Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022</b>								
Tổng doanh thu của bộ phận	1.548.554.759	996.923.631	495.929.925	334.668.004	395.648.690	497.262.986	875.998.279	5.144.986.274
Kết quả kinh doanh của bộ phận	124.741.107	129.297.701	47.620.869	67.177.239	111.972.209	34.422.628	86.722.458	601.954.211
Thu nhập không phân bổ								97.114.760
Chi phí không phân bổ								366.720.570
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh								332.348.402
Thu nhập khác								6.435.881
Chi phí khác								1.343.385
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành								76.444.548
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại								(7.073.503)
Lợi nhuận thuần sau thuế								268.069.852

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Trung Quốc Nghìn VND	Hoa Kỳ Nghìn VND	Nhật Bản Nghìn VND	Châu Phi Nghìn VND	Việt Nam Nghìn VND	Thụy Điển Nghìn VND	Các vùng địa lý khác Nghìn VND	Hợp nhất Nghìn VND
<b>Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021</b>								
Tổng doanh thu của bộ phận	1.084.625.660	564.999.158	433.361.785	272.058.529	425.305.541	369.810.596	713.737.363	3.863.898.632
Kết quả kinh doanh của bộ phận	74.078.466	67.485.515	34.307.693	66.803.115	59.895.680	21.153.984	120.118.233	443.842.686
Thu nhập không phân bổ								41.002.579
Chi phí không phân bổ								266.299.725
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh								218.545.540
Thu nhập khác								4.495.493
Chi phí khác								1.611.266
Thuế thu nhập doanh nghiệp								19.977.619
Lợi nhuận thuần sau thuế								201.452.148

Trong các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, tài sản bộ phận của Tổng công ty chỉ tập trung trong một vùng địa lý là Việt Nam.



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Tiền mặt	167.344.719	117.040.289
Tiền gửi ngân hàng	17.333.586.017	50.446.409.415
Các khoản tương đương tiền	7.000.000.000	8.022.968.050
	<hr/> 24.500.930.736	<hr/> 58.586.417.754

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng hưởng lãi suất năm là 6% (1/1/2022: 3% năm).

**6. Các khoản đầu tư tài chính**

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn**

	31/12/2022		1/1/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Tiền gửi có kỳ hạn	139.255.000.000	139.255.000.000	119.955.000.000	119.955.000.000
	<hr/>		<hr/>	

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm, với lãi suất năm từ 4,9% đến 11,2% (1/1/2022: từ 3,3% đến 5,55% năm).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn có giá trị ghi sổ là 43.000 triệu VND (1/1/2022: 30.000 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Tổng Công ty (Thuyết minh 21).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Địa chỉ	31/12/2022					1/1/2022				
		Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND
<b>Đầu tư góp vốn vào:</b>											
<i>Công ty liên kết</i>											
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam	Quảng Nam	642.800	32,14%	32,14%	14.846.135.496	-	642.800	32,14%	32,14%	15.192.122.289	-
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh	Quảng Nam	400.000	20,00%	20,00%	563.475.510	-	400.000	20,00%	20,00%	-	-
					<u>15.409.611.006</u>	-				<u>15.192.122.289</u>	-
<i>Đơn vị khác</i>											
Công ty Cổ phần Bông vải Miền Trung	Khánh Hòa	65.000	7,12%	7,12%	855.702.000	(505.678.651)	65.000	7,12%	7,12%	855.702.000	(209.144.006)
Công ty Cổ phần Bao bì Hòa Thọ Quảng Đà	Quảng Nam	60.000	10,91%	10,91%	600.000.000	-	60.000	10,91%	10,91%	600.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dệt May TP. Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	630.000	14,00%	14,00%	6.300.000.000	(6.300.000.000)	630.000	14,00%	14,00%	6.300.000.000	(6.300.000.000)
					<u>7.755.702.000</u>	<u>(6.805.678.651)</u>				<u>7.755.702.000</u>	<u>(6.509.144.006)</u>
					<u>23.165.313.006</u>	<u>(6.805.678.651)</u>				<u>22.947.824.289</u>	<u>(6.509.144.006)</u>

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất do không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn**

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Motives International (Hong Kong) Limited	139.903.797.596	139.699.775.309
Haggar Clothing Co.	91.560.398.308	126.145.167.202
Các khách hàng khác	215.996.652.676	220.077.421.375
	447.460.848.580	485.922.363.886

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, các khoản phải thu khách hàng có giá trị ghi sổ là 22.024 triệu VND (1/1/2022: 24.373 triệu VND) được dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của các công ty con (Thuyết minh 21(a)).

**(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan**

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
<b>Công ty mẹ</b>		
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	159.181.030	131.545.680
<b>Công ty liên kết</b>		
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ – Phú Ninh	-	99.706.524
<b>Các bên liên quan khác</b>		
Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP	12.829.156	-
	172.010.186	231.252.204

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**8. Phải thu khác**

(a) Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	104.481.000	228.866.300
Tạm ứng nhân viên	1.107.894.840	1.218.142.241
Thuế nhập khẩu tạm nộp	1.207.210.507	1.190.743.899
Phải thu khác	1.634.690.902	2.976.415.596
	4.054.277.249	5.614.168.036

(b) Các khoản phải thu dài hạn khác bao gồm:

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Ký quỹ	2.450.000.000	2.450.000.000
Đặt cọc thuê mặt bằng	587.166.545	515.330.014
	3.037.166.545	2.965.330.014

**9. Phải thu về cho vay dài hạn**

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
<b>Bên liên quan - công ty liên kết</b>		
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh (*)	7.028.580.000	-
<b>Các bên khác</b>		
Phải thu dài hạn khác	585.700.000	994.100.000
	7.614.280.000	994.100.000

(\*) Khoản cho vay không có đảm bảo, hưởng lãi suất 6,0%/năm và sẽ được thu hồi trong vòng 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên 25 tháng 1 năm 2022.



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Nợ xấu và nợ khó đòi

	Thời gian quá hạn	31/12/2022			Thời gian quá hạn	1/1/2022		
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Công ty TNHH Dịch vụ - Thương mại Duyên Đạt	Trên 3 năm	5.709.989.346	(5.709.989.346)	-	Trên 3 năm	5.709.989.346	(5.709.989.346)	-
Công ty TNHH May Phú Tường	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	2.880.547.450	(2.016.383.215)	864.164.235	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	2.880.547.450	(1.440.273.725)	1.440.273.725
Các khách hàng khác (*)	Trên 3 năm	-	-	-	Trên 3 năm	60.716.615	(60.716.615)	-
		<u>8.590.536.796</u>	<u>(7.726.372.561)</u>	<u>864.164.235</u>		<u>8.651.253.411</u>	<u>(7.210.979.686)</u>	<u>1.440.273.725</u>

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi

(7.726.372.561)

(7.210.979.686)

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, khoản phải thu khó đòi từ một số các khách hàng đã bị xóa sổ do không có khả năng thu hồi theo đánh giá của Ban điều hành.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**11. Hàng tồn kho**

	31/12/2022		1/1/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	57.520.651.683	(4.022.010.507)	143.046.172.229	-
Nguyên vật liệu	293.527.557.391	(34.039.865.021)	249.105.703.724	-
Công cụ và dụng cụ	508.599.016	-	1.045.994.692	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	416.214.620.311	(4.356.132.106)	373.904.283.135	-
Thành phẩm	54.011.314.325	(9.657.502.023)	38.848.313.457	(708.667.048)
Hàng hóa	6.259.266.067	(445.580.423)	5.264.115.298	(202.380.064)
Hàng gửi đi bán	159.037.053.694	-	46.844.647.220	-
	<b>987.079.062.487</b>	<b>(52.521.090.080)</b>	<b>858.059.229.755</b>	<b>(911.047.112)</b>

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 có 238.074 triệu VND (1/1/2022: 2.778 triệu VND) hàng mua đang đi đường, nguyên vật liệu, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, thành phẩm và hàng hóa được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 755.612 triệu VND (1/1/2022: 642.813 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty và công ty con (Thuyết minh 21(a)).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	425.963.448.531	1.249.268.643.283	70.175.602.659	8.619.762.098	95.432.577.681	1.849.460.034.252
Tăng trong năm	1.762.000.609	22.585.664.525	4.853.993.055	1.035.683.482	2.387.361.650	32.624.703.321
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	40.360.852.147	68.253.801.102	9.403.818.519	-	5.289.725.336	123.308.197.104
Phân loại lại	-	(3.406.316.277)	3.406.316.277	-	-	-
Thanh lý	-	(20.823.957.686)	(770.127.904)	(119.365.418)	(31.000.000)	(21.744.451.008)
Điều chỉnh lại	-	276.078.636	402.048.419	-	-	678.127.055
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>468.086.301.287</b>	<b>1.316.153.913.583</b>	<b>87.471.651.025</b>	<b>9.536.080.162</b>	<b>103.078.664.667</b>	<b>1.984.326.610.724</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	175.181.540.103	876.940.683.908	39.275.834.241	7.269.482.029	79.802.799.494	1.178.470.339.775
Khấu hao trong năm	23.861.880.546	86.651.817.377	7.698.132.243	635.822.418	7.494.464.407	126.342.116.991
Phân loại lại	-	(908.635.388)	908.635.388	-	-	-
Thanh lý	-	(20.638.599.343)	(750.827.756)	(119.365.418)	(31.000.000)	(21.539.792.517)
Điều chỉnh lại	-	276.078.636	402.048.419	-	-	678.127.055
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>199.043.420.649</b>	<b>942.321.345.190</b>	<b>47.533.822.535</b>	<b>7.785.939.029</b>	<b>87.266.263.901</b>	<b>1.283.950.791.304</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu năm	250.781.908.428	372.327.959.375	30.899.768.418	1.350.280.069	15.629.778.187	670.989.694.477
Số dư cuối năm	269.042.880.638	373.832.568.393	39.937.828.490	1.750.141.133	15.812.400.766	700.375.819.420

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 có các tài sản có nguyên giá 770.746 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2022: 675.332 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 381.667 triệu VND (1/1/2022: 404.751 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Tổng Công ty và các công ty con (Thuyết minh 21).

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**13. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm	11.203.228.209
Tăng trong năm	1.390.386.113
	<hr/>
Số dư cuối năm	12.593.614.322
	<hr/>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	9.337.804.795
Khấu hao trong năm	788.430.995
	<hr/>
Số dư cuối năm	10.126.235.790
	<hr/>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm	1.865.423.414
Số dư cuối năm	2.467.378.532
	<hr/>

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 7.913 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (1/1/2022: 7.138 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

11/11/2023/68

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**14. Xây dựng cơ bản dở dang**

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	14.352.120.576	4.180.723.801
Tăng trong năm	122.772.558.724	47.932.520.176
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(123.308.197.104)	(37.383.812.254)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(377.311.147)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	13.816.482.196	14.352.120.576

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Máy móc thiết bị sợt	13.367.742.196	12.685.845.477
Các công trình khác	448.740.000	1.666.275.099
	<hr/>	<hr/>
	13.816.482.196	14.352.120.576

**15. Chi phí trả trước**

**(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Trả trước phí bảo hiểm	3.071.969.024	2.551.628.353
Công cụ và dụng cụ	1.359.748.228	2.985.481.637
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	498.110.110	592.958.334
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	4.198.310.390	3.525.023.006
	<hr/>	<hr/>
	9.128.137.752	9.655.091.330

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) **Chi phí trả trước dài hạn**

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí trả trước dài hạn khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	3.927.868.824	11.417.697.668	12.198.009.331	27.543.575.823
Tăng trong năm	-	14.512.210.356	16.283.366.820	30.795.577.176
Phân bổ trong năm	(87.610.452)	(11.060.543.232)	(5.765.809.941)	(16.913.963.625)
Thanh lý	-	(121.132.647)	(260.306.165)	(381.438.812)
Số dư cuối năm	3.840.258.372	14.748.232.145	22.455.260.045	41.043.750.562

**16. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	Thuế suất	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	20%	6.727.647.141	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho – Công ty con	5%	345.855.528	-
		7.073.502.669	-

**17. Phải trả người bán ngắn hạn**

(a) **Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ 31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Hultafors Group AB	41.205.311.087	44.776.318.875
Kwong Lung Enterprise Co., Ltd	12.736.138.715	36.430.638.305
Các nhà cung cấp khác	193.517.313.802	253.412.087.343
	247.458.763.604	334.619.044.523

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
<b>Công ty mẹ</b>		
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	5.023.685.489	16.103.745.493
<b>Công ty liên kết</b>		
Công ty Cổ phần May Hoà Thọ - Quảng Nam	18.462.790.590	8.334.074.082
Công ty Cổ phần May Hoà Thọ - Phú Ninh	-	12.025.365
<b>Các bên liên quan khác trong Tập đoàn Dệt May Việt Nam</b>		
Công ty TNHH Coats Phong Phú	3.694.955.511	2.430.308.000
Công ty Cổ phần Dệt May Huế	7.859.651	14.783.300
	27.189.291.241	26.894.936.240

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**18. Thuế và phải nộp Nhà nước**

	1/1/2022 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/bù trừ trong năm VND	31/12/2022 VND
Thuế giá trị gia tăng	8.023.760.896	152.307.865.735	(156.564.822.426)	3.766.804.205
Thuế nhập khẩu	207.330.386	9.059.999.008	(9.210.349.356)	56.980.038
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.080.213.740	76.444.548.146	(55.187.867.925)	30.336.893.961
Thuế thu nhập cá nhân	188.574.250	5.693.992.834	(5.114.392.354)	768.174.730
Các loại thuế khác	3.354.697	14.240.213.587	(14.243.568.284)	-
	17.503.233.969	257.746.619.310	(240.321.000.345)	34.928.852.934

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**19. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>31/12/2022</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2022</b> <b>VND</b>
Chi phí hoạt động	4.670.621.801	2.418.190.333
Chi phí lãi vay	423.529.852	376.111.793
Các khoản trích trước khác	802.385.300	1.814.912.600
	<b>5.896.536.953</b>	<b>4.609.214.726</b>

**20. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2022</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2022</b> <b>VND</b>
Kinh phí công đoàn	15.626.312.053	17.404.033.529
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	-	14.475.299
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	165.000.000
Ứng trước từ khách hàng cho các khoản chi hộ	2.506.906.124	2.703.517.178
Cổ tức phải trả	1.132.452.600	984.196.600
Quỹ ái hữu, quỹ tương trợ	832.771.781	832.771.781
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.235.422.692	3.828.604.156
	<b>24.333.865.250</b>	<b>25.932.598.543</b>



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2022 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Biến động trong năm Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND	31/12/2022 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	506.899.307.014	3.955.508.741.865	(3.966.472.455.699)	(7.248.347.343)	488.687.245.837
Vay dài hạn đến hạn trả (b)	46.171.454.063	41.729.639.214	(46.171.454.064)	269.272.507	41.998.911.720
	<u>553.070.761.077</u>	<u>3.997.238.381.079</u>	<u>(4.012.643.909.763)</u>	<u>(6.979.074.836)</u>	<u>530.686.157.557</u>

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Vay ngân hàng 1 (i)	USD	3,70%	315.182.355.128	205.675.587.086
Vay ngân hàng 2 (i)	USD	3,70% - 4,20%	58.616.896.720	77.942.926.642
Vay ngân hàng 3 (i)	VND	1,56%	-	37.633.249.507
Vay ngân hàng 4 (i)	USD	5%	21.820.622.789	18.266.492.510
Vay ngân hàng 5 (i)	USD	1,40%	-	167.132.051.269
Vay ngân hàng 6 (i)	VND	2,10% - 2,20%	44.392.085.507	-
Vay ngân hàng 7 (ii)	VND	3,70%	48.375.285.693	-
Vay Ban liên lạc hưu trí (ii)	VND	8,40%	300.000.000	249.000.000
			<u>488.687.245.837</u>	<u>506.899.307.014</u>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Các khoản vay này được đảm bảo bằng hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn (Thuyết minh số 6(a)), một số các khoản phải thu khách hàng (Thuyết minh 7), hàng tồn kho (Thuyết minh 11) và tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty và các công ty con (Thuyết minh 12).
- (ii) Các khoản vay này không được đảm bảo.

**(b) Vay dài hạn**

	<b>31/12/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vay dài hạn	310.677.740.009	347.527.312.404
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(41.998.911.720)	(46.171.454.063)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	<u>268.678.828.289</u>	<u>301.355.858.341</u>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Vay ngân hàng 1 (i)	USD	5,0%	2022	-	5.588.879.756
Vay ngân hàng 2 (i)	USD	6,83%	2024	20.000.000.000	30.000.000.000
Vay ngân hàng 3 (i)	VND	5,40%	2025	77.131.077.962	99.659.602.309
Quỹ bảo vệ môi trường (i)	VND	2,60%	2025	4.030.000.000	5.270.000.000
Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ (iii)	USD	SOFR + 0,7%	2039	209.516.662.047	207.008.830.339
				<b>310.677.740.009</b>	<b>347.527.312.404</b>

- (i) Các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình và hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn của Tổng Công ty và các công ty con (Thuyết minh 12 và Thuyết minh 6(a)).
- (ii) Khoản vay này không được đảm bảo.
- (iii) Đây là khoản vay được Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho vay lại từ nguồn vốn vay của Ngân hàng Phát triển Châu Á ("ADB") và có hạn mức là 9.042.587 USD.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty và các công ty con. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	<b>2022</b>	<b>2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	69.175.100.458	72.523.791.358
Trích lập trong năm (Thuyết minh 23)	11.170.216.362	3.063.076.395
Tăng khác	381.616.911	437.134.054
Sử dụng trong năm	(12.537.934.299)	(6.848.901.349)
Số dư cuối năm	<u>68.188.999.432</u>	<u>69.175.100.458</u>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	225.000.000.000	-	131.581.249.354	93.703.298.049	27.705.259.573	477.989.806.976
Phát hành cổ phiếu	11.250.000.000	-	-	-	-	11.250.000.000
Trả cổ tức bằng cổ phiếu phát hành của công ty con	-	1.176.340.000	-	(1.176.340.000)	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	188.194.343.087	13.257.805.014	201.452.148.101
Phân bổ vào các quỹ	-	-	9.382.269.226	(9.382.269.226)	-	-
Cổ tức (Thuyết minh 26)	-	-	-	(33.750.000.000)	(80.210.000)	(33.830.210.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(2.942.221.767)	(120.854.628)	(3.063.076.395)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022</b>	<b>236.250.000.000</b>	<b>1.176.340.000</b>	<b>140.963.518.580</b>	<b>234.646.810.143</b>	<b>40.761.999.959</b>	<b>653.798.668.682</b>
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	263.348.714.184	4.721.137.906	268.069.852.090
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	-	37.063.265.741	(37.063.265.741)	-	-
Cổ tức (Thuyết minh 26)	-	-	-	(23.625.000.000)	(2.551.000.000)	(26.176.000.000)
Cổ tức bằng cổ phiếu (Thuyết minh 26)	63.780.750.000	576.600.000	-	(64.357.350.000)	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(10.839.820.133)	(330.396.229)	(11.170.216.362)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022</b>	<b>300.030.750.000</b>	<b>1.752.940.000</b>	<b>178.026.784.321</b>	<b>362.110.088.453</b>	<b>42.601.741.636</b>	<b>884.522.304.410</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**24. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	31/12/2022		1/1/2022	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	30.003.075	300.030.750.000	23.625.000	236.250.000.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	30.003.075	300.030.750.000	23.625.000	236.250.000.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	30.003.075	300.030.750.000	23.625.000	236.250.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

H. G. 10/11

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Vốn cổ phần đã phát hành và đang lưu hành của các cổ đông như sau:

	31/12/2022			1/1/2022		
	Đã phát hành và đang lưu hành			Đã phát hành và đang lưu hành		
	Số cổ phiếu	VND	%	Số cổ phiếu	VND	%
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	18.561.838	185.618.380.000	61,87%	14.615.621	146.156.210.000	61,87%
Các cổ đông khác	11.441.237	114.412.370.000	38,13%	9.009.379	90.093.790.000	38,13%
	30.003.075	300.030.750.000	100%	23.625.000	236.250.000.000	100%

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2022		2021	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	23.625.000	236.250.000.000	22.500.000	225.000.000.000
Cổ phiếu phát hành trong năm	6.378.075	63.780.750.000	1.125.000	11.250.000.000
Số dư cuối năm	30.003.075	300.030.750.000	23.625.000	236.250.000.000

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**25. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**26. Cổ tức**

Tại cuộc họp ngày 16 tháng 4 năm 2022, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức bằng tiền trị giá 23.625 triệu VND (tương đương tỷ lệ chia 10%) và cổ tức bằng cổ phiếu trị giá 63.781 triệu VND (tương đương tỷ lệ chia 27%) cho năm 2021 (2021: 33.750 triệu VND cho năm 2020, tương đương 15% vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020).

**27. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Trong vòng một năm	28.338.752.963	20.540.730.148
Trong vòng hai đến năm năm	108.822.921.969	77.343.171.463
Sau năm năm	163.613.513.729	96.420.735.773
	300.775.188.661	194.304.637.384

**(b) Ngoại tệ các loại**

	31/12/2022		1/1/2022	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	227.196	5.316.327.203	436.015	9.853.729.499
EUR	-	-	221	5.616.408
		5.316.327.203		9.859.345.907



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(c) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty có các cam kết vốn các dự án đầu tư sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	43.100.000.000	31.020.000.000
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	5.742.000.000	27.417.600.000
	48.842.000.000	58.437.600.000

**28. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2022 VND	2021 VND
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu bán hàng và gia công may mặc	5.136.910.078.322	3.858.268.909.848
▪ Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	8.076.195.419	5.629.722.163
	5.144.986.273.741	3.863.898.632.011
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	(456.833.533)	(389.047.465)
Doanh thu thuần	5.144.529.440.208	3.863.509.584.546

**29. Giá vốn hàng bán**

	2022 VND	2021 VND
Giá vốn hàng hóa và dịch vụ gia công và may mặc	4.487.919.431.654	3.421.170.203.090
Giá vốn dịch vụ khác	3.045.754.426	2.716.341.937
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	52.309.318.378	211.392.410
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(699.275.410)	(4.431.038.875)
	4.542.575.229.048	3.419.666.898.562

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**30. Doanh thu hoạt động tài chính**

	2022 VND	2021 VND
Lãi tiền gửi và cho vay	12.263.307.590	4.624.878.254
Cổ tức được chia	168.000.000	168.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	83.157.458.319	31.706.974.093
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	2.497.398.004
Doanh thu hoạt động tài chính khác	22.905.132	8.279.373
	95.611.671.041	39.005.529.724

**31. Chi phí tài chính**

	2022 VND	2021 VND
Chi phí lãi vay	24.700.898.629	17.396.599.401
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	45.227.907.321	10.959.065.109
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	10.890.005.636	-
Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	296.534.645	16.875.783
	81.115.346.231	28.372.540.293

**32. Chi phí bán hàng**

	2022 VND	2021 VND
Chi phí nhân viên	6.529.732.791	5.318.488.165
Chi phí vật liệu, bao bì	889.095.934	712.177.753
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.371.907.662	1.749.325.677
Chi phí dịch vụ mua ngoài	103.021.833.322	99.293.943.923
Chi phí khác	15.837.726.485	11.713.451.830
	127.650.296.194	118.787.387.348

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**33. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2022</b>	<b>2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên	75.980.195.111	65.452.749.928
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.839.423.508	2.768.849.645
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.922.454.527	10.988.009.024
Thuế, phí và lệ phí	12.673.545.336	3.875.697.356
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	576.109.490	1.139.792.225
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.174.903.473	14.639.294.230
Chi phí khác	24.788.295.649	21.145.782.093
	<hr/>	<hr/>
	157.954.927.094	120.010.174.501
	<hr/>	<hr/>

**34. Thu nhập khác**

	<b>2022</b>	<b>2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi do thanh lý tài sản cố định	906.402.622	306.641.439
Các khoản thu nhập khác	5.529.478.214	4.188.851.380
	<hr/>	<hr/>
	6.435.880.836	4.495.492.819
	<hr/>	<hr/>

**35. Chi phí khác**

	<b>2022</b>	<b>2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền phạt hợp đồng, chậm nộp thuế	248.531.355	629.154.228
Các khoản chi phí khác	1.094.853.313	982.111.365
	<hr/>	<hr/>
	1.343.384.668	1.611.265.593
	<hr/>	<hr/>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**36. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2022</b>	<b>2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	2.746.762.361.144	1.915.354.798.927
Chi phí nhân viên	1.331.474.227.105	1.136.679.987.620
Chi phí khấu hao và phân bổ	127.218.158.438	129.702.381.129
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	576.109.490	1.139.792.225
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	748.803.739.802	553.309.393.593

**37. Thuế thu nhập**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	<b>2022</b>	<b>2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Năm hiện hành	76.418.657.268	19.872.614.961
Dự phòng thiếu năm trước	25.890.878	105.004.285
	<b>76.444.548.146</b>	<b>19.977.619.246</b>
<b>Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh các khoản chênh lệch tạm thời	(7.073.502.669)	-
	<b>69.371.045.477</b>	<b>19.977.619.246</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	2022 VND	2021 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	337.440.897.567	221.429.767.347
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	67.488.179.513	22.142.976.735
Ưu đãi thuế	(496.770.100)	(3.484.886.499)
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	(943.895.757)	76.993.534
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác	-	419.127.223
Chi phí không được khấu trừ thuế	709.532.225	297.582.634
Thu nhập không bị tính thuế	(33.600.000)	(16.800.000)
Chênh lệch tạm thời không được ghi nhận thuế hoãn lại	3.076.850.311	1.140.175.715
Lỗ tính thuế được sử dụng ở công ty con	(73.165.234)	(597.974.756)
Giảm thuế theo Nghị định 92/2021/NĐ-CP ở công ty con	-	(104.579.625)
Dự phòng thiếu năm trước	25.890.878	105.004.285
Giảm thuế (*)	(381.976.359)	-
	69.371.045.477	19.977.619.246

(\*) Tổng Công ty được giảm thuế theo quy định tại Điều 21, Thông tư số 78/2014/TT-BTC hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp. Theo đó, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, xây dựng, vận tải sử dụng từ 10 đến 100 lao động nữ, trong đó số lao động nữ chiếm trên 50% tổng số lao động có mặt thường xuyên hoặc sử dụng thường xuyên trên 100 lao động nữ mà số lao động nữ chiếm trên 30% tổng số lao động có mặt thường xuyên của doanh nghiệp được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tương ứng với số tiền thực chi thêm cho lao động nữ.

**(c) Thuế suất áp dụng**

**(i) Đối với Tổng Công ty**

Theo quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm tính từ năm 2007 (2007 - 2021) và mức thuế suất thông thường cho những năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cũng cho phép Tổng Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2007 đến năm 2010) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (2011 - 2019).

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 20%.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Đối với các công ty con**

Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ – Thăng Bình có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20%. Các quy định hiện hành về thuế cho phép công ty con này được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trong 15 năm (từ 2016 đến 2030), miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ 2018 đến 2021) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ 2022 đến 2030).

Các công ty con khác có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20%.

**38. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền tại thời điểm lập báo cáo, chi tiết như sau:

**(a) Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

	2022 (Số cổ phiếu)	2021 (Số cổ phiếu) Đã điều chỉnh lại
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước	23.625.000	22.500.000
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 30 tháng 9 năm 2021	-	286.644
Ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu (Thuyết minh 26)	6.378.075	6.075.000
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm	30.003.075	28.861.644

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được dựa trên số lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông, sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

	2022	2021 Đã điều chỉnh lại
Lợi nhuận thuần trong năm (VND)	263.348.714.184	188.194.343.087
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	(8.000.000.000)	(10.839.820.133)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (VND)	255.348.714.184	177.354.522.954
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm (số cổ phiếu)	30.003.075	28.861.644
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	8.511	6.145

**(c) Điều chỉnh lại số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền và lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền và lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được điều chỉnh lại do ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu (Thuyết minh 26) theo quy định tại mục 24 của Chuẩn mực kế toán số 30 – Lãi trên cổ phiếu và việc phân bổ lợi nhuận sau thuế vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 23) như sau:

	Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền	Lãi cơ bản trên cổ phiếu VND
Số báo cáo trước đây	22.786.644	7.894
Ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu	6.075.000	(1.638)
Ảnh hưởng của việc phân bổ lợi nhuận sau thuế vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(111)
Số điều chỉnh lại	28.861.644	6.145

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**39. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tổng Công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2022 VND	2021 VND
<b>Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam</b>		
Cổ tức công bố và đã trả	14.615.621.000	21.923.431.500
Bán hàng hóa và dịch vụ	2.435.733.519	1.756.851.818
Mua hàng hóa và dịch vụ	16.958.594.950	19.359.892.147
Chi phí quản lý và lãi vay	6.454.974.769	3.507.645.104
Mua tài sản cố định	32.600.000.000	-
<b>Các công ty liên kết</b>		
<b>Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	2.216.473.534	1.279.933.903
Mua hàng hóa và dịch vụ	89.428.986.872	57.881.256.557
Doanh thu bán tài sản cố định	229.492.494	113.447.714
<b>Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	467.379.207	531.135.748
Mua hàng hóa và dịch vụ	108.394.147.998	74.639.037.251
Cổ tức nhận được thông qua bù trừ công nợ	1.285.600.000	1.285.600.000
<b>Các công ty liên quan khác trong Tập đoàn Dệt May Việt Nam</b>		
<b>Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	11.878.848	883.181.123
Mua hàng hóa và dịch vụ	18.660.326	23.452.541
<b>Công ty TNHH Coats Phong Phú</b>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	21.274.329.838	20.098.924.252
<b>Công ty Cổ phần Dệt May Huế</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	166.334.472	11.451.354.635
Mua hàng hóa và dịch vụ	353.063.010	11.542.612.641



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2022 VND	2021 VND
<b>Tổng Giám đốc</b>		
Tiền lương và thưởng	1.748.248.966	1.314.157.804
<b>Thành viên khác trong Ban điều hành</b>		
Tiền lương và thưởng	14.305.138.365	11.127.071.372
<b>Thành viên Ban kiểm soát</b>		
Lương, thưởng và thù lao	688.876.730	463.587.917
<b>Chủ tịch Hội đồng Quản trị</b>		
Lương	2.277.829.021	1.795.681.779
Thù lao	-	237.378.222
<b>Thành viên 1 của Hội đồng Quản trị</b>		
Thù lao và thưởng	133.333.333	133.333.334
<b>Thành viên 2 của Hội đồng Quản trị</b>		
Thù lao	66.666.667	66.666.667
<b>Thành viên 3 của Hội đồng Quản trị</b>		
Thù lao	66.666.668	66.666.667
<b>Thành viên 4 của Hội đồng Quản trị</b>		
Thù lao và thưởng	322.222.219	299.999.997
<b>Thành viên 5 của Hội đồng Quản trị</b>		
Thù lao	66.666.668	66.666.667

**40. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính**

	2022 VND	2021 VND
Bán tài sản cố định thông qua bù trừ công nợ	229.492.494	-
Chuyển từ quỹ khen thưởng phúc lợi sang vay ngắn hạn	57.200.000	50.000.000

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**41. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Ngày 15 tháng 3 năm 2023

Người lập:



Phạm Anh Thảo  
Chuyên viên

Người duyệt:



Nguyễn Thị Tường Long  
Kế toán trưởng







TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM  
TỔNG CÔNG TY CP DỆT MAY HOÀ THỌ  
☎ ☎ ☎

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC  
☎ ☎ ☎



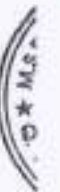
# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG KIỂM TOÁN NĂM 2022**





**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

**Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2022**



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận**

**Đăng ký Doanh nghiệp số** 0400101556

ngày 30 tháng 1 năm 2007

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0400101556 ngày 28 tháng 6 năm 2022. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Nguyễn Đức Trí Bà Trần Tường Anh Ông Nguyễn Ngọc Bình Ông Lê Quốc Ân Ông Nguyễn Văn Hải Ông Phạm Văn Tân	Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên (đến ngày 16 tháng 4 năm 2022)
<b>Ban Kiểm soát</b>	Bà Nguyễn Thị Kim Khanh Ông Nguyễn Thanh Sơn Ông Vũ Ngọc Tú  Ông Nguyễn Ngọc Cách	Trưởng ban Thành viên Thành viên (từ ngày 17 tháng 4 năm 2022) Thành viên (đến ngày 16 tháng 4 năm 2022)
<b>Ban điều hành</b>	Ông Nguyễn Văn Hải Bà Hoàng Thùy Oanh Bà Trần Tường Anh Ông Nguyễn Ngọc Bình Bà Trần Thị Hòa Châu Ông Phạm Ngọc Trung Ông Phan Văn Phước  Ông Phan Quang Long Ông Nguyễn Phước Hoàng Ông Nguyễn Văn Cường Bà Nguyễn Thị Tường Long	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Giám đốc điều hành Giám đốc điều hành (đến ngày 30 tháng 11 năm 2022) Giám đốc điều hành Giám đốc điều hành Giám đốc điều hành Kế toán trưởng
<b>Trụ sở đăng ký</b>	36 Phố Ông Ích Đường Phường Hòa Thọ Đông, Quận Cẩm Lệ Thành phố Đà Nẵng Việt Nam	
<b>Công ty kiểm toán</b>	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Báo cáo của Ban điều hành**

Ban điều hành Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ ("Tổng Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Ban điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban điều hành Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 46 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban điều hành Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban điều hành Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.

  
Nguyễn Văn Hải  
Tổng Giám đốc

Chứng thực bản sao đúng với bản chính  
Số: 002402/01/2023-SCT/BS

Ngày 08-06-2023

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 3 năm 2023

**PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



**Trần Thị Bảo Khuyên**



KPMG Limited  
46th Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Street, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi các Cổ đông  
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ ("Tổng Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban điều hành Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 15 tháng 3 năm 2023, được trình bày từ trang 5 đến trang 46.

### **Trách nhiệm của Ban điều hành**

Ban điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban điều hành Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Bản báo cáo kiểm toán số: 22-02-00006-23-1



Trương Vĩnh Phúc  
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số: 1901-2023-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2023

Phan Mỹ Linh  
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số: 3064-2019-007-1



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2022 VND</b>	<b>1/1/2022 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>1.511.336.312.147</b>	<b>1.492.955.787.174</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>8.786.175.645</b>	<b>36.498.496.869</b>
Tiền	111		8.786.175.645	36.498.496.869
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>139.255.000.000</b>	<b>119.955.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	139.255.000.000	119.955.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>437.052.433.464</b>	<b>528.635.756.071</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	424.020.470.624	481.859.691.659
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		13.220.799.907	47.621.302.862
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		2.751.260.000	488.100.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	7(a)	3.910.030.184	4.940.679.311
Dự phòng phải thu khó đòi	137	9	(6.850.127.251)	(6.274.017.761)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>886.143.761.390</b>	<b>769.136.326.803</b>
Hàng tồn kho	141		925.306.121.709	769.559.490.915
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(39.162.360.319)	(423.164.112)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>40.098.941.648</b>	<b>38.730.207.431</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14(a)	7.633.797.428	8.237.473.464
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		32.460.878.516	30.492.733.967
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17(b)	4.265.704	-

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

Mẫu B 01 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>678.322.297.194</b>	<b>604.057.522.531</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>10.651.446.545</b>	<b>3.959.430.014</b>
Phải thu về cho vay dài hạn	215	8	7.614.280.000	994.100.000
Phải thu dài hạn khác	216	7(b)	3.037.166.545	2.965.330.014
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>512.476.990.033</b>	<b>465.382.921.249</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	11	509.951.295.545	463.509.070.679
Nguyên giá	222		1.623.214.213.107	1.494.312.101.837
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.113.262.917.562)	(1.030.803.031.158)
Tài sản cố định vô hình	227	12	2.525.694.488	1.873.850.570
Nguyên giá	228		11.676.989.026	10.286.602.913
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(9.151.294.538)	(8.412.752.343)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>13.816.482.196</b>	<b>14.352.120.576</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	13.816.482.196	14.352.120.576
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5(b)</b>	<b>100.690.398.859</b>	<b>99.814.551.193</b>
Đầu tư vào công ty con	251		92.748.900.000	92.748.900.000
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		10.428.000.000	10.428.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		7.755.702.000	7.755.702.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(10.242.203.141)	(11.118.050.807)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>40.686.979.561</b>	<b>20.548.499.499</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	14(b)	33.959.332.420	20.548.499.499
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	6.727.647.141	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>2.189.658.609.341</b>	<b>2.097.013.309.705</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

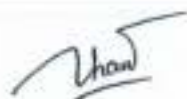
**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>1.381.159.621.572</b>	<b>1.516.269.411.057</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.159.019.568.689</b>	<b>1.278.917.871.473</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	241.848.782.362	305.940.404.464
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		12.756.263.023	39.583.132.300
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	33.136.697.089	15.569.066.247
Phải trả người lao động	314		292.945.253.366	307.210.490.808
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	4.776.210.165	3.003.710.607
Doanh thu chưa thực hiện – ngắn hạn	318		-	85.280.315
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	23.257.867.214	28.883.668.937
Vay ngắn hạn	320	20(a)	483.155.694.128	509.889.744.967
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	21	67.142.801.342	68.752.372.828
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>222.140.052.883</b>	<b>237.351.539.584</b>
Người mua trả tiền trước dài hạn	332	22	4.882.461.916	10.740.759.952
Vay dài hạn	338	20(b)	217.257.590.967	226.610.779.632
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>808.498.987.769</b>	<b>580.743.898.648</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>23</b>	<b>808.498.987.769</b>	<b>580.743.898.648</b>
Vốn cổ phần	411	24	300.030.750.000	236.250.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		300.030.750.000	236.250.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	25	172.150.529.403	137.428.205.782
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		336.317.708.366	207.065.692.866
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		75.083.456.676	43.076.706.676
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		261.234.251.690	163.988.986.190
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>2.189.658.609.341</b>	<b>2.097.013.309.705</b>

Ngày 15 tháng 3 năm 2023

Người lập:



Phạm Anh Thảo  
Chuyên viên

Người duyệt:



Nguyễn Thị Tường Long  
Kế toán trưởng



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**

**Mẫu B 02 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*

*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	28	4.731.674.528.123	3.516.793.389.801
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	28	456.833.533	389.047.465
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>28</b>	<b>4.731.217.694.590</b>	<b>3.516.404.342.336</b>
Giá vốn hàng bán	11	29	4.201.920.685.457	3.182.660.217.673
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>529.297.009.133</b>	<b>333.744.124.663</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	95.894.369.579	37.162.875.797
Chi phí tài chính	22	31	70.105.296.851	6.187.860.415
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>19.171.199.985</i>	<i>10.313.660.066</i>
Chi phí bán hàng	25	32	98.183.836.585	84.239.742.842
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	134.056.380.280	99.952.758.565
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))</b>	<b>30</b>		<b>322.845.864.996</b>	<b>180.526.638.638</b>
Thu nhập khác	31	34	6.362.747.859	4.024.111.957
Chi phí khác	32	35	1.153.142.764	1.478.384.445
<b>Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>5.209.605.095</b>	<b>2.545.727.512</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>328.055.470.091</b>	<b>183.072.366.150</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	37	73.548.865.542	19.083.379.960
<b>Lợi ích thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>52</b>		<b>(6.727.647.141)</b>	<b>-</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>261.234.251.690</b>	<b>163.988.986.190</b>

Ngày 15 tháng 3 năm 2023

Người lập:

Phạm Anh Thảo  
Chuyên viên

Nguyễn Thị Tường Long  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



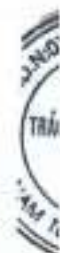
*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

Mẫu B 03 - DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01		328.055.470.091	183.072.366.150
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		104.704.395.238	107.006.872.701
Các khoản dự phòng	03		38.439.458.031	(16.999.004.861)
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		9.227.868.797	(1.586.429.643)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(21.939.142.916)	(6.727.082.714)
Chi phí lãi vay	06		19.171.199.985	10.313.660.066
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>477.659.249.226</b>	<b>275.080.381.699</b>
Biến động các khoản phải thu	09		79.820.765.853	(186.750.267.583)
Biến động hàng tồn kho	10		(155.746.630.794)	(299.704.511.361)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(133.794.490.511)	213.339.930.851
Biến động chi phí trả trước	12		(12.807.156.885)	(1.656.947.713)
			<b>255.131.736.889</b>	<b>308.585.893</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(19.165.260.806)	(10.197.829.399)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(52.827.436.568)	(12.844.514.807)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		381.616.911	437.134.054
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(11.788.150.966)	(6.698.901.349)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>171.732.505.460</b>	<b>(28.995.525.608)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(135.307.546.418)	(83.548.713.757)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		4.324.814.074	218.636.364
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(272.382.440.000)	(209.550.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		244.199.100.000	113.772.000.000
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27		19.737.559.401	5.216.659.457
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(139.428.512.943)</b>	<b>(173.891.417.936)</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này







**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

**I. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

**(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng may mặc, vải, sợi chỉ khâu, các loại thiết bị, nguyên phụ liệu, phụ tùng ngành dệt may.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

12/2022

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(d) Cấu trúc Tổng Công ty**

Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 bao gồm Tổng Công ty và các đơn vị hạch toán phụ thuộc sau của Tổng Công ty:

<b>Tên</b>	<b>Thông tin chính</b>
• Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ tại Thành phố Hồ Chí Minh	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-001 ngày 27 tháng 12 năm 2013 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty
• Chi nhánh Thành phố Hà Nội - Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-003 ngày 21 tháng 10 năm 2015 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty
• Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ - Công ty May Hòa Thọ Điện Bàn	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-004 ngày 14 tháng 3 năm 2007 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty
• Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ - Công ty May Hòa Thọ - Đông Hà	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Trị theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-008 ngày 18 tháng 5 năm 2007 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty
• Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ tại Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-009 ngày 31 tháng 8 năm 2016 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty
• Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ - Nhà máy May Hòa Thọ - Quảng Ngãi	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ngãi theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-014 ngày 31 tháng 10 năm 2016 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty
• Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ - Nhà máy May Quế Sơn - Quảng Nam	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-019 ngày 29 tháng 3 năm 2019 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty
• Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ - Nhà máy May Hòa Thọ Triệu Phong	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Trị theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-020 ngày 29 tháng 7 năm 2020 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty có 5 công ty con và 2 công ty liên kết (1/1/2022: 5 công ty con và 2 công ty liên kết), được liệt kê trong Thuyết minh 5(b).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty có 9.410 nhân viên (1/1/2022: 8.877 nhân viên).

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Tổng Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### **(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

## **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

### **(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

W  
a  
/  
m  
/ 5 //

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(c) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban điều hành Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(ii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết**

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ tài sản khác	2 – 5 năm

**(g) Tài sản cố định vô hình**

**Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

11/01/2023

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(h) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Tổng Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(i) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo các quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(ii) Chi phí trả trước dài hạn khác**

Chi phí trả trước dài hạn khác chủ yếu bao gồm các chi phí thuê và sửa chữa cải tạo tài sản. Chi phí trả trước dài hạn khác ban đầu được thể hiện theo nguyên giá, và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 3 năm.

**(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(k) Vốn cổ phần**

**Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(l) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trước hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

MAH \* KQ

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(m) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

**(ii) Doanh thu dịch vụ gia công**

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(iv) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

**(n) Thuê tài sản**

**(i) Tài sản thuê**

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê của Tổng Công ty, với tư cách là bên thuê, không nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu, được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán riêng của Tổng Công ty.



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

**(o) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

**(p) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**(q) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính trước hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty trong năm trước.

**4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Tiền mặt	83.888.000	46.866.000
Tiền gửi ngân hàng	8.702.287.645	36.451.630.869
	8.786.175.645	36.498.496.869



III  
 VI  
 )N  
 III  
 PI  
 /E  
 III

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**5. Các khoản đầu tư tài chính**

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm, với lãi suất năm từ 4,9% đến 11,2% (1/1/2022: từ 3,3% đến 5,55%).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn có giá trị ghi sổ là 43.000 triệu VND (1/1/2022: 30.000 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Tổng Công ty (Thuyết minh 20).

11/01/2023

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Địa chỉ	31/12/2022					1/1/2022				
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Đầu tư góp vốn vào:</b>										
<i>Công ty con</i>										
Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ Đà Nẵng	442.088	76,88%	76,88%	2.667.900.000	-	384.424	76,88%	76,88%	2.667.900.000	-
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Hội An Quảng Nam	541.800	54,18%	54,18%	5.418.000.000	-	541.800	54,18%	54,18%	5.418.000.000	(268.860.364)
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Duy Xuyên Quảng Nam	817.300	81,73%	81,73%	8.173.000.000	-	817.300	81,73%	81,73%	8.173.000.000	-
Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ - Thăng Bình Quảng Nam	7.449.000	74,49%	74,49%	74.490.000.000	-	7.449.000	74,49%	74,49%	74.490.000.000	-
Công ty TNHH MTV Cơ khí Xây dựng Hòa Thọ Đà Nẵng	-	100%	100%	2.000.000.000	-	-	100%	100%	2.000.000.000	(340.046.437)
				92.748.900.000	-				92.748.900.000	(608.906.801)
<i>Công ty liên kết</i>										
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam Quảng Nam	642.800	32,14%	32,14%	6.428.000.000	-	642.800	32,14%	32,14%	6.428.000.000	-
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh Quảng Nam	400.000	20,00%	20,00%	4.000.000.000	(3.436.524.490)	400.000	20,00%	20,00%	4.000.000.000	(4.000.000.000)
				10.428.000.000	(3.436.524.490)				10.428.000.000	(4.000.000.000)



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Địa chỉ	31/12/2022					1/1/2022					
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	
<i>Đơn vị khác</i>											
Công ty Cổ phần Bông vải Miền Trung	Khánh Hòa	65.000	7,12%	7,12%	855.702.000	(505.678.651)	65.000	7,12%	7,12%	855.702.000	(209.144.006)
Công ty Cổ phần Bao bì Hòa Thọ Quảng Đà	Quảng Nam	60.000	10,91%	10,91%	600.000.000	-	60.000	10,91%	10,91%	600.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dệt May TP. Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	630.000	14,00%	14,00%	6.300.000.000	(6.300.000.000)	630.000	14,00%	14,00%	6.300.000.000	(6.300.000.000)
					<u>7.755.702.000</u>	<u>(6.805.678.651)</u>				<u>7.755.702.000</u>	<u>(6.509.144.006)</u>
					<u>110.932.602.000</u>	<u>(10.242.203.141)</u>				<u>110.932.602.000</u>	<u>(11.118.050.807)</u>

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn**

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Motives International (Hong Kong) Limited	139.903.797.596	139.699.775.309
Haggar Clothing Co.	91.560.398.308	126.145.167.202
Các khách hàng khác	192.556.274.720	216.014.749.148
	424.020.470.624	481.859.691.659

**(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan**

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
<b>Công ty mẹ</b>		
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	159.181.030	131.545.680
<b>Các công ty con</b>		
Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ - Thăng Bình	-	20.152.327.807
Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ	967.686.893	753.141.799
<b>Các bên liên quan khác trong</b>		
<b>Tập đoàn Dệt May Việt Nam</b>		
Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP	12.829.156	-
	1.139.697.079	21.037.015.286

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**7. Phải thu khác**

**(a) Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:**

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	104.481.000	227.896.000
Tạm ứng nhân viên	1.001.992.550	1.128.256.220
Thuế nhập khẩu tạm nộp	1.207.210.507	1.190.743.899
Phải thu khác	1.596.346.127	2.393.783.192
	3.910.030.184	4.940.679.311

**(b) Các khoản phải thu dài hạn khác bao gồm:**

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Ký quỹ	2.450.000.000	2.450.000.000
Đặt cọc thuê mặt bằng	587.166.545	515.330.014
	3.037.166.545	2.965.330.014

**8. Phải thu về cho vay dài hạn**

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
<b>Bên liên quan - công ty liên kết</b>		
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh (*)	7.028.580.000	-
<b>Các bên khác</b>		
Phải thu dài hạn khác	585.700.000	994.100.000
	7.614.280.000	994.100.000

(\*) Khoản cho vay không có đảm bảo, hưởng lãi suất 6,0%/năm và sẽ được thu hồi trong vòng 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên 25 tháng 1 năm 2022.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**9. Nợ xấu và nợ khó đòi**

	Thời gian quá hạn	31/12/2022			Thời gian quá hạn	1/1/2022		
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn Công ty TNHH Dịch vụ - Thương mại Duyên Đạt Công ty TNHH May Phú Tường	Trên 3 năm	4.833.744.036	(4.833.744.036)	-	Trên 3 năm	4.833.744.036	(4.833.744.036)	-
	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	2.880.547.450	(2.016.383.215)	864.164.235	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	2.880.547.450	(1.440.273.725)	1.440.273.725
		<u>7.714.291.486</u>	<u>(6.850.127.251)</u>	<u>864.164.235</u>		<u>7.714.291.486</u>	<u>(6.274.017.761)</u>	<u>1.440.273.725</u>

*Trong đó:*

Dự phòng phải thu khó đòi

(6.850.127.251)

(6.274.017.761)

HKT \* HKT

HKT \* MSA

Ngày 12/01/2023

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**10. Hàng tồn kho**

	31/12/2022		1/1/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	52.541.559.276	(3.003.582.802)	118.211.431.983	-
Nguyên vật liệu	268.221.295.749	(27.329.065.941)	219.271.690.066	-
Công cụ và dụng cụ	503.052.362	-	1.041.594.692	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	409.137.240.148	(3.305.586.963)	367.984.127.880	-
Thành phẩm	30.869.501.745	(5.515.052.190)	13.223.229.190	(402.545.886)
Hàng hóa	4.996.418.735	(9.072.423)	4.323.949.715	(20.618.226)
Hàng gửi đi bán	159.037.053.694	-	45.503.467.389	-
	<b>925.306.121.709</b>	<b>(39.162.360.319)</b>	<b>769.559.490.915</b>	<b>(423.164.112)</b>

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 có 176.055 triệu VND (1/1/2022: 1.941 triệu VND) hàng mua đang đi đường, nguyên vật liệu, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, thành phẩm và hàng hóa được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 711.182 triệu VND (1/1/2022: 577.807 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty (Thuyết minh 20(a)).



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**11. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	356.353.313.737	972.484.518.436	64.282.257.190	7.717.936.860	93.474.075.614	1.494.312.101.837
Tăng trong năm	1.311.388.553	22.251.464.525	4.722.993.055	836.973.482	2.387.361.650	31.510.181.265
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	39.861.467.905	68.253.801.102	9.403.818.519	-	5.289.725.336	122.808.812.862
Phân loại lại	-	(3.406.316.277)	3.406.316.277	-	-	-
Thanh lý	-	(25.858.277.957)	(86.366.537)	(119.365.418)	(31.000.000)	(26.095.009.912)
Điều chỉnh lại	-	276.078.636	402.048.419	-	-	678.127.055
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>397.526.170.195</b>	<b>1.034.001.268.465</b>	<b>82.131.066.923</b>	<b>8.435.544.924</b>	<b>101.120.162.600</b>	<b>1.623.214.213.107</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	150.875.636.735	759.449.870.162	35.866.737.409	6.254.175.210	78.356.611.642	1.030.803.031.158
Khấu hao trong năm	20.509.304.929	68.278.244.263	7.207.714.892	598.349.275	7.372.239.684	103.965.853.043
Phân loại lại	-	(908.635.388)	908.635.388	-	-	-
Thanh lý	-	(21.966.661.887)	(67.066.389)	(119.365.418)	(31.000.000)	(22.184.093.694)
Điều chỉnh lại	-	276.078.636	402.048.419	-	-	678.127.055
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>171.384.941.664</b>	<b>805.128.895.786</b>	<b>44.318.069.719</b>	<b>6.733.159.067</b>	<b>85.697.851.326</b>	<b>1.113.262.917.562</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu năm	205.477.677.002	213.034.648.274	28.415.519.781	1.463.761.650	15.117.463.972	463.509.070.679
Số dư cuối năm	226.141.228.531	228.872.372.679	37.812.997.204	1.702.385.857	15.422.311.274	509.951.295.545

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 có các tài sản có nguyên giá 747.161 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2022: 636.749 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 205.466 triệu VND (1/1/2022: 213.900 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Tổng Công ty (Thuyết minh 20).

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm	10.286.602.913
Tăng trong năm	1.390.386.113
	<hr/>
Số dư cuối năm	11.676.989.026
	<hr/>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	8.412.752.343
Khấu hao trong năm	738.542.195
	<hr/>
Số dư cuối năm	9.151.294.538
	<hr/>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm	1.873.850.570
Số dư cuối năm	2.525.694.488
	<hr/>

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 7.293 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (1/1/2022: 6.518 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**13. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2022 VND</b>	<b>2021 VND</b>
Số dư đầu năm	14.352.120.576	3.708.155.197
Tăng trong năm	122.273.174.482	47.236.908.505
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(122.808.812.862)	(36.215.631.979)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(377.311.147)
	13.816.482.196	14.352.120.576

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	<b>31/12/2022 VND</b>	<b>1/1/2022 VND</b>
Máy móc thiết bị sọt	13.367.742.196	12.685.845.477
Các công trình khác	448.740.000	1.666.275.099
	13.816.482.196	14.352.120.576

**14. Chi phí trả trước**

**(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<b>31/12/2022 VND</b>	<b>1/1/2022 VND</b>
Trả trước phí bảo hiểm	2.574.658.590	2.061.385.644
Công cụ và dụng cụ	912.584.029	2.360.097.644
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	498.110.110	592.958.334
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	3.648.444.699	3.223.031.842
	7.633.797.428	8.237.473.464

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Chi phí trả trước dài hạn**

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí trả trước dài hạn khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	10.859.368.372	9.689.131.127	20.548.499.499
Tăng trong năm	13.565.700.540	14.462.665.257	28.028.365.797
Thanh lý	(121.132.647)	-	(121.132.647)
Phân bổ trong năm	(10.493.550.120)	(4.002.850.109)	(14.496.400.229)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>13.810.386.145</b>	<b>20.148.946.275</b>	<b>33.959.332.420</b>

**15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	Thuế suất	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	20%	6.727.647.141	-

**16. Phải trả người bán ngắn hạn**

**(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ 31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Hultafors Group AB	41.205.311.087	44.776.318.875
Kwong Lung Enterprise Co., Ltd	12.736.138.715	36.430.638.305
Các nhà cung cấp khác	187.907.332.560	224.733.447.284
	<b>241.848.782.362</b>	<b>305.940.404.464</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
<b>Công ty mẹ</b>		
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	5.023.685.489	16.103.745.493
<b>Công ty con</b>		
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ Hội An	4.153.784.843	432.345.338
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Duy Xuyên	3.465.355.989	-
Công ty TNHH MTV Cơ khí Xây dựng Hòa Thọ	607.009.382	230.670.451
<b>Công ty liên kết</b>		
Công ty Cổ phần May Hoà Thọ - Quảng Nam	18.462.790.590	8.334.074.082
<b>Các bên liên quan khác trong Tập đoàn Dệt May Việt Nam</b>		
Công ty TNHH Coats Phong Phú	3.129.482.421	2.430.308.000
	<b>34.842.108.714</b>	<b>27.531.143.364</b>

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**17. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước**

**(a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2022 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/bù trừ trong năm VND	31/12/2022 VND
Thuế giá trị gia tăng	6.394.335.148	125.968.725.669	(129.562.553.302)	2.800.507.515
Thuế nhập khẩu	207.330.386	7.243.050.691	(7.393.401.039)	56.980.038
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.827.436.568	73.548.865.542	(52.827.436.568)	29.548.865.542
Thuế thu nhập cá nhân	139.964.145	5.293.947.791	(4.703.567.942)	730.343.994
Các loại thuế khác	-	13.535.417.971	(13.535.417.971)	-
	<b>15.569.066.247</b>	<b>225.590.007.664</b>	<b>(208.022.376.822)</b>	<b>33.136.697.089</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	1/1/2022 VND	Số phát sinh trong năm VND	Phân loại lại VND	31/12/2022 VND
Thuế đất phi nông nghiệp	-	4.265.704	-	4.265.704

**18. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Chi phí hoạt động	3.738.602.057	1.388.294.431
Chi phí lãi vay	273.801.697	267.862.518
Các khoản trích trước khác	763.806.411	1.347.553.658
	4.776.210.165	3.003.710.607

**19. Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Kinh phí công đoàn	15.063.335.443	16.519.345.858
Phải trả nguyên vật liệu	-	5.663.211.997
Cổ tức phải trả	1.034.694.600	977.426.600
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	165.000.000
Quỹ ái hữu, quỹ tương trợ	832.771.781	832.771.781
Ứng trước từ khách hàng cho các khoản chi hộ	2.506.906.124	2.703.517.178
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.820.159.266	2.022.395.523
	23.257.867.214	28.883.668.937

1/1/2022: 1.347.553.658

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**20. Vay**

**(a) Vay ngắn hạn**

	1/1/2022 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Biến động trong năm Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND	31/12/2022 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	488.632.814.504	3.702.815.314.311	(3.717.934.768.015)	(6.646.737.752)	466.866.623.048
Vay dài hạn đến hạn trả (b)	21.256.930.463	16.207.536.678	(21.256.930.462)	81.534.401	16.289.071.080
	509.889.744.967	3.719.022.850.989	(3.739.191.698.477)	(6.565.203.351)	483.155.694.128

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Vay ngân hàng 1 (i)	USD	3,7%	315.182.355.128	205.675.587.086
Vay ngân hàng 2 (i)	USD	3,7 - 4,2%	58.616.896.720	77.942.926.642
Vay ngân hàng 3 (i)	USD	1,56%	-	37.633.249.507
Vay ngân hàng 4 (i)	USD	1,40%	-	167.132.051.269
Vay ngân hàng 5 (i)	VND	2,1% - 2,2%	44.392.085.507	-
Vay ngân hàng 6 (ii)	VND	3,7%	48.375.285.693	-
Vay Ban liên lạc hưu trí (ii)	VND	8,4%	300.000.000	249.000.000
			466.866.623.048	488.632.814.504

(i) Các khoản vay này được đảm bảo bằng hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn (Thuyết minh số 5(a)), một số hàng tồn kho (Thuyết minh 10) và tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty (Thuyết minh 11).

(ii) Các khoản vay này không được đảm bảo.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Vay dài hạn**

	<b>31/12/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vay dài hạn	233.546.662.047	247.867.710.095
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(16.289.071.080)	(21.256.930.463)
	217.257.590.967	226.610.779.632

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2022	1/1/2022
				<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vay ngân hàng 1 (i)	USD	5,0%	2022	-	5.588.879.756
Vay ngân hàng 2 (i)	VND	6,83%	2024	20.000.000.000	30.000.000.000
Quỹ bảo vệ môi trường (i)	VND	2,6%	2025	4.030.000.000	5.270.000.000
Tập đoàn Dệt May Việt Nam – Công ty mẹ (iii)	USD	SOFR + 0,7%	2039	209.516.662.047	207.008.830.339
				233.546.662.047	247.867.710.095

- (i) Các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình và hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn của Tổng Công ty (Thuyết minh 11 và Thuyết minh 5(a)).
- (ii) Khoản vay này không được đảm bảo.
- (iii) Đây là khoản vay được Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho vay lại từ nguồn vốn vay của Ngân hàng Phát triển Châu Á ("ADB") và có hạn mức là 9.042.587 USD.

11/2022



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	<b>2022</b> <b>VND</b>	<b>2021</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	68.752.372.828	72.523.791.358
Trích lập trong năm (Thuyết minh 23)	9.854.162.569	2.540.348.765
Tăng khác	381.616.911	437.134.054
Sử dụng trong năm	(11.845.350.966)	(6.748.901.349)
Số dư cuối năm	<u>67.142.801.342</u>	<u>68.752.372.828</u>

**22. Người mua trả tiền trước dài hạn**

Khoản người mua trả tiền trước dài hạn từ Motives International (Hong Kong) Limited (“Motives”) được dùng để đầu tư dây chuyền thiết bị mở rộng sản xuất nhằm đáp ứng nhu cầu của Motives. Số tiền ứng trước này đã được cần trừ dần kể từ năm 2017 đến 31 tháng 12 năm 2025.

M  
S  
T  
K  
/ 2  
H  
U  
P  
[K]

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***23. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021</b>	225.000.000.000	128.382.421.384	88.412.839.839	441.795.261.223
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	163.988.986.190	163.988.986.190
Phát hành cổ phiếu	11.250.000.000	-	-	11.250.000.000
Phân bổ vào các quỹ	-	9.045.784.398	(9.045.784.398)	-
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	(33.750.000.000)	(33.750.000.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(2.540.348.765)	(2.540.348.765)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022</b>	236.250.000.000	137.428.205.782	207.065.692.866	580.743.898.648
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	261.234.251.690	261.234.251.690
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	34.722.323.621	(34.722.323.621)	-
Cổ tức bằng cổ phiếu (Thuyết minh 26)	63.780.750.000	-	(63.780.750.000)	-
Cổ tức (Thuyết minh 26)	-	-	(23.625.000.000)	(23.625.000.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(9.854.162.569)	(9.854.162.569)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022</b>	300.030.750.000	172.150.529.403	336.317.708.366	808.498.987.769

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**24. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	31/12/2022		1/1/2022	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	30.003.075	300.030.750.000	23.625.000	236.250.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	30.003.075	300.030.750.000	23.625.000	236.250.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	30.003.075	300.030.750.000	23.625.000	236.250.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Vốn cổ phần đã phát hành và đang lưu hành của các cổ đông như sau:

	31/12/2022			1/1/2022		
	Đã phát hành và đang lưu hành			Đã phát hành và đang lưu hành		
	Số cổ phiếu	VND	%	Số cổ phiếu	VND	%
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	18.561.838	185.618.380.000	61,87%	14.615.621	146.156.210.000	61,87%
Các cổ đông khác	11.441.237	114.412.370.000	38,13%	9.009.379	90.093.790.000	38,13%
	30.003.075	300.030.750.000	100%	23.625.000	236.250.000.000	100%

Công ty mẹ, Tập đoàn Dệt May Việt Nam, được thành lập tại Việt Nam.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2022		2021	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	23.625.000	236.250.000.000	22.500.000	225.000.000.000
Cổ phiếu phát hành trong năm	6.378.075	63.780.750.000	1.125.000	11.250.000.000
Số dư cuối năm	30.003.075	300.030.750.000	23.625.000	236.250.000.000

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**25. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**26. Cổ tức**

Tại cuộc họp ngày 16 tháng 4 năm 2022, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức bằng tiền trị giá 23.625 triệu VND (tương đương tỷ lệ chia 10%) và cổ tức bằng cổ phiếu trị giá 63.780 triệu VND (tương đương tỷ lệ chia 27%) cho năm 2021 (2021: 33.750 triệu VND cho năm 2020, tương đương 15% vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020).

**27. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Trong vòng một năm	27.707.500.628	20.540.730.148
Trong vòng hai đến năm năm	106.297.912.629	77.343.171.463
Sau năm năm	145.951.449.554	96.420.735.773
	279.956.862.811	194.304.637.384

**(b) Ngoại tệ các loại**

	31/12/2022		1/1/2022	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	56.757	1.328.445.938	101.325	2.294.822.989
EUR	-	-	221	5.616.408
		1.328.445.938		2.300.439.397

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty có các cam kết vốn các dự án đầu tư sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán riêng:

	<b>31/12/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	43.100.000.000	31.020.000.000
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	5.742.000.000	27.417.600.000
	48.842.000.000	58.437.600.000

**28. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<b>2022</b>	<b>2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tổng doanh thu</b>		
▪ Doanh thu bán hàng và gia công hàng may mặc	4.726.679.520.127	3.512.626.181.727
▪ Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	4.995.007.996	4.167.208.074
	4.731.674.528.123	3.516.793.389.801
<b>Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
▪ Hàng bán bị trả lại	(456.833.533)	(389.047.465)
<b>Doanh thu thuần</b>	4.731.217.694.590	3.516.404.342.336

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**29. Giá vốn hàng bán**

	<b>2022</b> <b>VND</b>	<b>2021</b> <b>VND</b>
Giá vốn hàng hóa và dịch vụ gia công và may mặc	4.160.240.525.237	3.184.334.259.919
Giá vốn dịch vụ khác	2.940.964.013	2.533.180.219
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	38.950.588.617	211.392.410
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(211.392.410)	(4.418.614.875)
	<b>4.201.920.685.457</b>	<b>3.182.660.217.673</b>

**30. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2022</b> <b>VND</b>	<b>2021</b> <b>VND</b>
Lãi tiền gửi và cho vay	12.120.559.401	4.781.869.457
Cổ tức được chia	8.902.600.000	1.720.390.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	74.848.305.046	29.065.907.324
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	1.586.429.643
Chiết khấu thanh toán	22.905.132	8.279.373
	<b>95.894.369.579</b>	<b>37.162.875.797</b>

**31. Chi phí tài chính**

	<b>2022</b> <b>VND</b>	<b>2021</b> <b>VND</b>
Chi phí lãi vay	19.171.199.985	10.313.660.066
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	42.582.075.735	9.805.774.970
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	9.227.868.797	-
Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư	(875.847.666)	(13.931.574.621)
	<b>70.105.296.851</b>	<b>6.187.860.415</b>



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**32. Chi phí bán hàng**

	2022 VND	2021 VND
Chi phí nhân viên	4.069.150.122	3.735.145.558
Chi phí vật liệu, bao bì	802.928.434	637.898.653
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	67.377.458	186.088.092
Chi phí dịch vụ mua ngoài	78.196.784.738	68.148.107.585
Chi phí khác	15.047.595.833	11.532.502.954
	98.183.836.585	84.239.742.842

**33. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	2022 VND	2021 VND
Chi phí nhân viên	60.350.242.241	51.951.052.865
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.489.962.901	2.515.300.188
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.771.425.507	10.788.965.039
Thuế, phí và lệ phí	11.966.336.298	3.695.808.306
Dự phòng phải thu khó đòi	576.109.490	1.139.792.225
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.544.735.352	14.187.979.480
Chi phí khác	23.357.568.491	15.673.860.462
	134.056.380.280	99.952.758.565

**34. Thu nhập khác**

	2022 VND	2021 VND
Lãi do thanh lý tài sản cố định	915.983.515	224.823.257
Khoản hỗ trợ từ khách hàng và nhà cung cấp	2.497.702.339	2.495.884.714
Các khoản thu nhập khác	2.949.062.005	1.303.403.986
	6.362.747.859	4.024.111.957



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**35. Chi phí khác**

	<b>2022</b> <b>VND</b>	<b>2021</b> <b>VND</b>
Tiền phạt hợp đồng, chậm nộp thuế	190.806.727	523.888.337
Các khoản chi phí khác	962.336.037	954.496.108
	<b>1.153.142.764</b>	<b>1.478.384.445</b>

**36. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2022</b> <b>VND</b>	<b>2021</b> <b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	2.598.169.044.348	1.851.988.814.901
Chi phí nhân viên	1.211.159.937.167	1.026.132.967.374
Chi phí khấu hao và phân bổ	104.704.395.238	107.006.872.701
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	576.109.490	1.139.792.225
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	669.540.939.363	466.010.201.923

**37. Thuế thu nhập**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng**

	<b>2022</b> <b>VND</b>	<b>2021</b> <b>VND</b>
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Năm hiện hành	73.548.865.542	19.081.373.230
Dự phòng thiếu năm trước	-	2.006.730
	<b>73.548.865.542</b>	<b>19.083.379.960</b>
<b>Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh các khoản chênh lệch tạm thời	(6.727.647.141)	-
	<b>66.821.218.401</b>	<b>19.083.379.960</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	2022 VND	2021 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	328.055.470.091	183.072.366.150
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	65.611.094.018	18.307.236.615
Dự phòng thiếu năm trước	-	2.006.730
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác	-	419.127.223
Chi phí không được khấu trừ thuế	587.482.693	236.280.346
Thu nhập không bị tính thuế	(1.780.520.000)	(172.039.000)
Chênh lệch tạm thời không được ghi nhận	2.755.099.649	290.768.046
Giảm thuế (*)	(351.937.959)	-
	66.821.218.401	19.083.379.960

(\*) Tổng Công ty được giảm thuế theo quy định tại Điều 21, Thông tư số 78/2014/TT-BTC hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp. Theo đó, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, xây dựng, vận tải sử dụng từ 10 đến 100 lao động nữ, trong đó số lao động nữ chiếm trên 50% tổng số lao động có mặt thường xuyên hoặc sử dụng thường xuyên trên 100 lao động nữ mà số lao động nữ chiếm trên 30% tổng số lao động có mặt thường xuyên của doanh nghiệp được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tương ứng với số tiền thực chi thêm cho lao động nữ.

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm tính từ năm 2007 (2007 - 2021) và mức thuế suất thông thường cho những năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cũng cho phép Tổng Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2007 đến năm 2010) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (2011 - 2019).

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 20%.



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**38. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm, Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2022 VND	2021 VND
<b>Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam</b>		
Cổ tức công bố và đã trả	14.615.621.000	21.923.431.500
Bán hàng hóa và dịch vụ	2.435.733.519	1.751.710.000
Mua hàng hóa và dịch vụ	16.958.594.950	19.359.892.147
Chi phí quản lý khoản vay và lãi vay	6.454.974.769	3.507.645.104
Mua tài sản cố định	32.600.000.000	-
<b>Các công ty con</b>		
<b>Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	5.025.940.244	4.314.704.352
Mua hàng hóa và dịch vụ	2.859.429.700	945.760.000
Cổ tức nhận được	-	266.790.000
<b>Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Hội An</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	1.350.723.157	879.089.008
Mua hàng hóa và dịch vụ	60.913.110.669	51.015.432.298
Bán tài sản cố định	260.306.165	21.167.992
<b>Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Duy Xuyên</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	367.469.364	715.430.641
Mua hàng hóa và dịch vụ	60.293.426.248	43.470.911.981
Bán tài sản cố định	12.287.000	87.459.874
<b>Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ - Thăng Bình</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	55.129.720.446	69.220.083.174
Mua hàng hóa và dịch vụ	3.020.567.760	1.985.606.784
Bán tài sản cố định	3.500.000.000	-
<b>Công ty TNHH MTV Cơ Khí Xây Dựng Hòa Thọ</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	111.106.985	14.876.562
Mua hàng hóa và dịch vụ	6.642.531.407	2.817.469.436
<b>Các công ty liên kết</b>		
<b>Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	467.379.207	281.544.123
Mua hàng hóa và dịch vụ	108.394.147.998	74.639.037.251
Cổ tức nhận được thông qua bù trừ công nợ	1.285.600.000	1.285.600.000
<b>Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	1.307.845.359	1.240.096.005
Mua hàng hóa và dịch vụ	89.428.986.872	56.109.803.069
Bán tài sản cố định	229.492.494	113.447.714

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2022 VND	2021 VND
<b>Các công ty liên quan khác trong Tập đoàn Dệt May Việt Nam</b>		
<b><i>Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP</i></b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	11.878.848	883.181.123
Mua hàng hóa và dịch vụ	18.660.326	23.452.541
<b><i>Công ty TNHH Coats Phong Phú</i></b>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	19.460.621.212	17.421.150.091
<b><i>Công ty Cổ phần Dệt May Huế</i></b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	129.818.201	11.397.722.272
Mua hàng hóa và dịch vụ	41.496.000	11.250.850.800
<b>Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi của người quản lý chủ chốt</b>		
<b><i>Tổng Giám đốc</i></b>		
Tiền lương và thưởng	1.748.248.966	1.314.157.804
<b><i>Thành viên khác trong Ban điều hành</i></b>		
Tiền lương và thưởng	10.409.920.957	8.532.802.196
<b><i>Thành viên Ban kiểm soát</i></b>		
Lương, thưởng và thù lao	494.876.729	463.587.917
<b><i>Chủ tịch Hội đồng Quản trị</i></b>		
Lương và thù lao	2.277.829.021	2.033.060.001
<b><i>Thành viên 1 của Hội đồng Quản trị</i></b>		
Thù lao và thưởng	133.333.333	133.333.334
<b><i>Thành viên 2 của Hội đồng Quản trị</i></b>		
Thù lao	66.666.668	66.666.667
<b><i>Thành viên 3 của Hội đồng Quản trị</i></b>		
Thù lao	66.666.668	66.666.667
<b><i>Thành viên 4 của Hội đồng Quản trị</i></b>		
Thù lao và thưởng	322.222.219	299.999.997
<b><i>Thành viên 5 của Hội đồng Quản trị</i></b>		
Thù lao	66.666.668	66.666.667

136  
 CỎ  
 30  
 KI  
 1/16

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**39. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính**

	2022 VND	2021 VND
Cổ tức nhận được thông qua bù trừ công nợ	1.285.600.000	1.285.600.000
Bán tài sản cố định thông qua bù trừ công nợ	502.085.659	222.075.580
Chuyển từ quỹ khen thưởng phúc lợi sang vay ngắn hạn	57.200.000	50.000.000

**40. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Ngày 15 tháng 3 năm 2023

Người lập:



Phạm Anh Thảo  
 Chuyên viên

Người duyệt:



Nguyễn Thị Tường Long  
 Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hải  
 Giám đốc











TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM  
TỔNG CÔNG TY CP DỆT MAY HOÀ THỌ  
☎☎☎

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC  
☎☎☎



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
KIỂM TOÁN HỢP NHẤT  
6 THÁNG NĂM 2023**





**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2023



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận**

**Đăng ký Doanh nghiệp số** 0400101556

ngày 30 tháng 1 năm 2007

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0400101556 ngày 19 tháng 6 năm 2023. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Đức Trí	Chủ tịch
Bà Trần Tường Anh	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Bình	Thành viên
Ông Lê Quốc Ân	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Hải	Thành viên

**Ban Kiểm soát**

Bà Nguyễn Thị Kim Khanh	Trưởng ban
Ông Nguyễn Thanh Sơn	Thành viên
Ông Hoàng Duy Khánh	Thành viên
	<i>(từ ngày 15 tháng 4 năm 2023)</i>
Ông Vũ Ngọc Tú	Thành viên
	<i>(đến ngày 14 tháng 4 năm 2023)</i>

**Ban điều hành**

Ông Nguyễn Văn Hải	Tổng Giám đốc
Bà Hoàng Thùy Oanh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Tường Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Bình	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Hòa Châu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Ngọc Trung	Giám đốc điều hành
Ông Phan Quang Long	Giám đốc điều hành
Ông Nguyễn Phước Hoàng	Giám đốc điều hành
Ông Nguyễn Văn Cường	Giám đốc điều hành
Bà Nguyễn Thị Minh Hằng	Giám đốc điều hành
	<i>(từ ngày 6 tháng 4 năm 2023)</i>
Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Giám đốc điều hành
	<i>(từ ngày 6 tháng 4 năm 2023)</i>
Bà Nguyễn Thị Tường Long	Kế toán trưởng

**Trụ sở đăng ký**

36 Ông Ích Đường  
Phường Hòa Thọ Đông, Quận Cẩm Lệ  
Thành phố Đà Nẵng  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Báo cáo của Ban điều hành**

Ban điều hành Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ ("Tổng Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Ban điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban điều hành Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 55 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban điều hành Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban điều hành Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

  
Thay mặt Ban điều hành  
Nguyễn Văn Hải  
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 8 năm 2023

Chứng thực bản sao đúng với bản chính  
Số: 003585 ..... Quyển số: 01/202...-SCT/BS

Ngày 14-08-2023

  
PHÒNG  
TU PHÁP

Trần Thị Bảo Khuyên



KPMG Limited  
46th Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Street, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi các Cổ đông  
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ ("Tổng Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban điều hành Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 10 tháng 8 năm 2023, được trình bày từ trang 5 đến trang 55.

### **Trách nhiệm của Ban điều hành**

Ban điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



## Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 23-04-00012-23-2



Trương Vinh Phúc  
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số: 1901-2023-007-1  
Phó Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2023

Trương Tuyết Mai  
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số: 2594-2019-007-1

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2023**

**Mẫu B 01a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2023 VND</b>	<b>1/1/2023 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>1.611.425.040.830</b>	<b>1.602.874.533.011</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>9</b>	<b>25.038.150.232</b>	<b>24.500.930.736</b>
Tiền	111		25.038.150.232	17.500.930.736
Các khoản tương đương tiền	112		-	7.000.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>228.740.964.000</b>	<b>139.255.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	10(a)	228.740.964.000	139.255.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>425.052.815.518</b>	<b>460.474.879.436</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	11	412.247.706.911	447.460.848.580
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		9.296.480.999	13.934.866.168
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	12	2.342.860.000	2.751.260.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	13(a)	6.875.756.954	4.054.277.249
Dự phòng phải thu khó đòi	137	14	(5.709.989.346)	(7.726.372.561)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>15</b>	<b>830.308.159.864</b>	<b>934.557.972.407</b>
Hàng tồn kho	141		850.720.715.229	987.079.062.487
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(20.412.555.365)	(52.521.090.080)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>102.284.951.216</b>	<b>44.085.750.432</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	19(a)	10.113.783.559	9.128.137.752
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		92.166.901.953	34.953.346.976
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	22(a)	4.265.704	4.265.704

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2023 VND</b>	<b>1/1/2023 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>759.736.284.055</b>	<b>791.788.014.279</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>9.227.320.545</b>	<b>10.651.446.545</b>
Phải thu về cho vay dài hạn	215	12	5.857.150.000	7.614.280.000
Phải thu dài hạn khác	216	13(b)	3.370.170.545	3.037.166.545
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>685.625.905.390</b>	<b>702.843.197.952</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	16	683.559.304.711	700.375.819.420
<i>Nguyên giá</i>	222		<i>2.015.631.422.006</i>	<i>1.984.326.610.724</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		<i>(1.332.072.117.295)</i>	<i>(1.283.950.791.304)</i>
Tài sản cố định vô hình	227	17	2.066.600.679	2.467.378.532
<i>Nguyên giá</i>	228		<i>12.593.614.322</i>	<i>12.593.614.322</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		<i>(10.527.013.643)</i>	<i>(10.126.235.790)</i>
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>812.800.000</b>	<b>13.816.482.196</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	18	812.800.000	13.816.482.196
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>10(b)</b>	<b>17.542.559.947</b>	<b>16.359.634.355</b>
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		16.592.536.598	15.409.611.006
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		7.755.702.000	7.755.702.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(6.805.678.651)	(6.805.678.651)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>46.527.698.173</b>	<b>48.117.253.231</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	19(b)	43.784.561.347	41.043.750.562
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	20	2.743.136.826	7.073.502.669
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>2.371.161.324.885</b>	<b>2.394.662.547.290</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 01a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>1.549.578.424.140</b>	<b>1.510.140.242.880</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.307.579.694.109</b>	<b>1.236.578.952.675</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	21	203.164.723.331	247.458.763.604
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		19.123.054.244	13.225.730.141
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	22(b)	43.213.727.523	34.928.852.934
Phải trả người lao động	314		279.011.424.862	311.860.046.804
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	23	7.855.169.380	5.896.536.953
Doanh thu chưa thực hiện – ngắn hạn	318		671.891.627	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	24	26.665.061.616	24.333.865.250
Vay ngắn hạn	320	25(a)	645.443.425.422	530.686.157.557
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	26	82.431.216.104	68.188.999.432
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>241.998.730.031</b>	<b>273.561.290.205</b>
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		3.512.912.296	4.882.461.916
Vay dài hạn	338	25(b)	238.485.817.735	268.678.828.289
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>821.582.900.745</b>	<b>884.522.304.410</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>27</b>	<b>821.582.900.745</b>	<b>884.522.304.410</b>
Vốn cổ phần	411	28	360.027.080.000	300.030.750.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		360.027.080.000	300.030.750.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		3.300.280.000	1.752.940.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	29	206.579.950.294	178.026.784.321
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		212.023.990.806	362.110.088.453
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		130.217.361.690	98.761.374.269
- LNST chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		81.806.629.116	263.348.714.184
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		39.651.599.645	42.601.741.636
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>2.371.161.324.885</b>	<b>2.394.662.547.290</b>

Ngày 10 tháng 8 năm 2023

Người lập:

Phạm Anh Thảo  
Chuyên viên

Người duyệt:

Nguyễn Thị Tường Long  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hải  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023**

Mẫu B 02a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	32	2.312.081.272.974	2.587.796.919.620
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	32	2.153.820.497	110.489.859
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	32	2.309.927.452.477	2.587.686.429.761
Giá vốn hàng bán	11	33	2.107.786.118.174	2.283.767.335.413
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>202.141.334.303</b>	<b>303.919.094.348</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	34	36.865.478.028	30.455.489.943
Chi phí tài chính	22	35	30.925.667.086	24.144.268.735
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>18.527.376.381</i>	<i>9.768.444.608</i>
Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24		1.825.725.592	910.306.519
Chi phí bán hàng	25	36	38.847.834.687	70.043.777.500
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	37	71.824.638.287	74.297.849.648
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26))</b>	<b>30</b>		<b>99.234.397.863</b>	<b>166.798.994.927</b>
Thu nhập khác	31	38	5.759.591.645	3.960.621.321
Chi phí khác	32	39	4.880.303.858	708.857.422
<b>Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>879.287.787</b>	<b>3.251.763.899</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>100.113.685.650</b>	<b>170.050.758.826</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	41	14.223.554.356	28.852.814.612
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	41	4.330.365.843	-
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (chuyển sang trang sau)</b>	<b>60</b>		<b>81.559.765.451</b>	<b>141.197.944.214</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 02a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 – 51 - 52) (trạng trước mang sang)	60		81.559.765.451	141.197.944.214
<b>Phân bổ cho:</b>				
Cổ đông của công ty mẹ	61		81.806.629.116	133.368.239.691
Cổ đông không kiểm soát	62		(246.863.665)	7.829.704.523
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				<b>Đã điều chỉnh lại</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	42	2.189	3.398

Ngày 10 tháng 8 năm 2023

Người lập:



Phạm Anh Thảo  
 Chuyên viên

Người duyệt:



Nguyễn Thị Tường Long  
 Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hải  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023**

**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01		100.113.685.650	170.050.758.826
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		62.540.707.583	62.948.909.906
Các khoản dự phòng	03		(34.124.917.930)	258.054.048
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		3.917.562.631	8.206.591.988
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(8.240.340.061)	(3.784.661.859)
Chi phí lãi vay	06		18.527.376.381	9.768.444.608
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>142.734.074.254</b>	<b>247.448.097.517</b>
Biến động các khoản phải thu	09		(15.663.669.478)	(51.341.094.196)
Biến động hàng tồn kho	10		136.358.347.258	(15.878.123.808)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(21.404.373.283)	11.244.058.969
Biến động chi phí trả trước	12		(3.770.261.818)	(3.395.231.415)
			<b>238.254.116.933</b>	<b>188.077.707.067</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(18.558.921.153)	(10.003.157.174)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	22	(30.993.045.087)	(23.435.311.104)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		21.639.419	56.290.577
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	26	(8.308.329.863)	(9.686.482.506)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>180.415.460.249</b>	<b>145.009.046.860</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(54.684.675.967)	(61.809.550.421)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		305.126.873	646.852.693
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(139.740.964.000)	(140.066.440.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		52.420.530.000	35.480.000.000
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27		2.836.771.663	2.230.307.539
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(138.863.211.431)</b>	<b>(163.518.830.189)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023****(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		1.828.042.294.245	1.970.446.054.130
Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.748.887.933.567)	(1.952.567.292.823)
Tiền trả cổ tức	36		(120.169.390.000)	(26.100.728.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(41.015.029.322)</b>	<b>(8.221.967.193)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>537.219.496</b>	<b>(26.731.750.522)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>24.500.930.736</b>	<b>58.586.417.754</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)</b>	<b>70</b>	<b>9</b>	<b>25.038.150.232</b>	<b>31.854.667.232</b>

Ngày 10 tháng 8 năm 2023

Người lập:

Phạm Anh Thảo  
Chuyên viên

Người duyệt:

Nguyễn Thị Tường Long  
Kế toán trưởngNguyễn Văn Hải  
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 bao gồm Tổng Công ty và các công ty con và các lợi ích của Tổng Công ty và các công ty con trong các công ty liên kết.

**(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Tổng Công ty và các công ty con là sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng may mặc, vải, sợi chỉ khâu, các loại thiết bị, nguyên phụ liệu, phụ tùng ngành dệt may.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(d) Cấu trúc Tổng Công ty**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Tổng Công ty có các công ty con và công ty liên kết sau:

STT	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Tổng Công ty	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Tổng Công ty	
		30/6/2023	1/1/2023
<b>Công ty con</b>			
1	Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ	76,88%	76,88%
2	Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Hội An	54,18%	54,18%
3	Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Duy Xuyên	81,73%	81,73%
4	Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ - Thăng Bình	74,49%	74,49%
5	Công ty TNHH MTV Cơ khí Xây dựng Hòa Thọ	100%	100%
<b>Công ty liên kết</b>			
1	Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam	30,61%	32,14%
2	Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh	20,00%	20,00%

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Tổng Công ty và các công ty con có 10.155 nhân viên (1/1/2023: 10.339 nhân viên).

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo tài chính lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo Phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty và các công ty con từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Riêng đối với báo cáo bộ phận, Tổng Công ty thực hiện trình bày số liệu làm tròn đến hàng nghìn (Thuyết minh 8).



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

### **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Tổng Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

#### **(a) Cơ sở hợp nhất**

##### **(i) Công ty con**

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

##### **(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tổng Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tổng Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu hợp nhất.

##### **(iii) Mất quyền kiểm soát**

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tổng Công ty dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác trong báo cáo tài chính hợp nhất. Lãi hoặc lỗ phát sinh từ sự kiện này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn, phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tổng Công ty vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

##### **(iv) Công ty liên kết**

Công ty liên kết là những công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể trực tiếp hoặc gián tiếp đến, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, gồm cả chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tổng Công ty được hưởng trong lãi hoặc lỗ của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tổng Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với công ty liên kết. Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong đơn vị nhận đầu tư phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của đơn vị nhận đầu tư mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v...).

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tổng Công ty phải chia sẽ vượt quá lợi ích của Tổng Công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tổng Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

**(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các số dư và giao dịch trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tổng Công ty tại các công ty liên kết này.

**(vi) Hợp nhất kinh doanh**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tổng Công ty. Sự kiểm soát tồn tại khi Tổng Công ty có quyền chi phối trực tiếp hoặc gián tiếp các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Giá phí hợp nhất kinh doanh (giá phí mua) gồm tổng của giá trị hợp lý, tại ngày trao đổi, của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận, các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày mua.

**(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**(c) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(d) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban điều hành Tổng Công ty và các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(ii) Đầu tư vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(e) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phân ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(f) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phân ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân giá quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tổng Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(g) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ tài sản khác	2 – 5 năm

**(h) Tài sản cố định vô hình**

***Phần mềm máy vi tính***

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

**(i) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Tổng Công ty và các công ty con không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(j) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng Công ty và các công ty con đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 50 năm.

**(ii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty và các công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo các quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(iii) Chi phí trả trước dài hạn khác**

Chi phí trả trước dài hạn khác chủ yếu bao gồm các chi phí thuê và sửa chữa cải tạo tài sản. Chi phí trả trước dài hạn khác ban đầu được thể hiện theo nguyên giá, và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 10 năm.

**(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(l) Dự phòng**

Trừ những khoản dự phòng được định nghĩa ở các thuyết minh khác, một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(m) Vốn cổ phần**

**Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(n) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(o) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

**(ii) Doanh thu dịch vụ gia công**

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(iv) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(p) Thuê tài sản**

**(i) Tài sản thuê**

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê của Tổng Công ty và các công ty con, với tư cách là bên thuê, không nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu, được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tổng Công ty.

**(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

**(q) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

**(r) Lãi trên cổ phiếu**

Tổng Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty sau khi trừ số phần bỏ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Tại ngày báo cáo và cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, Tổng Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

**(s) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban điều hành cho rằng Tổng Công ty và các công ty con hoạt động chủ yếu trong hai lĩnh vực bao gồm may mặc và sản xuất sợi.

Bộ phận chia theo vùng địa lý của Tổng Công ty và các công ty con được xác định căn cứ vào vị trí địa lý của thị trường và khách hàng của Tổng Công ty và các công ty con. Ban điều hành Tổng Công ty đánh giá khu vực địa lý phát sinh trên 10% tổng doanh thu là một bộ phận cần được báo cáo.

**(t) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ này.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(u) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong kỳ trước.

**4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh**

Tổng Công ty và các công ty con không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

**5. Các thay đổi trong ước tính kế toán**

Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban điều hành thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất.

**6. Các khoản mục bất thường**

Tổng Công ty và các công ty con không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

**7. Các thay đổi trong cơ cấu đơn vị**

Không có thay đổi đáng kể nào trong cơ cấu của Tổng Công ty và các công ty con cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**8. Báo cáo bộ phận**

**(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh**

Tổng Công ty gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh như sau:

- May mặc
- Sợi

	May mặc		Sợi		Loại trừ		Hợp nhất	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 Nghìn VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022 Nghìn VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 Nghìn VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022 Nghìn VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 Nghìn VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022 Nghìn VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 Nghìn VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022 Nghìn VND
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	1.840.901.066	1.921.518.926	471.180.207	666.277.994	-	-	2.312.081.273	2.587.796.920
Doanh thu giữa các bộ phận	76.302.956	61.639.167	18.651.802	25.760.088	(94.954.758)	(87.399.255)	-	-
<b>Tổng doanh thu của bộ phận</b>	<b>1.917.204.022</b>	<b>1.983.158.093</b>	<b>489.832.009</b>	<b>692.038.082</b>	<b>(94.954.758)</b>	<b>(87.399.255)</b>	<b>2.312.081.273</b>	<b>2.587.796.920</b>
<b>Kết quả kinh doanh của bộ phận</b>	<b>197.881.366</b>	<b>180.702.115</b>	<b>4.259.968</b>	<b>123.216.979</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>202.141.334</b>	<b>303.919.094</b>
Doanh thu tài chính							36.865.478	30.455.490
Chi phí tài chính							30.925.667	24.144.269
Phần lãi trong công ty liên kết							1.825.726	910.307
Chi phí không phân bổ							110.672.473	144.341.627
Kết quả hoạt động khác không phân bổ							879.288	3.251.764
<b>Lợi nhuận trước thuế không phân bổ</b>	<b>100.113.686</b>	<b>170.050.759</b>						
Chi phí thuế TNDN hiện hành							14.223.554	28.852.815
Chi phí thuế TNDN hoãn lại							4.330.366	-
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế</b>	<b>81.559.766</b>	<b>141.197.944</b>						

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	May mặc		Sợi		Tổng cộng	
	30/6/2023 Nghìn VND	1/1/2023 Nghìn VND	30/6/2023 Nghìn VND	1/1/2023 Nghìn VND	30/6/2023 Nghìn VND	1/1/2023 Nghìn VND
Tài sản của bộ phận Tài sản không phân bổ	1.526.231.143	1.623.072.965	470.494.193	546.423.217	1.996.725.336 374.435.989	2.169.496.182 225.166.365
<b>Tổng tài sản</b>					<b>2.371.161.325</b>	<b>2.394.662.547</b>
Nợ phải trả của bộ phận Các khoản nợ không phân bổ	916.445.556	940.381.827	340.596.536	295.337.031	1.257.042.092 292.536.332	1.235.718.858 274.421.385
<b>Tổng nợ phải trả</b>					<b>1.549.578.424</b>	<b>1.510.140.243</b>
Chỉ tiêu vốn					Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
Khấu hao tài sản cố định hữu hình					30/6/2023	30/6/2022
Khấu hao tài sản cố định vô hình					Nghìn VND	Nghìn VND
					54.684.676	61.809.550
					62.096.125	62.543.058
					400.778	362.047

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý**

Tổng Công ty và các công ty con có các bộ phận chia theo vùng địa lý, dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

- Trung Quốc
- Hoa Kỳ
- Nhật Bản
- Châu Phi
- Việt Nam
- Thụy Điển
- Các vùng địa lý khác

	Trung Quốc Nghìn VND	Hoa Kỳ Nghìn VND	Nhật Bản Nghìn VND	Châu Phi Nghìn VND	Việt Nam Nghìn VND	Thụy Điển Nghìn VND	Các vùng địa lý khác Nghìn VND	Hợp nhất Nghìn VND
<b>Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</b>								
Tổng doanh thu của bộ phận	736.895.515	525.314.868	277.743.666	48.473.053	95.731.493	206.994.441	420.928.237	2.312.081.273
Kết quả kinh doanh của bộ phận	44.896.085	62.187.654	22.621.346	1.029.428	45.483.384	12.033.823	13.889.614	202.141.334
<hr/>								
Thu nhập không phân bổ								38.691.204
Chi phí không phân bổ								141.598.140
<hr/>								
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh								99.234.398
<hr/>								
Thu nhập khác								5.759.592
Chi phí khác								4.880.304
Chi phí thuế TNDN hiện hành								14.223.554
Chi phí thuế TNDN hoãn lại								4.330.366
<hr/>								
Lợi nhuận thuần sau thuế								81.559.766

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Trung Quốc Nghìn VND	Hoa Kỳ Nghìn VND	Nhật Bản Nghìn VND	Châu Phi Nghìn VND	Việt Nam Nghìn VND	Thụy Điển Nghìn VND	Các vùng địa lý khác Nghìn VND	Hợp nhất Nghìn VND
<b>Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</b>								
Tổng doanh thu của bộ phận	729.349.243	573.722.155	214.108.199	217.285.660	225.162.052	231.926.531	396.243.080	2.587.796.920
Kết quả kinh doanh của bộ phận	47.623.147	56.119.917	14.432.893	47.421.172	72.846.679	10.208.690	55.266.596	303.919.094
Thu nhập không phân bổ Chi phí không phân bổ								31.365.796 168.485.895
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh								166.798,995
Thu nhập khác Chi phí khác								3.960.621 708.857
Thuế thu nhập doanh nghiệp								28.852,815
Lợi nhuận thuần sau thuế								141.197,944

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và ngày 30 tháng 6 năm 2022, hầu hết tài sản bộ phận của Tổng Công ty chỉ tập trung trong một vùng địa lý là Việt Nam.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**9. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Tiền mặt	165.656.300	167.344.719
Tiền gửi ngân hàng	24.872.493.932	17.333.586.017
Các khoản tương đương tiền	-	7.000.000.000
	25.038.150.232	24.500.930.736

**10. Các khoản đầu tư tài chính**

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn**

	30/6/2023		1/1/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Tiền gửi có kỳ hạn	228.740.964.000	228.740.964.000	139.255.000.000	139.255.000.000

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán, với lãi suất năm từ 5,2% đến 11,2% (1/1/2023: từ 4,9% đến 11,2%).

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn xấp xỉ giá trị ghi sổ do bản chất ngắn hạn của các khoản đầu tư này. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn có giá trị ghi sổ là 43.000 triệu VND (1/1/2023: 43.000 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Tổng Công ty (Thuyết minh 25).

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	30/6/2023				1/1/2023							
	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	
<b>Đầu tư góp vốn vào:</b>												
<b>Công ty liên kết</b>												
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam	Quảng Nam	642.800	30,61%	30,61%	15.332.490.351	-	642.800	32,14%	32,14%	14.846.135.496	-	
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh	Quảng Nam	400.000	20,00%	20,00%	1.260.046.247	-	400.000	20,00%	20,00%	563.475.510	-	
					<u>16.592.536.598</u>	<u>-</u>				<u>15.409.611.006</u>	<u>-</u>	
<b>Đơn vị khác</b>												
Công ty Cổ phần Bông vải Miền Trung	Khánh Hòa	65.000	7,12%	7,12%	855.702.000	(505.678.651)	65.000	7,12%	7,12%	855.702.000	(505.678.651)	
Công ty Cổ phần Bao bì Hòa Thọ Quảng Đà	Quảng Nam	60.000	10,91%	10,91%	600.000.000	-	60.000	10,91%	10,91%	600.000.000	-	
Công ty Cổ phần Thương mại Dệt May TP. Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	630.000	14,00%	14,00%	6.300.000.000	(6.300.000.000)	630.000	14,00%	14,00%	6.300.000.000	(6.300.000.000)	
					<u>7.755.702.000</u>	<u>(6.805.678.651)</u>				<u>7.755.702.000</u>	<u>(6.805.678.651)</u>	
					<u>24.348.238.598</u>	<u>(6.805.678.651)</u>				<u>23.165.313.006</u>	<u>(6.805.678.651)</u>	

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ do không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**11. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn**

	<b>30/6/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Motives International (Hong Kong) Limited	139.003.293.271	139.903.797.596
Haggar Clothing Co.	98.146.028.337	91.560.398.308
Các khách hàng khác	175.098.385.303	215.996.652.676
	<hr/>	<hr/>
	412.247.706.911	447.460.848.580

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, các khoản phải thu khách hàng có giá trị ghi sổ là 53.144 triệu VND (1/1/2023: 22.024 triệu VND) được dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty và các công ty con (Thuyết minh 25(a)).

**(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan**

	<b>30/6/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty mẹ</b>		
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	231.798.040	159.181.030
<b>Công ty liên kết</b>		
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ – Phú Ninh	216.158.500	-
<b>Bên liên quan khác</b>		
Công ty Cổ phần Dệt May Huế	2.356.900	-
	<hr/>	<hr/>
	450.313.440	159.181.030

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả trong vòng 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Phải thu về cho vay**

**(a) Phải thu về cho vay chi tiết theo đối tượng lớn**

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
<b>Bên liên quan - công ty liên kết</b>		
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh (*)	8.200.010.000	9.371.440.000
<b>Các bên khác</b>		
Phải thu ngắn hạn khác	-	994.100.000
	8.200.010.000	10.365.540.000

(\*) Khoản cho vay không có đảm bảo, hưởng lãi suất 10,0%/năm và sẽ được hoàn trả theo lịch trả nợ trong vòng 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên 25 tháng 1 năm 2022.

**(b) Phải thu về cho vay phân loại theo kì hạn thanh toán**

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Ngắn hạn	2.342.860.000	2.751.260.000
Dài hạn	5.857.150.000	7.614.280.000
	8.200.010.000	10.365.540.000



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**13. Phải thu khác**

**(a) Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:**

	<b>30/6/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền lãi phải thu	2.706.018.293	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	272.043.000	104.481.000
Tạm ứng nhân viên	953.168.893	1.107.894.840
Thuế nhập khẩu tạm nộp	849.127.175	1.207.210.507
Phải thu khác	2.095.399.593	1.634.690.902
	<hr/>	<hr/>
	<b>6.875.756.954</b>	<b>4.054.277.249</b>
	<hr/>	<hr/>

**(b) Các khoản phải thu dài hạn khác bao gồm:**

	<b>30/6/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ký quỹ	2.450.000.000	2.450.000.000
Đặt cọc thuê mặt bằng	920.170.545	587.166.545
	<hr/>	<hr/>
	<b>3.370.170.545</b>	<b>3.037.166.545</b>
	<hr/>	<hr/>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**14. Nợ xấu và nợ khó đòi**

	30/6/2023		1/1/2023					
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Công ty TNHH Dịch vụ - Thương mại Duyên Đạt	Trên 3 năm	5.709.989.346	(5.709.989.346)	-	Trên 3 năm	5.709.989.346	(5.709.989.346)	-
Công ty TNHH May Phú Tường	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	-	-	-	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	2.880.547.450	(2.016.383.215)	864.164.235
		<u>5.709.989.346</u>	<u>(5.709.989.346)</u>	<u>-</u>		<u>8.590.536.796</u>	<u>(7.726.372.561)</u>	<u>864.164.235</u>

*Trong đó:*

Dự phòng phải thu khó đòi

(5.709.989.346)

(7.726.372.561)

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**15. Hàng tồn kho**

	30/6/2023		1/1/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	114.895.635.770	(9.569.546.324)	57.520.651.683	(4.022.010.507)
Nguyên vật liệu	198.596.387.073	(6.904.693.308)	293.527.557.391	(34.039.865.021)
Công cụ và dụng cụ	3.163.838.514	-	508.599.016	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	410.634.355.951	(1.418.282.238)	416.214.620.311	(4.356.132.106)
Thành phẩm	48.540.480.467	(2.082.829.827)	54.011.314.325	(9.657.502.023)
Hàng hóa	5.853.606.971	(437.203.668)	6.259.266.067	(445.580.423)
Hàng gửi đi bán	69.036.410.483	-	159.037.053.694	-
	<b>850.720.715.229</b>	<b>(20.412.555.365)</b>	<b>987.079.062.487</b>	<b>(52.521.090.080)</b>

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 có 167.953 triệu VND (1/1/2023: 238.074 triệu VND) hàng mua đang đi đường, nguyên vật liệu, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, thành phẩm và hàng hóa được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 715.376 triệu VND (1/1/2023: 755.612 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty và công ty con (Thuyết minh 25(a)).

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**16. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	468.086.301.287	1.316.153.913.583	87.471.651.025	9.536.080.162	103.078.664.667	1.984.326.610.724
Tăng trong kỳ	794.849.608	4.620.896.106	1.078.922.043	120.950.000	379.260.727	6.994.878.484
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	64.932.744	38.202.488.750	17.309.817	-	-	38.284.731.311
Phân loại lại	(2.038.695.707)	2.038.695.707	-	-	-	-
Thanh lý	-	(12.129.479.537)	(1.006.443.783)	-	(838.875.193)	(13.974.798.513)
Số dư cuối kỳ	466.907.387.932	1.348.886.514.609	87.561.439.102	9.657.030.162	102.619.050.201	2.015.631.422.006
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu kỳ	199.043.420.649	942.321.345.190	47.533.822.535	7.785.939.029	87.266.263.901	1.283.950.791.304
Khấu hao trong kỳ	12.150.789.670	42.158.598.340	4.300.336.514	347.338.173	3.139.061.807	62.096.124.504
Phân loại lại	(2.038.695.707)	2.038.695.707	-	-	-	-
Thanh lý	-	(12.129.479.537)	(1.006.443.783)	-	(838.875.193)	(13.974.798.513)
Số dư cuối kỳ	209.155.514.612	974.389.159.700	50.827.715.266	8.133.277.202	89.566.450.515	1.332.072.117.295
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu kỳ	269.042.880.638	373.832.568.393	39.937.828.490	1.750.141.133	15.812.400.766	700.375.819.420
Số dư cuối kỳ	257.751.873.320	374.497.354.909	36.733.723.836	1.523.752.960	13.052.599.686	683.559.304.711

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 có các tài sản có nguyên giá 827.814 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2023: 770.746 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 371.769 triệu VND (1/1/2023: 381.667 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Tổng Công ty và các công ty con (Thuyết minh 25).

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**17. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ	12.593.614.322
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu kỳ	10.126.235.790
Khấu hao trong kỳ	400.777.853
Số dư cuối kỳ	10.527.013.643
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu kỳ	2.467.378.532
Số dư cuối kỳ	2.066.600.679

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 8.371 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 (1/1/2023: 7.913 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**18. Xây dựng cơ bản dở dang**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Số dư đầu kỳ	13.816.482.196	14.352.120.576
Tăng trong kỳ	25.281.049.115	67.161.285.778
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(38.284.731.311)	(66.510.213.660)
Số dư cuối kỳ	812.800.000	15.003.192.694

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Thiết bị công nghệ thông tin	724.300.000	-
Máy móc thiết bị sợi	-	13.367.742.196
Các công trình khác	88.500.000	448.740.000
	812.800.000	13.816.482.196

**19. Chi phí trả trước**

**(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Trả trước phí bảo hiểm	847.769.956	3.071.969.024
Công cụ và dụng cụ	4.107.474.339	1.359.748.228
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	1.103.812.929	498.110.110
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	4.054.726.335	4.198.310.390
	10.113.783.559	9.128.137.752

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Chi phí đất trả trước VND</b>	<b>Công cụ và dụng cụ VND</b>	<b>Chi phí trả trước dài hạn khác VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
Số dư đầu kỳ	3.840.258.372	14.748.232.145	22.455.260.045	41.043.750.562
Tăng trong kỳ	-	3.899.427.714	8.433.545.981	12.332.973.695
Phân bổ trong kỳ	(43.805.226)	(4.714.929.769)	(4.818.322.014)	(9.577.057.009)
Thanh lý	-	(15.105.901)	-	(15.105.901)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>3.796.453.146</b>	<b>13.917.624.189</b>	<b>26.070.484.012</b>	<b>43.784.561.347</b>

**20. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	<b>Thuế suất</b>	<b>30/6/2023 VND</b>	<b>1/1/2023 VND</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	20%	2.464.680.975	6.727.647.141
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho – công ty con	5%	278.455.851	345.855.528
		<b>2.743.136.826</b>	<b>7.073.502.669</b>

**21. Phải trả người bán ngắn hạn**

**(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn**

	<b>Giá gốc và số có khả năng trả nợ 30/6/2023 VND</b>	<b>1/1/2023 VND</b>
Hultafors Group AB	15.065.463.375	41.205.311.087
Kwong Lung Enterprise Co., Ltd	5.041.906.263	12.736.138.715
Các nhà cung cấp khác	183.057.353.693	193.517.313.802
	<b>203.164.723.331</b>	<b>247.458.763.604</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	<b>30/6/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty mẹ</b>		
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	5.322.992.963	5.023.685.489
<b>Công ty liên kết</b>		
Công ty Cổ phần May Hoà Thọ - Quảng Nam	9.107.494.155	18.462.790.590
<b>Các bên liên quan khác</b>		
Công ty Cổ phần Dệt May Huế	28.035.696	7.859.651
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thiên Tín – công ty có người quản lý chủ chốt là thành viên gia đình thân cận của một người quản lý chủ chốt của Tổng Công ty	722.796.245	161.737.569
	15.181.319.059	23.656.073.299

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng từ 30 ngày đến 180 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**22. Thuế và phải nộp Nhà nước**

**(a) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	<b>1/1/2023</b>	<b>Số phát sinh</b>	<b>Phân loại lại</b>	<b>30/6/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>trong kỳ</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế đất phi nông nghiệp	4.265.704	-	-	4.265.704
	4.265.704	-	-	4.265.704



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2023 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp/bù trừ trong kỳ VND	30/6/2023 VND
Thuế giá trị gia tăng	3.766.804.205	66.770.240.226	(46.602.838.899)	23.934.205.532
Thuế nhập khẩu	56.980.038	2.549.189.503	(2.604.978.068)	1.191.473
Thuế thu nhập doanh nghiệp	30.336.893.961	14.223.554.356	(30.993.045.087)	13.567.403.230
Thuế thu nhập cá nhân	768.174.730	7.371.159.367	(5.782.917.046)	2.356.417.051
Các loại thuế khác	-	3.679.051.864	(324.541.627)	3.354.510.237
	34.928.852.934	94.593.195.316	(86.308.320.727)	43.213.727.523

**23. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Chi phí hoạt động	4.537.625.574	4.670.621.801
Chi phí lãi vay	391.985.080	423.529.852
Chi phí tiền điện, nước	2.369.737.818	136.727.464
Các khoản trích trước khác	555.820.908	665.657.836
	7.855.169.380	5.896.536.953

**24. Phải trả ngắn hạn khác**

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Kinh phí công đoàn	17.406.276.222	15.626.312.053
Ứng trước từ khách hàng cho các khoản chi hộ	2.934.652.318	2.506.906.124
Cổ tức phải trả	1.517.892.600	1.132.452.600
Quỹ ái hữu, quỹ tương trợ	-	832.771.781
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.806.240.476	4.235.422.692
	26.665.061.616	24.333.865.250

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Vay	(a) Vay ngắn hạn	1/1/2023		Biến động trong kỳ		30/6/2023	
		Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	
	Vay ngắn hạn	488.687.245.837	1.828.042.294.245	(1.704.023.670.531)	5.018.896.533	617.724.766.084	
	Vay dài hạn đến hạn trả (b)	41.998.911.720	18.084.846.282	(32.375.756.369)	10.657.705	27.718.659.338	
		530.686.157.557	1.846.127.140.527	(1.736.399.426.900)	5.029.554.238	645.443.425.422	

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Vay ngắn hạn 1 (i)	USD	3,0% - 3,2%	316.579.787.425	315.182.355.128
Vay ngắn hạn 2 (i)	USD	3,2%	49.193.694.200	58.616.896.720
Vay ngắn hạn 3 (i)	USD	3,6% - 3,8%	40.614.416.625	-
Vay ngắn hạn 4 (i)	USD	3,6% - 3,8%	16.098.252.408	21.820.622.789
Vay ngắn hạn 5 (i)	USD	3,2%	52.600.739.050	-
Vay ngắn hạn 6 (i)	USD	3,2%	59.395.545.413	-
Vay ngắn hạn 7 (i)	USD	2,1% - 2,2%	-	44.392.085.507
Vay ngắn hạn 8 (i)	USD	3,2 - 3,3%	82.972.330.963	48.375.285.693
Vay Ban liên lạc hưu trí (ii)	VND	9,0%	270.000.000	300.000.000
			617.724.766.084	488.687.245.837

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Các khoản vay này được đảm bảo bằng hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn (Thuyết minh số 10(a)), một số các khoản phải thu khách hàng (Thuyết minh 11), hàng tồn kho (Thuyết minh 15) và tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty và các công ty con (Thuyết minh 16).
- (ii) Các khoản vay này không được đảm bảo.

**(b) Vay dài hạn**

	<b>30/6/2023</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2023</b> <b>VND</b>
Vay dài hạn	266.204.477.073	310.677.740.009
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(27.718.659.338)	(41.998.911.720)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	238.485.817.735	268.678.828.289

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Vay ngân hàng 1 (i)	VND	5,5%	2024	15.000.000.000	20.000.000.000
Vay ngân hàng 2 (i)	VND	8,0%	2025	40.417.705.972	77.131.077.962
Quỹ bảo vệ môi trường (i)	VND	2,6%	2025	3.410.000.000	4.030.000.000
Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ (ii)	USD	SOFR + 0,7%	2039	207.376.771.101	209.516.662.047
				<b>266.204.477.073</b>	<b>310.677.740.009</b>

(i) Các khoản vay này được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình và hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn của Tổng Công ty và các công ty con (Thuyết minh 16 và Thuyết minh 10(a)).

(ii) Đây là khoản vay được Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho vay lại từ nguồn vốn vay của Ngân hàng Phát triển Châu Á (“ADB”) có hạn mức là 9.042.587 USD và được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty (Thuyết minh 16).

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**26. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty và các công ty con. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	68.188.999.432	69.175.100.458
Trích lập trong kỳ	22.528.907.116	11.170.216.362
Tăng khác	21.639.419	56.290.577
Sử dụng trong kỳ	(8.308.329.863)	(9.686.482.506)
Số dư cuối kỳ	82.431.216.104	70.715.124.891

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**27. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022</b>	236.250.000.000	1.176.340.000	140.963.518.580	234.646.810.143	40.761.999.959	653.798.668.682
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	133.368.239.691	7.829.704.523	141.197.944.214
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	-	37.063.265.741	(37.063.265.741)	-	-
Cổ tức (Thuyết minh 30)	-	-	-	(23.625.000.000)	(2.551.000.000)	(26.176.000.000)
Cổ tức bằng cổ phiếu ở công ty con	-	576.600.000	-	(576.600.000)	-	-
Cổ tức bằng cổ phiếu (Thuyết minh 30)	63.780.750.000	-	-	(63.780.750.000)	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(10.839.820.133)	(330.396.229)	(11.170.216.362)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2022</b>	300.030.750.000	1.752.940.000	178.026.784.321	232.129.613.960	45.710.308.253	757.650.396.534
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023</b>	300.030.750.000	1.752.940.000	178.026.784.321	362.110.088.453	42.601.741.636	884.522.304.410
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	81.806.629.116	(246.863.665)	81.559.765.451
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	-	28.553.165.973	(28.553.165.973)	-	-
Cổ tức (Thuyết minh 30)	-	-	-	(120.012.300.000)	(1.957.962.000)	(121.970.262.000)
Cổ tức bằng cổ phiếu ở công ty con	-	1.547.340.000	-	(1.547.340.000)	-	-
Cổ tức bằng cổ phiếu (Thuyết minh 30)	59.996.330.000	-	-	(59.996.330.000)	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(21.783.590.790)	(745.316.326)	(22.528.907.116)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2023</b>	360.027.080.000	3.300.280.000	206.579.950.294	212.023.990.806	39.651.599.645	821.582.900.745

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**28. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	30/6/2023		1/1/2023	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	36.002.708	360.027.080.000	30.003.075	300.030.750.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	36.002.708	360.027.080.000	30.003.075	300.030.750.000
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	36.002.708	360.027.080.000	30.003.075	300.030.750.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**  
**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Vốn cổ phần đã phát hành và đang lưu hành của các cổ đông như sau:

	30/6/2023		1/1/2023	
	Số cổ phiếu	Đã phát hành và đang lưu hành VND	%	Đã phát hành và đang lưu hành VND
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	22.274.205	222.742.050.000	61,87%	185.618.380.000
Các cổ đông khác	13.728.503	137.285.030.000	38,13%	114.412.370.000
	36.002.708	360.027.080.000	100%	300.030.750.000

Biến động vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	Số cổ phiếu	Số cổ phiếu
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	30.003.075	23.625.000
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	5.999.633	6.378.075
Số dư cuối kỳ	36.002.708	30.003.075



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**29. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**30. Cổ tức**

Tại cuộc họp ngày 15 tháng 4 năm 2023, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức bằng tiền trị giá 120.012 triệu VND (tương đương tỷ lệ chia 40%) và cổ tức bằng cổ phiếu trị giá 59.996 triệu VND (tương đương tỷ lệ chia 20%) cho năm 2022 (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022); cổ tức bằng tiền trị giá 23.625 triệu VND (tương đương tỷ lệ chia 10%) và cổ tức bằng cổ phiếu trị giá 63.780 triệu VND (tương đương tỷ lệ chia 27%) cho năm 2021).

**31. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Trong vòng một năm	28.584.929.532	28.338.752.963
Trong vòng hai đến năm năm	114.270.209.439	108.822.921.969
Sau năm năm	198.756.214.344	163.613.513.729
	341.611.353.315	300.775.188.661

**(b) Ngoại tệ các loại**

	30/6/2023		1/1/2023	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	576.891	13.508.833.976	227.196	5.316.327.203

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty có các cam kết vốn các dự án đầu tư sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	<b>30/6/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	256.500.000.000	43.100.000.000
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	-	5.742.000.000
	<hr/>	<hr/>
	<b>256.500.000.000</b>	<b>48.842.000.000</b>

**32. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2023</b>	<b>30/6/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu bán hàng và gia công hàng may mặc	2.306.230.480.655	2.584.033.679.428
▪ Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	5.850.792.319	3.763.240.192
	<hr/>	<hr/>
	<b>2.312.081.272.974</b>	<b>2.587.796.919.620</b>
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	(1.821.604.478)	-
▪ Hàng bán bị trả lại	(332.216.019)	(110.489.859)
	<hr/>	<hr/>
	<b>(2.153.820.497)</b>	<b>(110.489.859)</b>
Doanh thu thuần	<hr/>	<hr/>
	<b>2.309.927.452.477</b>	<b>2.587.686.429.761</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**33. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa và dịch vụ gia công và may mặc	2.138.009.689.239	2.282.698.778.177
Giá vốn dịch vụ khác	1.884.963.650	1.222.793.095
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(32.108.534.715)	(154.235.859)
	<hr/>	<hr/>
	2.107.786.118.174	2.283.767.335.413

**34. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi, cho vay và ứng trước	5.941.487.596	2.062.307.539
Cổ tức được chia	168.000.000	168.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	30.738.105.307	28.221.549.390
Doanh thu hoạt động tài chính khác	17.885.125	3.633.014
	<hr/>	<hr/>
	36.865.478.028	30.455.489.943

**35. Chi phí tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Chi phí lãi vay	18.527.376.381	9.768.444.608
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	8.480.728.074	5.872.522.617
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3.917.562.631	8.206.591.988
Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	296.709.522
	<hr/>	<hr/>
	30.925.667.086	24.144.268.735

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**36. Chi phí bán hàng**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Chi phí nhân viên	2.802.908.718	2.543.308.280
Chi phí vật liệu, bao bì	318.924.275	318.104.990
Chi phí khấu hao tài sản cố định	474.171.118	490.255.248
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.354.228.888	59.264.975.225
Chi phí khác	6.897.601.688	7.427.133.757
	<hr/>	<hr/>
	38.847.834.687	70.043.777.500
	<hr/>	<hr/>

**37. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Chi phí nhân viên	38.874.380.363	36.170.100.769
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.319.896.050	4.829.233.183
Thuế, phí và lệ phí	3.408.741.629	6.573.102.587
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.098.723.324	10.788.910.811
(Hoàn nhập)/dự phòng phải thu khó đòi	(2.016.383.215)	176.297.000
Chi phí khác	16.139.280.136	15.760.205.298
	<hr/>	<hr/>
	71.824.638.287	74.297.849.648
	<hr/>	<hr/>

**38. Thu nhập khác**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Lãi do thanh lý tài sản cố định	305.126.873	644.047.801
Tiền phạt, bồi thường, thưởng nhận được	4.945.630.938	1.844.063.881
Các khoản thu nhập khác	508.833.834	1.472.509.639
	<hr/>	<hr/>
	5.759.591.645	3.960.621.321
	<hr/>	<hr/>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**39. Chi phí khác**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	Error! Reference source not found. VND
Tiền phạt hợp đồng, chậm nộp thuế	4.257.615.913	8.986.278
Các khoản chi phí khác	622.687.945	699.871.144
	<b>4.880.303.858</b>	<b>708.857.422</b>

**40. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	1.168.217.678.466	1.257.236.801.046
Chi phí nhân viên	614.255.239.025	723.801.647.342
Chi phí khấu hao và phân bổ	62.540.707.583	62.948.909.906
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	272.099.216.517	351.225.039.774

**41. Thuế thu nhập**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	Error! Reference source not found. VND
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Kỳ hiện hành	13.568.044.055	28.852.814.612
Dự phòng thiếu trong những năm trước	655.510.301	-
	<b>14.223.554.356</b>	<b>28.852.814.612</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	4.330.365.843	-
	<b>18.553.920.199</b>	<b>28.852.814.612</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	100.113.685.650	170.050.758.826
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	20.022.737.130	34.010.151.765
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	(202.199.031)	(2.859.131.943)
Chi phí không được khấu trừ thuế	294.455.292	352.889.112
Thu nhập không bị tính thuế	(398.745.118)	(33.600.000)
Lỗ tính thuế được sử dụng	-	(13.979.934)
Ưu đãi thuế tại công ty con	-	(1.429.565.972)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	(1.431.362.649)	(1.173.948.416)
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	655.510.301	-
Giảm thuế (*)	(386.475.726)	-
	18.553.920.199	28.852.814.612

(\*) Tổng Công ty được giảm thuế theo quy định tại Điều 21, Thông tư 78/2014/TT-BTC hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp. Theo đó, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, xây dựng, vận tải sử dụng từ 10 đến 100 lao động nữ, trong đó số lao động nữ chiếm trên 50% tổng số lao động nữ có mặt thường xuyên hoặc sử dụng thường xuyên trên 100 lao động nữ mà số lao động nữ chiếm trên 30% tổng số lao động có mặt thường xuyên của doanh nghiệp được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tương ứng với số tiền thực chi thêm cho người lao động nữ.

**(c) Thuế suất áp dụng**

**(i) Đối với Tổng Công ty**

Theo các điều khoản của Luật Thuế thu nhập Doanh nghiệp, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

**(ii) Đối với các công ty con**

Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ – Thăng Bình có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20%. Các quy định hiện hành về thuế cho phép công ty con này được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trong 15 năm (từ 2016 đến 2030), miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ 2018 đến 2021) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ 2022 đến 2030).

Các công ty con khác có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20%.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**42. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền tại thời điểm lập báo cáo, chi tiết như sau:

**(a) Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 (Số cổ phiếu)	30/6/2022 (Số cổ phiếu) Đã điều chỉnh lại
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	30.003.075	23.625.000
Ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu (Thuyết minh 30)	5.999.633	12.377.708
<b>Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ</b>	<b>36.002.708</b>	<b>36.002.708</b>

**(b) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 được dựa trên số lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông, sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022 Đã điều chỉnh lại
Lợi nhuận thuần trong kỳ (VND)	81.806.629.116	133.368.239.691
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	(3.000.000.000)	(11.031.909.409)
<b>Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (VND)</b>	<b>78.806.629.116</b>	<b>122.336.330.282</b>
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ (số cổ phiếu)	36.002.708	36.002.708
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>2.189</b>	<b>3.398</b>

(\*) Số dự kiến phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi từ lợi nhuận thuần của kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 dựa trên ước tính của Ban điều hành Tổng Công ty, căn cứ trên tình hình hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty cho năm 2023.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Điều chỉnh lại số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền và lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022**

Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền và lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 được điều chỉnh lại do ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu (Thuyết minh 28) theo quy định tại mục 24 của Chuẩn mực kế toán số 30 – Lãi trên cổ phiếu và theo số phân bổ thực tế lợi nhuận sau thuế vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 26) như sau:

	Lợi nhuận thuần trong kỳ VND	Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền	Lãi cơ bản trên cổ phiếu VND
Số báo cáo trước đây	128.368.239.691	30.003.075	4.279
Ảnh hưởng của việc phân bổ lợi nhuận sau thuế vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	(6.031.909.409)	-	(201)
Ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu	-	5.999.633	(680)
<b>Số điều chỉnh lại</b>	<b>122.336.330.282</b>	<b>36.002.708</b>	<b>3.398</b>

**43. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong kỳ Tổng Công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
<b>Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam</b>		
Cổ tức công bố và đã trả	74.247.352.000	14.615.621.000
Cổ tức trả bằng cổ phiếu	37.123.670.000	39.462.170.000
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.075.751.455	1.194.684.759
Mua hàng hóa và dịch vụ	8.283.352.320	8.300.451.170
Chi phí lãi vay	6.966.074.591	1.855.039.474
<b>Các công ty liên kết</b>		
<b>Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	1.087.156.990	800.093.448
Mua hàng hóa và dịch vụ	47.464.198.691	45.639.919.086
Cho vay	-	5.055.440.000
Nhận hoàn trả gốc cho vay	1.171.430.000	-
Thu nhập lãi cho vay và ứng trước	566.697.640	267.292.070





**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**44. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Cổ tức trả bằng cổ phiếu	61.543.670.000	64.357.350.000
Cổ tức trả thông qua bù trừ công nợ	1.415.432.000	-
Lãi cho vay, ứng trước nhận được thông qua bù trừ công nợ	566.697.640	-

**45. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và các thuyết minh liên quan tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 được mang sang từ số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022. Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh liên quan được mang sang từ số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

Ngày 10 tháng 8 năm 2023

Người lập:

Phạm Anh Thảo  
Chuyên viên

Người duyệt:

Nguyễn Thị Tường Long  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hải  
Tổng Giám đốc



TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM  
TỔNG CÔNG TY CP DỆT MAY HOÀ THỌ  
CƠ 80

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC  
CƠ 80



# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN RIÊNG 6 THÁNG NĂM 2023**





**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ  
cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2023



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận**

**Đăng ký Doanh nghiệp số** 0400101556

ngày 30 tháng 1 năm 2007

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0400101556 ngày 19 tháng 6 năm 2023. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Nguyễn Đức Trí	Chủ tịch
	Bà Trần Tường Anh	Thành viên
	Ông Nguyễn Ngọc Bình	Thành viên
	Ông Lê Quốc Ân	Thành viên
	Ông Nguyễn Văn Hải	Thành viên
<b>Ban Kiểm soát</b>	Bà Nguyễn Thị Kim Khanh	Trưởng ban
	Ông Nguyễn Thanh Sơn	Thành viên
	Ông Hoàng Duy Khánh	Thành viên
	Ông Vũ Ngọc Tú	Thành viên <i>(từ ngày 15 tháng 4 năm 2023)</i> <i>(đến ngày 14 tháng 4 năm 2023)</i>
<b>Ban điều hành</b>	Ông Nguyễn Văn Hải	Tổng Giám đốc
	Bà Hoàng Thùy Oanh	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Trần Tường Anh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Ngọc Bình	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Trần Thị Hòa Châu	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Phạm Ngọc Trung	Giám đốc điều hành
	Ông Phan Quang Long	Giám đốc điều hành
	Ông Nguyễn Phước Hoàng	Giám đốc điều hành
	Ông Nguyễn Văn Cường	Giám đốc điều hành
	Bà Nguyễn Thị Minh Hằng	Giám đốc điều hành <i>(từ ngày 6 tháng 4 năm 2023)</i>
Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Giám đốc điều hành <i>(từ ngày 6 tháng 4 năm 2023)</i>	
Bà Nguyễn Thị Tường Long	Kế toán trưởng	
<b>Trụ sở đăng ký</b>	36 Ông Ích Đường Phường Hòa Thọ Đông, Quận Cẩm Lệ Thành phố Đà Nẵng Việt Nam	
<b>Công ty kiểm toán</b>	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Báo cáo của Ban điều hành**

Ban điều hành Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ ("Tổng Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Ban điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban điều hành Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 47 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban điều hành Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban điều hành Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban điều hành  
  
Nguyễn Văn Hải  
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 8 năm 2023

Chứng thực: 003585 với bản chính  
Số:.....Quyển số: 01/202.../CT/BS

Ngày 14-08-2023

PHÓ TỔNG PHÒNG



Trần Thị Bảo Khuyên



KPMG Limited  
46th Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Street, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi các Cổ đông  
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ ("Tổng Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban điều hành Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 10 tháng 8 năm 2023, được trình bày từ trang 5 đến trang 47.

### **Trách nhiệm của Ban điều hành**

Ban điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.





## Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 23-04-00012-23-1



Trương Vĩnh Phúc

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 1901-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2023

Trương Tuyết Mai

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 2594-2019-007-1

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2023**

**Mẫu B 01a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2023 VND</b>	<b>1/1/2023 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>1.503.443.097.231</b>	<b>1.511.336.312.147</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>8</b>	<b>18.161.476.560</b>	<b>8.786.175.645</b>
Tiền	111		18.161.476.560	8.786.175.645
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>228.740.964.000</b>	<b>139.255.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9(a)	228.740.964.000	139.255.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>411.537.861.199</b>	<b>437.052.433.464</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10	398.621.176.346	424.020.470.624
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		8.459.735.646	13.220.799.907
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	11	2.342.860.000	2.751.260.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	12(a)	6.947.833.243	3.910.030.184
Dự phòng phải thu khó đòi	137	13	(4.833.744.036)	(6.850.127.251)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>14</b>	<b>750.468.203.907</b>	<b>886.143.761.390</b>
Hàng tồn kho	141		763.702.636.787	925.306.121.709
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(13.234.432.880)	(39.162.360.319)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>94.534.591.565</b>	<b>40.098.941.648</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	18(a)	7.109.621.802	7.633.797.428
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		87.420.704.059	32.460.878.516
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	21(a)	4.265.704	4.265.704

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2023 VND</b>	<b>1/1/2023 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>656.420.512.160</b>	<b>678.322.297.194</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>8.736.420.545</b>	<b>10.651.446.545</b>
Phải thu về cho vay dài hạn	215	11	5.857.150.000	7.614.280.000
Phải thu dài hạn khác	216	12(b)	2.879.270.545	3.037.166.545
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>506.290.078.595</b>	<b>512.476.990.033</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	15	504.152.689.760	509.951.295.545
Nguyên giá	222		1.654.907.943.476	1.623.214.213.107
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.150.755.253.716)	(1.113.262.917.562)
Tài sản cố định vô hình	227	16	2.137.388.835	2.525.694.488
Nguyên giá	228		11.676.989.026	11.676.989.026
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(9.539.600.191)	(9.151.294.538)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>812.800.000</b>	<b>13.816.482.196</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	17	812.800.000	13.816.482.196
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>9(b)</b>	<b>101.386.969.596</b>	<b>100.690.398.859</b>
Đầu tư vào công ty con	251		92.748.900.000	92.748.900.000
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		10.428.000.000	10.428.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		7.755.702.000	7.755.702.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(9.545.632.404)	(10.242.203.141)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>39.194.243.424</b>	<b>40.686.979.561</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	18(b)	36.729.562.449	33.959.332.420
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	19	2.464.680.975	6.727.647.141
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>2.159.863.609.391</b>	<b>2.189.658.609.341</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 01a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>1.405.518.596.396</b>	<b>1.381.159.621.572</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.192.768.708.337</b>	<b>1.159.019.568.689</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	20	186.254.544.162	241.848.782.362
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		16.388.765.915	12.756.263.023
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	21(b)	37.720.682.850	33.136.697.089
Phải trả người lao động	314		262.970.431.389	292.945.253.366
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	22	6.747.333.207	4.776.210.165
Doanh thu chưa thực hiện - ngắn hạn	318		671.891.627	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	23	25.471.009.702	23.257.867.214
Vay ngắn hạn	320	24(a)	577.561.892.389	483.155.694.128
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	25	78.982.157.096	67.142.801.342
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>212.749.888.059</b>	<b>222.140.052.883</b>
Người mua trả tiền trước dài hạn	332	26	3.512.912.296	4.882.461.916
Vay dài hạn	338	24(b)	209.236.975.763	217.257.590.967
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>754.345.012.995</b>	<b>808.498.987.769</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>27</b>	<b>754.345.012.995</b>	<b>808.498.987.769</b>
Vốn cổ phần	411	28	360.027.080.000	300.030.750.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		360.027.080.000	300.030.750.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	29	198.625.892.531	172.150.529.403
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		195.692.040.464	336.317.708.366
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		110.093.276.676	75.083.456.676
- LNST chưa phân phối kỳ này/ năm nay	421b		85.598.763.788	261.234.251.690
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>2.159.863.609.391</b>	<b>2.189.658.609.341</b>

Ngày 10 tháng 8 năm 2023

Người lập:

Phạm Anh Thảo  
 Chuyên viên

Người duyệt:

Nguyễn Thị Tường Long  
 Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hải  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023**

Mẫu B 02a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	32	2.166.449.625.135	2.363.440.873.127
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	32	2.145.222.315	110.489.859
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	32	2.164.304.402.820	2.363.330.383.268
Giá vốn hàng bán	11	33	1.985.150.408.025	2.120.354.605.516
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		179.153.994.795	242.975.777.752
Doanh thu hoạt động tài chính	21	34	40.157.683.558	35.508.790.398
Chi phí tài chính	22	35	25.938.408.831	19.659.387.851
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		15.235.530.299	6.988.144.664
Chi phí bán hàng	25	36	30.420.213.984	51.776.336.696
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	37	60.347.440.360	63.835.957.319
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		102.605.615.178	143.212.886.284
Thu nhập khác	31	38	5.518.343.801	3.855.466.094
Chi phí khác	32	39	4.826.226.750	696.574.772
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		692.117.051	3.158.891.322
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		103.297.732.229	146.371.777.606
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	41	13.436.002.275	26.773.133.434
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	41	4.262.966.166	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		85.598.763.788	119.598.644.172

Ngày 10 tháng 8 năm 2023

Người lập:

Phạm Anh Thảo  
Chuyên viên

Nguyễn Thị Tường Long  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hải  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>103.297.732.229</b>	<b>146.371.777.606</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		51.271.066.687	51.798.597.158
Các khoản dự phòng	03		(28.640.881.391)	6.319.347
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		3.501.592.862	6.981.643.582
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(12.035.545.116)	(11.653.509.177)
Chi phí lãi vay	06		15.235.530.299	6.988.144.664
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>132.629.495.570</b>	<b>200.492.973.180</b>
Biến động các khoản phải thu	09		(20.883.880.524)	(20.417.345.200)
Biến động hàng tồn kho	10		161.603.484.922	(33.536.723.438)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(36.602.003.701)	16.852.802.165
Biến động chi phí trả trước	12		(2.246.054.403)	(4.304.408.569)
			<b>234.501.041.864</b>	<b>159.087.298.138</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(15.219.902.404)	(7.114.607.955)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	21(b)	(30.290.427.702)	(21.998.411.012)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		21.639.419	56.290.577
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	25	(7.922.722.227)	(9.191.982.506)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>181.089.628.950</b>	<b>120.838.587.242</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(54.489.221.421)	(61.695.350.421)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		288.830.593	4.135.552.693
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(139.740.964.000)	(140.066.440.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		52.420.530.000	35.480.000.000
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27		6.437.479.105	9.696.681.983
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(135.083.345.723)</b>	<b>(152.449.555.745)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023**

**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		1.714.064.164.444	1.845.604.316.628
Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.632.569.826.756)	(1.812.313.152.181)
Tiền trả cổ tức	36		(118.125.320.000)	(23.543.025.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(36.630.982.312)</b>	<b>9.748.139.447</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>9.375.300.915</b>	<b>(21.862.829.056)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>8.786.175.645</b>	<b>36.498.496.869</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)</b>	<b>70</b>	<b>8</b>	<b>18.161.476.560</b>	<b>14.635.667.813</b>

Ngày 10 tháng 8 năm 2023

Người lập:

Phạm Anh Thảo  
Chuyên viên

Nguyễn Thị Tường Long  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hải  
Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

**(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng may mặc, vải, sợi chỉ khâu, các loại thiết bị, nguyên phụ liệu, phụ tùng ngành dệt may.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

**(d) Cấu trúc Tổng Công ty**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 bao gồm Tổng Công ty và các đơn vị hạch toán phụ thuộc sau của Tổng Công ty:

<b>Tên</b>	<b>Thông tin chính</b>
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ - Trụ sở chính	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp lần đầu số 0400101556 ngày 30 tháng 1 năm 2007. Bao gồm các chi nhánh hoạt động trên cùng địa bàn: <ul style="list-style-type: none"><li>- Nhà máy May Hòa Thọ 1</li><li>- Nhà máy May Veston Hòa Thọ</li><li>- Nhà máy Sợi Hòa Thọ 1</li><li>- Nhà máy Sợi Hòa Thọ 2</li><li>- Nhà máy May Hòa Quý</li><li>- Trung tâm Kinh doanh Thời Trang Hòa Thọ</li><li>- Trung tâm thương mại Hòa Thọ</li></ul>
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ tại Thành phố Hồ Chí Minh	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-001 ngày 27 tháng 12 năm 2013 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty
▪ Chi nhánh Thành phố Hà Nội - Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-003 ngày 21 tháng 10 năm 2015 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

<b>Tên</b>	<b>Thông tin chính</b>
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ - Công ty May Hòa Thọ Điện Bàn	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-004 ngày 14 tháng 3 năm 2007 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ - Công ty May Hòa Thọ - Đồng Hà	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Trị theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-008 ngày 18 tháng 5 năm 2007 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ tại Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-009 ngày 31 tháng 8 năm 2016 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ - Nhà máy May Hòa Thọ - Quảng Ngãi	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ngãi theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-014 ngày 31 tháng 10 năm 2016 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ - Nhà máy May Quế Sơn - Quảng Nam	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-019 ngày 29 tháng 3 năm 2019 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ - Nhà máy May Hòa Thọ Triệu Phong	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Trị theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-020 ngày 29 tháng 7 năm 2020 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Tổng Công ty có 5 công ty con và 2 công ty liên kết (1/1/2023: 5 công ty con và 2 công ty liên kết), được liệt kê trong Thuyết minh 9(b).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Tổng Công ty có 9.221 nhân viên (1/1/2023: 9.410 nhân viên).

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Tổng Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(c) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban điều hành Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(ii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết**

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ tài sản khác	2 – 5 năm

**(g) Tài sản cố định vô hình**

**Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(h) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Tổng Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(i) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo các quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(ii) Chi phí trả trước dài hạn khác**

Chi phí trả trước dài hạn khác chủ yếu bao gồm các chi phí thuê và sửa chữa cải tạo tài sản. Chi phí trả trước dài hạn khác ban đầu được thể hiện theo nguyên giá, và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 10 năm.

**(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(k) Dự phòng**

Trừ những khoản dự phòng được định nghĩa ở các thuyết minh khác, một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(l) Vốn cổ phần**

**Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(m) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trước hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(n) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

**(ii) Doanh thu dịch vụ gia công**

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(iv) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(o) Thuê tài sản**

**(i) Tài sản thuê**

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê của Tổng Công ty, với tư cách là bên thuê, không nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu, được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán riêng của Tổng Công ty.

**(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

**(p) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

**(q) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**(r) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính riêng kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính trước hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty trong kỳ trước.

**4. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh**

Tổng Công ty không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

**5. Các thay đổi trong ước tính kế toán**

Khí lập báo cáo tài chính riêng hàng năm và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban điều hành thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**6. Các khoản mục bất thường**

Tổng Công ty không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

**7. Các thay đổi trong cơ cấu đơn vị**

Không có thay đổi đáng kể nào trong cơ cấu của Tổng Công ty trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

**8. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Tiền mặt	66.691.000	83.888.000
Tiền gửi ngân hàng	18.094.785.560	8.702.287.645
	18.161.476.560	8.786.175.645

**9. Các khoản đầu tư tài chính**

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn**

	30/6/2023		1/1/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Tiền gửi có kỳ hạn	228.740.964.000	228.740.964.000	139.255.000.000	139.255.000.000

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán, với lãi suất năm từ 5,2% đến 11,2% (1/1/2023: từ 4,9% đến 11,2%).

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn xấp xỉ giá trị ghi sổ do bản chất ngắn hạn của các khoản đầu tư này. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn có giá trị ghi sổ là 43.000 triệu VND (1/1/2023: 43.000 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Tổng Công ty (Thuyết minh 24).



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Đầu tư tài chính dài hạn**

	30/6/2023				1/1/2023						
	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Đầu tư góp vốn vào:</b>											
<b>Công ty con</b>											
Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ	Đà Nẵng	596.818	76,88%	76,88%	2.667.900.000	-	442.088	76,88%	76,88%	2.667.900.000	-
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Hội An	Quảng Nam	541.800	54,18%	54,18%	5.418.000.000	-	541.800	54,18%	54,18%	5.418.000.000	-
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Duy Xuyên	Quảng Nam	817.300	81,73%	81,73%	8.173.000.000	-	817.300	81,73%	81,73%	8.173.000.000	-
Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ - Thăng Bình	Quảng Nam	7.449.000	74,49%	74,49%	74.490.000.000	-	7.449.000	74,49%	74,49%	74.490.000.000	-
Công ty TNHH MTV Cơ khí Xây dựng Hòa Thọ	Đà Nẵng	-	100%	100%	2.000.000.000	-	-	100%	100%	2.000.000.000	-
					92.748.900.000	-				92.748.900.000	-
<b>Công ty liên kết</b>											
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam	Quảng Nam	642.800	30,61%	30,61%	6.428.000.000	-	642.800	32,14%	32,14%	6.428.000.000	-
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh	Quảng Nam	400.000	20,00%	20,00%	4.000.000.000	(2.739.953.753)	400.000	20,00%	20,00%	4.000.000.000	(3.436.524.490)
					10.428.000.000	(2.739.953.753)				10.428.000.000	(3.436.524.490)

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị khác	30/6/2023				1/1/2023						
	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Bông vải Miền Trung	Khánh Hòa	65.000	7,12%	7,12%	855.702.000	(505.678.651)	65.000	7,12%	7,12%	855.702.000	(505.678.651)
Công ty Cổ phần Bao bì Hòa Thọ Quảng Đà	Quảng Nam	60.000	10,91%	10,91%	600.000.000	-	60.000	10,91%	10,91%	600.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dệt May TP. Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	630.000	14,00%	14,00%	6.300.000.000	(6.300.000.000)	630.000	14,00%	14,00%	6.300.000.000	(6.300.000.000)
					<u>7.755.702.000</u>	<u>(6.805.678.651)</u>				<u>7.755.702.000</u>	<u>(6.805.678.651)</u>
					<u>110.932.602.000</u>	<u>(9.545.632.404)</u>				<u>110.932.602.000</u>	<u>(10.242.203.141)</u>

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ do không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**10. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn**

	<b>30/6/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Motives International (Hong Kong) Limited	139.003.293.271	139.903.797.596
Haggar Clothing Co.	98.146.028.337	91.560.398.308
Các khách hàng khác	161.471.854.738	192.556.274.720
	<b>398.621.176.346</b>	<b>424.020.470.624</b>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng có giá trị ghi sổ là 32.972 triệu VND (1/1/2023: Không) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty (Thuyết minh 24(a)).

**(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan**

	<b>30/6/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty mẹ</b>		
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	231.798.040	159.181.030
<b>Các công ty con</b>		
Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ - Thăng Bình	5.884.700	-
Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ	6.836.981.580	967.686.893
<b>Bên liên quan khác</b>		
Công ty Cổ phần Dệt May Huế	2.356.900	-
	<b>7.077.021.220</b>	<b>1.126.867.923</b>

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả trong vòng 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**11. Phải thu về cho vay**

**(a) Phải thu về cho vay chi tiết theo đối tượng lớn**

	<b>30/6/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Bên liên quan - công ty liên kết</b>		
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh (*)	8.200.010.000	9.371.440.000
<b>Các bên khác</b>		
Phải thu ngắn hạn khác	-	994.100.000
	8.200.010.000	10.365.540.000

(\*) Khoản cho vay không có đảm bảo, hưởng lãi suất 10,0%/năm và sẽ được hoàn trả theo lịch trả nợ trong vòng 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là ngày 25 tháng 1 năm 2022.

**(b) Phải thu về cho vay phân loại theo kì hạn thanh toán**

	<b>30/6/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ngắn hạn	2.342.860.000	2.751.260.000
Dài hạn	5.857.150.000	7.614.280.000
	8.200.010.000	10.365.540.000

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Phải thu khác**

**(a) Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:**

	<b>30/6/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền lãi phải thu	2.706.018.293	-
Cổ tức phải thu	442.088.000	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	272.043.000	104.481.000
Tạm ứng nhân viên	616.135.872	1.001.992.550
Thuế nhập khẩu tạm nộp	849.127.175	1.207.210.507
Phải thu khác	2.062.420.903	1.596.346.127
	<hr/>	<hr/>
	6.947.833.243	3.910.030.184
	<hr/>	<hr/>

**(b) Các khoản phải thu dài hạn khác bao gồm:**

	<b>30/6/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ký quỹ	2.450.000.000	2.450.000.000
Đặt cọc thuê mặt bằng	429.270.545	587.166.545
	<hr/>	<hr/>
	2.879.270.545	3.037.166.545
	<hr/>	<hr/>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**13. Nợ xấu và nợ khó đòi**

	30/6/2023				1/1/2023			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Công ty TNHH Dịch vụ - Thương mại Duyên Đạt	Trên 3 năm	4.833.744.036	(4.833.744.036)	-	Trên 3 năm	4.833.744.036	(4.833.744.036)	-
Công ty TNHH May Phú Tương	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	-	-	-	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	2.880.547.450	(2.016.383.215)	864.164.235
		<u>4.833.744.036</u>	<u>(4.833.744.036)</u>	<u>-</u>		<u>7.714.291.486</u>	<u>(6.850.127.251)</u>	<u>864.164.235</u>
<i>Trong đó:</i>								
Dự phòng phải thu khó đòi			<u>(4.833.744.036)</u>				<u>(6.850.127.251)</u>	

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**14. Hàng tồn kho**

	30/6/2023		1/1/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	87.449.287.672	(6.511.190.105)	52.541.559.276	(3.003.582.802)
Nguyên vật liệu	178.092.165.276	(4.787.660.058)	268.221.295.749	(27.329.065.941)
Công cụ và dụng cụ	3.134.032.514	-	503.052.362	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	403.719.706.022	(1.024.554.712)	409.137.240.148	(3.305.586.963)
Thành phẩm	18.521.775.860	(910.332.337)	30.869.501.745	(5.515.052.190)
Hàng hóa	3.749.258.960	(695.668)	4.996.418.735	(9.072.423)
Hàng gửi đi bán	69.036.410.483	-	159.037.053.694	-
	<b>763.702.636.787</b>	<b>(13.234.432.880)</b>	<b>925.306.121.709</b>	<b>(39.162.360.319)</b>

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 có 111.827 triệu VND (1/1/2023: 176.055 triệu VND) hàng mua đang đi đường, nguyên vật liệu, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, thành phẩm và hàng hóa được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 666.580 triệu VND (1/1/2023: 711.182 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty (Thuyết minh 24(a)).

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

**Mẫu B 09a - DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**15. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu kỳ	397.526.170.195	1.034.001.268.465	82.131.066.923	8.435.544.924	101.120.162.600	1.623.214.213.107
Tăng trong kỳ	794.849.608	4.425.441.560	1.078.922.043	120.950.000	379.260.727	6.799.423.938
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	64.932.744	38.202.488.750	17.309.817	-	-	38.284.731.311
Phân loại lại	(2.038.695.707)	2.038.695.707	-	-	-	-
Thanh lý	-	(11.545.105.904)	(1.006.443.783)	-	(838.875.193)	(13.390.424.880)
Số dư cuối kỳ	396.347.256.840	1.067.122.788.578	82.220.855.000	8.556.494.924	100.660.548.134	1.654.907.943.476
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu kỳ	171.384.941.664	805.128.895.786	44.318.069.719	6.733.159.067	85.697.851.326	1.113.262.917.562
Khấu hao trong kỳ	10.417.947.837	32.991.069.324	4.073.006.622	322.079.472	3.078.657.779	50.882.761.034
Phân loại lại	(2.038.695.707)	2.038.695.707	-	-	-	-
Thanh lý	-	(11.545.105.904)	(1.006.443.783)	-	(838.875.193)	(13.390.424.880)
Số dư cuối kỳ	179.764.193.794	828.613.554.913	47.384.632.558	7.055.238.539	87.937.633.912	1.150.755.253.716
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu kỳ	226.141.228.531	228.872.372.679	37.812.997.204	1.702.385.857	15.422.311.274	509.951.295.545
Số dư cuối kỳ	216.583.063.046	238.509.233.665	34.836.222.442	1.501.256.385	12.722.914.222	504.152.689.760

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 có các tài sản có nguyên giá 799.813 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2023: 747.161 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 204.851 triệu VND (1/1/2023: 205.466 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Tổng Công ty (Thuyết minh 24).



16. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ	11.676.989.026
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	9.151.294.538
Khấu hao trong kỳ	388.305.653
Số dư cuối kỳ	9.539.600.191
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	2.525.694.488
Số dư cuối kỳ	2.137.388.835

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 7.402 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 (1/1/2023: 7.293 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**17. Xây dựng cơ bản dở dang**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Số dư đầu kỳ	13.816.482.196	14.352.120.576
Tăng trong kỳ	25.281.049.115	67.161.285.778
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(38.284.731.311)	(66.510.213.660)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	812.800.000	15.003.192.694
	<hr/>	<hr/>

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
	Thiết bị công nghệ thông tin	724.300.000
Máy móc thiết bị sợt	-	13.367.742.196
Các công trình khác	88.500.000	448.740.000
	<hr/>	<hr/>
	812.800.000	13.816.482.196
	<hr/>	<hr/>

**18. Chi phí trả trước**

**(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Trả trước phí bảo hiểm	594.307.410	2.574.658.590
Công cụ và dụng cụ	2.290.152.729	912.584.029
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	1.103.812.929	498.110.110
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	3.121.348.734	3.648.444.699
	<hr/>	<hr/>
	7.109.621.802	7.633.797.428
	<hr/>	<hr/>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Công cụ và dụng cụ VND</b>	<b>Chi phí trả trước dài hạn khác VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
Số dư đầu kỳ	13.810.386.145	20.148.946.275	33.959.332.420
Tăng trong kỳ	3.211.969.364	7.496.507.853	10.708.477.217
Thanh lý	(15.105.901)	-	(15.105.901)
Phân bổ trong kỳ	(4.366.153.682)	(3.556.987.605)	(7.923.141.287)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>12.641.095.926</b>	<b>24.088.466.523</b>	<b>36.729.562.449</b>

**19. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	<b>Thuế suất</b>	<b>30/6/2023 VND</b>	<b>1/1/2023 VND</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	20%	2.464.680.975	6.727.647.141

**20. Phải trả người bán ngắn hạn**

**(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn**

	<b>Giá gốc và số có khả năng trả nợ 30/6/2023 VND</b>	<b>1/1/2023 VND</b>
Hultafors Group AB	15.065.463.375	41.205.311.087
Kwong Lung Enterprise Co., Ltd	5.041.906.263	12.736.138.715
Các nhà cung cấp khác	166.147.174.524	187.907.332.560
	<b>186.254.544.162</b>	<b>241.848.782.362</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
<b>Công ty mẹ</b>		
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	5.322.992.963	5.023.685.489
<b>Công ty con</b>		
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ Hội An	8.038.954.536	4.153.784.843
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Duy Xuyên	2.694.543.693	3.465.355.989
Công ty TNHH MTV Cơ khí Xây dựng Hòa Thọ	547.318.842	607.009.382
<b>Công ty liên kết</b>		
Công ty Cổ phần May Hoà Thọ - Quảng Nam	9.107.494.155	18.462.790.590
<b>Các bên liên quan khác</b>		
Công ty Cổ phần Dệt May Huế	13.695.496	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thiên Tín – công ty có người quản lý chủ chốt là thành viên gia đình thân cận của một người quản lý chủ chốt của Tổng Công ty	722.796.245	161.737.569
	26.447.795.930	31.874.363.862

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng từ 30 ngày đến 180 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**21. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước**

**(a) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	1/1/2023	Số phát sinh	Phân loại lại	30/6/2023
	VND	trong kỳ	VND	VND
Thuế đất phi nông nghiệp	4.265.704	-	-	4.265.704

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2023 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp/bù trừ trong kỳ VND	30/6/2023 VND
Thuế giá trị gia tăng	2.800.507.515	57.187.166.325	(39.724.662.804)	20.263.011.036
Thuế nhập khẩu	56.980.038	2.217.590.632	(2.273.379.197)	1.191.473
Thuế thu nhập doanh nghiệp	29.548.865.542	13.436.002.275	(30.290.427.702)	12.694.440.115
Thuế thu nhập cá nhân	730.343.994	7.068.091.882	(5.463.760.594)	2.334.675.282
Các loại thuế khác	-	2.661.155.648	(233.790.704)	2.427.364.944
	<b>33.136.697.089</b>	<b>82.570.006.762</b>	<b>(77.986.021.001)</b>	<b>37.720.682.850</b>

**22. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Chi phí hoạt động	3.550.214.368	3.738.602.057
Chi phí lãi vay	289.429.592	273.801.697
Chi phí tiền điện, nước	2.366.433.339	134.396.575
Các khoản trích trước khác	541.255.908	629.409.836
	<b>6.747.333.207</b>	<b>4.776.210.165</b>

**23. Phải trả ngắn hạn khác**

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Kinh phí công đoàn	16.676.168.357	15.063.335.443
Cổ tức phải trả	1.506.242.600	1.034.694.600
Quỹ ái hữu, quỹ tương trợ	-	832.771.781
Ứng trước từ khách hàng cho các khoản chi hộ	2.934.652.318	2.506.906.124
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.353.946.427	3.820.159.266
	<b>25.471.009.702</b>	<b>23.257.867.214</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Vay	(a) Vay ngắn hạn	1/1/2023		Biến động trong kỳ		30/6/2023	
		Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	
	Vay ngắn hạn	466.866.623.048	1.714.064.164.444	(1.624.486.864.627)	4.568.174.186	561.012.097.051	
	Vay dài hạn đến hạn trả (b)	16.289.071.080	8.335.414.282	(8.082.962.129)	8.272.105	16.549.795.338	
		483.155.694.128	1.722.399.578.726	(1.632.569.826.756)	4.576.446.291	577.561.892.389	

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Vay ngân hàng 1 (i)	USD	3,0 - 3,2%	316.579.787.425	315.182.355.128
Vay ngân hàng 2 (i)	USD	3,2%	49.193.694.200	58.616.896.720
Vay ngân hàng 3 (i)	USD	3,2%	52.600.739.050	-
Vay ngân hàng 4 (i)	USD	3,2%	59.395.545.413	-
Vay ngân hàng 5 (i)	USD	2,1% - 2,2%	-	44.392.085.507
Vay ngân hàng 6 (i)	USD	3,2% - 3,3%	82.972.330.963	48.375.285.693
Vay Ban liên lạc hưu trí (ii)	VND	9%	270.000.000	300.000.000
			561.012.097.051	466.866.623.048

(i) Các khoản vay này được đảm bảo bằng hợp đồng bảo hiểm gửi có kỳ hạn (Thuyết minh số 9(a)), một số khoản phải thu khách hàng (Thuyết minh số 10(a)), một số hàng tồn kho (Thuyết minh 14) và tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty (Thuyết minh 15).

(ii) Các khoản vay này không được đảm bảo.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Vay dài hạn**

	<b>30/6/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vay dài hạn	225.786.771.101	233.546.662.047
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(16.549.795.338)	(16.289.071.080)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	209.236.975.763	217.257.590.967

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2023	1/1/2023
				<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vay ngân hàng (i)	VND	5,5%	2024	15.000.000.000	20.000.000.000
Quỹ bảo vệ môi trường (i)	VND	2,6%	2025	3.410.000.000	4.030.000.000
Tập đoàn Dệt May Việt Nam – Công ty mẹ (ii)	USD	SOFR + 0,7%	2039	207.376.771.101	209.516.662.047
				225.786.771.101	233.546.662.047
				225.786.771.101	233.546.662.047

- (i) Các khoản vay này được đảm bảo bằng một số hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn của Tổng Công ty (Thuyết minh 9(a)).
- (ii) Đây là khoản vay được Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho vay lại từ nguồn vốn vay của Ngân hàng Phát triển Châu Á (“ADB”) có hạn mức là 9.042.587 USD và được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty (Thuyết minh 15).

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	67.142.801.342	68.752.372.828
Trích lập trong kỳ	19.740.438.562	9.854.162.569
Tăng khác	21.639.419	56.290.577
Sử dụng trong kỳ	(7.922.722.227)	(9.191.982.506)
Số dư cuối kỳ	78.982.157.096	69.470.843.468

**26. Người mua trả tiền trước dài hạn**

Khoản người mua trả trước dài hạn từ Motives International (Hong Kong) Limited (“Motives”) được dùng để Tổng Công ty đầu tư dây chuyền thiết bị mở rộng sản xuất nhằm đáp ứng nhu cầu của Motives. Theo thỏa thuận ngày 25 tháng 4 năm 2015 và phụ lục ngày 3 tháng 1 năm 2022, số tiền ứng trước này được cần trừ dần với tiền mua hàng Motives phải trả cho Tổng Công ty kể từ năm 2017 đến năm 2025.



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a - DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**27. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022</b>	236.250.000.000	137.428.205.782	207.065.692.866	580.743.898.648
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	119.598.644.172	119.598.644.172
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	34.722.323.621	(34.722.323.621)	-
Cổ tức bằng cổ phiếu (Thuyết minh 30)	63.780.750.000	-	(63.780.750.000)	-
Cổ tức (Thuyết minh 30)	-	-	(23.625.000.000)	(23.625.000.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(9.854.162.569)	(9.854.162.569)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2022</b>	300.030.750.000	172.150.529.403	194.682.100.848	666.863.380.251
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023</b>	300.030.750.000	172.150.529.403	336.317.708.366	808.498.987.769
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	85.598.763.788	85.598.763.788
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	26.475.363.128	(26.475.363.128)	-
Cổ tức bằng cổ phiếu (Thuyết minh 30)	59.996.330.000	-	(59.996.330.000)	-
Cổ tức (Thuyết minh 30)	-	-	(120.012.300.000)	(120.012.300.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(19.740.438.562)	(19.740.438.562)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2023</b>	360.027.080.000	198.625.892.531	195.692.040.464	754.345.012.995

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**28. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	30/6/2023		1/1/2023	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	36.002.708	360.027.080.000	30.003.075	300.030.750.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	36.002.708	360.027.080.000	30.003.075	300.030.750.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	36.002.708	360.027.080.000	30.003.075	300.030.750.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Vốn cổ phần đã phát hành và đang lưu hành của các cổ đông như sau:

	30/6/2023		1/1/2023	
	Số cổ phiếu	Đã phát hành và đang lưu hành VND	%	Đã phát hành và đang lưu hành VND
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	22.274.205	222.742.050.000	61,87%	185.618.380.000
Các cổ đông khác	13.728.503	137.285.030.000	38,13%	114.412.370.000
	36.002.708	360.027.080.000	100%	300.030.750.000

Công ty mẹ, Tập đoàn Dệt May Việt Nam, được thành lập tại Việt Nam.

Biến động vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày			
	30/6/2023		30/6/2022	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu kỳ	30.003.075	300.030.750.000	23.625.000	236.250.000.000
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	5.999.633	59.996.330.000	6.378.075	63.780.750.000
Số dư cuối kỳ	36.002.708	360.027.080.000	30.003.075	300.030.750.000

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**29. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**30. Cổ tức**

Tại cuộc họp ngày 15 tháng 4 năm 2023, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức bằng tiền trị giá 120.012 triệu VND (tương đương tỷ lệ chia 40%/vốn điều lệ) và cổ tức bằng cổ phiếu trị giá 59.996 triệu VND (tương đương tỷ lệ chia 20%/vốn điều lệ) cho năm 2022 (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022: cổ tức bằng tiền trị giá 23.625 triệu VND (tương đương tỷ lệ chia 10%/vốn điều lệ) và cổ tức bằng cổ phiếu trị giá 63.780 triệu VND (tương đương tỷ lệ chia 27%/vốn điều lệ) cho năm 2021).

**31. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Trong vòng một năm	26.389.325.947	27.707.500.628
Trong vòng hai đến năm năm	105.487.795.099	106.297.912.629
Sau năm năm	134.479.238.836	145.951.449.554
	266.356.359.882	279.956.862.811

**(b) Ngoại tệ các loại**

	30/6/2023		1/1/2023	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	537.996	12.599.240.248	56.757	1.328.445.938

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty có các cam kết vốn các dự án đầu tư sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán riêng:

	<b>30/6/2023</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2023</b> <b>VND</b>
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	256.500.000.000	43.100.000.000
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	-	5.742.000.000
	<hr/> 256.500.000.000	<hr/> 48.842.000.000

**32. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2023</b> <b>VND</b>	<b>30/6/2022</b> <b>VND</b>
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu bán hàng và gia công hàng may mặc	2.163.533.327.703	2.360.953.244.663
▪ Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	2.916.297.432	2.487.628.464
	<hr/> 2.166.449.625.135	<hr/> 2.363.440.873.127
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	(1.821.604.478)	-
▪ Hàng bán bị trả lại	(323.617.837)	(110.489.859)
	<hr/> (2.145.222.315)	<hr/> (110.489.859)
Doanh thu thuần	<hr/> 2.164.304.402.820	<hr/> 2.363.330.383.268

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**33. Giá vốn hàng bán**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2023</b>	<b>30/6/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn hàng hóa và dịch vụ gia công và may mặc	2.009.193.371.814	2.119.286.048.280
Giá vốn dịch vụ khác	1.884.963.650	1.222.793.095
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(25.927.927.439)	(154.235.859)
	<hr/>	<hr/>
	1.985.150.408.025	2.120.354.605.516
	<hr/>	<hr/>

**34. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2023</b>	<b>30/6/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi, cho vay và ứng trước	5.818.876.523	2.079.681.983
Cổ tức được chia	5.927.838.000	8.902.600.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	28.393.083.910	24.522.875.401
Doanh thu hoạt động tài chính khác	17.885.125	3.633.014
	<hr/>	<hr/>
	40.157.683.558	35.508.790.398
	<hr/>	<hr/>

**35. Chi phí tài chính**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2023</b>	<b>30/6/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	15.235.530.299	6.988.144.664
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.897.856.407	5.705.341.399
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3.501.592.862	6.981.643.582
Hoàn nhập dự phòng giảm giá tổn thất đầu tư	(696.570.737)	(15.741.794)
	<hr/>	<hr/>
	25.938.408.831	19.659.387.851
	<hr/>	<hr/>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**36. Chi phí bán hàng**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Chi phí nhân viên	2.155.447.982	2.031.801.832
Chi phí vật liệu, bao bì	292.556.941	311.667.990
Chi phí khấu hao tài sản cố định	474.171.118	490.255.248
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.613.675.167	41.875.977.295
Chi phí khác	6.884.362.776	7.066.634.331
	30.420.213.984	51.776.336.696

**37. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Chi phí nhân viên	31.862.006.531	29.684.988.810
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.235.429.022	4.759.818.214
Thuế, phí và lệ phí	3.337.786.972	6.494.746.973
(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	(2.016.383.215)	176.297.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.831.048.222	10.329.120.194
Chi phí khác	12.097.552.828	12.390.986.128
	60.347.440.360	63.835.957.319

**38. Thu nhập khác**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Lãi do thanh lý tài sản cố định	288.830.593	671.227.194
Tiền phạt, bồi thường, thưởng nhận được	4.731.199.438	1.727.805.548
Các khoản thu nhập khác	498.313.770	1.456.433.352
	5.518.343.801	3.855.466.094

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**39. Chi phí khác**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Tiền phạt hợp đồng, chậm nộp thuế	4.255.168.588	4.906.625
Các khoản chi phí khác	571.058.162	691.668.147
	4.826.226.750	696.574.772

**40. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	1.121.511.011.018	1.184.914.103.070
Chi phí nhân viên	548.289.542.737	657.733.002.891
Chi phí khấu hao và phân bổ	51.271.066.687	51.798.597.158
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	247.154.383.109	313.035.558.214
	1.968.226.003.551	2.247.481.261.333

**41. Thuế thu nhập**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Ký hiện hành	12.694.440.115	26.773.133.434
Dự phòng thiếu trong những năm trước	741.562.160	-
	13.436.002.275	26.773.133.434
<b>Chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoãn nộp các khoản chênh lệch tạm thời	4.262.966.166	-
	17.698.968.441	26.773.133.434



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	103.297.732.229	146.371.777.606
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	20.659.546.446	29.274.355.521
Chi phí không được khấu trừ thuế	289.952.036	337.243.424
Thu nhập không bị tính thuế	(1.185.567.600)	(1.780.520.000)
Chênh lệch tạm thời không được ghi nhận	(2.457.921.201)	(1.057.945.511)
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	741.562.160	-
Giảm thuế (*)	(348.603.400)	-
	17.698.968.441	26.773.133.434

(\*) Tổng Công ty được giảm thuế theo quy định tại Điều 21, Thông tư 78/2014/TT-BTC hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp. Theo đó, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, xây dựng, vận tải sử dụng từ 10 đến 100 lao động nữ, trong đó số lao động nữ chiếm trên 50% tổng số lao động nữ có mặt thường xuyên hoặc sử dụng thường xuyên trên 100 lao động nữ mà số lao động nữ chiếm trên 30% tổng số lao động có mặt thường xuyên của doanh nghiệp được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tương ứng với số tiền thực chi thêm cho người lao động nữ.

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản của Luật Thuế thu nhập Doanh nghiệp, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**42. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ, Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch cho	
	kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
<b>Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam</b>		
Cổ tức công bố và đã trả	74.247.352.000	14.615.621.000
Cổ tức trả bằng cổ phiếu	37.123.670.000	39.462.170.000
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.075.751.455	1.194.684.759
Mua hàng hóa và dịch vụ	8.283.352.320	8.300.451.170
Chi phí lãi vay	6.966.074.591	1.855.039.474
Mua tài sản cố định	-	32.600.000.000
<b>Các công ty con</b>		
<b>Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	7.319.990.789	1.939.643.555
Mua hàng hóa và dịch vụ	5.045.559.410	341.970.414
Thu nhập cổ tức	442.088.000	-
<b>Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Hội An</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	955.907.170	583.897.307
Mua hàng hóa và dịch vụ	30.457.786.442	27.471.790.198
Cổ tức nhận được thông qua bù trừ công nợ	541.800.000	-
<b>Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Duy Xuyên</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	412.835.780	148.737.480
Mua hàng hóa và dịch vụ	27.825.725.794	29.358.538.743
Cổ tức nhận được thông qua bù trừ công nợ	408.650.000	-
<b>Công ty TNHH MTV Cơ khí Xây dựng Hòa Thọ</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	108.540.704	7.381.471
Mua hàng hóa và dịch vụ	3.743.495.274	1.748.434.719
<b>Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ - Thành Bình</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	18.696.726.223	22.778.293.328
Mua hàng hóa và dịch vụ	-	3.020.567.760
Cổ tức nhận được bằng tiền	3.724.500.000	7.449.000.000
Bán tài sản cố định	-	3.500.000.000

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch cho	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
<b>Các công ty liên kết</b>		
<i>Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh</i>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	890.649.263	578.023.242
Mua hàng hóa và dịch vụ	47.459.890.566	45.639.919.086
Cho vay	-	5.055.440.000
Nhận hoàn trả gốc cho vay	1.171.430.000	-
Thu nhập lãi cho vay và ứng trước	566.697.640	267.292.070
<i>Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam</i>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	195.605.997	282.518.169
Mua hàng hóa và dịch vụ	42.816.160.711	48.819.297.093
Cổ tức nhận được thông qua bù trừ công nợ	642.800.000	1.285.600.000
<b>Các bên liên quan khác</b>		
<i>Công ty Cổ phần Dệt May Huế</i>		
Bán hàng hóa	42.007.929	129.818.201
Mua hàng hóa và dịch vụ	19.737.359	-
<i>Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thiên Tín</i>		
Mua dịch vụ	3.346.602.298	2.153.013.770
<b>Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi của người quản lý chủ chốt</b>		
<i>Tổng Giám đốc</i>		
Tiền lương và thưởng	1.412.010.574	1.109.489.264
<i>Thành viên khác trong Ban điều hành</i>		
Tiền lương và thưởng	6.588.898.136	5.750.305.006
<i>Thành viên Ban kiểm soát</i>		
Tiền lương, thưởng và thù lao	313.807.407	246.578.512
<i>Chủ tịch Hội đồng Quản trị</i>		
Thù lao và thưởng	1.773.185.512	1.454.485.507
<i>Thành viên 1 của Hội đồng Quản trị</i>		
Thù lao	46.666.662	33.333.330
<i>Thành viên 2 của Hội đồng Quản trị</i>		
Thù lao	46.666.662	33.333.330

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch cho	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
<i>Thành viên 3 của Hội đồng Quản trị</i> Thù lao và thưởng	199.999.999	188.888.887
<i>Thành viên 4 của Hội đồng Quản trị</i> Thù lao	46.666.662	33.333.330

**43. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Cổ tức trả bằng cổ phiếu	59.996.330.000	63.780.750.000
Cổ tức nhận được thông qua bù trừ công nợ	1.593.250.000	1.285.600.000
Cổ tức trả thông qua bù trừ công nợ	1.415.432.000	-
Lãi cho vay, ứng trước nhận được thông qua bù trừ công nợ	567.879.125	-

**44. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trên bảng cân đối kế toán riêng và các thuyết minh liên quan tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 được mang sang từ số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022. Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và các thuyết minh liên quan được mang sang từ số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.



Ngày 10 tháng 8 năm 2023

Người lập:

Phạm Anh Thảo  
 Chuyên viên

Người duyệt:

Nguyễn Thị Tường Long  
 Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hải  
 Tổng Giám đốc





**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN  
DỆT MAY HÒA THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 499/HT-THPC

Đà Nẵng, ngày 8 tháng 8 năm 2023

## **BÁO CÁO VỀ NHỮNG TRANH CHẤP PHÁP LUẬT**

**Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM**

Tổ chức đăng ký niêm yết: Tổng Công ty cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Tên tiếng Anh: Hoa Tho Textile – Garment Joint Stock Corporation

Tên viết tắt: Hoa Tho Corporation

Địa chỉ Trụ sở chính: 36 Ông Ích Đường, phường Hòa Thọ Đông, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng

Điện thoại: 02363 846290

Fax: 02363 846216

Website: <https://www.hoatho.com.vn/>

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0400101556 do Sở Kế hoạch đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 30 tháng 01 năm 2007, cấp thay đổi lần thứ 24 ngày 19 tháng 06 năm 2023

Tổng Công ty cổ phần Dệt May Hòa Thọ báo cáo về những tranh chấp pháp luật như sau:

- Căn cứ Bản án số 01/2019/KDTM-ST ngày 15/01/2019 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ - Thành phố Đà Nẵng về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa giữa nguyên đơn là Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ và bị đơn là Công ty TNHH Dịch vụ - Thương mại Duyên Đạt. Theo đó, Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng đã tuyên bố Chấp nhận yêu cầu tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ đối với Công ty TNHH Dịch vụ - Thương mại Duyên Đạt và xử: Buộc Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Duyên Đạt phải có nghĩa vụ trả cho Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ số tiền 5.560.066.530 đồng (Năm tỷ năm trăm sáu mươi triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn năm trăm ba mươi đồng), trong đó tiền nợ 4.833.744.036 đồng, lãi là 726.322.494 đồng.

- Tuy nhiên, do Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Duyên Đạt không có khả năng chi trả theo bản án nên Tổng Công ty cổ phần Dệt may Hòa Thọ đã có đơn khởi kiện Ông Lê Tiến Đức (CCCD số 079066001631) và vợ là bà Huỳnh Thị Mỹ Dung (CCCD số 049175000055) (có ký hợp đồng bảo lãnh tài sản riêng để thực hiện nghĩa vụ thanh toán số dư nợ phát sinh của hợp đồng kinh tế mua bán hàng hóa giữa Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ và Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Duyên Đạt); yêu cầu Tòa án nhân dân quận 7, thành phố Hồ Chí Minh giải quyết buộc ông Lê Tiến Đức và bà Huỳnh Thị Mỹ Dung thực hiện nghĩa vụ của bên bảo lãnh. Trong trường hợp ông Lê Tiến Đức và bà Huỳnh Thị Mỹ Dung không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, chúng tôi yêu cầu Tòa Án tuyên phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ gốc và tiền lãi phát sinh cho đến khi thi hành xong bản án.

Đến thời điểm hiện nay, tòa án đang trong quá trình thụ lý đơn khởi kiện.



Chúng tôi cam đoan những thông tin trong báo cáo này và các tài liệu đính kèm là đầy đủ, chính xác và cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

Đà Nẵng, ngày 11 tháng 02 năm 2023

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY HÒA THỌ**

Đại diện theo pháp luật

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



*Nguyễn Văn Hải*

